

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

社會科學通訊院



HỘI THẢO QUỐC TẾ
CƠ SỞ DỮ LIỆU KHO TRUNG QUỐC CỔ:
TIỀM NĂNG KHAI THÁC GIÁ TRỊ KHOA HỌC

國際學術研討會

中國古籍資源庫:展望與學術價值

HÀ NỘI - 2023

MỤC LỤC

❖	Kho sách Trung Quốc cổ” tại Thư viện Khoa học xã hội: Khởi nguyên, ảnh hưởng, và sự hình thành Hán học hiện đại ở Việt Nam	3
	<i>TS. Nguyễn Nam</i>	
❖	社会科学信息研究所图书馆 “中国古籍库”: 越南现代汉学的起源、影响和形成	19
	<i>教授、博士. 阮南</i>	
❖	Bộ đại tạng thư <i>Vũ Lâm chương cổ tụng luận</i>	35
	<i>GS.TS. Đinh Khắc Thuân</i> <i>TS. Đinh Mỹ Linh</i>	
❖	〈《四書大全》的越南流傳初探〉	47
	<i>許怡齡</i>	
❖	Nghiên cứu sách cổ: “Thủy nguyệt trai chỉ nguyệt lục” - Thư tịch cổ tại Di thân vương phủ	65
	<i>TS. Lí Quý Dân</i>	
❖	古籍鉤沉：怡親王府藏《水月齋指月錄》善本	77
	<i>博士。李貴民</i>	
❖	Cuốn sách <i>Giao Chỉ danh xưng khảo</i>	89
	<i>NCS. Quãn Hạo</i>	
❖	《交趾名称考》：见证陈荆和与远东学院之间的渊源	95
	<i>管浩</i>	
❖	Sơ bộ tìm hiểu lai lịch bộ <i>Việt Kiệu thư</i> hiện lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội	99
	<i>PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng</i>	
❖	<i>Cổ kim đồ thư tập thành</i> - Một bộ “bách khoa toàn thư” của Trung Quốc trong kho sách Trung Quốc cổ thuộc Viện Thông tin KHXH	107
	<i>Nguyễn Văn Nguyên</i>	
❖	《古今图书集成》——中国的社会科学信息研究所古籍库的“百科全书”	123
	<i>Nguyen Van Nguyen</i>	
❖	“Ngọc bích họ Hòa”: Hiện trạng và phương hướng bảo tồn, khai thác, phát huy kho sách Trung Quốc cổ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội	135
	<i>TS. Nguyễn Tô Lan</i>	

❖	Bộ từng thư đồ sộ <i>Bại hải</i> thời Minh tại kho Trung Quốc cổ, Viện Thông tin Khoa học xã hội <i>TS. Phan Thanh Hoàng</i>	153
❖	Một vài nét về vốn tư liệu có chủ đề ngôn ngữ trong kho sách Trung Quốc cổ tại thư viện KHXH <i>TS. Nguyễn Thị Hiền</i>	169
❖	Giới thiệu các văn bản <i>Trảm quỷ truyện</i> hiện lưu trữ tại kho sách Trung Quốc cổ Thư viện KHXH, Viện Thông tin Khoa học xã hội <i>NCS. Trịnh Thùy Dương</i>	185
❖	<i>Chính thống Đạo tạng</i> tại Viện Thông tin Khoa học xã hội-Bộ <i>Đạo tạng</i> duy nhất hiện tồn tại ở thư viện công Việt Nam <i>NCS. Nguyễn Xuân Bảo</i>	197
❖	Giới thiệu các sách tư liệu về Lịch sử và Địa lý Việt Nam trong kho ký hiệu TQC của Viện Thông tin KHXH <i>NCS. Bùi Quốc Linh</i>	211
❖	Bước đầu khảo sát các sách thuộc chủ đề Thiên văn - Lịch pháp trong kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội <i>ThS. Phạm Vũ Lộc</i>	223
❖	Cơ sở dữ liệu Kho Trung Quốc cổ tại Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam <i>Nguyễn Văn Hội</i>	243
❖	Giới thiệu bộ Thanh nghị báo toàn biên tại Thư viện KHXH, Viện Thông tin KHXH <i>ThS. Nguyễn Văn Thịnh</i> <i>ThS. Nguyễn Thu Trang</i>	253
❖	Xây dựng CSDL kho tài liệu Trung Quốc cổ áp dụng các chuẩn nghiệp vụ quốc tế <i>ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga</i>	261
❖	建立中国古文献数据库应用国际专业标准 <i>硕士. 阮氏翠娥</i>	269
❖	Công tác bảo quản tài liệu Kho Trung Quốc cổ tại Viện Thông tin KHXH <i>Nguyễn Thu Phương</i> <i>ThS. Nguyễn Thu Trang</i>	277

“KHO SÁCH TRUNG QUỐC CỔ” TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI: KHỞI NGUYÊN, ẢNH HƯỞNG, VÀ SỰ HÌNH THÀNH HÁN HỌC HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Nam¹

Như tựa đề đã nêu rõ, bài viết tập trung tìm hiểu “Kho sách Trung Quốc cổ” tại Thư viện Khoa học xã hội. Có thể thấy rõ, sách là nền tảng và khởi nguồn của khoa học, và khi tìm hiểu về kho sách cổ này chúng ta cũng hiểu rằng đây không chỉ đơn thuần là câu chuyện về sách, mà còn là một cố gắng trong việc phục dựng những bước khởi đầu của Hán học hiện đại ở Việt Nam trên nền tảng học thuật và thư tịch do Trường Viễn Đông Bác cổ kiến lập. Theo kết quả kiểm kê năm 1997, kho tư liệu quý “sách Trung Quốc cổ”² hiện đang lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội (thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội, ISSI) có trữ lượng 4.445 tựa sách (với 30.852 quyển)³, kế thừa từ Thư viện Viện Viễn Đông Bác cổ (École française d’Extrême-Orient, EFEO), vốn được thu thập “từ các chuyến đi công tác của các thành viên EFEO: Paul PELLISOT, Edouard HUBER, Léonard AUROUSSEAU, P. DEMIÉVILLE”⁴. Tuy những thông tin hiện có trong các bài viết của tác giả Ngô Thế Long, Trần Xuân Hiến, Nguyễn Thị Minh Trung⁵ đã cung cấp một cái nhìn tổng quan, sơ bộ về việc hình thành và trữ lượng của kho tư liệu, nhưng vẫn còn nhiều điều cần làm rõ để có thể thấy hết ý nghĩa lịch

¹ TS. Đại học Fulbright Việt Nam.

² “Sách Trung Quốc cổ” là tên gọi được hiện đang được sử dụng tại Thư viện Khoa học xã hội để chỉ bộ sưu tập thư tịch Trung Hoa mà EFEO đã dày công sưu tập: đó “là từ gọi theo thói quen, mang hai hàm nghĩa: thứ nhất, phần lớn là sách được công bố từ thời Cách mạng Tân Hợi (1911), chủ yếu từ thời Càn Long (1736-1795) nhà Thanh về trước và, thứ hai, về mặt ngôn ngữ, nói chung được viết bằng Hán ngữ cổ (tức là Văn ngôn, phân biệt với Bạch thoại là Hán ngữ hiện đại)” (Xem: Trần Xuân Hiến, “Kho sách Trung Quốc cổ”, trong Hồ Sĩ Quý, Vương Toàn (chủ biên, 2011), *Thư viện Khoa học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 115).

³ Trần Xuân Hiến, “Kho sách Trung Quốc cổ”, trong Hồ Sĩ Quý, Vương Toàn (chủ biên, 2011), *Thư viện Khoa học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 116.

⁴ Ngô Thế Long (2011), “Học viện Viễn Đông Bác cổ và Thư viện của Học viện”, trong: Hồ Sĩ Quý, Vương Toàn (chủ biên, 2011), *Thư viện Khoa học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 34; Xem thêm: Ngô Thế Long (2016), “Thư viện của Học viện Viễn Đông Bác cổ”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, 403 (7/2016), tr. 10-17.

⁵ Xem: Nguyễn Thị Minh Trung (2018), “Một số giá trị văn hóa của kho tư liệu Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 5 (73), tháng 9/2018, tr. 55-59.

sử, tầm quan trọng học thuật, và giá trị tư liệu đặc biệt của nó. Mặt khác, dầu đây là kho tư liệu quý hiếm, nhưng do những điều kiện chính trị - ngoại giao khách quan, rất tiếc là cho đến nay nó vẫn chưa được mở ra cho giới nghiên cứu trong và ngoài nước tham khảo. Tham luận này là một cố gắng nhằm phục dựng lịch sử hình thành kho sách Trung Hoa của EFEO như là nền tảng tri thức cho việc hình thành Hán học hiện đại ở Việt Nam và khu vực Đông Dương, nhằm nêu bật giá trị lịch sử - khoa học của bộ sưu tập thư tịch đặc biệt và quý giá này. Trên cơ sở đó, tham luận đề xuất hướng khai thác và sử dụng tích cực kho tư liệu này cho mục đích khoa học quốc gia và toàn cầu.

1. Kho sách Trung Quốc cổ và sự ra đời của Hán học hiện đại ở Việt Nam

1.1. Viện Viễn Đông Bác cổ tại Hà Nội: Xây dựng nền tảng nghiên cứu Trung Quốc

Các tư liệu quản lý - điều hành (Documents administratifs) được công bố đều đặn trên các số của *Tập san Viện Viễn Đông Bác cổ* (*Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient*, BEFEO) cung cấp nhiều thông tin quan trọng về việc xây dựng EFEO nói chung và Kho sách Trung Quốc nói riêng. Ngoài ra, nhân kỷ niệm 20 năm thành lập, đặc san số 21 (năm 1921) dày hơn 400 trang đã tập trung thống kê các thành tựu nghiên cứu, điền dã cũng như tổ chức khoa học mà EFEO đã hoàn tất trong hai thập kỷ. Với những tài liệu này, ta có thể hình dung được phần nào việc xây dựng bộ sưu tập sách Trung Quốc của EFEO từ những năm đầu của thế kỷ trước.

Sự phát triển ngành Hán học (Sinologie) ở Pháp liên quan mật thiết đến việc thiết lập lĩnh vực nghiên cứu này tại EFEO. Phân tổng quan về nghiên cứu Trung Quốc (“Chine”) như một bộ phận hữu cơ của EFEO trong đặc san kỷ niệm 20 năm đã mở đầu với đoạn giới thiệu về những bước tiên khởi của Hán học với tư cách một chuyên ngành bậc đại học ở Pháp từ đầu thế kỷ XIX:

“Chính tại Pháp, sau Đế chế¹, các nghiên cứu Hán học, được khai phát vào thế kỷ XVIII bởi các tu sĩ Dòng Tên người Pháp, lần đầu tiên được thành lập như một chuyên ngành bậc đại học. Việc tạo ra một vị trí giảng dạy về ngôn ngữ và văn học Trung Quốc và Tartar-Mãn Châu tại College de France (1814) đã giúp [nhà Hán học] Abel Rémusat [1788-1832] thiết lập một trường phái ngữ văn Trung

¹ Ý nói Đế Nhất đế chế của Napoléon Bonaparte (1804-1814).

Quốc thực sự, mà người kế nhiệm ông là Stanislas Julien [1797-1873] là đại diện sáng giá nhất”¹.

Tiếp nối bước phát triển học thuật quan trọng này, EFEO đã đưa ngành khoa học tuy còn non trẻ nhưng quan trọng và nhiều triển vọng này đến Việt Nam. Thành lập với tên EFEO ở Sài Gòn (năm 1900) rồi sau đó chuyển ra Hà Nội (năm 1902), ngay từ đầu, Viện đã xác định *tầm quan trọng của Hán học và xem đó là một trong những nhiệm vụ học thuật trọng yếu của mình*:

“Tựu trung, về Hán học, một vai trò được xác định rõ ràng đã được giao cho Viện Viễn Đông Pháp ngay từ khi thành lập: ở một đất nước trong vùng văn hóa Trung Hoa, gần Trung Quốc, Viện phải trình hiện được một truyền thống khoa học thuần túy vốn cho đến nay mới chỉ có thể tự khẳng định ở Pháp; lần đầu tiên cho phép các chuyên gia được tiếp xúc lâu dài với đối tượng nghiên cứu của họ; và cuối cùng, tập hợp các nỗ lực và do đó góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của nghiên cứu Trung Quốc theo đường hướng mà Edouard Chavannes [1865-1918] đã chỉ ra”².

Đoạn trích tuy ngắn nhưng đã cho phép chúng ta nhận ra những tiêu điểm trọng yếu trong bước khởi đầu của Hán học hiện đại ở Việt Nam. *Một là*, các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Hán học mới, được hình thành trong hệ thống đại học ở Pháp, sẽ được giới thiệu và thực hành như “một truyền thống khoa học thuần túy” ở Việt Nam - một đất nước nằm trong vùng văn hóa Trung Hoa, kề cận Trung Quốc. Chính từ bối cảnh này sẽ hiện lộ điểm tương tự và khác biệt giữa những cách hiểu - nhìn nhận cổ xưa (tồn tại ở Trung Quốc và các nước láng giềng Đông Á) với cách tiếp cận hiện đại (được xác lập ở Pháp) về cùng một đối tượng là nền văn hóa Trung

¹ “Chine”, *BEFEO* 21 (1921), p. 347.

² Như trên. Edouard Chavannes là một trong những người xây dựng nền tảng và phát triển Hán học ở nước Pháp trên bình diện liên ngành. Noël Péri đã đánh giá rất cao về ông trong bài cáo phó đăng trên *BEFEO* năm 1918: “Cái chết của Edouard Chavannes, vào ngày 29 tháng 1 năm 1918, không chỉ là niềm thương tiếc với các nhà Hán học mà còn với tất cả những nhà Viễn Đông học trên khắp thế giới. Là người kế tục của Rémusat và Julien, ông đã vượt qua các bậc thầy của mình và thậm chí còn đưa danh tiếng của khoa học Pháp trong ngành nghiên cứu này lên cao hơn họ, và trên hết, nhờ ông mà tính ưu việt của ngành nghiên cứu này là không thể tranh cãi. Ông có uy tín lớn ở nước ngoài cũng như ở Pháp; uy tín này lan toả đến tận Trung Quốc và Nhật Bản, nơi ông được biết đến và đánh giá cao bởi các học giả hàng đầu của thời đại chúng ta”. (*BEFEO* 18 (1918), tr. 73). Tương tự, giới Đông phương học Hoa Kỳ cũng công nhận: “Tầm quan trọng của công trình của Chavannes dựa trên thực tế rằng ông không chỉ đơn thuần là một nhà Hán học theo nghĩa hẹp, lỗi thời của từ đã bị dùng sai lệch này, mà còn là một nhà phương Đông học và một nhà sử học có kiến thức và kiến giải sâu sắc lỗi lạc, với tầm nhìn bao quát và sức mạnh trí tuệ phi thường cùng với hoạt động gần như siêu phàm và khả năng nghiên cứu vô hạn” (B. Laufer (1918), “Édouard Chavannes”, *Journal of the American Oriental Society*, số 38 (1918), p. 202).

Hoa, cũng như những nét tương đồng và tương phản giữa hai đất nước Trung Hoa và Việt Nam. *Hai là*, tính quan trọng cấp thiết của việc du nhập tư liệu Hán học một cách có hệ thống nhằm phục vụ lâu dài giới nghiên cứu bản địa, và nhờ thế, liên tục duy trì, cập nhật, nuôi dưỡng và *phát triển các nghiên cứu Hán học tại đây theo hướng hiện đại*. Cuối cùng là, việc nghiên cứu Trung Quốc được EFEO xây dựng ở Việt Nam sẽ phát triển theo phương hướng đa/liên ngành, với mẫu hình mà Edouard Chavannes đã gây dựng ở Pháp.

Định hướng phát triển Hán học hiện đại của EFEO nằm trong chiến lược phát triển chung của Viện: tuy đặt cơ sở ở một đất nước Đông Dương thuộc Pháp lúc bấy giờ, EFEO với đội ngũ học giả xuất sắc của mình đã hướng đến một khu vực Viễn Đông rộng lớn hơn với những nghiên cứu đa dạng:

“Hoạt động của các thành viên EFEO không chỉ giới hạn ở Đông Dương thuộc Pháp. Trong số những công trình quan trọng nhất được thực hiện trên một phạm vi rộng lớn hơn là tác phẩm của Foucher về nghệ thuật Gandhara, của Huber về văn học Phật giáo, của Chavannes, Maspéro và Demiéville về Trung Quốc, của Maitre, Péri và Renondeau về văn học và kịch Nhật Bản, của Coèdes, Claeys và Dupont ở Siam, và của Pelliot, Coedès và M. Mus về Malaya và Indonesia”¹.

Hiển nhiên, các học giả EFEO không đóng khung lĩnh vực và phạm vi nghiên cứu của mình trong những khuôn khổ cứng nhắc. Trong số họ, Édouard Chavannes cùng hai môn đồ của ông là Paul Pelliot và Henri Maspéro được xem là “Ba người khổng lồ của Hán học” (Three Giants of Sinology)².

1.2. Bộ sưu tập thư tịch Trung Hoa trong Thư viện EFEO

Để xây dựng một ngành khoa học mới, việc đầu tiên cần làm là kiến tạo nền tảng tri thức với một hệ thống thư viện căn bản và cốt yếu. Vào năm 1900, thư viện đang hình thành của EFEO có 199 tựa sách (718 quyển) bằng tiếng Khmer, Lào, Pali, Chăm, Thái và Lolo. Trước thực tế này, Giám đốc EFEO Louis Finot (1864-1935) nhấn mạnh “Cần phải thêm vào đó một bộ sưu tập quan trọng các sách Trung Quốc”³.

¹ “L’École française d’Extrême-Orient”, *Pacific Affairs*, 25:3 (9/1952), tr. 295, dựa theo bài viết “L’École française d’Extrême-Orient” của George Coedès và Louis Malleret, *Cahiers français d’information*, 15/4/1951.

² David B. Honey (2001), *Incense at the Altar: Pioneering Sinologists and the Development of Classical Chinese Philology*, American Oriental Series, Vol. 86. New Haven, CT: American Oriental Society, p. 41.

³ Louis Finot, “Documents administratifs”, *BEFEO* 2 (1902), p. 119.

Nhà Hán học và Đông phương học Paul Pelliot (1878-1945) là một trong những người đóng vai trò quan trọng trong việc này. Đầu năm 1900, ông đến Hà Nội với tư cách là một học giả nhận trợ cấp của EFEO. Ngay sau đó, trong tháng 2, ông được cử sang Bắc Kinh để “tự hoàn thiện việc thực hành Trung văn”¹ và mua sách cho Thư viện của Trường². Báo cáo đề ngày 20/3/1901 của Louis Finot gửi Quan Toàn quyền về các công việc của EFEO đã thực hiện trong năm 1900 cho biết thêm khá chi tiết về thư tịch đã được Pelliot thu thập trong lần đầu tiên này:

“Sắc lệnh cho phép ông Pelliot đến Trung Quốc đã trao cho ông một khoản tín dụng đặc biệt để mua sách và nhiều đồ vật khác nhau dành cho Thư viện và Bảo tàng của Viện. Ông đã hoàn thành xuất sắc phần nhiệm vụ này của mình và đã tập hợp một loạt tác phẩm khá hoàn chỉnh của Trung Quốc liên quan đến Đông Dương, đến Đông Ấn và các tỉnh Trung Quốc giáp với Bắc Kỳ. Thật không may, bộ sưu tập này, được lưu giữ tại nhà của các sinh viên-thông dịch viên của Công sứ quán Pháp, ở thành phố Trung Quốc, đã bị đốt cháy hoàn toàn vào ngày 13 tháng 6, đêm mà cuộc nổi dậy nổ ra”³.

Cuối cùng, những gì Pelliot đã có thể mang về Hà Nội trong đợt này chủ yếu bao gồm: “30 bức tranh có niên đại năm thứ 5 niên hiệu Cảnh Thái (1454); 4 bức tranh thời Tống; một bản viết tay của Càn Long (1736-1795), tạo thành quyển đầu của bộ *Diệu pháp Liên hoa kinh*; hai tập của *Vĩnh Lạc Đại điển* [永樂大典], bộ bách khoa toàn thư vĩ đại được soạn dưới thời nhà Minh, (1403-1424): tác phẩm cuối này, vẫn còn là bản thảo, được bảo quản ở Hàn lâm viện, tiếp giáp với Công sứ quán Anh, và phần lớn đã bị hủy hoại trong vụ cháy của tòa nhà này do Nghĩa hòa đoàn gây ra”⁴. Một năm sau đó (1902), Pelliot lại đến Bắc Kinh nhằm sưu tập thêm sách vở và tranh ảnh:

“Ông Pelliot, sau khi ở lại Bắc Kinh từ tháng 5 đến tháng 10, đã trở lại [EFEO, Hà Nội] vào ngày 4 tháng 11, mang về một số lượng lớn sách nhằm hoàn thiện thư viện Trung Quốc, và một loạt bản khắc khổ lớn được thực hiện ở châu Âu vào thế kỷ XVIII và thể hiện những chiến thắng của Hoàng đế Càn Long ở Trung Á. Ông làm

¹ Louis Finot, “Documents administratifs”, *BEFEO* 1 (1901), p. 75.

² David B. Honey (2001), *Incense at the Altar: Pioneering Sinologists and the Development of Classical Chinese Philology*, American Oriental Series, Vol. 86. New Haven, CT: American Oriental Society, p. 59.

³ Ở đây là cuộc vây hãm Công sứ quán quốc tế từ tháng 6 đến tháng 8/1900 của Nghĩa hòa đoàn ở Bắc Kinh (Xem: Louis Finot, “Documents administratifs”, *BEFEO* 2 (1902), p. 116).

⁴ Như trên.

tròn chức vụ Tổng thư ký Đại hội¹, rồi mở khóa Hán văn tại Dinh Thống sứ ngày 16 tháng 12”².

Dựa trên những thông tin trên đây có thể tiến đến một số kết luận sơ bộ như sau:

1. Việc sưu tập thư tịch Trung Hoa đã bắt đầu với những ấn phẩm, tư liệu có liên quan đến “Đông Dương, đến Đông Ấn và các tỉnh Trung Quốc giáp với Bắc Kỳ”. Đây là bước đầu hình thành cơ sở cho những nghiên cứu khu vực theo hướng so sánh.

2. Các bộ *loại thư* đồ sộ và trọng yếu như *Vĩnh Lạc Đại Điển* đã được chú ý ngay từ đầu như một bộ phận tinh yếu cần phải có của Thư viện.

3. Các tác phẩm mỹ thuật có giá trị đặc biệt về mặt lịch sử cũng đã được sưu tầm cho Bảo tàng của Viện.

Đến năm 1921, khi nhìn lại chặng đường 20 năm xây dựng “Thư viện Trung Quốc” (Bibliothèque Chinoise), EFEO đã cho biết về tình hình tập hợp thư tịch và tổng số sách được mua từ Trung Quốc và Nhật Bản hiện có trong bộ sưu tập này như sau:

“Thư viện Trung Quốc được thành lập hầu như chỉ nhờ vào các thành viên của Viện qua các chuyến công tác của họ ở Trung Quốc. Chính nhờ ông Pelliot mà các tác phẩm chính yếu đã được tập hợp vào các năm 1900, 1901 và 1902; vào năm 1902, Thư viện đã lên danh mục được 23,884 quyển (*bản* 本 hay *sách* 冊). Việc thu thập của Edouard Huber, và của các ông Maspero và Aurousseau ở Trung Quốc, cùng các thu mua ở Nhật Bản, hoặc bởi ông Péri, hoặc theo đơn đặt hàng, đã không ngừng giúp bộ sưu tập này tăng trưởng. Kho hiện có 2,932 số hiệu, bao gồm 107 số hiệu cho tác phẩm khổ lớn (dấu phân loại G), 543 số cho tác phẩm khổ nhỏ (dấu phân loại P) và 2,282 số cho tác phẩm khổ trung bình (không dấu phân loại). Hầu hết những sách này đều được đóng bìa theo kiểu châu Âu; vì số lượng các tập của mỗi tác phẩm không được nhập thường xuyên vào kho, nên ngày nay khó có thể xác định được tổng số tập; một con số xấp xỉ sẽ là vô nghĩa”³.

Vào những thập niên đầu của thế kỷ XX, “Thư viện Trung Quốc” của EFEO được xem là kho tư liệu tầm cỡ có thể tìm thấy được ở một nước Đông Nam Á, và có

¹ Đại hội Viễn Đông học Quốc tế lần thứ nhất (Premier Congrès international des Etudes d'Extrême-Orient) được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 3-8/12/1902. Xem thêm: *Premier congrès international des Etudes d'Extrême-Orient Hanoi 1902 - Compte rendu analytique des séances*, F.H. Schneider, Imprimeur-Éditeur, Hanoi, 1903.

² “L'École française d'Extrême-Orient depuis son origine jusqu'en 1920”, *BEFEO* 21 (1921), p. 21.

³ “Chine”, *BEFEO* 21 (1921), p. 383-4.

giá trị đặc biệt đối với giới nghiên cứu ở khu vực này. Để kết luận, EFEO đã thắng thắn và tự hào nhận định về giá trị khoa học thực tiễn của “Thư viện Trung Quốc” của họ:

“Tóm lại, nếu thư viện của Viện không thể giành được vị trí hàng đầu về số lượng, hay về độ hiếm của các tác phẩm mà thư viện lưu trữ, thì hiện tại không tồn tại một công cụ nào thuận tiện hơn, hoặc một công cụ nào đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khoa học phương Tây. Các công trình đã được trình bày ở trên là minh chứng tốt nhất cho điều này. Chúng đảm bảo cho Viện là một nơi xứng đáng với truyền thống vĩ đại mà nó đại diện trong lĩnh vực Hán học. Trong khi chỉ giữ lại phương diện kỹ thuật, chúng tôi hy vọng đã chỉ ra đầy đủ những tiến bộ đáng chú ý nào mà chúng đã đạt được để giúp chúng ta hiểu biết về một nền văn minh ngày nay đang khơi dậy sự tò mò của toàn thế giới”¹.

Có thể nói, đến khoảng đầu thập niên 20 của thế kỷ trước, Kho sách Trung Quốc trong Thư viện EFEO đã hình thành về cơ bản. Đó cũng là thời điểm để biên soạn một bộ thư mục theo tiêu chuẩn phương Tây cho kho sách này.

1.3. Danh mục Kho sách chữ Hán của Thư viện EFEO

Tháng 3/1929, EFEO xuất bản tập đầu tiên của bộ thư mục mang tên *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'Ecole française d'Extrême-Orient* (Danh mục kho sách chữ Hán của Thư viện Viễn Đông Bác cổ, gọi tắt là *Danh mục*). Theo Émile Gaspardone (1895-1982), công trình tập thể này được khởi sự năm 1919; sau nhiều năm chuẩn bị, do thiếu thốn nhân lực và khó khăn trong việc in ấn, sách đã bị trì hoãn đến 10 năm mới ra mắt công chúng được². *Danh mục* cũng xem tác phẩm Phật giáo in bằng Hán văn trong các bộ sưu tập Nhật Bản đã sưu tập được là một trong những điểm son của Thư viện, ví như bộ *Dai Nihon kōtei daizōkyō* 大日本校訂大藏經 với ấn bản Tōkyō Kōkyōshoin 弘教書院 (1880-1885), ấn bản Kyōto Zōkyōshoin 藏經書院 và bản tục biên *Dai Nihon zoku zōkyō* 大日本續藏經³.

¹ Như trên, p. 387.

² E. Gaspardone, Điểm sách *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, BEFEO 29 (1929), p. 384.

³ “Advertissement”, trong: École Française d'Extrême-Orient, *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'École française d'Extrême-Orient*, Tome Premier: A - Hou, Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient, 1929-1931, p. VII.

Về đội ngũ biên tập, Émile Gaspardone cho biết các cộng tác viên chính bao gồm Tchong Man-Khai/Tchong Wen-k'i (Chung Văn Khê) 鍾問溪 người Trung Quốc đảm trách phần lớn các chú thích bắt đầu với từ *án* 按 (lời chú, lời phê) và xác định tác giả; những học giả Việt Nam như Trần Văn Giáp 陳文珪, Bạch Quốc Long 白國隆 và Trần Hàm Tấn 陳含璫¹.

Bộ *Danh mục* ban đầu được biên soạn dưới sự hướng dẫn của Henri Maspéro, rồi sau đó là Léonard Aurousseau. Ban biên soạn dự trù in thành nhiều tập, kết thúc bằng một bảng sách dẫn (Index) các tác giả, một bảng liệt kê các *tùng thư* 叢書 và chuyên khảo *tỉnh chí* (monographies provinciales), và một bảng tổng hợp. Một phụ lục bao gồm 2 bộ sưu tập quan trọng *Tứ bộ tùng san* 四部叢刊 và *Đạo tạng* 道藏 cũng đã được lên phiếu thư mục. Tiếc thay, trong vòng hơn 20 năm (1929-1951), chỉ có 3 tập (6 quyển) được in, dừng lại ở vắn *Ma-Mou*.²

STT	Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'EFEO	Năm in	Nơi in	Mục từ	Số trang
1	Tập 1:1	1929-1931	Hà Nội: Impr. d'Extrême-Orient	A-Hou	1-646
2	Tập 1:2				
3	Tập 2:1	1935-1937		Hou-K'iao	647-932
4	Tập 2:2	1938-1940		Kie-Li	933-1462
5	Tập 3:1	1941-1943		Lie-Lu	1463-1658
6	Tập 3:2	1951	Saigon: Impr. d'Extrême-Orient	Ma-Mou	163 trang

Danh mục kho sách chữ Hán của Thư viện Viễn Đông Bác cổ của Thư viện Viễn Đông Bác cổ in thành nhiều tập, bắt đầu từ năm 1929 và kết thúc dở dang vào năm 1951 (theo thư mục trực tuyến của Thư viện Quốc gia Pháp, BnF,

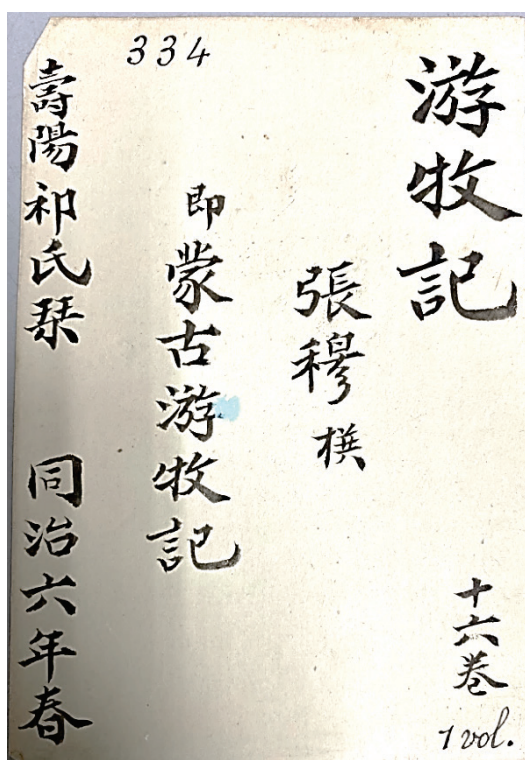
¹ Như trên, p. VIII.

Theo Maurice Durand, Trần Hàm Tấn 陳含璫 (1887-1957) là “một trong những nhà Nho vĩ đại cuối cùng của Việt Nam đồng thời cũng là một trong những cộng tác viên khoa học người Việt được kính trọng nhất và lão luyện nhất của Trường”. Cũng theo Durand, “Phần lớn là nhờ ông mà việc biên soạn *Danh mục kho sách chữ Hán* được thực hiện, trong đó ông đảm nhận công việc hiệu chỉnh cùng với các thành viên của Trường” (Philippe Le Failler, *L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam: 1900-2000 - Regards croisés sur un siècle de curiosité scientifique / Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Việt Nam: 1900-2000 - Nhìn lại một thế kỷ nghiên cứu khoa học*, EFEO, Hà Nội, tr. 38-9); Xem thêm: Maurice Durand (1960), “Nécrologie Trần-Hàm-Tấn 陳含璫 (1887-1957)”, *BEFEO*, L (1960), p. 179-181.

² “Advertissement”, trong: École Française d'Extrême-Orient, *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'École française d'Extrême-Orient*, Tome Premier: A - Hou, Hanoi : Imprimerie d'Extrême-Orient, 1929-1931, p. V.

<https://catalogue.bnf.fr/rechercher.do?motRecherche=inventaire+du+fonds+chinois+de+la+bibliotheque+de+l%27ecole+fran%C3%A7ais&critereRecherche=0&depart=0&facetteModifiee=ok>).

Hệ thống phiếu thư mục đã được dùng để biên soạn bộ *Danh mục* nhiều tập này. Đáng lưu ý là các mục từ trong *Danh mục* không theo hệ thống phiên âm Wade-Giles phổ biến thời đó mà dùng cách đánh vần Pháp ngữ để phiên âm các từ Hán văn¹.



Số hiệu: 334

Tựa sách: *Du mục ký* 游牧記, tức *Mông cổ Du mục ký* 蒙古游牧記, 16 quyển - 1 vol.

Tác giả: Trương Mục 張穆

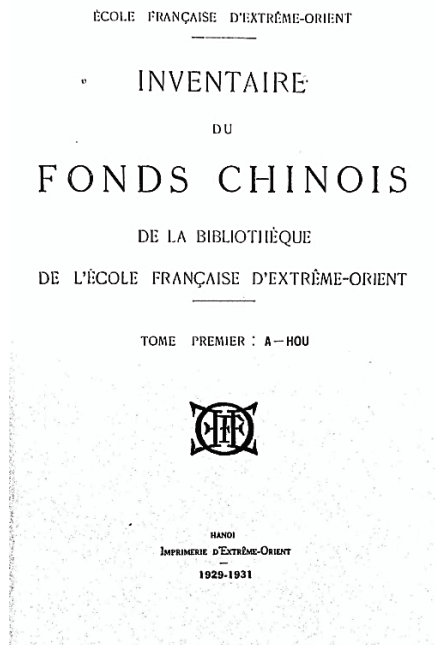
Ấn hành: Thọ Dương Kỳ thị san 壽陽祁氏棐 (Họ Kỳ 祁 [Tây Tảo 蒿藻] ở Thọ Dương san hành)

Năm in: Đồng Trị lục niên xuân 同治六年春 (Mùa xuân năm thứ 6 niên hiệu Đồng Trị, 1867)

Một phiếu biên mục (fiche) của “Thư viện Trung Quốc” ở EFEO:

Sách [*Mông Cổ*] *Du mục ký* của Trương Mục với số ký hiệu, tựa sách, tác giả, ấn hành và năm in

¹ Bộ *Danh mục* hiện nay vẫn đang được lưu giữ tại thư viện của Viện Văn học, Viện Khảo cổ học và tại Thư viện Khoa học xã hội (Viện Thông tin Khoa học xã hội) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, https://opac.vass.gov.vn/search*vie/?searchtype=X&SORT=D&searcharg=inventaire+du+fonds+chinois&searchscope=1



INVENTAIRE DU FONDS CHINOIS DE LA BIBLIOTHÈQUE DE L'ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT.	
A	A
1. <i>A-chô-che wang cheou king</i> , traduit par FA-KIU. 阿闍世王授决經一卷 西晉法炬譯 In 大藏經. 出缺, 七冊, vi, 7 [1983, 16]	6. <i>Id.</i> — In 大藏經 [1984, vi, 4]
2. <i>Id.</i> — In 大藏經 [1984, x, 7]	7. <i>A-chô-che wang wen wou ni king</i> , traduit par FA-KIU. 阿闍世王問五逆經一卷 西晉法炬譯 In 大藏經. 出缺, 七冊, xiv, 7 [1983, 38]
3. <i>A-chô-che wang king</i> , traduit par TCHÉ-LEOU-KIA-TCH'AN. 佛說阿闍世王經二卷 後魏月氏支婁迦讖譯 In 大藏經. 字缺. 八冊, v, 8 [1983, 13]	8. <i>Id.</i> — In 大藏經 [1984, xiv, 10]
4. <i>Id.</i> — In 大藏經. [1984, ix, 10]	9. <i>A-chô-li kouan ting yi kouei</i> , voir: <i>A-chô-li ta man-fou-lo kouan ting yi kouei</i> . 阿闍梨灌頂儀軌即阿闍梨大曼荼羅灌頂儀軌一卷 [1983, 7]
5. <i>A-chô-che wang niu A-chou-ta p'ou-ta king</i> , traduit par TCHOU-FA-HOU. 佛說阿闍世王女阿術達咎薩經一卷 西晉月氏竺法護譯 In 大藏經. 出缺. 十一冊, ii, 11 [1983, 7]	10. <i>A-chô-li ta man-fou-lo kouan ting yi kouei</i> , anonyme. 阿闍梨大曼荼羅灌頂儀軌一卷 In 大藏經. 出缺. 三冊, xxvii, 3 [1983, 76]

Trang bìa sách *Inventaire du fonds chinois* (trái) và trang đầu vắn A trong sách (phải)

Việc hình thành một hệ thống thư viện hoàn chỉnh với bộ sưu tập tư liệu Hán học đồ sộ của EFEO đã trở thành niềm tự hào học thuật của cả nước. Năm 1944, tuần báo *Thế thảo Đông Dương* in ở Sài Gòn đã có bài giới thiệu “Một cơ quan văn hóa - Viện Viễn Đông Bác cổ”. Dựa theo thông tin đã được công bố ngày 17/3/1943 nhân “khởi công dựng nhà Thư viện mới”, bài có đoạn viết khá chi tiết và đầy tự hào như sau:

“Theo chỗ chúng tôi biết, thời Viện hiện có đến 80 ngàn cuốn sách, vừa sách in thủ bản và một số rất lớn những bức ấn họa. Số 80 ngàn sách ấy gồm có: 40 ngàn sách Âu-Tây; 27 ngàn sách Tàu, 6 ngàn sách Việt Nam, 2 ngàn rưỡi sách Nhật và 2 ngàn rưỡi thủ bản Mên, Lào. Các bộ sách Tàu đều do các nhà bác học Pháp trứ danh chuyên khảo về văn hóa Trung Hoa như là: Paul Pelliot, Edouard Huber, Henri Maspéro, Léonard Aurousseau, Paul Demiéville. Các bức ấn họa (ước hơn 20 ngàn bức) đều do ở các bi ký cổ khắp Đông Pháp.

(...) Phạm vi rộng rãi, kết quả lớn lao các công cuộc khảo xét của Viện Bác Cổ Hà Nội là một biểu chứng rành rõ của sự phát huy nền khoa học Pháp, tinh thần Pháp ở “ngã ba” - nơi gặp gỡ của hai nền văn minh Ấn Độ, Trung Hoa và nay, của nền văn minh Pháp”¹.

¹ N.H.P. (1944), “Một cơ quan văn hóa - Viện Viễn Đông Bác cổ”, *Thế thảo Đông Dương*, số 18 (bộ mới), ngày 06/01/1944, tr. 14. Tương tự, Henri Cucherousset (1879-1936), trong: *L'Indochine d'hier*

Đoạn trích trên đây cho thấy trữ lượng tư liệu Trung Hoa của Thư viện hết sức lớn, chỉ sau kho thư tịch sách Âu-Tây. Tên tuổi các nhà Hán học người Pháp được liệt kê trang trọng không chỉ như những người góp phần thu thập sách vở, mà còn là những học giả tiên phong trong việc xây dựng ngành Hán học tầm cỡ quốc tế ở Việt Nam - Đông Pháp, khi ấy đã trở thành nơi hội tụ của 3 nền văn minh Ấn - Hoa - Pháp.

2. Tư liệu Trung Hoa và sự phát triển của học thuật Việt Nam

Khi tìm hiểu sự phát triển của lịch sử tư tưởng trong một giai đoạn nhất định, một điều quan trọng không thể bỏ qua chính là tầng lớp trí thức của thời kỳ đó đã kế thừa hay tiếp cận những nguồn tài liệu nào; nói cách khác, những nguồn tư liệu nào đã hình thành nên tư tưởng của họ trong giai đoạn ấy cần được làm rõ. Công việc hệ trọng này cho phép thấy được một bức tranh giao thoa, tương tác giữa trí thức bản địa và các nguồn tri thức được truyền nhập thông qua hình thức ấn phẩm (sách, báo, tranh ảnh) và quá trình bản địa hóa những tri thức mới đó.

Những ai đã từng khảo sát lịch sử tư tưởng cận - hiện đại ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX hẳn không khỏi băn khoăn với những định luận (discourses) do các trí thức Tân - Cự học phát biểu đã được kiến tạo trên những nguồn tư liệu nào, và những kênh văn hóa, giáo dục, thương mại nào đã đưa chúng vào tầm tiếp cận của giới trí thức nước ta khi ấy. Để minh họa, có thể đơn cử việc Phan Châu Trinh tiếp xúc với *tân thư*, với các trứ tác của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, biết đến các khái niệm mới như “dân quyền”, “tự do”, hay “phát minh được chân tướng văn minh Âu - Tây nhiều” là nhờ ở sự giúp đỡ của các vị đại quan triều Nguyễn như Thân Trọng Huề, Đào Nguyên Phổ¹; hay việc Huỳnh Thúc Kháng cũng nhờ vào thư viện tư nhân của Đào Nguyên Phổ mà đọc được các sách *Mậu Tuất Chính biến* 戊戌政變, *Trung Quốc hồn* 中國魂, *Nhật Bản Duy Tân sử* 日本維新史, hay *Tân dân Tùng báo* 新民叢報, cùng với các “sách Âu dịch ra Pháp văn”². Những gì có thể thấy ở đây là tình trạng sách báo đã được du nhập vào Việt Nam trong giai đoạn này còn khá tản mác và chủ yếu thuộc về các bộ sưu tập của những

et d'aujourd'hui/Đông Dương ngày xưa và ngày nay, Vũ Công Nghi dịch, *L'Éveil Économique/Đông Dương Kinh tế báo*, Hà Nội, 1936, cũng viết: “Nhà thư viện của trường này ở Hà Nội có danh tiếng trong hoàn cầu là đã sưu tập được nhiều những đồ vật thuộc về các dân tộc cổ và kim ở Đông Dương, ở nước Tàu, ở nước Nhật, ở Tây Tạng, ở Ấn Độ, và ở nhiều xứ khác trong cõi Á Đông” (tr. 84).

¹ Huỳnh Thúc Kháng (1959), *Phan Tây Hồ Tiên sinh Lịch sử*, Nxb. Anh Minh, Huế, tr. 14.

² Huỳnh Thúc Kháng (2000), *Huỳnh Thúc Kháng Niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng Tự truyện) & Thư gởi Kỳ Ngoại Hầu Cường Để*, Anh Minh dịch, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 33.

cá nhân có vị trí trong triều đình. Thông qua các chí sĩ yêu nước có cơ hội tiếp cận với các ấn phẩm này mà tư tưởng tiến bộ được lan tỏa trong xã hội.

Ở giai đoạn muộn hơn của những năm 1920 và 1930, đáng chú ý là trường hợp của Đào Duy Anh (1904-1988), một trí thức hội tụ được cả Tân và Cựu học, với nỗ lực tiếp cận những nguồn tư tưởng mới và tư liệu nghiên cứu quan trọng được nhập từ bên ngoài vào Việt Nam. Với ông, việc “vào Hội An thăm các hàng sách Trung Quốc ở đây”, hay “tìm mua sách chữ Pháp ở Sài Gòn và sách chữ Hán ở Chợ Lớn nhằm xây dựng tủ sách cho Bộ Biên tập báo *Tiếng Dân*”, hay thông qua quan hệ cá nhân với những người có liên lạc ở nước ngoài là một phần không thể thiếu cho việc xây dựng nền tảng học thuật - tri thức¹. Cũng theo Đào Duy Anh, từ cuối những năm 1930, ông có dịp kết thân với ông Trần Lê Chất, “một nhà vận động Duy Tân ở đầu thế kỷ đã tham gia sáng lập Hội Liên Thành”, và được ông Trần cho “cả một rương sách của ông gồm toàn những *Tân thư* của Trung Quốc nhờ đây các sĩ phu yêu nước ta ở đầu thế kỷ này đã giác ngộ mà đứng ra chủ trương phong trào khai trí trị sinh”². Ngoài những sưu tầm thư tịch từ các địa phương và thông qua quan hệ cá nhân, Đào Duy Anh đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ thống thư viện, “như Thư viện Bảo Đại, Thư viện của Viện Viễn Đông Bác cổ”³. Với Đào Duy Anh, Thư viện EFEO không chỉ là nguồn trữ liệu thư tịch phong phú và quan trọng, mà còn là nơi ông học được những phương pháp sử học mới một cách hệ thống để góp phần nghiên cứu lịch sử Việt Nam:

“Tôi nghĩ rằng để có thể chỉnh lý tài liệu sử bằng văn tự của ta, tôi hãy cứ học tập phương pháp của các nhà bác học người Pháp thuộc Viện Viễn Đông Bác cổ ở Hà Nội. Ngoài những tác phẩm của H. Maspéro, tôi còn chú ý hai bản sách của E. Gaspardonne: bản dịch sách *Việt kiều thư* của Lý Văn Phụng đăng trong *Tập san Viễn Đông Bác cổ* (BEFEO) và khảo chứng về *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng đề là *Ngan-nan tche-yuan* in ở tùng thư *Văn bản và tài liệu* (Textes et Documents) của Viện Bác cổ”⁴.

¹ Xem: Đào Duy Anh (2020), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, tr. 23, 25.

Đào Duy Anh cho biết: “Nhờ quen biết một thanh niên quê ở Thanh Hoá đã từng làm thư ký tàu biển cho một công ty hàng hải Pháp, có lẽ bấy giờ anh ta là một đầu mối liên lạc ở Sài Gòn để các thủy thủ Pháp tiến bộ trao cho những sách báo do Đảng Cộng sản Pháp xuất bản, tôi được anh ta trao cho một số sách về chủ nghĩa cộng sản” (Đào Duy Anh, 2020: 25).

² Như trên, tr. 51.

³ Như trên, tr. 68.

⁴ Như trên, tr. 70.

Nếu Đào Duy Anh tiếp cận, học hỏi từ EFEO và hệ thống thư viện (đặc biệt là Kho sách Trung Quốc) với tư cách là một nhà nghiên cứu ngoài Viện, Trần Văn Giáp (1902-1973) đã thụ hưởng và sử dụng hiệu quả cả về tư liệu lẫn phương pháp nghiên cứu với tư cách học giả trong Viện. Ban đầu, ông được nhận vào Viện để sao chép các văn bản Hán văn, và sau đó, nhờ nền tảng Hán học (đỗ tam trường năm 1915) và tư chất khoa học, được tuyển dụng chính thức cho Thư viện EFEO từ tháng 1/1920. Trong vòng 7 năm (1920-1927), bằng những nỗ lực học hỏi không ngừng về nghiệp vụ và trau dồi ngoại ngữ (Pháp văn), ông đã ghi dấu trong sự nghiệp nghiên cứu thư tịch của mình qua việc đóng góp vào bộ *Danh mục* (đã trình bày ở trên). Năm 1927, Trần Văn Giáp được EFEO gửi sang Pháp tu nghiệp và ông đã kết thúc 5 năm du học ở Pháp với những công trình khoa học xuất sắc, bao gồm luận văn *Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIIIe siècle* (Phật giáo ở Việt Nam, từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII) đệ trình ở École Pratique des Hautes Études de la Sorbonne (Trường Cao đẳng thực hành Sorbonne, năm 1931) và *Les chapitres bibliographiques de Lê Quý Đôn et de Phan Huy Chú* (các thiên thư tịch chí của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú) đệ trình tại Institut de Hautes Études Chinoises de Paris (Viện Cao học Hán học Paris, năm 1931)¹. Những thành tựu khoa học này đánh dấu bước phát triển và hội nhập với thế giới của nghiên cứu Sử học và Thư tịch học Việt Nam (đặc biệt trong lĩnh vực Hán học), trên nền tảng học thuật được EFEO và hệ thống thư viện của nó vun bồi.

3. Để tư liệu quý phục vụ nghiên cứu và phát triển xã hội

Được thành lập năm 1901 ở Sài Gòn, rồi sau đó chuyển ra Hà Nội năm 1902, EFEO và hệ thống thư viện (bao gồm “Kho sách Trung Quốc cổ” được hình thành từng bước) của nó tuy đã góp phần thay đổi diện mạo học thuật Việt Nam trong lĩnh vực khoa học xã hội (đặc biệt là Hán học) nhưng vẫn giới hạn phạm vi phục vụ trong một cộng đồng học thuật nhất định. Đó là các học giả hàng đầu của Pháp trực thuộc EFEO, và các trí thức Việt Nam bản địa, hoặc cộng tác với EFEO (như Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, Trần Hàm Tấn và nhiều người khác nữa)², hay chỉ sử

¹ Tham khảo: Philippe Le Failler, *L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam, L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam: 1900-2000 - Regards croisés sur un siècle de curiosité scientifique / Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Việt Nam: 1900-2000 - Nhìn lại một thế kỷ nghiên cứu khoa học*, EFEO, Hà Nội; Chánh Chi (2021), “Học giả Trần Văn Giáp với việc nghiên cứu Phật học trước năm 1945”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/11086>, truy cập ngày 28/9/2023.

² Xem: Nguyễn Quang Diệu (2021), “Người Việt đầu tiên làm cho Học viện Viễn Đông Bác cổ ở Đông Dương là ai?”, *Thanh niên* ngày 2/5/2021, <https://thanhnien.vn/nguoi-viet-dau-tien-lam-cho-hoc-vien-vien-dong-bac-co-o-dong-duong-la-ai-1851062968.htm>, truy cập 28/9/2023.

dụng thư viện với tư cách độc giả ngoài EFEO (như trường hợp Đào Duy Anh đã nêu). Thư viện của EFEO tuy lưu trữ không ít ấn phẩm thuộc loại *tân thư*, nhưng chúng không trực tiếp góp phần vào sự phát triển lịch sử tư tưởng ở Việt Nam: như đã đề cập ở trên, các nhà cách mạng và cải cách xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX vẫn phải khổ công sưu cầu *tân thư* từ những nguồn khác nhau, nằm ngoài hệ thống thư viện chính thống¹. Dẫu thế, giá trị học thuật và vị trí khoa học của nó không vì thế mà bị suy giảm. Một bằng chứng đơn giản và dễ thấy là các sách được liệt kê trong phần “Ouvrages Chinois” (Tác phẩm Trung Hoa) trong thư mục tham khảo của công trình *Le Bouddhisme en Annam* đệ trình tại Trường Cao đẳng Thực hành Sorbonne của Trần Văn Giáp hầu như đều có ở “Kho sách Trung Quốc cổ” của EFEO².

Trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, với sự phát triển của công nghệ số, rất nhiều tác phẩm kinh điển Trung Hoa thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã được số hóa, cho phép tra cứu toàn văn bằng từ khóa, và mở ra rộng rãi cho công chúng tiếp cận. Có thể đơn cử vài nền tảng đã trở thành phổ biến và được nhiều người sử dụng, ví như “Chinese Text Project” (<https://ctext.org>), hay một loạt các nền tảng khác được tích hợp ở “Chinese Studies: Classical Chinese Texts”, (https://libguides.usc.edu/chinese_studies/classics) của hệ thống thư viện ở Đại học Nam California (University of Southern California). Theo xu thế này, nhiều tác phẩm hiện đang lưu giữ trong “Kho sách Trung Quốc cổ” tại Thư viện Khoa học xã hội đã được số hóa, cho phép nhận dạng ký tự quang học (Optical Character Recognition, OCR), tra cứu được toàn văn bằng từ khóa (keywords). Tuy thế, giá trị sử dụng và giá trị lịch sử của kho sách vẫn giữ nguyên, bởi lẽ còn rất nhiều tác phẩm đang có trong kho vẫn chưa được số hóa và chưa mở rộng cho công chúng sử dụng qua mạng; mặt khác, câu chuyện của những bản in khác nhau của cùng một tác phẩm cũng có thể mang lại những giá trị đặc biệt cho kho sách.

Tính tuổi đời, “Kho sách Trung Quốc cổ” đã hơn 120 tuổi, nhưng lượng độc giả mà nó phục vụ cho đến nay vẫn rất nhỏ nhoi, khiêm tốn. Việc công khai thư mục, cho phép độc giả trong và ngoài nước có nhu cầu sử dụng tư liệu được tiếp cận kho sách là phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu trên phương diện chia sẻ tri thức. Bằng việc mở kho tư liệu đón người đọc (phần lớn là các nhà nghiên cứu) đến tham khảo, Thư viện Khoa học xã hội sẽ góp phần quan trọng vào việc sản sinh tri thức mới

¹ Xem: Nguyễn Nam (2021), “Traveling Knowledge: Publications from Japan and China in Early Twentieth-Century Vietnam”, *Japanese Studies Around the World*, p. 10-27.

² Trần Văn Giáp (1932), “Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIII^e siècle”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 32, p. 201-202.

(production of new knowledge) từ thư tịch cổ. Hiểu biết quá khứ luôn luôn là khởi điểm quan trọng cho việc nhận thức hiện tại và hướng đến tương lai. “Kho sách Trung Quốc cổ” mang đến cho chúng ta tri thức về Trung Hoa cổ cận đại và cả về những khu vực cận lân. Chính vì thế, việc khai mở kho sách, cho phép nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu cùng tìm hiểu kho tư liệu hiện có cũng giúp kết nối thế hệ, từ đó tạo ra những hiệu ứng xã hội tích cực về mặt tri thức cũng như nhận thức tính độc lập và liên lập dân tộc trong bối cảnh toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Chine”, *BEFEO* 21 (1921).
2. “L’École française d’Extrême-Orient depuis son origine jusqu’en 1920”, *BEFEO* 21 (1921).
3. École Française d’Extrême-Orient, *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l’École française d’Extrême-Orient*, Tome Premier: A - Hou, Hanoi: Imprimerie d’Extrême-Orient, 1929-1931.
4. “L’Indochine d’hier et d’aujourd’hui” (Đông Dương ngày xưa và ngày nay), Vũ Công Nghi dịch, *L’Éveil Économique/Đông Dương Kinh tế báo*, Hà Nội, 1936.
5. *Premier congrès international des Etudes d’Extrême-Orient Hanoi 1902 - Compte rendu analytique des séances*, F.H. Schneider, Imprimeur-Éditeur, Hanoi, 1903.
6. Đào Duy Anh (2020), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
7. Chánh Chi (2021), “Học giả Trần Văn Giáp với việc nghiên cứu Phật học trước năm 1945”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/11086>, truy cập ngày 28/9/2023.
8. Nguyễn Quang Diệu (2021), “Người Việt đầu tiên làm cho Học viện Viễn Đông Bác cổ ở Đông Dương là ai?”, *Thanh niên* ngày 2/5/2021, <https://thanhnien.vn/nguoi-viet-dau-tien-lam-cho-hoc-vien-vien-dong-bac-co-o-dong-duong-la-ai-1851062968.htm>, truy cập 28/9/2023.
9. Maurice Durand (1960), “Nécrologie Trần-Hàm-Tấn 陳含璫 (1887-1957)”, *BEFEO*, L (1960).
10. Louis Finot (1902), “Documents administratifs”, *BEFEO* 2 (1902).
11. E. Gaspardone (1929), *Điểm sách Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l’Ecole française d’Extrême-Orient*, *BEFEO* 29 (1929).

12. Trần Văn Giáp (1932), “Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIII^e siècle”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 32.
13. David B. Honey (2001), *Incense at the Altar: Pioneering Sinologists and the Development of Classical Chinese Philology*, American Oriental Series, Vol. 86. New Haven, CT: American Oriental Society.
14. Huỳnh Thúc Kháng (1959), *Phan Tây Hồ Tiên sinh Lịch sử*, Nxb. Anh Minh, Huế.
15. Huỳnh Thúc Kháng (2000), *Huỳnh Thúc Kháng Niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng Tự truyện) & Thư gửi Kỳ Ngoại Hầu Cường Để*, Anh Minh dịch, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
16. B. Laufer (1918), “Édouard Chavannes”, *Journal of the American Oriental Society*, số 38 (1918).
17. Ngô Thế Long (2016), “Thư viện của Học viện Viễn Đông Bác cổ”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, 403 (7/2016), tr. 10-17.
18. Nguyễn Nam (2021), “Traveling Knowledge: Publications from Japan and China in Early Twentieth-Century Vietnam”, *Japanese Studies Around the World*, p. 10-27.
19. Philippe Le Failler, *L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam: 1900-2000 - Regards croisés sur un siècle de curiosité scientifique / Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Việt Nam: 1900-2000 - Nhìn lại một thế kỷ nghiên cứu khoa học*, EFEO, Hà Nội.
20. N.H.P. (1944), “Một cơ quan văn hóa - Viện Viễn Đông Bác cổ”, *Thế thảo Đông Dương*, số 18 (bộ mới), ngày 06/01/1944.
21. Hồ Sĩ Quý, Vương Toàn (chủ biên, 2011), *Thư viện Khoa học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Minh Trung (2018), “Một số giá trị văn hóa của kho tư liệu Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 5 (73), tháng 9/2018, tr. 55-59.

社会科学信息研究所图书馆“中国古籍库”： 越南现代汉学的起源、影响和形成

阮南¹

正如标题所言，本文的重点是了解社会科学信息研究所图书馆的“中国古籍库”。可见，书籍是科学的基础和起源，而当我们了解这个古籍库的同时也明白，这不仅仅是一个关于书籍的故事，而更是一次恢复建立在古代远东学派的学术和书籍基础上的越南现代汉学。据 1997 年统计结果，目前社会科学信息研究所图书馆（所属社会科学信息研究所 - ISSI）保存的继承自远东学院图书馆（École française d'Extrême-Orient, EFEO）的珍贵“中国古籍”²资料库，储备书目 4445 册（册数 30852 卷）³，该书库是“EFEO 成员出差时收集出来的书籍，成员包括：Paul PELLLOT、Edouard HUBER、Léonard AUROUSSEAU、P. DEMIÉVILLE”⁴。尽管一些学者如吴世龙、陈春贤、阮氏明中⁵等在自己文章中的现有信息已经对古籍库的形成和储备提供了初步的概述，但仍有许多

¹ 越南富布赖特大学

² “中国古籍”是社会科学信息研究所图书馆目前使用的名称，指的是 EFEO 苦心收集的中国书籍：它“是一个习惯用语，有两个含义：第一，大部分书籍都是清朝乾隆时期（1736-1795）之前出版的，还有自辛亥革命（1911）时期出版的；第二，从语言上看，一般用古汉语书写（即文言，与现代汉语白话不同）”（参见：陈春献 (Tran Xuan Hien)， “中国古籍”，载《社会科学图书馆》（湖士贵 (Ho Si Quy) 和王全 (Vuong Toan) 主编，2011 年），社会科学出版社，河内，第 115 页）。

³ 陈春献 (Tran Xuan Hien)， “中国古籍”，载《社会科学图书馆》（湖士贵 (Ho Si Quy) 和王全 (Vuong Toan) 主编，2011 年），社会科学出版社，河内，第 116 页）。

⁴ 吴世龙 (Ngo The Long, 2011)， “远东学院及其图书馆”，载《社会科学图书馆》（湖士贵 (Ho Si Quy) 和王全 (Vuong Toan) 主编，2011 年），社会科学出版社，河内，第 34 页）；更多参见：吴世龙 (Ngo The Long, 2016 年)， 《远东学院的图书馆》，载《社会科学信息期刊》，403（2016 年 7 月），第 10-17 页。

⁵ 参见：阮氏明中 (Nguyen Thi Minh Trung, 2018 年)， “社会科学图书馆中国古籍库的一些文化价值”，载《越南图书馆期刊》，第 5 期 (73)，2018 年 9 月，第 55-59 页。

事情需要澄清，以充分了解古籍库的历史意义、学术意义和特殊文献价值。另一方面，虽然这是一座珍贵的文献宝库，但由于客观的政治、外交条件，遗憾的是至今尚未开放供国内外研究者参考。本文试图还原 EFEO 中国古籍库作为越南及东洋地区现代汉学形成的思想基础，以突显其历史价值。在此基础上，本文为国家和全球提出科学地开发和积极使用该书库的方向。

1. 中国古籍库与现代汉学在越南的诞生

1.1. 河内远东剥古院：建立研究中国的基础

管理-調度各资料 (Documents administratifs) 在远东剥古院的杂志都定期发 (Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient, BEFEO) 提供 EFEO 建设有关、特别是中文图书库建设的大量重要信息。此外，在 20 年成立之际，特刊第 21 号 (1921 年) 厚 400 多页已注重统计研究成果，EFEO 二十年完成的实地工作以及科学组织。有了这些材料，我们可以想象 EFEO 自上世纪初以来中国藏书的部分建设。

法国汉学((Sinologie)的发展与 EFEO 的这一研究领域的建立密切相关。20 周年纪念期刊中对中国研究 (“Chine”) 作为 EFEO 的有机组成部分的概述首先介绍了 19 世纪初法国汉学作为本科专业的早期发展：

正是在法国，在帝国¹之后，18 世纪法国耶稣会士开始了汉学研究，最初设立为本科专业。1814 年在法兰西学院 (College de France) 建立一个关于中国语言和文学以及鞑靼(Tartar)满洲文学的教学职位，帮助[汉学家]阿贝尔·雷穆萨特 (Abel Rémusat) [1788-1832] 建立了一所真正的中国语言流派，他的继任者斯坦尼斯拉斯·朱利安 (Stanislas Julien) [1797-1873] 是其最杰出的代表”。²

¹意思是拿破仑·波拿巴(Napoléon Bonaparte)第一帝国 (1804-1814)。

² “Chine”, BEFEO 21 (1921), p. 347.

继这一重要的学术发展步伐之后，EFEO 将这一新兴但重要且充满前景的科学带到了越南。该研究所在西贡（Sai Gon）（1900 年）以 EFEO 的名义成立，然后于 1902 年迁至河内，从一开始就确定汉学的重要性，并将其视为其主要学术任务之一：

在汉学方面，从一开始，法国远东研究所就扮演了一个明确的角色：在一个靠近中国的中华文化区内的国家。该研究所必须展示一种纯粹的科学传统，这种传统迄今只能在法国确立；首次允许专家与研究对象长期接触；最后，按照爱德华·查瓦内斯（Edouard Chavannes）[1865-1918] 指出的方向，集中精力，从而为中国研究的蓬勃发展做出贡献。”¹

这段简短的摘录使我们能够认识到现代汉学在越南起步的关键焦点。首先，在法国大学系统中形成的新汉学研究理论和方法将在越南作为“纯科学传统”在越南引入和实践- 位于中华文化区域、与中国毗邻的国家。正是从这个背景中，我们看到了古代理解和看法之间的相似性和差异（存在于中国及其东亚邻国）对同一主题采取现代方法（在法国确立，相同的对象是中华文化，以及中国和越南之间的相似性和对比。其次，迫切需要系统地引入汉学材料，以长期服务于当地研究界，从而在现代方向上不断维护、更新、培育和发

¹ 如上。爱德华·夏瓦纳 (Edouard Chavannes) 是在法国建立跨学科基础并发展汉学的人之一。诺埃尔·佩里 (Nöel Péri) 在 1918 年《BEFEO》上发表的讣告中高度评价了他：“1918 年 1 月 29 日，爱德华·夏瓦纳 (Edouard Chavannes) 的逝世，不仅是汉学家的哀悼，也是全世界所有远东学者的哀悼。作为雷穆萨和朱利安的继承者，他超越了他的大师，甚至将法国科学在这一研究领域的声誉提升到了他们之上，最重要的是，由于他，这一研究领域的优越性是不可争议的。他在外国和法国都享有盛誉。这种威望远传到中国和日本，他在当地受到当代顶尖学者的认识和高度赞赏。”（BEFEO 18 (1918)，第 73 页）。同样，美国东方学界也认识到：“查讷的著作的重要性在于，他不仅仅是一位狭义的、过时的汉学家。这种偏差，同时也是一位东方学家和一位杰出的历史学家。”洞察力和洞察力，具有广阔的视野和非凡的智力，加上几乎超人的活动和能力。无限的研究”（B. Laufer (1918)， “Édouard Chavannes”，美国东方学会杂志，第 38 期（1918）第 202 页）。

展汉学研究。最后，EFEO 在越南建立的中国研究将以 Edouard Chavannes 在法国建立的模式朝着多学科/跨学科的方向发展。

EFEO 的现代汉学发展方向属于其总体发展的战略：尽管当时位于法属印度支那国家，但 EFEO 及其优秀的学术团队已将目光投向更广泛的远东地区，进行了广泛的研究：

“EFEO 成员的活动不仅限于法属印度支那。在更广泛的范围内进行的最重要的作品包括福彻(Foucher)的甘达拉(Gandhara)艺术作品、胡贝尔(Huber)的佛教文学作品，沙凡纳 (Chavannes)、马斯佩罗 (Maspéro) 和德米埃维尔 (Demiéville) 关于中国的看法, Maitre、Péri 和 Renondeau 关于日本文学和戏剧的文章，暹罗(Siam)的 Coèdes、Claeys 和 Dupont，以及马来亚和印度尼西亚的 Pelliot、Coedès 和 M.Mus”。¹

显然，EFEO 学者不会将其研究领域和范围设定在刚性框架内。其中，Édouard Chavannes 和他的两个门徒 Paul Pelliot 和 Henri Maspéro 被称为“汉学的三巨头”，(Three Giants of Sinology)²。

1.2. EFEO 图书馆的中华编辑收藏

为了建立一门新的科学，首先要做的是建立一个具有基本和基本图书馆系统的知识基础。1900 年，EFEO 正在发展的图书馆有 199 部图书（718 本）高棉语、老挝语、巴利语、湛语、泰语和洛洛语。面对这一现实，EFEO 主任路易斯·菲诺 (Louis Finot) (1864-1935) 强调“有必要增加大量中国书籍”。³

¹ “L'École française d'Extrême-Orient”, *Pacific Affairs*, 25:3 (1952 年 9 月)，第 295 页。基于 George Coedès 和 Louis Malleret 的文章“L'École française d'Extrême-Orient”, *Cahiers français d'information*, 1951 年 4 月 15 日。

² David B. Honey (2001), *Incense at the Altar: Pioneering Sinologists and the Development of Classical Chinese Philology*, American Oriental Series, Vol. 86. New Haven, CT: American Oriental Society, p. 41.

³ Louis Finot, “Documents administratifs”, *BEFEO* 2 (1902), p. 119.

汉学和东方学家保罗·佩利奥特(Paul Pelliot, 1878-1945)是其中一位重要人物。1900年初,他作为一名获得 EFEO 资助的学者来到河内。不久之后,在2月份,他被派往北京为了“完善自己的中文实践”¹和为学校图书馆买书²。路易·菲诺 (Louis Finot) 1901年3月20日提交给总督的一份关于1900年 EFEO 工作的报告详细介绍了佩利奥特(Pelliot)首次收集的书籍:

“允许佩利奥特(Pelliot)先生前往中国的行政命令为他提供了一笔特殊信用,用于购买图书馆和博物馆的书籍和各种物品。他成功地完成了这部分任务,收集了一系列相当完整的中国作品,涉及印度支那、东印度群岛和中国与北圻接壤的省份。不幸的是,这些藏品存放在中国城市法国大使馆学生口译员的家中,6月13日起义当晚被完全烧毁。”³

最后,佩利奥特(Pelliot)在这一时期能够带回河内的主要是:“30幅可追溯到景泰五年(1454年)的绘画;四幅宋代绘画;干龙(Càn Long)(1736-1795年)的手稿;组成《联华经的魔法》的第一卷;《永乐大典》两卷,伟大的百科全书是在明朝时期编写的,(1403-1424):这最后的作品,仍然是草稿,保存在翰林院,毗邻英国大使馆,大部分都被这座建筑物的由团结工会造成的火灾摧毁了。”⁴一年后(1902年),佩利奥特(Pelliot)再次来到北京收集书籍和绘画:

“佩利奥特(Pelliot)先生在5月至10月期间在北京逗留后,于11月4日返回(河内 EFEO),带回了大量旨在完善中国图书馆的书籍。十八世纪在欧洲制作的一系列大型雕刻展示了干龙皇帝在中亚的胜利。他完成了大会秘书

¹ Louis Finot, “Documents administratifs”, BEFEO 1 (1901), p. 75.

² David B. Honey (2001), *Incense at the Altar: Pioneering Sinologists and the Development of Classical Chinese Philology*, American Oriental Series, Vol. 86. New Haven, CT: American Oriental Society, p. 59..

³ 这是义和团 1900年6月至8月对北京国际公使馆的围攻。(看: Louis Finot, “Documents administratifs”, BEFEO 2 (1902), p. 116).

⁴ 以上

长的职务¹，并于12月16日在总统官邸开设了汉文课程²。”根据上述信息，可以得出一些初步结论，如下所示：

1. 中国书籍的收集始于与“印度支那、东印度群岛和中国与北圻接壤的省份”有关的出版物和材料。这是为比较区域研究奠定基础的第一步。

2. 大型和重要的书籍，如《永乐大典》，从一开始就被视为图书馆必不可少的精细部分。

3. 研究所博物馆还收藏了具有特殊历史价值的美术作品。1921年，在回顾“中国图书馆”（Bibliothèque Chinoise）建设20年的历程时，EFEO描述了藏书的收集情况以及从中国和日本购买的书籍总数：

“中国图书馆的建立几乎完全归功于其成员在中国的出差。正是由于佩利奥特先生，他的主要作品集于1900年、1901年和1902年；1902年，该图书馆编目了23884本(本或册)。爱德华·胡贝尔 (Edouard Huber) 以及马斯佩罗 (Maspero) 和奥鲁索 (Aurosseau) 先生在中国的收藏，同样的采购在日本，无论是由 Péri 先生还是按订单，都没有停止帮助该系列的增长。仓库目前有2932个编号，包括107个大尺寸作品编号（G级标志），543是小作品的数量(P级标志), 2282是中等作品的数量(无分级标志)。这些书大多是欧洲风格的封面。由于每部作品的剧集数量没有定期输入库存，因此今天很难确定剧集总数；一个近似值将毫无意义。”³ 20世纪初，EFEO的“中国图书

¹ 第一届国际远东研究大会(Premier Congrès international des Etudes d'Extrême-Orient)于1902年12月3日至8日在河内举行。参考: *Premier congrès international des Etudes d'Extrême-Orient Hanoi 1902 - Compte rendu analytique des séances*, F.H. Schneider, Imprimeur-Éditeur, Hanoi, 1903.

² “L'École française d'Extrême-Orient depuis son origine jusqu'en 1920”, *BEFEO* 21 (1921), p. 21.

³ “Chine”, *BEFEO* 21 (1921), p. 383-4.

馆”被认为是东南亚国家可以找到的大型仓库，对该地区的研究人员具有特殊价值。总之，EFEO 坦率而自豪地评估了其“中国图书馆”的实际科学价值：

简言之，如果该研究所的图书馆不能在其藏书的数量或稀有性方面占据领先地位，那么目前没有一种更方便，也没有一种更符合西方科学的要求。上面列出的项目就是最好的证明。他们确保该研究所是一个值得其在汉学领域所代表的伟大传统的地方。“在保持技术性的同时，我们希望充分展示它们在帮助我们理解当今引起全世界好奇心的文明方面取得的显著进展。”¹

可以说，到上世纪 20 年代初，EFEO 图书馆的中国书库已经基本形成。现在也是为这本书编撰一套西方标准目录的时候。

1.3. EFEO 图书馆汉语书库目录

1929 年 3 月，EFEO 出版了其目录的第一卷，名为《东方科学图书馆》（*Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'Econçaise d'Extrême Orient*（古代远东图书馆藏书目录，简称目录）。根据埃米尔·加斯帕登（1895-1982）的说法，这项集体工程始于 1919 年。经过多年的准备，由于人力短缺和印刷困难，这本书推迟了 10 年才向公众开放。² 目录这还将日本收藏的汉文佛教作品视为图书馆的亮点之一，比如是 Dai Nihon kōtei daizōkyō 大日本校訂大藏經与印版 Tōkyō Kōkyōshoin 弘教書院 (1880-1885)，印版 Kyōto Zōkyōshoin 藏經書院，续编 Dai Nihon zoku zōkyō 大日本續藏經。³

关于编辑团队，埃米尔·加斯帕登 (Émile Gaspardone) 说，主要合作者包括：Tchong Man-Khai/Tchong Wen-k'i (Chung Văn Khê) 鍾問溪，中国人负责

¹ 以上, p. 387.

² E. Gaspardone, 书点 *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, BEFEO 29 (1929), p. 384.

³ “Advertissement”, trong: École Française d'Extrême-Orient, *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'École française d'Extrême-Orient*, Tome Premier: A - Hou, Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient, 1929-1931, p. VII.

大多数注释以“按”一词（评论、评论）开头的注释并识别作者；越南学者，如陈文甲 Trần Văn Giáp, 白国龙 Bạch Quốc Long 和陈含晋 Trần Hàm Tấn.¹

目录最初是在亨利·马斯佩罗（Henri Maspéro）的指导下编制的，后来是莱昂纳德·奥鲁索（Léonard Aurousseau）。编辑部计划印刷成多卷，以作者索引结束，已目列表叢書和省智专科 (monographies provinciales), 和一汇总表。包括两个重要收藏品的附录《四部叢刊》（和《道藏》也被列入目录。可惜的是，在 20 多年（1929-1951 年）的时间里，只印刷了三卷（六本），以 Ma-Mou² 押韵结束。

STT	Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'EFEO	Năm in	Nơi in	Mục từ	Số trang
1	Tập 1:1	1929-1931	Hà Nội: Impr. d'Extrême-Orient	A-Hou	1-646
2	Tập 1:2			Hou-K'iao	647-932
3	Tập 2:1	1935-1937		Kie-Li	933-1462
4	Tập 2:2	1938-1940		Lie-Lu	1463-1658
5	Tập 3:1	1941-1943			
6	Tập 3:2	1951	Saigon: Impr. d'Extrême-Orient	Ma-Mou	163 trang

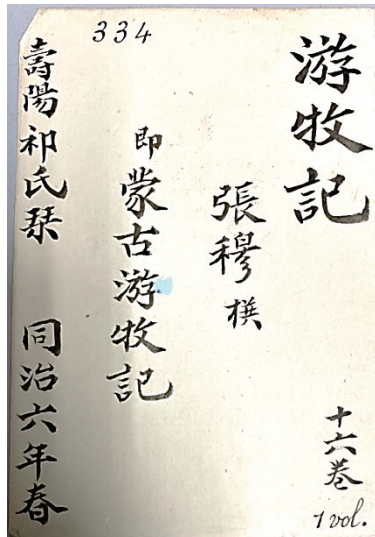
远东图书馆的汉语藏书目录印刷成多卷，1929 年开始，1951 年残棋结束

（根据法国国家图书馆的在线目录，BnF, <https://catalogue.bnf.fr/rechercher.do?motRecherche=inventaire+du+fonds+chinois+de+la+bibliotheque+de+l%27ecole+fran%C3%A7ais&critereRecherche=0&depart=0&facetteModifiee=ok>).

¹ 以上, p. VIII. 根据莫里斯·杜兰德（Maurice Durand）的说法，陈含璠（Trần Hàm Tấn）（1887-1957）是“越南最后一位伟大的儒家作家之一，也是该校最受尊敬和最经验的越南科学合作者之一”。根据杜兰德 Durand 的说法，“主要是因为他编纂了汉书目录，在那里，他与学校成员一起担任校准工作。” (Philippe Le Failler, L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam: 1900-2000 - Regards croisés sur un siècle de curiosité scientifique / 法国古代远东研究院在越南: 1900-2000 - 回顾一个世纪的科学研究, EFEO, 河内, tr. 38-9); 多参考: Maurice Durand (1960), “Nécrologie 陳含璠 (1887-1957)”, BEFEO, L (1960), p. 179-181.

² “Advertissement”, trong: École Française d'Extrême-Orient, Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'École française d'Extrême-Orient, Tome Premier : A - Hou, Hanoi : Imprimerie d'Extrême-Orient, 1929-1931, p. V.

目录单系统已用于编译此多卷目录集。值得注意的是，目录中的条目并不遵循当时流行的韦德·吉尔斯 Wade-Giles 转录系统，而是使用法语拼写来转录汉语单词¹。



编号: 334

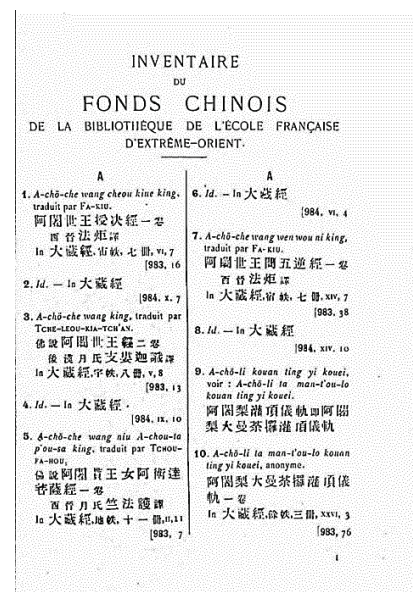
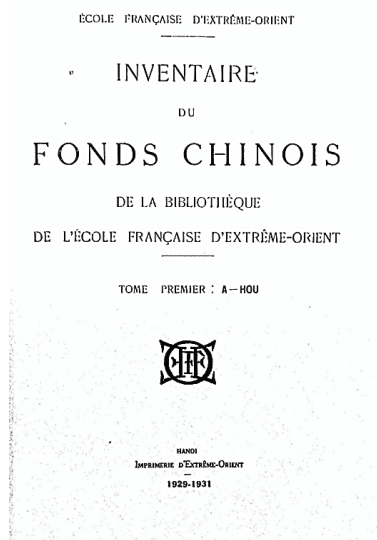
书名: 游牧記, 蒙古游牧記, 16 本 - 1 vol.

作者: 張穆

印刷: 壽陽祁氏棐 (性祁 [嵩藻] (在寿阳生行)

印刷年份: 同治六年春 (同治第六年春, 1867 年)。

EFEU“中国图书馆”编目表 (fiche) : [蒙古] 张牧的《游牧记》，符号编号、标题、作者、出版物和年份



《中国发明》 (Inventaire du fonds chinois) 的封面 (左) 和书中的首字母 A (右) \

¹ 该目录目前仍保存在文学研究所, 考古研究所和越南社会科学院下属的翰林院 社会科学图书馆 (社会科学信息研究所), https://opac.vn/search*vie?Searchtype=X&SORT=D&Searcharg=Inventaire+du+fonds+中文&searchscope=1

形成了一个拥有大量 EFEO 汉学文献的完整图书馆系统，成为全国的学术骄傲。1944 年，在西贡印刷的《印度支那体育周刊》发表了一篇文章，介绍了“一个文化机构——古代远东研究所”。1943 年 3 月 17 日在“新图书馆开始建设”之际发布的信息，文章详细而自豪地如下：

“据我们所知，该研究所目前有 80000 本书，包括手稿和大量绘画。80000 本书包括：40000 本欧洲-西方书籍、27000 本中国书籍、6000 本越南书籍、2500 本日本书籍和 2500 本柬埔寨语，老挝手稿。中国书籍由著名的法国学者撰写，如保罗·佩利奥特 Paul Pelliot、爱德华·胡贝尔 Edouard Huber、亨利·马斯佩罗 Henri Maspéro、莱昂纳德·奥鲁索 Léonard Aurousseau 和保罗·德米维尔 Paul Demiéville。印刷，绘画步骤（约 20000 多幅）源自整个法国的古代碑记。

(...) 是在印度、中国两种文明的“交汇点”——法国科学和法国精神的弘扬的光辉表现, 现在和法国文明”。¹

上面的摘录显示，图书馆的中国资料储备非常大，仅次于欧美书库。法国汉学家的名字不仅被庄严地列为收集书籍的贡献者，而且被列为在越南-法国建立国际汉学学科的先驱学者，当时，它成为三个文明的交汇处：印度-中国-法国。

2. 中华资料与越南学术发展

在研究某一时期思想史的发展时，不可忽视的一个重要问题是该时期的知识分子继承或获得了哪些资源；换言之，在这一时期形成其思想的资料来

¹ N.H.P. (1944)， “一个文化机构——博古远东研究所”，印度支那体育，第 18 期（新部），1944 年 1 月 6 日，第 14 页。类似地，Henri Cucherousset (1879-1936), trong: L'Indochine d'hier et d'aujourd'hui/东

源应予以澄清。这项工作使我们能够看到土著知识分子和知识来源之间的相互作用，这些知识通过出版物（书籍、报纸、图片）和这些新知识的本地化过程传播。

那些研究过 19 世纪末至 20 世纪初越南近现代思想史的人不禁要问,新旧知识分子所作的断言(discourses)是根据什么资料,以及什么文化,教育,商业渠道使他们进入了当时我国知识分子的范围。为了说明,可以申请潘珠贞与新信接触,与康有伟和梁启绍的著作,认知“民权”、“自由”或“发明了许多欧美文明真相”等新概念,这要归功于阮王朝的官员,如申仲辉、陶元普¹;或者黄叔抗也因为陶元浦的私人图书馆而读到戊戌政变,中国魂,日本维新史的书,新民丛报,以及“翻译成法语的欧洲书籍”²。由此可见,在这一时期引入越南的书籍和报纸仍然相当分散,主要属于在朝廷中占据职位的个人收藏。通过爱国者有机会接触这些出版物,进步思想在社会上传播。

在 20 世纪 20 年代和 30 年代的后期,特别值得注意的是道维英(1904-1988)的案例,他是一位融合了新旧学者的知识分子,努力获取新的思想来源,并从国外引进重要的研究材料进入越南。对他来说,“去会安参观那里的中国书店”,或者“在西贡买法文书,在大市场买汉文书,为民语报纸编辑部建一个书柜”,通过与国外联系人的个人关系是学术知识基础建设不可或缺的一部分³。据道维英说,自 20 世纪 30 年代末以来,他有机会与陈丽质先生建

¹ 黄祝抗 (Huỳnh Thúc Kháng) (1959),潘西湖历史先生,英明出版社,顺化,第 14 页。

² 黄祝抗 (Huỳnh Thúc Kháng) (2000),黄祝抗年谱(黄祝抗自传) & 致函外国代表侯强让,英明译,文化信息出版社,河内,第 33 页。

³ 参见:道维英(Đào Duy Anh)(2020),思念某个下日,出版社。河内,河内,第 23、25 页。“由于我认识了一位来自清化的年轻人,他曾在一家法国海事公司担任船舶秘书,当时他可能是西贡的联络人,以便进步的法国水手将法国共产党出版的书籍交给,他给了我一些关于共产主义的书。道维英 2020: 25”

立友谊，“一位在本世纪初参与创建联盟的维坦活动家”，陈先生给了他“一整箱新的中国信件，本世纪初，我国的爱国有学历者通过这些信件获得了启发，发起了一场启蒙运动”¹。除了从当地和通过个人关系收集书籍外，道维英还特别强调了图书馆系统的重要性，“如宝大书院，远东博古院书院”²。对于道维英来说，EFEO 图书馆不仅是一个丰富而重要的文献资源，也是他系统地学习新的历史方法以帮助研究越南历史的地方：

“我认为，为了能够用我自己的文字整理历史文献，我应该继续学习河内古代远东博学研究所的法国学者的方法。除了 H.Maspéro 的作品外，我还注意到 E.Gaspardonne 的两本书：李文凤的《越侨信》书翻译版在远东博古杂志（BEFEO）刊登了，并考察高雄的《安南志》提是 Ngan-nan tche-yuan 在古代学院的文本和文件 (Textes et Documents) 中印刷”³。

如果道维英作为研究所外的研究人员接触和学习 EFEO 和图书馆系统（特别是中国书仓），陈文甲（1902-1973）作为研究所的学者，在研究材料和研究方法方面都得到了有效的利用。起初，他被研究所录取复制汉文文本，后来，凭借汉学基础（1915 年考上了三个学校）和科学资历，于 1920 年 1 月正式招募到 EFEO 图书馆。在七年（1920-1927 年）的时间里，通过不断努力专业学习和提高外语（法语），他通过对目录（如上所述）的贡献，在书目研究生涯中留下了印记。1927 年，陈文甲被 EFEO 派往法国留学，在法国完成了 5 年的留学生活，并发表了优秀的科学著作，其中包括论文《Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIII^e siècle》（越南的佛教，从起源到 13 世纪）在 École Pratique des Hautes Études de la Sorbonne（1931 年 Sorbonne 高等实践学院）和

¹ 如上，第 51 页

² 如上，第 68 页

³ 如上，第 70 页

Les chapitres bibliographiques de 黎贵敦 et de 潘惠珠（黎贵敦和潘惠珠的天书志）在 Institut de Hautes Études Chinoises de Paris（巴黎汉学院，1931 年）¹提交。这些科学成就标志着越南历史和文献研究（特别是在汉学领域）在 EFEO 及其图书馆系统的学术基础上发展和融入世界。

3. 为社会研究和发展服务的宝贵材料

EFEO 于 1901 年在西贡成立，1902 年迁至河内，其图书馆系统（包括“中国古籍”逐渐形成）虽然有助于改变越南在社会科学（特别是汉学）领域的学术面貌，但其服务范围仅限于特定学术界。他们是隶属于 EFEO 的法国顶尖学者，以及越南本土知识分子，或与 EFEO 合作（如阮文轩、阮文素、陈文甲、陈汉坦等）²，或者只将图书馆用作 EFEO 以外的读者（如道维英所述）。EFEO 图书馆拥有许多新书类型的出版物，但它们对越南思想史的发展没有直接贡献：如上所述，20 世纪初的越南革命者和社会改革家仍然不得不从主流图书馆系统³之外的不同来源收集信件。但其学术价值和科学地位并未减弱。一个简单易见的证明是陈文甲的《Le Bouddhisme en Annam》书目中“Ouvrages Chinois”部分（中国作品）列出的书籍在 Sorbonne 高等实践学院提供几乎都在 EFEO 的“中国古籍仓库”里⁴。

¹ 参考: Philippe Le Failler, *L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam, L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam: 1900-2000 - Regards croisés sur un siècle de curiosité scientifique/越南法国古代远东研究所: 1900-2000 年-回顾一个世纪的科学研究*, EFEO, 河内; 正志 (2021), “陈文甲学者与 1945 年前的佛教研究”, 佛教文化杂志, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/11086>, 访问日期: 2023 年 9 月 28 日。

² 参见: 阮光耀(Nguyễn Quang Diệu) (2021), “第一个在印度支那为博古远东学院工作的越南人是谁?”, 青年 2021/05/02, <https://thanhvien.vn/nguoi-viet-dau-tien-lam-cho-hoc-vien-vien-dong-bac-co-o-dong-duong-la-ai-1851062968.htm>, 访问 2023/09/28。

³ 看: 阮男 Nguyễn Nam(2021), “Traveling Knowledge: Publications from Japan and China in Early Twentieth-Century Vietnam”, *Japanese Studies Around the World*, p. 10-27.

⁴ 陈文甲(Trần Văn Giáp) (1932), “Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIII^e siècle”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 32, p. 201-202.

在 21 世纪的前二十年,随着数字技术的发展,许多不同领域的中国经典作品已经数字化,允许关键词全文检索,并向公众广泛开放。例如,一些平台已经变得流行和广泛使用,例如“中国文本项目”(Chinese Text Project) (<https://ctext.org>), 或一系列的平台整合到南加利福尼亚州大学 (University of Southern California) 的图书馆系统的“中国研究: 经典中国文本 (Chinese Studies: Classical Chinese Texts)” https://libguides.usc.edu/chinese_studies/classics”。按照这一趋势, 目前存放在社会科学图书馆“中国古代书库”中的许多作品已经数字化, 允许光学字符识别(Optical Character Recognition, OCR), 通过关键字查找全文 (keywords)。然而, 书库的使用价值和历史价值保持不变, 因为书库中的许多作品尚未数字化, 也没有向公众开放; 另一方面, 同一作品的不同印刷品的故事也可以为书库带来特殊价值。

从历史上看, “中国古代书库”已经有 120 多岁了, 但它服务的读者仍然很小, 很谦虚。书目的公开, 允许国内外需要使用材料的读者访问书库, 符合知识共享领域的全球发展趋势。通过开放档案欢迎读者 (主要是研究人员) 查阅, 社会科学图书馆将为从古代书目中产生新知识 (production of new knowledge) 做出重要贡献。了解过去始终是感知现在和展望未来的重要起点。“中国古代书库”让我们了解了古代中国及其周边地区。因此, 开放图书库, 使几代研究人员能够了解现有的档案, 也有助于连接世代, 从而在知识以及在全球背景下实现民族独立和团结方面产生积极的社会影响。

参考资料

1. “Chine”, *BEFEO* 21 (1921).
2. “L’École française d’Extrême-Orient depuis son origine jusqu’en 1920”, *BEFEO* 21 (1921).

3. École Française d'Extrême-Orient, *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'École française d'Extrême-Orient*, Tome Premier: A - Hou, Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient, 1929-1931.
4. “L’Indochine d’hier et d’aujourd’hui” (印度过去和现在), 编舞仪翻译, *L’Éveil Économique*/印度支那经济报, 河内, 1936.
5. *Premier congrès international des Etudes d'Extrême-Orient Hanoi 1902 - Compte rendu analytique des séances*, F.H. Schneider, Imprimeur-Éditeur, Hanoi, 1903.
6. 道维英(Đào Duy Anh) (2020), *思念某下日*(, Nxb. 河内, 河内.
7. 正志(2021),“陈文甲学者于 1945 年前研究佛学”, 佛教文化杂志, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/11086>, 访问日期 2023/09/28.
8. 参见: 阮光耀(Nguyễn Quang Diệu) (2021) , “第一个在印度支那为博古远东学院工作的越南人是谁? ”, 青年 2021/05/02 , <https://thanhnien.vn/nguoi-viet-dau-tien-lam-cho-hoc-vien-vien-dong-bac-co-o-dong-duong-la-ai-1851062968.htm>, 访问 2023/09/28.
9. Maurice Durand (1960), “Nécrologie Trần-Hàm-Tán 陳含璫 (1887-1957)”, BEFEO, L (1960).
10. Louis Finot (1902), “Documents administratifs”, BEFEO 2 (1902).
11. E. Gaspardone (1929), 书点 *Inventaire du fonds chinois de la Bibliothèque de l'École française d'Extrême-Orient*, BEFEO 29 (1929).
12. 陈文甲(1932), “Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIIIe siècle”, *Bulletin de l'École française d'Extrême- Orient*, Tome 32.
13. David B. Honey (2001), *Incense at the Altar: Pioneering Sinologists and the Development of Classical Chinese Philology*, American Oriental Series, Vol. 86. New Haven, CT: American Oriental Society.
14. 黄祝抗 (Huỳnh Thúc Kháng) (1959), 潘西湖历史先生, 英明出版社, 顺化。.
15. 黄祝抗 (Huỳnh Thúc Kháng) (2000), 黄祝抗年谱(黄祝抗自传) & 致函外国代表侯强让, 英明译, 文化信息出版社, 河内.
16. B. Laufer (1918), “Édouard Chavannes”, *Journal of the American Oriental Society* , số 38 (1918).
17. 吴世龙 (Ngô Thế Long) (2016), “古代远东学院图书馆”, 《社会科学信息杂志》, 403 (2016 年 7 月) , 第 10-17 页。

18. 阮男 (Nguyễn Nam)(2021), “Traveling Knowledge: Publications from Japan and China in Early Twentieth-Century Vietnam”, *Japanese Studies Around the World*, p. 10-27.
19. Philippe Le Failler, *L'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam: 1900-2000 - Regards croisés sur un siècle de curiosité scientifique* / 法国远东研究所：1900-2000 年-回顾一个世纪的科学研究，河内 EFEO。
20. N.H.P. (1944), “一个文化机构-古老的远东研究所”，印度支那运动，第 18 号（新部），1944 年 1 月 6 日。
21. 胡士贵(Hồ Sĩ Quý), 王全 (Vương Toàn)（主编，2011），社会科学图书馆，出版社。社会科学，河内。
22. 阮氏明忠 (Nguyễn Thị Minh Trung)（2018），“社会科学图书馆中国古代档案馆的一些文化价值”，《越南图书馆杂志》，第 5 号（73），2018 年 9 月，第 55-59 页。

BỘ ĐẠI TÙNG THƯ VŨ LÂM CHƯỞNG CỔ TÙNG LUẬN

Đình Khắc Thuân¹

Đình Mỹ Linh²

Tóm tắt: Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có khá nhiều bộ tùng thư, trong đó có bộ “Vũ Lâm chương cổ tùng luận” (武林掌故叢論), ký hiệu: TQC0020592 (Ký hiệu cũ: 1587/1 đến 1587/68). Bộ đại tùng lâm này gồm 203 sách, sưu tập các tác phẩm của tác giả người Vũ Lâm, cùng những sáng tác về Vũ Lâm từ thời Ngũ Đại thế kỷ X đến niên hiệu Quang Tự (1875-1908) đời Thanh, Trung Quốc. “Vũ Lâm chương cổ tùng luận”, ngoài bộ Địa chí, chủ yếu sưu tập những sáng tác về vùng đất Vũ Lâm, trong đó tiêu biểu là thơ phú, ký sự viết về danh tích Tây Hồ. Đặc biệt, bộ tùng thư này hoàn toàn là bản khắc in vào những năm thuộc niên hiệu Quang Tự 光緒帝 (1875-1908). Đây là bản in gốc hy hữu được bảo tồn nguyên vẹn tại Thư viện Khoa học xã hội. Bài viết giới thiệu khái quát về cơ cấu, nội dung và văn bản bộ đại tùng thư này.

Từ khóa: Tùng thư, Vũ Lâm huyện, Tây Hồ

1. Khái quát về bộ Tùng thư Vũ Lâm chương cổ tùng luận

Bộ tùng thư này có tên chung là *Vũ Lâm chương cổ tùng luận* 武林掌故叢論 gồm 203 sách, sưu tập các tác phẩm ở huyện Vũ Lâm làm thành đại tùng thư. Trong đó có bài tựa về việc sưu tập để biên tập thành tùng thư này do Đàm Chung Lân viết.

Sách đầu tiên *Ngự đề Càn Đạo Lâm An chí* được sưu tập có quy mô khá lớn, gồm 7 tác phẩm. Đây là sách địa chí huyện Lâm An do Chu Tông soạn năm Càn Đạo

¹ GS.TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

² TS., Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

5 (1169), khắc in năm Quang Tự 4 (1878), chia làm 3 quyển: quyển 1 là “Quan cung”, quyển 2 là “Lịch đại diên cách”, quyển 3 là “Mục thú” (đầu mục),... Sách ghi chép về danh lam thắng cảnh ở Đô Thành. Tiếp đó là sách *Tiền Đường Tây Hồ bách vịnh*, gồm 100 bài thơ vịnh Tây Hồ do Quách Tường Chính soạn, khắc in năm Quang Tự 6 (1880), do Vũ Lâm Đình thị san.

Các sách tiếp theo gồm:

Tiền Đường Tiên hiền truyện tán do Viên Thiệu người đời Tống soạn, khắc in năm Quang Tự 4 (1878), Tuyền Đường Đình thị khắc, gồm các bài tán về Tiên hiền ở Tiền Đường.

Cổ Hàng tạp ký do Lý Hữu đời Tống soạn, được Tiền Đường Đình thị san khắc năm Quang Tự thứ 9 (1883), tạp ghi về Hàng Châu, như tang ma ở Hàng Châu, thơ ca...

Cổ Hàng tạp ký thi tập không rõ của tác giả nào, in ấn năm Quang Tự Tân Ty (1881), do Tiền Đường Đình thị san khắc, có 4 quyển lưu trữ tại Khải Thúc gia tàng bản, gồm thơ vịnh về Cổ Hàng tức Hàng Châu.

Tây Hồ vận sự do Nhữ Khiêm Nhiên soạn, khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), Tiền Đường Đình thị san khắc. Nội dung gồm ba tác phẩm của Nhữ Khiêm Nhiên, đó là “Tây Hồ vận sự”, “Bất Hệ viên”, “Tùy Hỉ am tập”...

Lưu Hương nhất lãm do Thích Minh Khai biên tập, khắc in năm Quang Tự thứ 5 (1879), gồm thơ ca như bài “Pháp Hoa sơn”, “Khai Hóa am”, “Thượng Thặng am”,...

Lý An tự chí do Hàng Thế Tuấn soạn năm Càn Long 25 (1768), khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), chia làm 4 quyển, quyển 1 là “Ân sùng”, quyển 2 là “Phạn vũ”, quyển 3 là “Sơn thủy”, quyển 4 là “Ruộng đất”, quyển 5 là “Thiền tông”, quyển 6 là “Quy ước”.

Lý An tự chí khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), quyển 7 và quyển 8, gồm: Trứ tác và Nghệ văn do Đại sư Phập Vũ biên. Nội dung sách tập hợp các sáng tác văn học về chùa Lý An.

Quảng Phúc miếu chí khắc in năm Quang Tự thứ 3 (1877), do Ngô Ngọc Điền san khắc, chép lại sắc phong các đời ban cho thần miếu Quảng Phúc, cùng những bài ký về miếu Quảng Phúc như “Lãm kiều Quảng Phúc miếu bi ký”, “Lãm kiều Quảng Phúc miếu ký”,...

Vũ Lâm cưu sự của Chu Mật đời Tống do Tần Tương Nghiệp sưu tập, khắc in năm Quang Tự thứ 4 (1877), gồm các sắc chỉ, ngự giáo trong các tiết lễ như Thánh tiết, Khánh thọ sách bảo,...

Trùng Dương am tập do vị trụ trì am này là Mai Chí Tiêm biên tập, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), gồm các bài văn, thơ, như Trùng Dương am ký, Thành Hóa Hàng Châu phủ chí,..

Tây Hồ ký thuật của Viên Hoằng Đạo, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), gồm các bài ký, như ký 1, ký 2, Linh ẩn, Liên Hoa động,...

Huệ Ân tự chí của Lý Chử thời Minh, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), gồm 12 quyển, mỗi quyển một mục như Nguyên thủy, Cảnh vật, Tổ đức, Đàn na, Cung vũ, Bi ký, truyện ký, tạp văn, đề vịnh, pháp tự.

Trung Quán bi ký sự chép một số bài văn bia, ký sự của Dư Mậu Bình và một số tác gia khác như Hồ Quốc Giai, Từ Văn Nghi,...

Tây Hồ tu kế thi của Từ Duy Côn, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), gồm bi ký, thơ

Đường Thê chí lược của Hà Kỳ, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), gồm 2 quyển Thượng và Hạ, chép thơ như Sơn thủy, Phạn li, Đường Lâu tự,...

Ngô Sơn di sự thi của Chu Bành do Hà Kỳ sưu tập, gồm những bài thơ lưu truyền và chép trong sách vở.

Nam Bình bách vịnh thơ vịnh của Chu Bành gồm 100 bài thơ đề vịnh khi lên am núi Vạn Phong ở Nam Bình (tên gọi là Tây Hồ từ Nam Tống về sau).

Thôi Phủ quân từ lục do Trịnh Lăng soạn, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), gồm các bài văn bia, bài ký về đền Thôi Phủ quân.

Cô Sơn chí của Vương Phục Lễ người huyện Tiền Đường tỉnh Chiết Giang, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), gồm Cương vực thắng tích, cùng sáng tác thơ của ông về Tây Hồ như Tây Hồ, Tây Hồ xuân nhật,...

Thất thuật của Diêu Bô Chi đời Tống được Dương Văn Oánh kiểm định, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 1 quyển, gồm thơ tự thuật của tác giả.

Tập thơ văn về Hồ Sơn huyện Tiền Đường của Hạ Thời đời Minh, khắc in năm Quang Tự 7 (1881), 2 quyển gồm “Tiền đường Hồ sơn thắng cảnh ký” và “Hồ Sơn bách vịnh”.

“Tây Hồ ngoại du đồ đề bạt” do Lý Lưu Phương đời Minh soạn, được khắc in năm Quang Tự 7 (1881), 1 quyển, gồm các bài thơ như Tử Dương động, Vân Cư tự, Tây Lãnh kiều,...

Tây Cốc Phạn ản chí do Ngô Bản Thái đời Minh biên soạn, Hoàng Xán Hàm và Hoàng Khải Kỳ hiệu lý, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), được Trương Duy Gia đề, gồm 4 quyển sưu tập thơ của nhiều tác gia như bài “Khách” của Hồng Đạm Tổ, “Pháp Hoa sơn đạo trung” của Thích Quảng Tuân,...

Nam Tống cổ tích khảo của Chu Bành người huyện Tiền Đường, khắc in vào năm Quang Tự thứ 7 (1881), 2 quyển gồm quyển Thượng về “Thành quách khảo” và quyển Hạ về “Viên hựu khảo”,...

Vân Thê kỹ sự do nhà sư Thích Chu Hoằng soạn, được khắc bởi họ Đinh huyện Tiền Đường và Trương Dự Trứ kiểm định, 1 quyển, sau phụ lục 1 quyển “Hiếu Nghĩa am lục”, gồm các bài văn bia, di chúc, chúc dư, Tứ quy ước, ngũ kỹ hiên, lục tháp minh.

Nam Hồ xướng họa tập do Trương Thế Phong bản triều biên chép, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 1 quyển, kê các tác giả xướng họa thơ như Vương Kiến Chương, Lô Chi Hàn, Cảnh Tinh Quân, Đinh văn Hành,...

Sùng Phúc tự chí do Chu Văn Tảo soạn, Thích Chân Nguyên hiệu đính, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), được Ngô Triệu Lân đề tựa, 4 quyển, có tranh vẽ cảnh trí chùa, cùng tổng bạt, cùng thơ vịnh.

Tây Dã tập thi do Ngụy Tiêu bản triều soạn, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 2 quyển, gồm những bài thơ bài văn của Ngụy Tiêu về Tây Hồ.

Lâm An chí khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881), 6 quyển, từ quyển đệ ngũ đến quyển đệ thập, gồm cổ thành (Thành Đông môn, Thành Tây môn, Thành Bắc môn), Thủy môn (Đông, Bắc), xã đàn, phủ trị,...

Du Minh Thánh hồ khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 1 quyển, ghi nhật trình thăm thú cảnh đẹp Lâm An.

Khách Việt chí lược do Vương Trì Đăng đời Minh soạn, được khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 1 quyển ghi chép chuyến đi du ngoạn từ ngày 13 xuất phát từ Kim Xương môn đầu thuyền ở Thủy Giang đình ngắm trăng làm thơ phú. Phụ chép thơ của tác giả, như Tiền Đường dạ bạc, Đại Phật tự,...

Thanh Ba tiểu chí do Từ Phùng Cát đời Thanh soạn, được khắc in năm năm Quang Tự thứ 7 (1881), 2 quyển, gồm quyển 1 là “Thanh Ba tiểu chí”, quyển 2 là “Tiểu chí bổ di” ghi chép về Thanh Ba môn, nhớ lại khi nhỏ được sống ở bên ngoài cổng này đã nghe nhiều lời truyền. Chép bổ sung, ghi tên một số bộ kinh Phật như Tứ ngự thư Kim Cương kinh 1 quyển, bia văn,...

Chiêu Khánh luật tự khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 10 quyển, gồm các mục Tự đồ, Thịnh điển, Cựu tích, Tịnh xã, Giới luật, Cháp luật, Tăng già,... Sách ghi chép về quy chế, hoạt động của chùa Chiêu Khánh là một giới luật viện của Phật giáo, gồm: bản đồ, nghi lễ, di tích cũ, giới luật, tăng đoàn tu hành.

Định Hương tạp trứ được khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881), 2 quyển, gồm quyển Thượng là “Kỷ du” và quyển Hạ là tạp vịnh 62 bài thơ.

Kim Ngưu hồ ngư xướng do Trọng Nhã tiên sinh ở Minh phủ sáng tác, vịnh về mây nước, trăng sao. Tập thơ được Trương Văn Ngao huyện Tiền Đường sưu tập, khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881).

Tây Hồ du ký là bài ký chữ Hán sáng tác vào năm Quang Đạo Tân Ty khi cùng bạn hữu đến Hồ Tây lâu, được khắc in năm Quang tự Tân Ty.

Sách bài luận về gương sáng *Ngân Bình*, khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), vốn truyền lại câu chuyện đời Tống là, có một nữ tướng của Trung Vũ, khi Trung Vũ chết, thì nữ tướng ôm Ngân Bình nhảy xuống giếng tự vẫn.

Văn bia “Long Tỉnh hiển ứng Hồ công mộ ký” của Đinh Ngưu huyện Tiền Đường soạn, khắc in bởi Tiền Đường Đinh thị, ghi chép công trạng của Hồ công được chép trong sử sách, cùng phần mộ. Phụ chép bài văn bia mộ của Hồ công “Long Tỉnh phông Hồ Thị lang mộ ký”.

Kiến Tịnh Từ tự chí do nhà sư trụ trì chùa là Tường Chủ Vân biên tập, 7 quyển từ quyển 7 đến quyển 13, gồm các mục Tự sản, Trụ trì, Pháp tự, Tháp viện, sơn thủy.

Tây Lãnh Tiên vịnh của Viên Kiêu Chân Dật soạn năm Đạo Quang Giáp Ngọ, được khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881), 3 quyển, gồm 2 bài bạt, Hồ Thượng tụng hiên hoàng, Phan Lăng hạng vịnh phan tiêu dao, Trung Sơn vịnh việt xứ nữ,... Sách tập hợp tác phẩm văn học của tác giả Chân Dật.

Bắc ngẫu chương lục do Hoàng Sĩ Tuân huyện Tiền Đường soạn, được khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881), 2 quyển, gồm quyển Thượng và quyển Hạ, khởi đầu là bài “Vạn Thọ đình”, câu chuyện truyền lại ở đây.

Tây Hồ tạp thi của Tương Đán người huyện Tiền Đường soạn, được khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881), 1 quyển, chép thơ của ông sáng tác trong thời gian sống ở bên Hồ...

Dương Thanh từ chí của Đinh Ngọ người huyện Tiền Đường soạn, được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, gồm các mục như Kiến trí, Truyện ký, Vạn Lịch Hàng Châu phủ chí,... Sách tập hợp các tác phẩm truyện ký, địa chí về địa danh đền Dương Thanh.

Tây Hồ cao tăng sự lược được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, gồm các truyện về cao tăng, như Tần Tam tạng lý pháp sư, Tề Ngọc Tuyên khởi pháp sư, Tỳ Hạp Trúc quan pháp sư,...

Tây Hồ Trúc chi tập được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, viết về một số nhân vật nổi tiếng, như Dương Duy Trinh người Thiệu Hưng đỗ Tiến sĩ, Dương Tái tự Trọng Hoàng ,...

Tây thôn thập ký do Giám Minh Cổ Phụ soạn, được khắc in năm Quang Tự Nhâm Ngọ (1882), 1 quyển, gồm 10 bài ký về Tây Thôn, như Ký Lâm Bình sơn, Ký Bảo Thạch sơn, Ký Tây Hồ,...

Tác phẩm do Trương Đại soạn, được khắc in năm Quang Tự Quý Mùi (1883), 5 quyển, gồm “Tây Hồ tổng ký”, “Tây Hồ Tây lộ”, “Tây Hồ Trung lộ”, “Tây Hồ Nam lộ” và “Tây Hồ ngoại cảnh”. Sách tập hợp các ghi chép về di tích và lịch sử vùng Tây Hồ (Trung Quốc).

Thao Quang am kỷ du tập được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, sưu tập thơ văn về Thao Quang phía Tây Tây Hồ, nơi Bạch Cư Dị từng ở, như bài Ký Thao Quang thiền sư của Bạch Cư Dị, Đáp thi của Thích Thao Quang, Du Linh Ân tự của Bạch Cư Dị,...

Phượng Hoàng sơn Thánh Quả tự ký do Thích Siêu Kiền sưu tập, được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, sưu tập thơ của nhiều tác giả về núi Phượng Hoàng ở phía Nam thành Vũ Lâm, như Bạch Cư Dị ký Chu Phán quan của Bạch Cư Dị, Thạch khắc của Trần Thiên Thụy, Quan hồ của Thẩm Tiệp,...

Nam Chương tử do Thẩm Thích tổ soạn, được khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881), 2 quyển: quyển Thượng và quyển Hạ, gồm các mục như Nguyễn thủy, Hà chữ, Cổ Nam Chương hồ, Kỷ cư, thôn lạc, Tây khê, thổ lợi,... Sách tập hợp các ghi chép về địa chí (sông ngòi, đất đai, dân cư...)

Đông thành tạp ký do Lợi Ngạc sưu tập, được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 2 quyển: quyển Thượng và Hạ, sưu tập thơ văn về thành Đông, như bài thơ Vĩnh Thọ tự, Phú Cảnh viên, bài Du Đông Viên khải, Tống họa viên,...

Hồ thuyền lục do Lợi Ngạc soạn, được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, sưu tập thơ vịnh, như bài Thường tâm, Lâu thuyền, Thủy Nguyệt lâu,...

Vũ Lâm di lão do Trương Hàn đời Minh soạn, được khắc in năm Quang Tự thứ 8 (1882), 1 quyển, quy ước hội Di Lão về hội họp, ăn uống, cùng vẽ chân dung các vị cao niên trong hội Di Lão và thơ hội Di Lão,...

Tây Hồ nguyệt quán do Trần Nhân Tích đời Minh soạn, được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, gồm các bài ghi “kỷ” khi quan sát đêm Tây Hồ, như bài “Sơ tứ nguyệt kỷ”, “Sơ ngũ nguyệt kỷ”. “Sơ lục nguyệt kỷ”,...

Ngao Phong xướng họa do Đạo sĩ Phạm Ứng Hư đời Minh soạn, được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, gồm thơ xướng họa của các danh nhân, như bài “Nhạn môn tát đồ xát thiên tích” của Phạm Chí Mẫn, bài “Kim Hoa Hoàng Tiềm tấn khanh” của Hàn lâm Thị giảng Học sĩ,...

Hoành Sơn lãm ký do Mã Nguyên Diệu đời Minh soạn, được khắc in năm Quang Tự thứ 7 (1881), 1 quyển, gồm các bài ký về núi Hoành Sơn như “Đăng Hoành Sơn thảo đường”, “Lan Sầm hà ngoại đình”, “Tàng Kinh các chí điều đài”,...

Hiếu Từ am tập do nhà sư, pháp danh là Tịnh Trần soạn, được khắc in năm Quang Tự Tân Ty (1881), 1 quyển, gồm các bài ký nói về am Hiếu Từ như “Hiếu Từ am ký”, “Hiếu Từ am chủ trì”, “Hiếu Từ am Thiền sư hành thực tự”,...

Vũ Lâm thảo do Triệu Sĩ Lâm đời Thanh soạn, được khắc in năm Quang Tự Nhâm Ngọ (1882), 1 quyển, gồm sáng tác thơ của ông như các bài “Thăng Chiết Giang Tuần phủ”, “Ngô Sơn điều vịnh”, “Hồ tâm đình”. Phụ chép những điều ước ở phủ Chiết Giang, như Nghiên quan thủ, Quảng điều trần,...

Lý cư tạp thi do Chu Chương đời Thanh soạn, 1 quyển, gồm các bài thơ tản mạn của ông, như các bài “Đề nhất bán lưu thư ốc”, “Tân thụ ngâm đề cú lưu thư ốc”,...

Kim cổ đồng chí do Chu Văn Tảo đời Thanh soạn, được khắc in năm Quang Tự Kỷ Mão (1879), 8 quyển. Tập này gồm 4 quyển đầu từ 1 đến 4. Quyển Thủ sao lục Ngự chế văn như bài “Ngự chế Kim Cổ đồng”, quyển 1 là “Tiến tích”, quyển 2 là “Sơn thủy”, quyển 3 là “Sơn thủy”, quyển 4 là “Viện vũ”, quyển 5 là “Lân am”, quyển

6 là “Giáo tổ”, quyển 7 là “Pháp tự” và quyển 8 là “Ngoại kỷ”. Sách tập hợp, sao chép các tác phẩm văn học, ghi chép địa lý, ghi chép về Phật giáo.

Sưu tập tiếp 4 tập còn lại (từ quyển 4 đến quyển 8) của “*Kim Cổ động chí*” khắc in năm Quang Tự Kỷ Mão (1879), về viện vũ, lân am, giáo tổ, Pháp tự và ngoại kỷ. Ghi chép về các di tích chùa chiền và sinh hoạt Phật giáo ở động Kim Cổ.

Tân môn tán chí khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 1 quyển, có tựa, bạt, cùng các bài ký về Tân Môn, như “Tân Môn Sùng Tân môn”, “Mai Hoa bi ký”, “Đại Thông Minh điện ký”.

Thành Bắc Thiên Hậu cung ký do Đinh Ngọ soạn, 1 quyển, khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), ghi chép về cung Thiên Hậu ở Bắc Thành, có bản vẽ sơ đồ mặt bằng cung Thiên Hậu, cùng các bài như Bản truyện, chiếu chỉ sắc phong các triều.

Hồ Xu tạp ký khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881) 1 quyển, có tựa, tạp ghi về các danh tích ở Hồ Hư, như Chiêu Khánh tự, Tây Lãnh kiều, Tô đê bạch đê, Thập cảm đường,...

Sài thị Tây Hồ bách vịnh khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 1 quyển, có tựa, mục lục, gồm 100 bài vịnh về Tây Hồ, như “Hành cung tứ thủ”, “Bạch Tô di tích”, “Tiền Đường lục tỉnh”,...

Xuân thảo viên tiểu ký, 1 quyển, gồm những ghi chép về vườn Xuân Tảo, như bài “Nhị lâm ngâm ốc”, “Kỳ lâu”, “Tây trì”, “Thủy biên lâm hạ”,...

Vũ Lâm tân niên tạp vịnh khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 1 quyển, có mục lục, gồm các bài vịnh về năm mới của nhiều tác giả, như bài “Chính sóc” của Hoàng Mô, “Hiển chương Tôn” của Ngô Tích Kỳ, “Nguyệt lệnh” của Diêu Tư Càn,...

Phục Viên hồng bản kiều thi 1 quyển, gồm các thơ vịnh, dưới mỗi bài thơ ghi rõ làm theo vần nào, như các bài “Mục môn” đắc Canh vận, “Trà viên” đắc sách vận, “Giang thanh” đắc vu vận,...

Đông Giao thổ vật thi khắc in năm Quang Tự 8 (1882), 1 quyển, gồm các thơ vịnh về thổ vật ở Đông Giao của một số tác giả, như các bài “Bình nghệ tửu”, “Thạch xuân” của Ngô Đình Phương; “Lạc Hoa vu”, “Cương” của Trương Hiến,...

Giang hương tiết vật khắc in năm Quang Tự 8 (1882), 1 quyển, gồm các bài thơ vịnh về sản vật ở Hương Giang, như các bài “Hoan hỉ đoàn”, “Ô kim”, “Niên cổ”,...

“*Lan Nhân tập*” khắc in năm Quang Tự Tân Tỵ (1881), 2 quyển Thượng và Hạ, gồm các bài văn bia, thơ, từ của một số tác giả. Quyển Thượng có các bài “Cúc Hương mộ bi”, “Cúc Hương mộ”, “Tiểu thanh truyện”; quyển Hạ có bài “Hy Đạo tiên sinh trùng tu Tây Hồ tam nữ sĩ mộ thi”,...

Định hương tiểu nhĩn thức khắc in năm Quang Tự 8 (1882), 16 quyển, tập này 7 quyển, từ quyển 1 đến quyển 7, mở đầu mỗi chương đều có bài “Sơn thủy ký”, sau đó là các bài thơ khác nhau như “Nguyệt luân phong”, “Nguyệt luân sơn”, “Công Sơn tuyền minh”,...

Định hương tiểu thức khắc in năm Quang Tự 8 (1882), 7 quyển, từ quyển 8 đến quyển 16, mở đầu cũng bằng bài “Sơn thủy ký”, sau đó là các bài thơ khác nhau. Quyển cuối cùng chép tục biên “Định hương tục vịnh”,...

Sài Dương am tập khắc in năm Quang Tự 8 (1882), 1 quyển, gồm các bài văn và về am Sài Dương, như các bài “Trùng sáng Sài Dương đạo viện ký”, “Sài Dương đạo viện bi ký”,...

Sơn du xướng họa thi, gồm 1 quyển do Thích Khế Tung đời Tống biên tập, khắc in năm Đinh Hợi (1887), gồm các bài thơ xướng họa của Duy Ngô, Dương Phan, Khiết Tung,...

Tiền Đường phú, do Cát Lễ đời Tống biên tập, khắc in năm Quang Tự Ất Dậu (1885), 1 quyển, gồm bài ký và phụ chép một số bài thơ về Tiền Đường “Phụ thi”...

Tây Hồ tạp ký do Lê Toại Cầu đời Minh biên tập, khắc in năm Quang Tự Giáp Thân (1884), 1 quyển, gồm các bài phú về Tiền Đường,...

Nam Tống viện họa lục do Lê Ngạc đời Thanh biên tập, khắc in năm Giáp Thân (1844), gồm 8 quyển, có tự, mục lục, quyển 1 Tổng thuật, quyển 2 thơ của tác gia Lý Đường,...

Tô từ tông tự nghị do Lê Ngạc đời Thanh biên tập, 1 quyển, gồm bài nghị về thờ phụng đến Tô Văn Trung công, cùng các hiền nhân được thờ ở đền “Tô Văn Trung công từ tự chư hiền tính thi”....

Tây Hồ kỷ sự, 1 quyển, gồm bài ký du ngoạn Tây Hồ do Trương Nhân Mỹ đời Thanh soạn....

Hãn hải kỷ du do Tiền Văn Hàn đời Thanh biên soạn, 1 quyển, có bài tựa, mục lục, gồm sắc phong qua các đời vua, thơ ngự chế, như bài “Ngự chế biểu trung quán thi”,...

Thúy Vi đình đề danh khảo, 1 quyển do Sái Danh Hành đời Thanh biên soạn, khảo cứu về khoa danh ghi trong Thúy Trưng đình. Phần cuối có “Tập tự thi”,...

Tây Lĩnh khuê vịnh do Trần Văn Thuật và Vân Bá đời Thanh đồng biên soạn, 16 quyển. Tập này có 6 quyển từ quyển 1 đến quyển 6, gồm các mục như “Giang thượng vịnh Nga Hoàng nữ anh”, “Tiền Đường vịnh Tống Chương Ý Lý Thái hậu”, “Niết đình vịnh Vương Chiêu nghi”,....

Nam Tống quán các, 10 quyển do Tống Trần Quỹ đời Tống soạn và 10 quyển tục lục không rõ ai soạn, có mục lục, các mục như Tinh xá, Tự tàng, Quan liên, Năm lộc,... Sách ghi chép về hoạt động, bổng lộc, chức vụ... của quan viên trong các cơ quan về văn thư thời Nam Tống.

Tống học sĩ viện đề danh do Hà Dĩ đời Tống soạn, 1 quyển, có bài tự và kê danh tính khoa bảng, như Chu Đăng Phi, Diệp Mộng Đắc....

Nguyệt hội ước do Nghiêm Vũ Thuận soạn, 1 quyển, gồm các điều ước bản hội như Thông tự, Chương cấm, Đề số,....

(...)

Tiền Đường bách vịnh do Dương Tượng Tế đời Thanh soạn, khắc năm Quang Tự Ất Mùi (1895), 1 quyển, gồm bài tựa và 100 bài về đất Tiền Đường. Thơ tứ tuyệt, không có tiêu đề mà chép theo thứ tự từng bài,...

Linh Ân thư tàng kỷ sự do Phan Diễn Đồng đời Thanh soạn, khắc năm Quang Tự Nhâm Thìn (1892), 1 quyển, gồm bài ký và kỷ sự, như “Hàng Châu Linh Ân thư tàng ký”, “Linh Ân thư tàng kỷ sự”,...

Kim Long tứ đại vương từ mộ lục do Trọng Học Lạc đời Thanh soạn, khắc năm Quang Tự Bính Thân (1896), 6 quyển, gồm bài tựa, mục lục, với các mục: Phong hiệu, Thần chương, Truyện chí, Từ mộ, Tập lục và Ngoại lục.

Bắc quách thi trường do Đinh Bính đời Thanh soạn, khắc in năm Quang Tự Mậu Tuất (1898), 2 quyển, có bài tựa, cùng các bài thơ, trường, như Vạn Thọ thịnh diên sơ tập, Khung bi,...

2. Văn bản và giá trị tư liệu

Bộ đại tùng thư “Vũ Lâm chương cổ tùng luận” sưu tập các tác phẩm của tác giả người Vũ Lâm, cùng những sáng tác về Vũ Lâm từ thời Ngũ Đại thế kỷ X đến niên hiệu Quang Tự (1875-1908) đời Thanh, Trung Quốc. Như vậy, các tác phẩm

được sáng tác trải dài trên dưới 900 năm trên đất Vũ Lâm. Chúng ta biết rằng, Vũ Lâm trước đây là Hàng Châu ngày nay - một thành phố thuộc đồng bằng châu thổ sông Trường Giang của Trung Quốc, và là thủ phủ tỉnh Chiết Giang. Hàng Châu có nhiều cảnh đẹp, nổi bật là Tây Hồ, được nhiều tao nhân mặc khách đến thăm thú, du ngoạn đề thơ, vịnh cảnh. Vì vậy những sáng tác về Tây Hồ vô cùng phong phú.

Tuyệt địa đa số tác phẩm khác còn lại trong bộ đại tùng lâm *Vũ Lâm chương cổ tụng luận* sưu tập những sáng tác về vùng đất Vũ Lâm, trong đó tiêu biểu là danh tích Tây Hồ. Chẳng hạn, tác phẩm “Tây thôn thập ký” do Giám Minh Cổ Phụ soạn, được khắc in năm Quang Tự Nhâm Ngọ (1882), 1 quyển, gồm 10 bài ký về Tây Thôn, như Ký Lâm Bình sơn, Ký Bảo Thạch sơn, Ký Tây Hồ,...

Những tác phẩm Trương Đại soạn về Tây Hồ được sưu tập và khắc in năm Quang Tự Quý Mùi (1883), gồm 5 quyển: “Tây Hồ tổng ký”, “Tây Hồ Tây lộ”, “Tây Hồ Trung lộ”, “Tây Hồ Nam lộ” và “Tây Hồ ngoại cảnh”. Đây là tập hợp các ghi chép về di tích và lịch sử khu vực Tây Hồ.

Đặc biệt là tập “Tây Hồ du lãm chí” trong bộ đại tùng lâm *Vũ Lâm chương cổ tụng luận* có tới 24 quyển do Điền Nhữ Thành đời Minh soạn. Khi làm bộ đại tùng lâm này, các tác phẩm trên được khắc in năm Quang Tự 22 (1891), gồm bài tựa của tác giả đề năm Gia Tĩnh 26 (1547), nói về du ngoạn sáng tác tập thơ này. Nội dung gồm bài “Tây hồ tổng tự”, tiếp đó là thơ văn sáng tác ở các thắng tích. Tập này gồm 12 quyển, chép tiếp sách “Tây Hồ du lãm chí” từ quyển 13 đến quyển 24, có đề mục chung cho các quyển, là “Nam Sơn phân phái thành nội thắng tích”, trong đó chia thành từng nội dung, như Cù hạng hà kiều, Quan thụ, Tự miếu, Đạo viện,... Cuối sách chép tiếp quyển còn sót, thành tập “Tây Hồ du lãm chí dư quyển”, 26 quyển, tập này từ quyển 1 đến quyển 4, gồm mục “Đế vương đô hội”.

Đây mới chỉ là một đầu sách trong số 203 đầu sách của bộ đại tùng thư *Vũ Lâm chương cổ tụng luận*. Điều đó cho thấy những tác phẩm về Tây Hồ nói riêng, vùng đất Hàng Châu nói chung là vô cùng đồ sộ.

Điều đặc biệt là bộ đại tùng thư này hoàn toàn là bản khắc in, ghi rõ năm khắc in và phường khắc in. Về năm khắc in, bộ tùng thư cho biết từng thư được san khắc trong nhiều năm, tập trung nhiều nhất là các năm 1879, 1881, 1882, 1884, 1885, 1887, 1827, 1849, 1897 và 1900. Nơi khắc và tàng thư đều là nhà tàng bản nổi tiếng như, Băng Tuyết đường tàng bản/冰雪堂藏版, Trúc Thư đường 竹書堂, Tuyền Đường Đinh thị 泉唐丁氏, Tiền Đường Đinh thị 錢唐丁氏, Tôn Ngưỡng Tăng gia tàng bản

孫仰曾家藏版, Chính tu đường Đinh thị 正脩堂丁氏, Lạp Nguyệt Đinh thị 腊月丁氏, Phúc Châu Ngô Ngọc điền 福州吳玉田, Cung Gia tàng bản 恭家藏版,...

Trung Quốc đã in lại bộ đại tông thư này, lấy tên là *Vũ Lâm chương cổ tông biên* 《武林掌故叢編》, được giới thiệu là bộ tông thư điển hình văn hóa Trung Quốc cổ đại do Đinh Bính biên tập, tổng cộng 622 quyển, do Quảng Lăng xã xuất bản năm 2008. Đây là những sáng tác đề cập đến chế độ danh vật, thành quách cung thất, sơn xuyên đạo lộ, danh công cự khanh, tao nhân mặc khách, ca trường tửu quán...

Ngoài ra, bộ đại tông thư *Vũ Lâm chương cổ tông biên* 《武林掌故叢編》 còn được Trung Quốc Triết học thư Điện tử hóa thực hiện số hóa.

Tóm lại, bộ đại tông thư *Vũ Lâm chương cổ tông luận* 《武林掌故叢論》 là sưu tập hầu hết tác phẩm địa chí, lịch sử, văn học về đất Vũ Lâm, đặc biệt trong đó có danh tích Tây Hồ, là nguồn đề tài vô tận cho các sáng tác của thi nhân qua các thời đại. Đặc biệt bộ đại tông thư này hoàn toàn là bản khắc in vào những năm thuộc niên hiệu Quang Tự 光緒帝 (1875-1908). Đây là bản gốc hy hữu được bảo tồn nguyên vẹn tại Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Vũ Lâm chương cổ tông luận* 武林掌故叢論, Bản chữ Hán, Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu: TQC0020592 (Ký hiệu cũ: 1587/1 đến 1587/68).
2. 《武林掌故叢編》 广陵书社, 2008 年 4 月, 共六百二十二卷。
<https://baike.baidu.com/item/%E6%AD%A6%E6%9E%97%E6%8E%8C%E6%95%85%E4%B8%9B%E7%BC%96/6640328>.

〈《四書大全》的越南流傳初探〉

許怡齡¹

摘要:

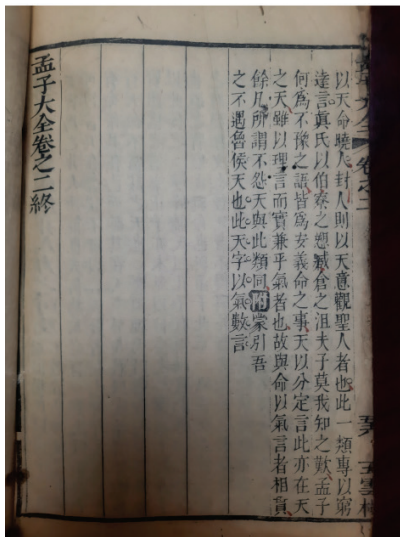
本文的目的，在於對越南通訊所藏《四書大全》及《四書大全節要》的研究做出基本背景整理，這需以理解越南的四書學的背景。為此，本文將先從史料中探討四書（特別是《四書大全》）在越南的發展情形，進而從越南書目和現存的四書類文獻，探討刻劃出越南四書學的特徵。總的來說，若說朱熹《四書章句集註》代表的南宋的四書學，明成祖御纂的《四書大全》代表的則是宋元兩代的四書學。而從本文的考察來看，越南的四書學大量吸收明代的四書學，包括《四書大全》和註解。日後的工作，將具體分析越南四書文獻的文本，確認越南四書學和清代四書學的關係。

1. 研究目的及背景

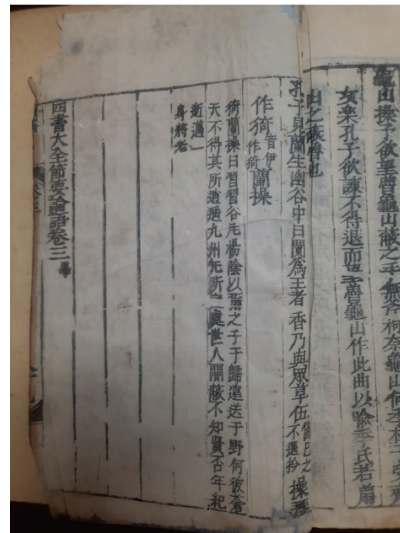
本文的目的，在於對越南通訊所藏《四書大全》TQC 19446，及 TQC 19447 為《四書大全節要》的研究做出基本整理。TQC 19447 為《四書大全》之《孟子大全》卷 2，中國五雲樓刊本，作者等其他訊息待考察。TQC 19446 為《四書大全節要》《論語》卷 3，內容包含〈莊子〉和〈朱子家語〉，疑為張岱《四書遇》系統的註釋，²作者等其他訊息待考察。這兩份材料，各自呼應了 15 世紀《四書大全》傳入越南，並於 19 世紀越南成為「節要」的在地化過程，故本文將梳理對此段時期《四書大全》在越南的狀況進行初步的文獻探討。

¹ 中國文化大學東亞人文社會科學研究院

² 參見鄧克明〈張岱《四書遇》註解四書之特色〉，《中央大學人文學報》35 期 (2008 / 07 / 01)，頁 1－36。



TQC 19447 《四書大全》《孟子大全》



TQC 19446 《四書大全節要》《論語》

首先簡單介紹《四書大全》。《四書大全》與《五經大全》《性理大全》並稱三大全，為明成祖於永樂 13 年(1415)命胡廣(1370-1418)等人進行的大型書籍編纂工作。《四書大全》36 卷內容包含：《大學章句》、《大學或問》；《中庸章句》、《中庸或問》；《孟子集注大全》；《論語集注大全》。《大全》在匯整編纂時，有意推尊程、朱之學，於是《大全》成為推尊程、朱之學重要的典籍之一。¹以《四書大全》而言，《大學章句》、《大學或問》、《中庸章句》、《中庸或問》部分全依朱熹原注，而《孟子集注大全》、《論語集注大全》，則在朱熹原注外，再增補入其他諸家語錄、文集中能發明經注之言說，²主要是合纂了元代胡炳文的《四書輯釋》和吳真子（1271-1368）《四書集成》，集宋元《四書》研究之大成。³王鴻泰指出，成祖自篡逆登基，對外試圖開創明帝國的東亞局勢，持續進行征伐；對內則在不到一年內編纂多達兩百六十卷的三大全，意欲彰顯其「聖王之治」。陳逢源也指出朱熹的《四書章句集註》經由《四書大全》的吸收，成為明的科舉定本，完成了「官學化」。⁴雖然明清學人對三大全沿襲前人陳說、導致古義淪

¹ 王志瑋：〈論明初《四書大全》的纂修意義〉，《東華漢學》第 18 期(2013)，頁 275-304。

² 參照台北市孔廟儒學文化網「四書大全」條。最後檢索日 2023 年 10 月 15 日。

³ 佐野公治著，張文朝、莊兵譯：《四書學史的研究》（台北：萬卷樓，2014），頁 5。

⁴ 陳逢源：〈四書「官學化」進程：《四書大全》纂修及其體例〉，《東亞漢學回顧·與展望：長崎中國學會會刊》創刊號（2010.7），頁 87-102。

亡、經學衰落等批判絡繹不絕，如顧炎武謂「經學之廢實自此始」，朱彝尊謂「《大全》者，乃至不全之書也」，四庫館臣謂「自胡廣等《五經大全》一出，應舉、窮經久分兩事」，但如吾妻重二所指出，三大全在東亞的重要性，在於將朱熹（1130－1200）為主的宋儒著作提升為東亞地區的「新經典」，此一行為的歷史影響超出有明一朝，影響甚深。三大全完成後，明成祖於永樂 15 年（1417）下令「頒《五經》、《四書》、《性理大全書》於六部，併與兩京國子監及天下郡縣學」。而後永樂 17 年（1419），三大全被頒授韓越兩國，開始了東亞傳播的過程。

本文的目的，在於對越南通訊所藏《四書大全》及《四書大全節要》的研究做出基本背景整理，這需涉及四書在越南的整體影響。為此本文將先從史料中探討四書（特別是《四書大全》）在越南的發展情形，進而從越南書目和現存的四書類文獻，探討刻劃出越南四書學的特徵。

2. 越南史料中的《四書大全》

2.1. 15 世紀初：屬明時期《四書大全》的傳入

越南的四書學，至少在 1254 年便開四。時為陳太宗朝(1225-1258)，於中國為宋理宗二年。這年陳太宗「詔天下儒士詣國子院，講四書六經。」此時距朱熹（1130-1200）僅 50 年。

1407 年明成祖滅胡朝，越南進入屬明時期（1407-1427）。許多研究顯示，明成祖由於逆謀莫繼位，治中不斷努力於武功文治，以聖王的地位，並豎立皇權威望，當中的作為之一便是定學術為一肇，命胡廣等人於一年之內（1414-1415）完成了《四書大全》、《五經大全》、《性理大全》。1419 年明成祖頒賜三大全給朝鮮及越南，這三本「大全」收錄朱子和宋儒的經典註釋及理學著作，朱子學就此以官學的身分被引進越南。

明遣監生唐義頒賜《五經四書性理大全》、《為善音隲》、《孝順事實》等書於府州縣儒學，俾僧學傳佛經於僧道司。¹

¹ 《大越史記全書》本紀卷 10〈黎太祖記〉。

陳文指出此時期明於交趾郡實施一連串文教政策，包括設置各級學校、遣交趾子弟赴國子監就學、建立官僚隊伍、開設交趾鄉試、傳播儒學等。¹

2.2. 後黎朝前期(1427-1527)《四書》進入科舉

屬明時期結束後，越南進入後黎朝前期(1427-1527)，是為儒學鼎盛期的開始；²政治方面政權統一，對外與占城對峙。此時三大全與逐漸鞏固的科舉制度結合，成為後黎朝、阮朝科舉的主要內容。³考察《大越史記全書》，可發現絕大多數關於「四書」的敘述都與科舉有關。⁴

《大越史記全書》便載 1434 年後黎第二任皇帝黎太宗（1433-1442 在位）訂定科舉四場試分別如下：

第一場經義一道，四書各一道，並限三百字以上

第二場制詔表

第三場詩賦

第四場策一道，一千字以上

第一場共有五題，當中四題來自《論語》、《孟子》、《大學》、《中庸》，每書各一題，但其四書是《四書大全》或是《四書章句集註》則不得而知。隔年 1435 年「《新刊四書大全》板成」，⁵就此《四書大全》才明確進入越南史料中。

¹ 詳見陳文：《越南科舉制度研究》第二章〈黎朝時期的學校教育〉（北京：商務印書館，2015），頁 54-64。

² 何成軒在《儒學南傳史》第七章〈越南獨立後儒學之興替〉中的各小節名稱為「李朝：三教並用佛教為主」、「陳朝：儒學逐漸取得主導地位」、「黎朝：儒學鼎盛時期」、「阮朝：儒學由盛而衰」，基本上點出了儒學在越南的發展進程。詳見何成軒：《儒學南傳史》（北京：北京大學出版社，2000），頁 334-358。

³ 陳文：《越南科舉制度研究》（北京：商務印書館，2015 年），頁 55。

⁴ 如《大越史記全書》本紀卷 11〈黎皇朝記〉（黎太宗元年[1434]）。「定取士科。詔曰：「得人之效，取士為先。取士為方，科目為首。我國家自經兵燹，英才秋葉，俊士晨星。太祖立國之初，首興學校，祠孔子乙太牢，其崇重至矣。而草昧雲始科目未置。朕纂承先志，思得賢才之士，以副側席之求。今定為試場科目，期以紹平五年各道鄉試，六年會試都督堂。自此以後三年一大比，率以為常，中者並賜進士出身。所有試場科目具列於後：第一場經義一道，四書各一道，並限三百字以上；第二場制詔表；第三場詩賦；第四場策一道，一千字以上。試吏員考暗寫。一等補國子監，二等補生徒及文屬。」

⁵ 《大越史記全書》本紀卷 11〈黎太宗記〉「《新刊四書大全》板成。」

黎聖宗朝（1460-1497）《大越史記全書》記載的科舉紀錄有以下三筆。

	(1) 1462 年	(2) 1472 年 ¹	(3) 1475 年
第 壹 場	四書經義共五道	四書八題。舉子自擇四題作四文、論四題、孟四題。五經每經三題、舉子自擇一題作文、惟春秋二題併為一題、作一文。	四書論三題、孟四題、中庸一題，總八題。士人自擇四題作文，不可缺。五經每經各三題，獨春秋二題。
第 貳 場	制詔表用古體四六	則制、詔、表各三題。	制詔表用古體四六
第 參 場	詩用唐律，賦用古體騷選，同三百字以上	詔製錶各一。	詩用唐律，賦用古體騷選，同三百字以上
第 肆 場	策一道，經史時務中出題限一千字	策問一道、其策題以經書旨意之異同、歷代政事之得失為問。	策一道，經史時務中出題限一千字

(1) 1462 年的第一場和之前一樣，總共五題，只見《四書》未見《五經》。1467 年黎聖宗初置五經博士，²並從祕書監學士武永禎之言「攷五經官板于國子監」，³自此《五經》開始活躍於史料中。黎貴惇（1726-1784）描述洪德年間(1470-1497)的書籍政策，謂「洪德中，遞年頒官書於各府，《四書》、《五經》、《玉堂文範》、《文獻通考》、《文選》、《綱目》，學官以此教習，科舉以此取士。」⁴由此可知上述書籍為科舉主要用書，由中央隔年提供各省用以官方教育。

(2) 1472 年的科舉出題出現改變，第一場考四書和五經：《四書》從八題中選擇四題回答，《五經》共十七題，每經三題，只有《春秋》是二題。僅從這個角度看，《五經》和《四書》的出題比例為 17:4，相差四倍多，《五經》的地位似乎大幅攀升。而單就《四書》，八題當中《論語》和《孟子》各占四題，《大學》和《中庸》則未被提及。

(3) 1475 年第一場試《四書》仍佔八題，舉子自選四題回答，但八題中《論語》三題、《孟子》四題、《中庸》一題；即《論語》減少一題，新增《中庸》，而仍未見《大學》。

¹ 《大越史記全書》黎皇朝紀：「三月，會試天下舉人。時應舉三千二百人，取高炯等四十三人。是科試法，第一場四書論三題、孟四題、中庸一題，總八題。士人自擇四題作文，不可缺。五經每經各三題，獨春秋二題。第四場詩賦各一，詩用唐律，賦用李白。第三場詔製錶各一。第肆場策問，其策題則以經史同異之旨、將帥韜鈴之蘊為問。」

² 《大越史記全書》本紀卷 11〈黎太宗記〉「初置五經博士。時監生治詩書經者多、習禮記、周易、春秋者少、故置五經博士、專治一經以授諸生。」

³ 《大越史記全書》本紀卷 11〈黎太宗記〉「攷五經官板于國子監。」

⁴ [後黎朝]黎貴惇：〈體例〉，《見聞小錄》（夏威夷大學藏本，編號 DS557.A5 L42 54a），卷 2。

1484 年黎聖宗檢查中央給在外各府的官本《四書》，《五經》及科舉用書的保存。¹

1483 年黎聖宗在文廟中修建了書板庫存放書板。²中國學者劉玉琚曾指出，越南官板書籍除了御製詩文集外，大多為史部典籍，³因此《四書大全》、《五經》的官版刊刻，象徵著一定的重視。然而史料中所提四書是《四書大全》或是《四書章句集註》，不可考之處甚多。

2.3. 後黎朝中興後(1533- 1789) 確認《四書大全》已結合科舉。

根據黎貴惇的說法，中興後(1533-)科舉用的經學書具體便是三大全。

中興以後，只以《五經四書性理大全》、《少微通鑑》、《綱領》、《呆齋》、《四道長策》、《源流至論》命題。

正和甲戌，擬以《綱領》、《呆齋》、《四道長策》、《源流》枝葉之文停之，令天下學子學《綱目》、《左傳》。近來庭試，亦多問問《周禮廣義》、《大學衍義》此二書。⁴

黎貴惇的話說明，至少在後黎朝中興年間，三大全已在越南科舉中具有重要地位，並至少保持地位正和甲戌（1694）後。1734 年越南中央政府頒賜大全給各處學官的政策，甚至有要求只用越南本大全，禁賣中國刊印大全的命令。

¹ 《大越史記全書》本紀卷 13〈黎聖宗記〉。「定官書領降憲司檢刷令。時禮部尚書兼左春坊左中允郭廷寶奏：『前遞年官書領降在外各府，如《四書》，《五經》，《登科錄》，《會試錄》，《玉堂文範》，《文獻通考》，《文選綱目》及諸醫書之類，間有貪冒府官，擅自固執，以為己私，不曾交付學官醫官，殊甚非理。為此陳奏，各處憲司檢刷該內各府前項諸書，而本府官擅自固執，學書不與交付學官，醫書不與交付醫官者，具實糾奏，送刑部治罪。』上從之，故有是令。」

² 《大越史記全書》本紀卷 12〈黎聖宗記〉。「作文廟大成殿并東西廡及更服殿、書板庫、祭器庫、明倫東西堂。」

³ 劉玉琚：《越南漢喃古籍的文獻學研究》（北京：中華書局，2007），頁 102。

⁴ [後黎朝]黎貴惇：〈體例〉，《見聞小錄》（夏威夷大學藏本，編號 DS557.A5 L42 54a），卷 2。

春正月，頒《五經大全》於各處學官。先是遷官校閱《五經》北板，刊刻書成，頒布令學者傳授。禁買北書，又令阮倣、範謙益等分刻《四書》、諸史、《詩林》、《字彙》諸本刊行。¹

越南學者阮福英指出，禁止購買北書，表示國家希望控管書籍。若開放從國外購書，朝廷便無法控制文本的內容，在同樣的理由下朝廷也限制地方自由刊印書籍。²

2.4 18 世紀後半西山朝的四書喃字翻譯。

西山朝（1784-1802）建立後，組織學者把朱熹的《小學》、《四書》翻譯成喃字，並刻印《詩經解音》。³

2.5 19 世紀阮朝《四書大全》的教育用途與傳播

朱雲影指出三大全在阮朝成為最重要的講學經籍，⁴陳文亦指出三大全成為阮朝主要教學內容及考試題源。⁵具體分析《大南實錄》，可發現《性理大全》相關記載集中在「皇子講學書目」上。

明命帝（1820-1840）建國子監，並置國子監祭酒、司業。1824 年設集善堂，作為諸皇子講學的場所。此前一年，即明命 4 年[1823]朝中討論諸皇子「講學規程」十一條時，朝臣吳廷價(?-?)建議讓皇子比照乾隆帝的讀書書目，學習《四書》、《五經》、《性理》、《綱目》、《大學衍義》、《古文淵

¹ 《欽定越史通鑑綱目》卷 37，頁 30。載：「春正月，頒《五經大全》於各處學官。先是遷官校閱《五經》北板，刊刻書成，頒布令學者傳授。禁買北書，又令阮倣、范謙益等分刻《四書》、諸史、《詩林》、《字彙》諸本刊行。」越南國家圖書館藏，編號 NLVNPF-0174-20。

² [越]阮福英：〈Từ việc khảo sát các hệ bản Tứ thư Ngũ kinh đại toàn ở Việt Nam bàn về vị trí của hệ thống Đại toàn trong khoa cử truyền thống〉（從越南四書五經大全的考察，論大全在科舉傳統中的地位），《漢喃雜誌》1 (110) (2012)，頁 27 – 45。

³ 張品端：〈朱子學在越南的傳播與影響〉，《泉州師範學院學報》2013(01)，頁 84。

⁴ 參見朱雲影：〈中國經學教育對日韓越的影響〉，《歷史學報》5 期（1977 年 4 月），頁 1-28。

⁵ 陳文：《越南科舉制度研究》（北京：商務印書館，2015），第二章〈黎朝時期的學校教育〉，頁 265。

鑑》等書。¹皇子們被要求背誦儒學經典，這是為了「背講本文熟悉，使涵泳聖賢言語為了」，順序是《小學》、《四書》、《五經》。²

在科舉考試方面，可看到明確指出以《五經四書大全》為主的內容。1827和1832各有記載如下。

奉我皇朝以《五經四書大全》、《歷代通鑑輯覽》、正史定為取士之則，道術昌明，文人蔚起。³

至於點閱試卷，其《五經》義旨，《易》主程朱傳，《書》主蔡傳，《詩》主朱子集傳，《春秋》以左氏本事為主，參用公羊，谷梁或胡傳之說，《禮記》主陳氏集說，《四書》義旨主朱子集注。⁴

上述記載看似對《五經大全》和《四書大全》的討論。然越南學者阮福英認為當時應該沒有嚴格限定「科舉定本」，僅以朱熹註釋作為方向，因此《四書大全》和《四書章句集註》可以並存。相關內容，還需要進一步考察。⁵作為官方認同的科舉用書，1835年明命帝將《四書》、《五經》、《小學集注》這三種書各50部頒給國子監，⁶1836年甚至頒發《五經四書大全》、《四書人物備考》、《詩韻輯要》於京外學堂、國子監、諸省學正教授訓導達一千一百七十部至多。⁷即便如此，京外各省仍呼訴《四書五經大全》數量不足。

¹ 《大南實錄》第二紀卷21(明命4年[1823])，頁7。載：「今請定為講學規程凡十一條。一曰講學經籍。(謹按清高尊禦製〈樂善堂全集序〉雲：「餘生九歲始讀書，十有四歲學屬文，今年二十矣。其間朝夕從事者《四書》、《五經》、《性理》、《綱目》、《大學衍義》、《古文淵鑑》。」此則高尊當為皇子自表其所學然也。且諸書所載聖賢蘊奧、歷代政事備焉。學堂中願以進講。)」括號內為小字兩行註。

² 「三曰講誦次序：「諸皇子入學初讀《小學》，既竟帙繼之以《四書》而又竟則以，次講《五經》間之以史，凡經書講到某篇，須要背講本文熟悉，使涵泳聖賢言語。史則紀其歷代行事，止要講詳事跡，便已不必背讀。」《大南實錄》第二紀卷21，頁9。

³ [阮朝]阮通：〈請頒給書籍疏〉，《（嗣德壬申年新鑄）洪川公牘初編》，越南漢喃研究院藏本，編號VHv.2073，卷2。

⁴ (1836年)「敕《五經四書大全》、《四書人物備考》、《詩韻輯要》於京外學堂、國子監、諸省學正教授訓導凡一千一百七十部。」《欽定大南會典事例》106, 8b-9a。

⁵ [越]阮福英：〈Tư việc khảo sát các hệ bản Tứ thư Ngũ kinh đại toàn ở Việt Nam bàn về vị trí của hệ thống Đại toàn trong khoa cử truyền thống〉(從越南四書五經大全的考察，論大全在科舉傳統中的地位)，《漢喃雜誌》1(110)(2012)，頁27-45。

⁶ 張品端：〈朱子學在越南的傳播與影響〉，《泉州師範學院學報》2013(01)，頁85。

⁷ 《大南實錄》第二紀卷176頁32a。

1846年(紹治六年)

科道江文顯、鄧明珍等上封事曰：「(…)明命年間國子監頒《四書五經大全》各五部，在外省學府學各一部，以備學臣講肄；而以學者如欲抄寫，則卷帙太繁，繼晷窮年，殆難為力。討買無由，遂不免斷章摘句，率行削略，求其義理之淹博其可得乎？此學者之通弊也。茲請在京由國子監監臣詳檢《四書五經大全》原本，有舛謬者，量行補刻。在外左畿由平定，右畿由又安，南圻由嘉定，北圻由河內、南定，各鑄刻《四書五經大全》印版各一本，仍由所在學堂尊置。凡所在府省，並附近各轄，不拘官民士庶，情願印刷者並聽夫。如是書籍流布，天下共之，萬世傳之，人人仰無窮之教澤矣。帝曰：原給經籍可資講肄，如有何轄尚未頒給者，准禮部會同國子監臣，將在監現藏《五經四書大全》印板詳加檢正，續印增給，士人有願印刷者，聽就國子監印刷。至如所請在外諸省開局鑄刻，多有行不著處，著不准行。¹

中央朝廷頒賜包括《五經四書大全》的書籍給京外學堂、國子監、諸省學堂等教育機構，將書籍由中央向外傳播，明命帝就曾頒給中央國子監《四書五經大全》各五部，外省學府學《四書五經大全》各一部，作以講學。然而這樣仍然不能滿足各省士子的需求，特別是由於大全卷帙太繁，如果士子需要抄寫書籍，所需時間太多，也可能無法購買，因此出現許多簡略化的現象，這種大全的「簡本」、「節本」結果成為朝廷眼中的一個問題，此部分容後詳述。為了解決，朝臣的上疏請求紹治帝准許更加積極廣布《五經四書大全》，方法是由地方政府自行刊刻《五經四書大全》。先由京城國子監「校定」《四書五經大全》的內容，允許右畿又安、南圻嘉定、北圻由河內、南定各自鑄刻《四書五經大全》，並將冊板保管在各地學堂，讓官民士庶原因印刷者都能到學堂自行印刷。比起由中央政府向四周傳播，東西南北各省都能自行普及書籍顯然更有效率，但此一提案受到朝廷的否決。加上之前「校訂大全」、「禁買北書」的政策，呈現阮朝官方有意普及大全，但雖然對大全文本和流通管道皆有一定的控管。

另外這裡還有一個問題，就是此時流傳的《五經四書大全》，是什麼板本？朝鮮的狀況，即便到了18-19世紀，15世紀由中國頒賜的明內府刻本三大

¹ 《大南實錄》第三紀卷58(紹治6年[1846])，15-16。

全依然具有影響力，而越南的狀況則不一定。中國學者劉玉琚曾分析《古學院書籍守冊》內的 1941 種書目訊息，發現當中清刻本佔到了整個書目的 80%，¹顯示清學對越南可能產生的影響。就裴本《四書節要》而言，阮福英的研究指出其文本吸收了陸隴其《三魚堂四書大全》為底本刊印的 1863 年多文堂《大學大全或問》，²也有《周會魁校正四書大全五經大全》。³此外，越南對清朝的「欽定」、「御定」、「御纂」、「御批」書籍，仍然保持很高的興致。1823 年《大南實錄》有如下紀錄。

四書五經至宋而下，既經真儒表章之，後而講釋之，卷帙多至汗牛，閒亦純駁互出；史則溫公《資治通鑑》朱子《綱目》之外，摘選之集無慮其數，而去取不同，褒貶亦異，非深造者莫能究其指歸，而合一其說。故大清諸帝節次簡命儒臣會同裁纂為一代成書，曰「欽定」、曰「御定」、曰「御纂」、曰「御批」，諸書均以眾智成編，而取正於上意，義定一有所適從。今學堂講帙，請以《日講四書解義》、《日講書經解義》、《日講禮記解義》、《日講春秋解義》、《日講易經解義》、《御纂詩義折中》、《御定孝經集註》、《孝經御批》、《歷代通鑑輯覽》定為講諭之書，頒賜諸位閱習。其《御纂周易折中》、《欽定詩書春秋傳說彙纂》、《欽定三禮義疏》、《御批資治通鑑綱目》、《御纂春秋直解》、《御纂周易述義》等書，請藏之學堂，以備參究。⁴

3. 越南書目及現存《四書》文獻的考察

考察《越南漢喃目錄提要》，加上筆者所知，漢喃書籍中以《四書》為底本編纂的書有以下 6 種。1-10 為越南在地化後的《四書》，當中阮輝滢(1713-1789)的《四書纂要》，以及裴輝璧(1744-1818)的《四書節要》是《四書大全》的節要本；11-14 是中國書的重抄重印本，皆為 18 世紀後清本，基本上顯示越南吸收了許多清的四書研究。

¹ 劉玉琚：《越南漢喃古籍的文獻學研究》（北京：中華書局，2007）。

² 劉玉琚：《越南漢喃古籍的文獻學研究》（北京：中華書局，2007）。

³ [越]阮福英：〈Từ việc khảo sát các hệ bản Tứ thư Ngũ kinh đại toàn ở Việt Nam bàn về vị trí của hệ thống Đại toàn trong khoa cử truyền thống〉（從越南四書五經大全的考察，論大全在科舉傳統中的地位），《漢喃雜誌》1 (110) (2012)，頁 27-45。

⁴ 《大南實錄》第二紀卷 21（明命 4 年[1823]），頁 7-8。

漢喃文獻中《四書》相關作品						
	作者	書名	版本	收藏號	書目	底本
1	[越]朱文安 (1292–1370)	《四書說約》	-	已失傳	《歷朝憲章類志》	待確認
2	[越]阮輝儉 (1713-1789)	《四書纂要》	書院刊本	書板存於阮輝家	《歷朝憲章類志》	《四書大全》
3	[越]黎貴惇 (1726–1784)	《四書約解》	1839年刊本	漢喃院 AB.270		待確認
4	[越]裴輝璧 (1744–1818)	《四書節要》	書坊刊本	漢喃院 AC.226		《四書大全》
5	[越]鄧輝燿 (1825–1874)	《四書文選》	刊本	漢喃院 VHv.341		待確認
6	[越]段展 (1854–1919)	《小學四書節略》	待確認	漢喃院 A.2607		待確認
7	[越]不詳	《四書短篇》	刊本	漢喃院 A.1794 漢喃院 A.1424		1838年刊本
8	[越]不詳	《四書策略》	抄本	漢喃院 VHv.391 漢喃院 VHv.901 漢喃院 VHv.900 漢喃院 VHv.2241 漢喃院 VHt.17		
9	[越]不詳	《四書精義》	抄本	漢喃院 VHv.601		
10	不詳	《四傳義選》	抄本	漢喃院 VHv.1151		
11	[明] 陳仁錫 (1581-1636)	《四書人物備考》	國子監刊本抄本	漢喃院 A. 439 漢喃院 AC. 243	《北書南印板書目》 241	陳仁錫 1719年康熙年間新刊序

12	[清] 鄧柱瀾	《四書大全引解》	書坊刊本	漢喃院 AC. 8	《北書南印板書目》8	張達焯 1768 年康熙年間序
13	疑為清 18 世紀後《四書大全》版本	《四書大全》	刊本	漢喃院 AC. 8	《北書南印板書目》219	與《四書大全引解》併為一書
14	疑為[清]范翔參訂	《四書體註》	刊本	AC. 243	《北書南印板書目》242	
15	不明	《四書大全備要孟子集註》	刊本	不存	《北書南印板書目》297。	
16	[明] 陳仁錫 (1581-1636)	《增補四書精繡圖像人物備考》	刊本	許燦煌文庫		疑為越南重抄重印本
17		《四書白話解》	刊本	許燦煌文庫		疑為中國本

通訊所的兩個藏本，TQC 19446 是清中國本《四書大全》，雖是中國本，但和下表 11-14 一樣顯示越南對清《四書》的吸收；TQC 19446 若為中國本或中國重抄重印本的《四書大全節要》，同歸為 11-14 類；若為在地化的越南《四書》，則歸為 1-10 類。

3.1. 大全在越南引發的科舉「節本」

三大全的「節本」在越南文獻中的數量，佔有一定的比例，以至於中國學者劉玉琚論越南古籍、陳文論越南儒學著作時，都將節要書獨立歸為一類。¹節要書的發達也被視為越南文獻的特色，阮才東指出越儒治經有「簡單化」的趨勢，²中國學者馬達提出越南儒學具「實用和簡約」特性。³學者共同指出的這種特性，多見於官刻本之外，此一現象可以《四書五經大全》的諸節本

¹ 參見劉玉琚對「北書的評選、節要、改編」之探討，見氏著《越南漢喃古籍的文獻學研究》（北京：中華書局，2007），頁280-283。陳文對「摘要節要儒家經典」的探討，見氏著《科舉取士與儒學在越南的傳播發展——以越南後黎朝為中心》，《世界歷史》第5期（2012），頁76-77。

² 阮才東：〈民族精神與振興儒家：以越南黎貴惇為例〉，《유학연구》28（2013），頁438-439。

³ 馬達：〈略論越南儒學的特色及其影響〉，《河南教育學院學報》（哲學社會科學版）01期（2010），頁34。

為代表。大全節本同時具有降低成本，¹以及縮小讀書量的功能，²對科考舉子是有吸引力的選擇。18-19 世紀，越南出現了豐富的大全節要，漢文喃文皆有。筆者目前所知整理如下。

母本	書名	編者
《五經大全》	《五經纂要》	阮輝儼(1713-1789)
	《五經節要》	裴輝璧(1744-1818)
	《五經節要演義》	裴輝璧(1744-1818)
	《書經大全節要演義》	不詳
	《禮記大全演義》， 又名《禮記大全節要演義》	不詳
	《春秋演義》， 又名《春秋大全節要演義》	不詳
《四書大全》	《四書約解》	黎貴惇(1726-1784)
	《四書纂要》	阮輝儼(1713-1789)
	《四書節要》	裴輝璧(1744-1818)
	《論語節要》	黎文敵(1859-約 1935) ³
	《孟子節要》	不詳
《性理大全》	《性理纂要大全》	阮輝儼(1690-1750)
	《性理節要》， 又名《性理大全節要》	裴輝璧(1744-1818)

從上表可以看出，三大全都有多數節本，特別是《五經大全》和《四書大全》。表中資料以編者為標準，可以區分出兩個系統，完整地包覆了三大全：

¹ 〈請頒給書籍疏〉，《(嗣德壬申年新鑄)洪川公牘初編》卷二。「紙貴價昂，士子勢難買辦到書」。

² 紹治 2 年(1842)盛文堂《五經節要》序文：「科舉之學，專於理會文字，往往節而約之，以便記誦、備決科。」越南國家圖書藏本 R.1287。

³ 學界對黎文敵生卒年未能詳知，此處從李焯然〈越南狂士黎文敵《大學晰義》對《大學》的詮釋〉，收入鄭吉雄，張寶三編《東亞傳世漢籍文獻譯解方法初探》(台北：國立臺灣大學出版中心，2009 年)，頁 171。

其一是阮輝儋(1690-1750)、阮輝儋(1713-1789)父子的「大全纂要」系統，其二是裴輝璧(1744-1818)的「大全節要」系統。

3.1.1. 阮輝家「大全纂要」系統

「大全纂要」系統由阮輝儋創建之福江書院刊刻。裴楊璽（1757-1828）《乂安記》描述福江書院：

嘗建書院，儲書數萬卷，前後學徒數千人，登第同朝三十餘人，領鄉貢、授職任者，不可勝紀。

福江書院學徒多達千人，並在科舉上取得卓越成績。阮輝儋自身的科舉之路也堪稱順遂。1732年阮輝儋為乂安場鄉試解元，1748年為昇龍庭試會元。當年沒有狀元、榜眼，阮輝儋任探花，¹實質上為全國第一，後世以「阮探花」稱之。阮輝儋1757年任會試監考官，從四品東閣大學士（1757）、從四品國子監祭酒（1759），官至從二品工部尚書。阮俊強指出阮輝儋1766-1767年燕行回國後，於故鄉乂安鎮羅山縣萊石社長留村（今屬河靜省甘祿縣長祿社）建立「福江書院」，在中越地區培養了許多的科舉世家，對中越、南越的儒學教育影響甚大。「福江書院」出版「大全纂要」，是為了作為書院教材。²相對於「大全纂要」的書院本性質，裴輝璧「大全節要」則屬於書坊的商業貿易用途。「大全纂要」雖無存本，但阮輝儋家後人保留的《五經纂要》和《性理纂要》冊板，惟《四書纂要》並未留存，僅見《歷朝憲章類志》載「探花阮輝儋撰集，採諸名家讀本，纂錄要約，就中刊削，遷就頗多，頗流穿鑿。」³

3.1.2. 裴輝璧(1744-1818)的「大全節要」系統

書坊以黎儒者裴輝璧(1744-1818)之名出版的節本有《少微節要大全》、《書經節要》、《周禮節要》、《性理節要》、《四書節要》、《五經節要》

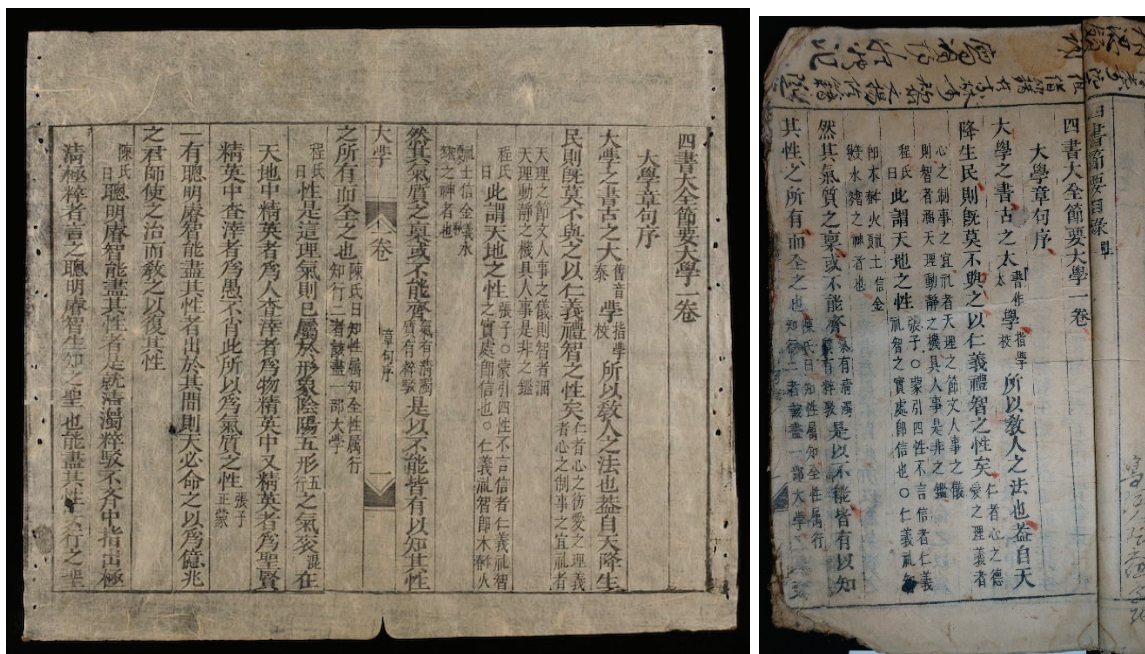
¹ 楊公澍：〈景興九年戊辰科進士題名記〉，收入吳德壽：《Văn bia Tiến sĩ Văn miếu Quốc tử giám Thăng Long》（河內：河內出版社，2010），頁817-823。3 阮德銳〈Về các chức quan của Nguyễn Huy Oánh〉，《Kỷ yếu hội thảo khoa học Danh nhân văn hoá Nguyễn Huy Oánh》（河靜：Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh xuất bản, 2008），頁117-139。

² 阮俊強：〈書院與木雕版在東亞儒家知識的傳播：越南教育家阮輝(瑩)及其1766-1767年出使中國的案例研究〉，《台灣東亞文明研究學刊》15卷2期(2018年12月)，頁57-60。

³ 潘輝注：《歷朝憲章類志》〈經史類〉「性理纂要二卷四書五經纂要十五卷」條。

》、《五經節要演義》等多種，通常在封面標記為「裴氏原本」。裴輝璧，號存庵、存翁、希章、黯章，青池縣人，受學於大儒黎貴惇，景興三十年(1769)中進士，曾任職翰林院、國子監，官至繼烈侯，於西山交替至阮朝時歸隱山林。裴輝璧的大全節要在越南文獻中十分普遍，該系統不但有三大全的漢文節要，還有喃文演義，有些版本還加入了「增補阮探花」，吸納了阮輝家的「大全纂要」，成為當時最具代表性的大全節本，影響甚大。為具體掌握當時書坊出版大全節要的狀況，以下梳理裴氏大全節要存本的版本狀況。

裴氏原本《四書節要》共四卷，現存印本至少四種，時代分布於 1828-1895 年，按年代排列有明命 8 年(1828)印本、¹嗣德 32 年(1882)集文堂印本，²成泰 7 年(1895)柳文堂印本，³成泰 7 年(1895)盛美堂印本，⁴按《提要》還有巴黎兩種藏本(版本不明，暫不記)，皆為坊刻本。



左：越南國家圖書館藏《四書節要》〈大學章句序〉，成泰 7 年(1895)盛美堂印本

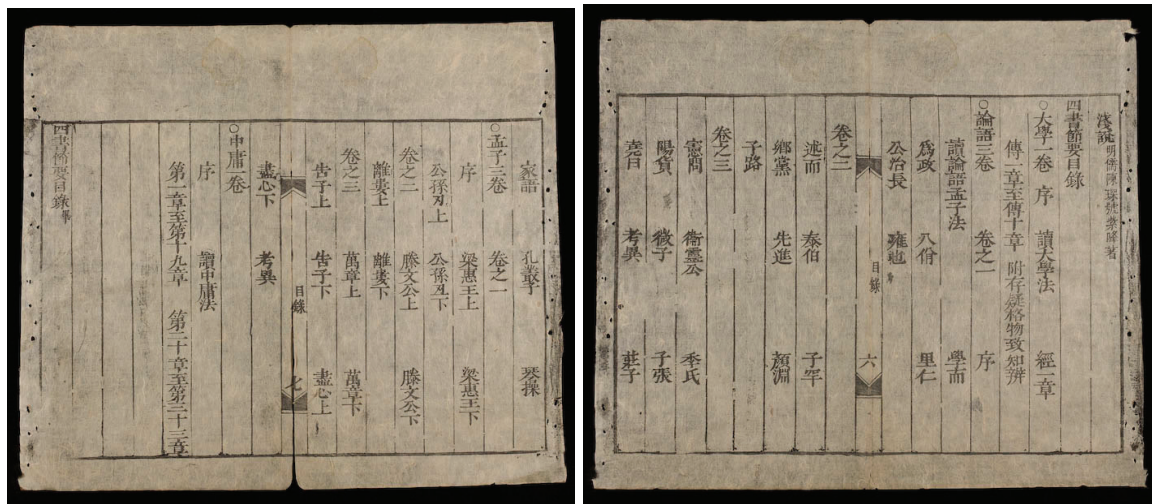
右：許燦煌文庫藏《四書節要》〈大學章句序〉，明命 8 年(1828)印本

¹ 許燦煌文庫藏本 XCH 00393，刊，印處不明。

² 許燦煌文庫藏本 XCH 00392。

³ 漢喃院藏本 AC.226。

⁴ 越南國家圖書館 R.380。



越南國家圖書館藏《四書節要》目錄，成泰 7 年(1895)盛美堂印本

按 1895 年盛美堂《四書節要》目錄，該書為《大學》一卷，《論語》第三卷，《孟子》三卷，《中庸》一卷。此一順序朱熹所論四書次第相符，¹但和《越南漢喃文獻提要》所載漢喃院藏成泰 7 年(1895)柳文堂印本《四書節要》差距甚大。《提要》謂：「此書第一冊為《大學》與《中庸》，第二冊為《論語》，第三、四冊為《孟子》。」²此順序為歷來諸書中最常見的次第。³

目前所知最早的相關版本為明命 8 年(1828)《四書節要》，比裴輝璧別世的 1818 年晚了十年，故坊刻大全節要是否出於裴輝璧的「編者意志」，⁴目

¹ 「學問須以《大學》為先，次《論語》，次《孟子》，次《中庸》。《中庸》工夫密，規模大。」《朱子語類》卷第十四，大學一，綱領。

² 劉春銀，王小盾，陳義編《越南漢喃文獻目錄提要》(台北：中央研究院，2002)，頁 16-17。

³ 佐野公治指出《四書章句集註》的註釋書，按照所用《四書章句集註》的底本，分為以南宋淳佑年間出版的淳佑本體系註釋書，以及興國軍（江西省）刊行的興國本體系註釋書。按照陳逢源所言，前者的四書順序為「學庸論孟」，包括南宋真德秀《四書集編》、趙順孫《四書纂述》、元胡炳文《四書通》。參見佐野公治著，張文朝、莊兵譯：《四書學史的研究》(台北：萬卷樓，2014)，頁 5。陳逢源：〈道統的建構—重論朱熹四書編次〉，《東華漢學》3 期(2005 年 5 月)，頁 222。

⁴ 林維杰論曾指出「選集」也是一種「著作形式」，編者藉由對原文作出裁剪，影響讀者對原文獻的理解，故「編者意志」是無法忽略的。林維杰此言乃針對文本內的「編者意志」，本文將其概念引至「編者意圖」。參見林維杰：〈《芸臺類語·文藝》的詮釋學內涵〉，收入鍾彩鈞編《黎貴惇的學術與思想》(台北：中央研究院中國文哲研究所，2012)，頁 344-346。

前亦不可考。考慮到裴輝璧不僅為當世名儒，自家亦有能力刻書藏板，¹ 未必需要藉由書坊流通書籍，故不能排除「裴氏原本」謂書坊貪圖裴輝璧名聲的託名之作。無論編者意志如何，讀者直接感受到的是書坊對該書的定位。以下就書坊的出版序考察《四書節要》的「文本身分」。

筆者考察現存四個版本的出版序，年代最早的明命 8 年本序文脫落；其餘的三個書坊全部共用同一序文是。各書坊間序文的沿用，為坊刻大全節要的一大特色。序文全文如下：

節約也，要亦約也。何約乎？便於決科而已矣。夫科舉之學與義理之學不同，義理之學必自傳而之約；科舉之學則主於約，故取經傳之全而節之。就中裴氏私本較諸家為善，前即取其五經而梓之，今乃及於四書，其間訓釋援引，一依原本，而皆顏之曰《節要》云。²

序文論節本的「節約」，目的在於「便於決科」。「科舉之學」與「義理之學」不同，對「科舉之學」而言重要的即是「約」，故各家都有大全節本。選擇刊行「裴氏原本」，是因為裴氏私本優於其他諸家。書坊之前已刻板刊印裴氏原本《五經節要》，現在刊刻《四書節要》，訓釋援引等內容全依裴氏原本，並沿用《節要》之名。客觀上，序文之言或有不能盡信之處，如集文堂、柳文堂、盛美堂未必都先印五經再印四書，其共用序文的情形，可能由於書坊間刻板的買賣和混用、共同出版、或版式本文的彼此沿用。無論如何，序文顯示裴輝璧《四書節要》的文本身為科舉用書。書籍封面書名右邊標榜「裴氏原本」，可見書坊主認為裴輝璧的聲譽足以增刺激消費者的購買慾；左邊標註「上層增補」，標榜編者書籍內容的豐富性，增加該書的商品價值。

裴本《大全節要》高度普及，導致學者依賴節要而不讀原書之弊，讓大臣阮通曾上疏力陳裴氏大全節要對舉子的負面影響：

自裴氏《五經四書節要》、《新刊通鑑節要》諸書盛行，學者奉為科途捷徑，正學不明(…)輝璧係故黎進士，其學問新書如何，臣不詳知。第考其

¹ 傳世者有希文堂明命六年(1825)《皇越詩選》、《皇越文選》。

² 引自漢喃院藏本 AC.226。

所著之書，大抵預為掇取科第捷套，貽誤後生，另美才達士淪於曲學而不自知，則雖比於異端邪說、惑世誣民，亦不為過。¹

阮通批判裴輝璧節要為「科第捷套，貽誤後生」，謂其罪「比於異端邪說、惑世誣民，亦不為過」，可見裴輝璧之節要本的普及度達到令阮朝朝廷警惕的地步。

4. 結論

本文的目的，在於對越南的四書學做出基本的整理，包括史料的梳理，以及書目和存本的梳理，以理解通訊所藏《四書大全》及《四書大全節要》在越南四書學中的意義。就整個東亞來說，若說朱熹《四書章句集註》代表的南宋的四書學，明成祖御纂的《四書大全》代表的則是宋元兩代的四書學，而清代部分儒者如顧炎武批判《四書大全》，部分儒者如陸其隴繼續著力於《四書大全》的著述。

越南史料中，1253 年陳太宗便詔天下儒士詣國子院講四書六經，時為宋寶祐二年，所講應為《四書章句集註》。1419 年明成祖頒賜三大全給朝鮮及越南，這三本「大全」收錄朱子和宋儒的經典註釋及理學著作，朱子學就此以官學的身分被引進越南。之後在後黎朝前期的科舉中，可見四書作為科舉精義的主要內容；1435 年《新刊四書大全》板成，證明《四書大全》成為越南四書學的一員。然而《四書章句集註》和《四書大全》何者為重尚不可知，直到黎貴惇謂中興後(1533-) 科舉只用三大全，方才確認《大全》的地位，直到阮朝都是科舉和教育的重要書目。然而《四書》在清代亦有持續發展。

從四書存本考察，19 世紀官刻《四書大全》數量不足，坊刻裴氏原本《四書節要》則大量普及，而裴本已明顯吸收了清代四書著述，如陸隴其《三魚堂四書大全》。此外在越南現存的四書學文獻中，傳世及書目的中國重抄重印本，以及傳世的中國本，多見清人著述，可見越南的四書學涉及宋元明清。

¹ 〈請頒給書籍疏〉，《(嗣德壬申年新鑄)淇川公牘初編》卷二。

NGHIÊN CỨU SÁCH CỔ: “THỦY NGUYỆT TRAI CHỈ NGUYỆT LỤC” - THƯ TỊCH CỔ TẠI DI THÂN VƯƠNG PHỦ

Lý Quý Dân¹

Tóm tắt:

Mặc dù “Thủy Nguyệt Trai Nhật Tri Lục” (mã thư viện: TQC. 18576-18587) của Viện Truyền thông dường như đã bị hư hỏng phần nào do tình trạng bảo quản, nhưng sau khi nghiên cứu văn bản, có thể suy ra rằng nó được viết bởi Cự Đức Hoảng Lễ (1600-1667) khi ông còn là trụ trì chùa Linh Ẩn (1649-1667)) đã được in cách đây hơn 356 năm.

Con dấu "MINH THIÊN ĐƯỜNG LÂM THU HỌA ÁN KÝ" được đóng ở trang đầu tiên của cuốn sách là một thông tin quan trọng, chúng ta không chỉ có thể biết rằng tập sách cổ đến là một cuốn sách quý hiếm được Di Thân Vương Phủ sưu tầm mà còn có thể làm bằng chứng để xác định niên đại cuốn sách, cho thấy tập sách được tái bản vào đầu thời nhà Thanh.

Mặc dù tác phẩm kinh điển này không phải là một bộ đầy đủ gồm ba mươi hai tập, cũng không phải là ấn bản đầu tiên vào năm 1601, nhưng nó vẫn là một cuốn sách quý hiếm vô cùng giá trị, hy vọng rằng sau khi hiểu được giá trị của nó, ta có thể đầu tư nhiều hơn vào công tác quản lý và bảo trì, để bộ sách quý hiếm này có thể sẽ được truyền lại sau hàng trăm năm và trở thành kho báu cho thế hệ tương lai.

Từ khóa: “Thủy Nguyệt Trai Nhật Tri Lục”, Cù Nhữ Tắc, Cự Đức Hoảng Lễ, “Di Phủ thư mục”

1. Cù Nhữ Tắc (1548-1610) và “Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục”

Trong thư viện của Viện Truyền thông có một bộ "Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục" mặc dù mục danh mục ghi "Chưa xác định nơi xuất bản" và "Chưa xác

¹ Trợ lý nghiên cứu sau tiến sỹ, Trung tâm Nghiên cứu đa văn hóa, Học viện Văn học, Đại học Thành Công

định nhà xuất bản ", nhưng người chỉnh lý lúc đó đánh giá rằng tập sách có thể là phiên bản năm 1595, đến nay đã tồn tại hơn 400 năm, khiến các nhà nghiên cứu ngày nay vô cùng tò mò. Lúc đầu, người ta suy đoán rằng đó có thể là ấn bản "Gia Hưng Tàng", bởi vì ấn bản Tân Văn Phong của "Gia Hưng Tàng" ở Đài Loan có ba mươi hai tập "Chỉ Nguyệt Lục".

"Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục", còn được gọi là "Chỉ Nguyệt Lục", được biên soạn bởi Cù Nhữ Tắc (1548-1610) nhà Minh. Ông là người huyện Trường Thục, tỉnh Nam Trực Lệ, tự Nguyên Lập, hiệu Động Quan, và ông còn được gọi là Huyền Ký đạo sĩ, Bàn Đàm, học giả động Na La. Ông xuất thân từ một gia đình danh giá, cha ông là Cù Ảnh Thuần (1507-1569), làm quan chức năm Gia Kinh thứ 22 (1543), ông đứng nhất khoa thi năm thứ 23 (1544) và hạng nhì khoa thi cung đình... Ông được phong chức chủ sự bộ Hình, sau đó chuyển sang làm chi phủ Thần Châu, học cử nhân và phụ trách công việc của học viện. Ông là Tả Thị Lang của Bộ Lễ và là cử nhân của Học viện Hàn lâm, ông là chủ biên của "Dũng Lạc Đại Điển" và biên tập "Gia Tĩnh Thục Lục".

Cù Nhữ Tắc là con trai trưởng của Cù Ảnh Thuần, tuy xuất thân từ một gia đình trí thức tuy nhiên theo "Lịch sử nhà Minh" lại có mối quan hệ thân thiết với Phương Ngoại, ông đã có những biểu hiện khác lạ từ khi còn nhỏ. Lên tám, ông bị mụn nhọt ở chân, chữa mãi không khỏi, y sĩ cũng không biết phải làm sao. Sau đó nhìn thấy Lộ Tiên trong trạng thái xuất thần, đưa ra một đơn thuốc, trong đó có hùng hoàng, liền nói : “Thuốc chưa bách bệnh, uống nửa ngày sẽ khỏi”. Tất nhiên, các vị thần thường xuyên đi vào những nơi xa lạ, chẳng hạn như Đan Đông Huyền Vũ, Kim Đường Ngọc Hoàng, người ở trong đó đều là tiên nhân. Mỗi lần ra ngoài có mây trắng làm đệm, từ từ bay lên. Động Quan nên tránh thiên, không nên kết hôn vì điều này sẽ làm tổn hại đến cội nguồn tâm linh của họ. Để nói chuyện với cha, người cha nói: “Nếu cả cha con tôi đều bất tử có được không”. Động Quan hỏi các vị tiên, họ chỉ vào danh sách vàng trong mật đường để cho xem và nói. : "Chỉ có tên của ông được ghi vào danh sách. Ai không có tên trong danh sách thì không được phép. Quan Động được liệt vào danh sách tiên nhân, vì vậy ông đã kết hôn với một quan chức." Vì ảnh hưởng của cha nên ông ra làm quan, chán làm quan, ông chuyển đến Lô Đô và nghỉ hưu với tư cách là một thừa tướng ở chùa Thái Bộc.

Ông được nhân gian biết đến là một “người thanh liêm, đức độ”, yêu thích nghiên cứu Phật giáo kinh điển. Vì vậy, ông đã đề cập đến điều đó trong Lời tựa của tập sách “Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục” của mình.

Có thể thấy, Cù Nhữ Tắc có hiểu biết sâu rộng và đam mê việc nghiên cứu Phật giáo nên đã đúc kết kinh nghiệm học tập của mình thành “Chỉ Nguyệt Lục”, bộ sách có giá trị cao cho đến ngày nay. Nhân gian cho rằng Cù Nhữ Tắc “nghiên sách giáo phái” để mô tả lý do sưu tầm và biên tập “Chỉ Nguyệt Lục”. Ông không chỉ nghiên cứu Phật giáo kinh điển mà còn giúp Tử Bá Đại sư trả tiền và thuê thợ khắc kinh tại chùa Kính Sơn Tịch Chiếu. Một trong những nhân vật cốt cán, Hàm Sơn Đại sư từng đề cập:

“Nếu muốn khắc một cuốn sách vuông, nó có thể dễ dàng lưu hành, truyền bá kiến thức và trở thành hạt giống kim cương. Nếu có kẻ trách phạt thì phải tự nhận lỗi, như vậy mới thuận duyên. Vào thời điểm đó, Lục Thái Tể cùng với Phùng Tư Thành Mộng Trân, Tăng Đình Hủy Mộng Hanh, Cù Quýnh Khanh Nhữ Tắc, làm việc tại ni viện Tịch Chiếu ở Kính Sơn. Ông bí mật khai công, và lần lượt đảm nhận công việc của mình. Sau này, Ngô Phương Bá đã sử dụng nó đầu tiên, được dùng làm nơi chứa đồ ở Phúc Hoa.”

Vào thời điểm đó, Cù Nhữ Tắc đã thuê công nhân cùng với Lục Quang Tổ (1521-1597), Phùng Mộng Trân (1548-1605), Tăng Đồng Hanh (1533-1607) và những người khác hỗ trợ xuất bản tập chính thức “Gia Hưng Tàng”. Vì vậy, sau này ông đã sưu tầm và xuất bản “Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục” dưới dạng tập vuông.

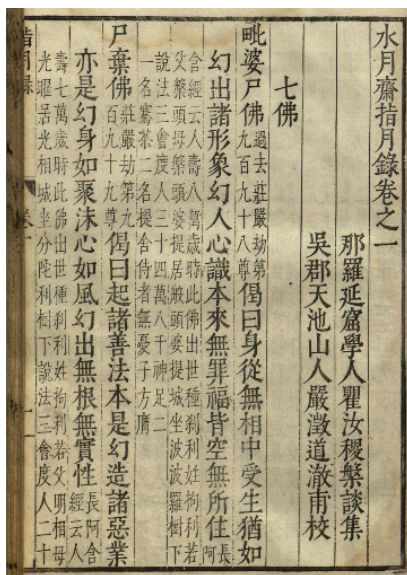
Nội dung của “Chỉ Nguyệt Lục” chủ yếu được trích từ hai cuốn sách “Ảnh Đức Truyền Đăng Lục” và “Thiền Lâm Tăng Bảo Truyền”. Cuốn sách bao gồm tổng cộng ba mươi hai tập, tập hợp lời thoại và hành động của tổng cộng 650 người từ bảy vị Phật quá khứ đến Mahatma thời nhà Tống (1089-1163). Tập đầu tiên đến tập thứ ba của cuốn sách bao gồm bảy vị Phật, các hiền nhân Anh Hóa và các vị Tổ Tây Phương (hai mươi tám vị Tổ Tây Phương), tập thứ tư bao gồm các vị Tổ Đông Phương, từ Bồ Đề Đạt Ma đến Lục Tổ Huệ Năng (638-713); Tập 5 đến 5 Tập 30 sưu tầm từ thế hệ đầu tiên đến thế hệ thứ 16 của Huệ Năng; Tập 31 và 32 chứa đựng những câu nói của Thiền sư Cao của Đại Huệ Tông ở Cảnh Sơn, tổng cộng hơn 1.700 công án Thiền.

Sau thầy của Cù Nhữ Tắc là Quan Đông Minh (1536-1608), nội dung cũng giống như vậy. Vì vậy, hầu hết sách được cất giữ trên giá sách đều là sách Thiền. Mỗi khi đọc được cuốn sách yêu thích, ông liền cầm bút ghi lại, đến năm Vạn Lịch thứ 23 (1595), ông đã chép được ba mươi hai tập. Sau khi bản thảo hoàn thành, người bạn Trần Mạnh Khởi lần đầu tiên sao chép phần thứ hai, sáu năm sau (1601), nó được

người đồng hương Nghiêm Thành biên tập và xuất bản. Vì tên nghiên cứu của tác giả là “Thủy Nguyệt Trai” nên mục đích viết cuốn sách này là để người đọc hiểu được bản chất của Thiền thông qua nó (“zhi”, tức là chỉ tay) (“yue”, ở đây đặc biệt ám chỉ Thiền tông dùng tâm truyền đạt “tâm nguyệt”) nên có tên là “Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục”. Vì vậy, cuốn sách được sưu tầm và hoàn thành vào năm Vạn Lịch thứ 23 (1595), lời tựa được xuất bản vào năm thứ 29 (1601), sau đó được đưa vào tập 143 của “Vạn Lục Tàng”. Đánh giá từ lần xuất bản đầu tiên, việc ghi chép của thư tàng được ghi là năm 1595, nhằm lần tuyển tập thành sách là thời điểm xuất bản

Trên thực tế, bộ sách được sao chép từ bản đầu tiên. Mãi đến năm 1601, Nghiêm Thành mới xuất bản cuốn sách này.

Bản gốc này có thể được tìm thấy tại Thư viện Quốc gia, hiện đã được số hóa (xem Hình 1) và có thể dễ dàng truy cập để tải xuống. Cuốn sách được chia thành mười sáu tập, ba mươi tập đầu, ngoại trừ các tập 13-15 và 16-18 là ba tập trong một tập, còn lại là hai tập trong một tập, gộp lại thành mười bốn tập và tập cuối cùng là ba mươi một, ba mươi hai mỗi cuốn nằm trong một tập riêng biệt, tổng cộng là mười sáu tập.



Hình 1. Phiên bản "Chi Nguyệt Lục"

In lại "Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục" Hình 1. Phiên bản "Chỉ Nguyệt Lục" của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ đời cho đến khi tìm thấy bản sao của phiên bản Văn phòng Truyền thông, chỉ để phát hiện ra tập đầu tiên có chữ ký "Kinh Ấn Đạo Nhân Hoàng Lễ Trọng Tử". Hoàng Lễ, đó là Cụ Đức Hoàng Lễ (1600-1667), một nhà sư thuộc phái Lâm Tế vào cuối triều đại nhà Minh và đầu nhà Thanh, là người gốc Hội Kê (Thiệu Hưng, Chiết Giang), họ thường là Trương, tự là Cụ Đức, xuất gia tại chùa Phổ Đà và sau đó đến thăm Hán Nguyệt Pháp Tàng (1573-1635) tại chùa An Ân. Một ngày nọ, khi nhìn vào gương, ông chợt giác ngộ. Sau đó, ông được bổ nhiệm làm người dọn dẹp

nhà xí, và khi đang làm việc nhà xí, anh chợt nhận ra rằng việc sử dụng máy móc ở khắp mọi nơi và khu rừng được mệnh danh là "Chiếc cốc sắt". Vào năm Sùng Trinh thứ 11 (1666), ông trở thành trụ trì chùa Quảng Tiêu ở Vân Môn, thực hành việc đốt nương làm rẫy theo phong cách cổ xưa. Chẳng bao lâu sau, ông chuyển đến Kính Sơn và đến chùa Linh Ân. Trong những năm cuối đời, ông chủ trì chùa Thiên Ninh. Sau

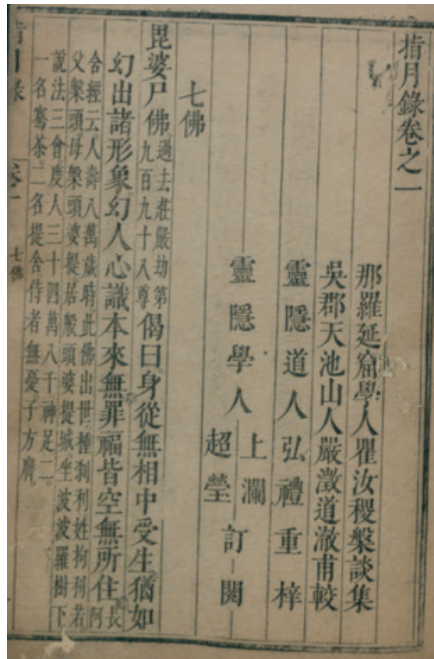
đó, ông viên tịch vào tháng 10 năm Khang Hy thứ sáu (1667), thọ sáu mươi tám. Có ba mươi tập "Trích dẫn của Thiên sư Cự Đắc Lễ", vào thời Ung Chính, bộ sách đã bị cấm và tiêu hủy một thời gian, nhưng vẫn được lưu hành trên thế giới cho đến ngày nay. Vì "Thủy Nguyệt Trai Chi Nguyệt Lục" do Cù Nhữ Tắc biên tập và xuất bản và tất cả các học giả đều tuân theo nó nên việc sau đó tập sách được Hoàng Lễ tái bản, cách nhau một thế hệ là điều khá hợp lý.

Tuy nhiên, bản khắc không ghi chính xác năm khắc lại, ta chỉ có thể phán đoán thời gian có thể có từ các hoạt động liên quan của Hoàng Lễ. Theo "Biên niên sử chùa Ngũ Lâm Linh Ân" tập 7:

“Mùa xuân năm Kỷ Châu 1649, ngài đến Linh Ân thuyết pháp trong ba năm xuân hạ. Ông trở lại Thiên Ninh để kỷ niệm sinh thần thứ năm mươi của mình và sinh thần người anh trai đầu tiên cũng là người thừa kế của mình, Thiên Ninh. Vào mùa đông, ông đến Hàng Châu để tu học Phật giáo. Ngày mồng tám tháng mười hai âm lịch, ông truyền cho người phải thọ giới. Mùa xuân năm sau, ông yên tâm trở về Linh Ân. Sau đó, số lượng người đã vượt quá 10.000. Thầy rèn giũa đệ tử, tiếp thêm sinh lực cho ngành xây dựng, gom sỏi mua đất, gom góp đất đai rộng lớn để làm cho thịnh vượng. Các sảnh phía đông và phía tây được sắp xếp thành hàng, mỗi dãy có cách bố trí riêng. Một pháp đường lớn được xây dựng, có vương miện uy nghiêm ở phía đông nam, diện mạo Linh Âm đã thay đổi rất nhiều. Chỉ trong vòng hai mươi năm, cung điện đã trở nên uy nghiêm, xanh vàng, trắng lợt như Trung Hoa. Mặc dù nói là hồi sinh nhưng thực chất cũng giống như sáng tạo. Từ đó, tất cả Đạo giáo và phong tục trên biển đều kết luận rằng thành rồng và voi dưới biển cùng các công và sân rộng lớn đều phải do Linh Âm lãnh đạo. Vào mùa đông Bính Ngô (1666), thượng tăng đích thân đến Linh Ân và xin sư phụ về sống ở Kính Sơn, sư phụ hết lần này đến lần khác từ chối. Kỵ sỹ bốn lần chặt bỏ các bài vị, mang theo nhiều đồng tiền gõ đàn hương để bảo vệ sách, kiên quyết thúc giục nhưng sư phụ không nhận, để ông có thể leo núi vào mùa đông và phát triển tôn giáo tổ tiên.

Tháng 8 âm lịch, Linh Ân hoàn thành chùa Phổ Thông, đón sư phụ về chùa thuyết pháp, đưa xương cốt của tất cả các linh hồn vào chùa. Ở lại bảy ngày và trở về Kính Sơn. Vào tháng chín âm lịch, Hứa Duy Dương Thiên Ninh mời đưa Cự Bội vào chùa, và sau đó ông ra khỏi núi vào ngày 25. Ngày 12 tháng 10, ông vào Thiên Ninh, đến ngày 18 tháng Giêng âm lịch, vào đêm Bính, ông thức dậy vào canh năm và được lệnh mặc quần áo, mũ, giày mới, từ đỉnh đầu xuống gót chân, thiền và ngồi thẳng.

Ngày 19 tháng 10 năm 1667 được định là ngày xấu. Sau khi sư phụ hóa thân, cầu nguyện cho Điền Ninh ba ngày, đỉnh đầu nóng bừng, ngời trắng, sắc mặt như người sống, các đệ tử của Đồng Hạp Viện cung kính tại điện thờ và trở về Pháp đường để lễ bái. Theo ý nguyện của sư, một tu sĩ Phật giáo Bốc Tháp được mời vào chùa ngày 26 tháng 8 năm 1668 trên Huệ Nhật Hiên ở phía đông của nhà chùa.



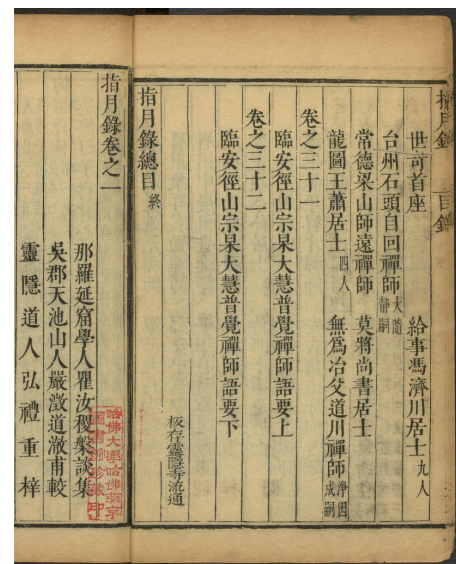
Hình 2. Tập 1 cuốn "Chi Nguyệt Lục" của Truyền Viện

Sau năm 1649, Hoàng Lễ chủ yếu sống ở chùa Linh Ân, mãi đến năm 1666 ông mới được mời đến Cảnh Sơn. ông qua đời tại chùa Thiên Ninh vào tháng 10 năm 1667.

Dựa vào nơi ở của trụ trì, đáng lẽ hoàng Lễ phải là trụ trì của chùa Linh Ân khi cuốn sách được tái bản, bởi vì sau đó vào năm Sùng Trinh thứ 11 (1666), ông đến chùa Quang Hiếu ở Vân Môn. Sau khi rời chùa Linh Ân, Hoàng Lễ dường như coi mình là người gốc Vân Môn nên sau đó đã thuyết giảng và nói chuyện tại chùa Thiên Ninh, với sự hỗ trợ của người ghi chép Tế Nghĩa và người phục vụ Dũng Đạo, ông đã biên tập "Vân Môn Cụ Đức Thiên Sư Duy Dương Thiên Ninh Thiên Tự Ngũ Lục", từ đó Linh Ân không còn được sử dụng nữa, thay vào đó

là "Vân Môn, những người phục vụ xung quanh nó cũng đã thay đổi so với thời những người ở thời kỳ Linh Ân Tự.

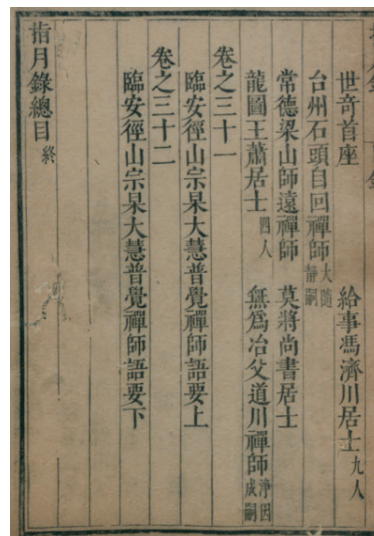
Hiện nay, Hoàng Lễ tái bản còn sót lại ít nhất hai bản, một là bản in lại của Linh Ân Tự, hai là bản in lại của Vân Môn phái thời kỳ đó (xem Hình 2). Phiên bản này được ký ở tập một do Đạo sĩ Linh Ân Hoàng Lễ Trọng Tử, học giả Linh Âm Thượng Lan và Triều Anh đăng ký. Sau khi Hoàng Lễ đến chùa Linh Ân vào năm 1649, ông đã sống ở đó khoảng mười tám năm. Vì vậy, phiên bản được lưu giữ tại Thư viện Đại học Harvard còn có dòng chữ "Lưu tại Linh Ân Tự" (xem Hình 3) được khắc sau danh mục chung, cho biết phiên bản đã được in lại tại chùa Linh Ân và khắc mộc bản hoàn thiện được



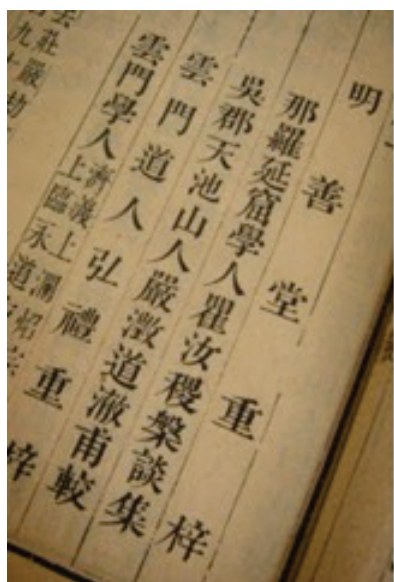
Hình 3.

lưu giữ tại chùa để in ấn sau này. Sau khi so sánh, phiên bản sưu tập của Viện Thông tin và phiên bản Thư viện Đại học Harvard phải giống nhau.

Chỉ có một điều kỳ lạ ở ấn bản in này, đó là dòng chữ "Lưu tại Linh Ẩn Tự" ở cuối danh mục tổng hợp chỉ xuất hiện trong ấn bản Thư viện Đại học Harvard, còn ấn bản sưu tầm của Viện Truyền thông lại để trống! (Xem hình 4). Ngoại trừ sự khác biệt này giữa hai phiên bản, các trang còn lại gần như được in từ cùng một khuôn, bao gồm cả phong chữ, nét vẽ, đường đen giữa các dòng, v.v. Không có sự khác biệt nào cả, kể cả mặt bên của "Lưu tại Linh Ẩn Tự". Đường đen cũng bị mờ tại một chỗ. Hiện tại, chúng ta chỉ có thể suy đoán rằng những dòng chữ này đã được cố tình xóa đi, còn nguyên nhân đằng sau thì vẫn chưa rõ ràng.



Hình 4.



Hình 5.

Hiện tại, cả Thư viện Đại học Harvard và bộ sưu tập của Viện Truyền thông đều không để lại niên đại rõ ràng nào, chúng ta chỉ có thể dựa vào "đá phiến" (Hình 4). Đánh giá từ dòng chữ "Lưu tại Linh Ân Tự" trong thư mục "Chỉ Nguyệt Lục" của Văn phòng Truyền thông, việc khắc lại này đáng lẽ phải được thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 1649 đến năm 1667, khi Hoàng Lễ là trụ trì của chùa Linh Ân.

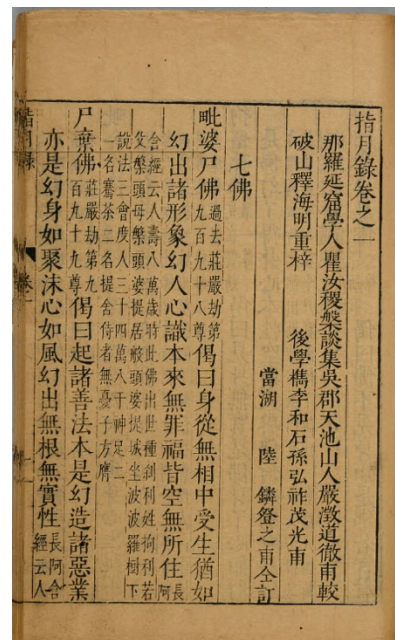
Ngoài việc Hoảng Lễ tái bản "Chỉ Nguyệt Lục" khi ông còn ở chùa Linh Ẩn, ông còn xuất bản lại "Chỉ Nguyệt Lục" khi ông gia nhập thuộc giáo phái Vân Môn. Trong bài viết "Thi sĩ triều Thanh, Hoàng tử Di Thân Vương và tác phẩm sưu tầm Minh Thiệu Đường"

(xem Hình 5), phiên bản " Chi Nguyệt Lục " rõ ràng là khác với phiên bản của Viện Truyền thông. Chữ ký đã được thay đổi từ bản gốc " Đạo sĩ Linh Ân Hoàng Lễ Trọng Tử, học giả Linh Ân Thượng Lan, Siêu Ánh sửa lại thành "Đạo sĩ Vân Môn Hoàng Lễ Trọng Tử, học giả Vân Môn Tế Nghĩa, Thượng Lan, Dũng Đạo và Tế Nghĩa đã được đặt hàng cùng nhau." Nó cho thấy rõ đây là một phiên bản khắc lại khác,

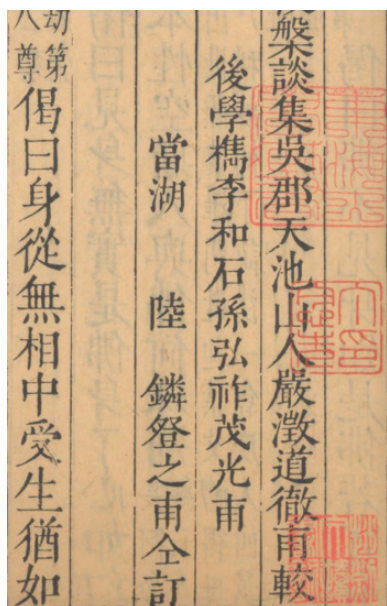


phiên bản này sau này trở thành cơ sở cho việc khắc lại chùa Hải Trang vào năm Càn Long thứ 10 (1745) nhà Thanh. Sau khi so sánh, Hình 5 và ấn bản Vân Môn của "Chỉ Nguyệt Lục" hiện có trong "Gia Hưng Tàng" dường như không phải là ấn bản đầu tiên mà là ấn bản thứ hai của Phá Sơn Minh Hải (1597-1666) và ấn bản ở Đông Tháp Thiên Đường của tỉnh Gia Hưng, Chiết Giang.

Phá Sơn Minh Hải là một tu sĩ của giáo phái Lâm Tế, hậu duệ của gia tộc Kiển của Tây Thục, người thừa kế của Thiền sư Mật Vân Ngộ (1567-1642), và là thế hệ thứ 35 dưới thời Đại Giám. Năm thứ 19, ông mong nguyện mình có thể đến chùa Đại Trị, tình cờ nghe được sư phụ Huệ Nhiên giảng kinh Lăng Nghiêm, chưa quyết định, ông rời Tứ Xuyên đến Sở, nơi tôi sống ở núi Phá Đầu trong ba năm. . Sau đó, ông tham gia giác ngộ ở Kim Túc (tức là giác ngộ Mật Vân) và thấu đạt phương thức. Vào năm Sùng Trinh thứ hai (1629), chùa Gia Hòa Đông Tháp ra đời và ông chuyển đến Vạn Phong, Song Quế và các chùa khác. Trong hai mươi năm, ông đã ngồi ở chín pháp đường. Ông là tác giả của "Trích đoạn núi", "Bài thơ ở trên núi" và "Song Quế Cao". Đệ tử của ông có 87 người bao gồm



Hình 6. Phiên bản Vân Lý của "Chỉ Nguyệt Lục" từ Bộ sưu tập Gia Hưng



Hình 7. "Chỉ Nguyệt Lục" được sưu tầm tại Gia Hưng Đường, Đại học Đông Hải

Đạt Quý và Phổ Khoan,... Năm ba mươi hai tuổi (1629), ông sống ở chùa Quang Phúc ở Đông Tự Giả Hà, trong vòng ba năm, đi khắp nơi xa gần mà không bằng lòng, đạo giáo trở nên phổ biến ở miền nam nước Nam, sông Dương Tử.

Phá Sơn Minh Hải trở lại Ba Thục ở tuổi ba mươi lăm và viếng thăm chín ngôi chùa bao gồm Vạn Phong, Phụng Sơn, Tường Phù, Vô Tuế, Bàn Long, Phật Ân và Song Quế (nay gọi là Song Quế Đường, được đặt theo tên của hai cây quế cổ thụ trong chùa) - Ủng hộ tư tưởng của Mã Tổ, truyền thống của giáo phái này lan rộng khắp nơi, ngày đêm có hàng nghìn người đến viếng thăm ngài.

Dòng chữ ở cuối tập đầu tiên của cuốn “Chỉ Nguyệt Lục” (Hình 6) có nội dung: “Mùa xuân năm Sùng Trinh Và Tân Vệ (1631), mẹ ông là Lữ Thái Nho quê Ngũ Côn Thọ. Từ tập này đến tập thứ 20 của bộ sách được lưu giữ ở Đông Tháp Thiên Đường để cầu nguyện cho mẹ khỏe mạnh và trường thọ.

Có thể thấy thời điểm tái bản trùng với thời điểm Phá Sơn Minh Hải còn là trụ trì chùa Đông Tháp Quang Phủ ở Giả Hà, theo danh mục tổng hợp của ấn bản này, ấn bản khắc gỗ tái bản được lưu hành bởi “Lưu hành tại Đông Tháp Thiên Đường”.

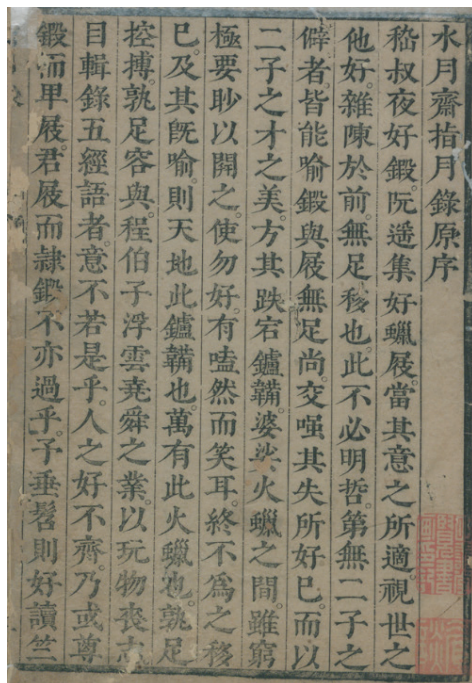
Cuốn sách hiếm đóng bìa ở Thư viện Đại học Đông Hải ở Đài Loan cũng có ấn bản tương tự, gồm ba mươi hai tập và mười quyển, với cách bố trí kiểu đuôi cá đơn, cột đơn. Nửa tờ giấy có mười một dòng, mỗi dòng có hai mươi một ký tự; hai dòng chữ nhỏ, mỗi dòng có hai mươi một ký tự. Khung bằng 15,1×21,5 cm. Phía trên giữa bằng có khắc chữ “Chỉ Nguyệt Lục”, phía dưới đuôi cá có khắc chữ “Quyển 〇” và mã lá. Dòng đầu tiên của tập có tựa đề “Chỉ Nguyệt Lục quyển 1”, dòng thứ hai có tựa đề “Bộ sưu tập các bài thuyết pháp của Cù Nhữ Tắc, một học giả Quan Động Na La”, dòng dưới cùng có tựa đề “Nghiêm Thành đạo Triệt Phủ giác từ núi Thiên Trì nước Ngô”, và dòng thứ ba là Dòng chữ “Phá Sơn Minh Hải Thích Trọng Tử”, tiếp theo là dòng chữ “Học giả Lý Tôn Hoảng Mậu Quang Phủ”, và bốn dòng bên dưới có dòng chữ “Đương Hồ Lục Lâm Đăng Chi Phủ Đồng Đỉnh”. (Xem Hình 7)

Tuy nhiên, trang web của Đại học Đông Hải ghi rằng thời điểm xuất bản của bộ kinh này là “Năm Sùng Trinh thứ ba đời Minh(1630), Hải Minh xuất bản ấn bản thứ hai”. Tuy nhiên, nếu ghi theo dòng chữ ở Tập 1, nếu là “năm Tân Vệ của Sùng Trinh (1631)” thì việc xuất bản nên lùi lại một năm!

Tóm lại, bản sao trong bộ sưu tập của Viện Truyền thông không phải là ấn bản đầu tiên mà là bản tái bản. Vào thời điểm đó, Thiền sư Phá Sơn Minh Hải đã in lại nó một lần vào năm 1631 trước khi Hoảng Lễ tái bản. Hơn mười năm sau, Hoảng Lễ chủ trì chùa Linh Ẩn từ năm 1649 đến 1667 và khắc lại nó một lần nữa. Tương đối mà nói, bản khắc của Hoảng Lễ ra đời tương đối muộn, nhưng đó là bản Phá Sơn Minh Hải sau này được đưa vào Thư Tục Tàng, điều này có thể liên quan đến việc Hoảng Lễ là đệ tử của phái Tam Phong. Hệ thống gần như đã bị Hoảng đế Ung Chính phá hủy, mặc dù sở dĩ bản sưu tập của Viện Truyền thông có thể tồn tại được có thể liên quan đến con dấu sưu tập được đóng dấu trong cuốn sách.

3. Sách hiếm của Di Thân Vương Phủ

Trên trang chủ của đài truyền thông số TQC18576 có hai con dấu phía dưới dòng đầu tiên là "Lời tựa gốc của Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục" (xem Hình 8), một trong những con dấu có khắc hình chữ nhật ghi “Ấn Minh Sơn Đường”. Con dấu này phù hợp với "Con dấu thư pháp và tranh vẽ Minh Sơn Đường" trong "Ấn Minh Sơn Đường" của Thư viện Quốc gia. (Xem Hình 9) Vì vậy, bộ "Chỉ Nguyệt Lục" này từng nằm trong bộ sưu tập của Minh Sơn Đường.



Hình 8. Trang đầu tiên của "Chỉ Nguyệt Lục" của Viện Truyền thông, một tấm bản được hoàng đế ban tặng năm 1998



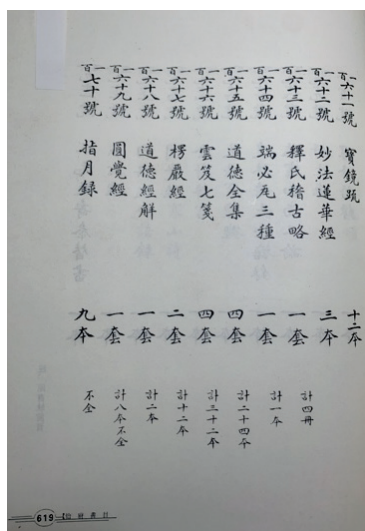
Hình 9. Dấu ấn thư pháp và hội họa của Minh Sơn Đường: Viện Truyền thông bên trái, Thư viện Quốc hội bên phải

Người sở hữu con dấu sách này là Di Thân Vương mê sách nổi tiếng Di Hoàng Hiếu (1722-1778), tự Tú Đình, hiệu Băng Ngọc Đạo sĩ, một nhà thơ và nhà thơ nổi tiếng thời nhà Thanh. Hoàng Hiếu đã tích lũy rất nhiều kiến thức về thời cổ đại và đã đọc tất cả các tác phẩm kinh điển, lịch sử, tiểu sử và hàng trăm trường phái tư tưởng. Nơi cất giữ sách ở Nghĩa Phủ tên là An Lạc Điện, hay còn gọi là Minh Sơn Điện, chiếc tủ lớn có chín câu đối, chất đầy sách. “Minh Sơn Đường” có từ năm Càn Long thứ năm (1740).

Hoàng Lễ, người thuộc tuyến đầu, cũng sẽ bị ảnh hưởng. Những cuốn sách trong bộ sưu tập Di Phủ được các thế hệ sau gọi là sách hiếm, chủ yếu là do thư viện "Tứ khó toàn thư" được mở vào năm Càn Long thứ 37 (1772), và những người mê sách trên khắp đất nước được lệnh nộp chúng. địa vị đặc biệt, Di Phủ thư tàng không được trưng bày nhưng nhiều cuốn sách quý được giữ lại. Cuốn "Chỉ Nguyệt Lục" của viện giao thông nói trên được viết bởi Hoàng Lễ Trọng Tử, dưới thời trị vì của Hoàng đế Ung Chính (1678-1735), năm Ung Chính thứ 11 (1733), ông ra lệnh đàn áp Hán Việt Pháp Tạng (1573-1635), theo chính sách này, nhưng vào năm Ung Chính thứ 8 (1730), Di Thân Vương Dận Tường qua đời, Hoàng đế Ung Chính ra lệnh: “Con trai của quốc cữu là Hoàng Hiếu sẽ kế thừa tước hiệu Di Thân Vương. Hoàng

Hiếu lúc đó mới 9 tuổi lên kế vị Di Thân Vương, điều này cho thấy Hoàng Hiếu được Hoàng đế Ung Chính vô cùng sủng ái. Tuy nhiên, đến năm Càn Long thứ 4 (1739), vụ án Hồng Dân, con trai của thái tử Dận nhà Khang Hy bị phế truất, âm mưu “thành lập bè phái trục lợi” bị phát hiện, cả hai đều có liên quan và bị Càn Long trừng phạt. Hồng Tiêu tuy không liên quan đến vụ án nhưng đã được Hoàng đế Càn Long ban tặng các biển hiệu như “Minh Sơn Đường”, “Trung và hiếu đối với dân”, tuy nhiên ba năm sau, ông bị cách chức các chức vụ chính thức như Lí Phiên Viên và Đô Thống, và trở thành một thế hệ "vua nhàn rỗi". Kể từ đó, Hoàng Hiếu hoàn toàn rút lui khỏi chính trị và dành toàn bộ tâm sức cho việc sưu tầm văn tự cổ. Vì vậy, qua các triều đại Ung Chính và Càn Long, việc sưu tập sách ở Di Phủ không bị ảnh hưởng bởi chính trị và trở thành nơi sưu tập sách quan trọng kể từ thời nhà Thanh. Nó biên soạn một tập "Di Phủ tạng thư", tập hợp 4.500 loại sách, không chia thành tập hay danh mục, chỉ ghi tiêu đề và số tập, đôi khi ghi lại bản khắc. Sách hiếm và sách thường được đặt cạnh nhau, và hầu hết đều là ấn bản đẹp của thời nhà Tống.

Vì vậy, người ta suy ra rằng cuốn "Chỉ Nguyệt Lục" trong bộ sưu tập của Viện Thư tín, được đóng dấu "Ấn Minh Sơn Đường", phải là một ấn bản hiếm được Hoàng Lễ tái bản vào đầu thời nhà Thanh giữa năm 1649 và 1667. Cách đây hơn 350 năm, có thể nói là khá lớn, quý hiếm.



Hình 10. "Di Phủ tạng thư"

Hơn nữa, Di Thân Vương dường như rất coi trọng cuốn sách này, thậm chí còn tái bản "Chỉ Nguyệt Lục", vì vậy, trong ghi chép "Di Phủ tạng thư", thực tế có ba tập "Chỉ Nguyệt Lục": 1. một bộ "Chỉ Nguyệt Lục" mười tập. 2. Chín tập "Chỉ Nguyệt Lục" số 170 chưa hoàn chỉnh. (Xem Hình 10) 3. Một bộ "Chỉ Nguyệt Lục" số 286, tổng cộng 10 tập.

Các tập thư từ được đánh số như sau: TQC 18576(12), 18577 (3-4), 18578 (5-6), 18579 (7-8), 18580 (910), 18581 (11-12), 18582 (13-14), 18583 (15-16-17), 18584 (18-19), 18585 (20-21), 18586 (22-23), 18587 (24-25), tổng cộng 12 tập, nhưng còn thiếu tập 26-32.

Tuy nhiên, xét theo sự phân chia "giải thích ngữ âm" trong cuốn sách, Tập 4 đến Tập 6 nên là một tập. Hiện tại bộ sách được chia thành TQC.18577 và 18578. Tập 4 đã được chuyển sang tập trước TQC.18577. Chỉ còn lại tập 5 và 6 của TQC.18578. Điều này có thể đã được các thế hệ sau cài đặt lại. Bởi vì nội dung của bộ sưu tập thư từ

giống như bộ sưu tập mười tập của Đại học Harvard. Theo giải thích ngữ âm ở cuối tập TQC 18585 (20-21) của Viện Truyền Thông thì tựa đề cũng ghi là “Tập 18-20” nên phải có ba tập chứ không chỉ có tập 20 và 21.

Vì vậy, sau này nếu có cơ hội sửa chữa, đóng bìa cuốn kinh này thì nên phục chế theo số tập ban đầu. Tình trạng hiện tại của các tập 26-32 chưa hoàn thiện, nếu không bị thất lạc sau này, rất có thể là bộ chín tập chưa hoàn thiện của "Chỉ Nguyệt Lục" số 170.

4. Tiểu kết

Dựa trên những thực tế trên, chúng ta có thể suy ra rằng bản TQC 18576-18587 “Nhật Tri Lục” của Thư Viện nên là bản được Cự Đắc Hoàng Lễ (1600-1667) in lại khi ông còn là trụ trì chùa Linh Ân (1649-1667).), không giống như bản được in lại dưới thời giáo phái Vân Môn, nó được in cách đây hơn 356 năm.

Một trong những chìa khóa giải thích tại sao một cuốn sách cổ quý giá như vậy lại được lưu truyền cho đến ngày nay là vì nó từng được sưu tầm trong Bộ sưu tập Minh Sơn Đường của Di Thân Vương Hoằng Hiếu của nhà Thanh và được bảo vệ cẩn thận khỏi sự xâm phạm của các yếu tố ngoại cảnh. Từ đầu đến cuối nhà Thanh, mặc dù chúng ta vẫn chưa biết tác phẩm kinh điển này đã lan truyền đến Hà Nội, Việt Nam như thế nào sau sự suy tàn của nhà Thanh. Tuy nhiên, thế kỷ 20 sau khi nhà Thanh sụp đổ tình cờ lại là thời kỳ Viện Viễn Đông Pháp tích cực thu thập một số lượng lớn tài liệu Trung Quốc, có lẽ chính nhờ cơ hội này mà bản tái bản "Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục" của Hoàng Lễ mới có thể tồn tại đến ngày nay.

Con dấu sưu tập sách được đóng dấu trên cuốn sách là một nguồn thông tin quan trọng, bởi nó không chỉ có thể xác định niên đại tồn tại của cuốn sách mà nhiều cuốn sách mà Di Phủ sưu tầm được cũng là báu vật, suy ra lần tái bản này là thời kỳ đầu nhà Thanh.

Theo thời gian, nếu ai đó có thể điều tra lại hơn 30.000 tài liệu tiếng Trung Quốc trong Viện Tương ứng và điều tra lại những con dấu và dấu ấn trong các cuốn sách, tôi tin rằng sẽ có cơ hội phát hiện ra nhiều điều hiếm hoi hơn, những cuốn sách quý hiếm sẽ làm tăng thêm sự quan tâm của mọi tầng lớp xã hội ở Việt Nam đối với thư viện, đồng thời có thể khơi dậy sự quan tâm của các học giả từ khắp nơi trên thế giới đến học tập, nâng cao vị thế của giới học thuật địa phương.

古籍鉤沉：怡親王府藏《水月齋指月錄》善本

李貴民¹

摘要：通信所的 TQC. 18576-18587 《水月齋日知錄》，雖然從保存狀況看來已有所缺損，但版本考證之後，應該可以推斷是具德弘禮（1600-1667）在靈隱寺住持期間（1649-1667）所重新刊刻的版本，印製的時間距今已超過 356 年。

而該書首頁上所鈐印的藏書章「明善堂覽書畫印記」是重要的訊息來源，不但可以知道是來自怡府所收藏的珍品書籍，且依靠此證據也可斷定該書曾經存在的年代，成為推斷其為清初重刊本的有利佐證。

本部典籍雖非完整的三十二卷本，也不是 1601 年的初刻本，但仍是相當有價值的善本，希望在了解其價值之後，可以投注更多的管理與維護工作，讓此善本可以再流傳數百年，成為後世之寶。

關鍵詞：《水月齋日知錄》、瞿汝稷、具德弘禮、《怡府書目》

1. 瞿汝稷（1548-1610）與《水月齋指月錄》

在通信所的書庫裡有一套《水月齋指月錄》，雖然根據目錄的登錄，顯示「出版地不詳」、「出版者不詳」，但是當時整理者判斷可能是 1595 年版本，距今超過四百年，令人非常好奇。起初推測有可能是《嘉興藏》版本，因為在台灣的新文豐版《嘉興藏》收錄有《指月錄》三十二卷本。²

《水月齋指月錄》，又名《指月錄》，是明朝瞿汝稷（1548-1610）所編輯。他是南直隸常熟縣人，字元立，號洞觀，又號幻寄道人、槃談、那羅延

¹ 成功大學文學院多元文化研究中心博士後助理研究員

² （明）瞿汝稷集，《指月錄》，【嘉興藏新文豐版】[續藏] No.25，第 30 冊，卷數：32 卷，2010 年。

窟學人。出身家世顯赫，他的父親瞿景淳（1507-1569）是嘉靖二十二（1543）年舉人，二十三（1544）年會試第一，殿試第二，授編修。遷侍讀，歷侍讀學士，掌院事。累官禮部左侍郎，兼翰林院學士，曾總校《永樂大典》，修《嘉靖實錄》。¹

瞿汝稷為瞿景淳長子，雖然出身書香世家，但與方外關係密切，根據《明史》記載，他自小即有神蹟顯示，「八歲時足生疔，凡疔以食生豆為驗，不知氣味者則不治。洞觀食竟不知，醫者各至，咸謂必無幸矣。當危急時，恍惚見呂仙面授方藥數味，內有雄黃，曰：「此互眼疔，故用此。」服之日有半即愈。自是神常入異境，無非丹洞玄圃，金堂玉陛，其中之人則皆仙也。每出窗外，常有白雲層岷若絮，乘之冉冉而登。諸仙每戒洞觀，可勿婚宦，虧損靈根。以語其父，父曰：「必我父子皆仙則可。」洞觀還語諸仙，諸仙指密殿金字榜示之，曰：「榜上惟汝有名，不列者不可。」洞觀名列仙籍，故竟婚宦」。²因父蔭入仕，累官長蘆都轉運使，以太僕寺少卿致仕退休。³

他以「行品清裔」及酷嗜佛門典籍而著稱於世，⁴所以，在〈水月齋指月錄序〉中自述提到：

予垂髫則好讀竺墳，尤好宗門家言。及歲乙亥夏，侍管師東溟先生，於郡之竹堂寺。幸以焦芽與霑甘露開蔽良多，既而師，則朝徹蟬蛻五宗，掩耳不欲復聞。予則沈酣，於是恆語同輩聖人六藝之精蘊。諸所訓誥，非讀竺墳不能得其真。生於萬物之中，而得為人，人而男，男而知讀書，於書知竺墳，於竺墳知宗門。是猶穀乳而得雪山之牛，復

¹ 參見維基百科「瞿景淳」，<https://zh.wikipedia.org/zh-tw/%E7%9E%BF%E6%99%AF%E6%B7%B3>，瀏覽日期：20231010。

² 《明史·列傳》卷216。

³ 錢謙益著，《牧齋初學集》卷七十二〈瞿元立傳〉，上海古籍出版社，2009年。公諱汝稷，字元立，吳郡之常熟人也。以父文懿公任為郎，累官長蘆都轉運使，詔加太僕寺少卿，致仕。公娶徐尚書之女。文懿公之喪，三年不入內。徐有通問之奸，公叱去之。尚書聲勢烜赫，郡邑吏承奉風旨，脅持萬狀，親知故舊，交關遊說。公屹不為動。則養死士遮道刺公，黃金白刃，交錯衢路，覆巢毀室，命在漏刻。公廬於文懿之墓，明燈讀書，門闔不閉，指墓前宰木以誓曰：「此吾死所也。」一日持平交刺謁尚書，踞客座。尚書厲聲詰問：「生自念亦有所悔乎？」公仰而應曰：「悔不能刑於寡妻，至於兄弟。」尚書默然而止。

⁴ 沈定平著，〈瞿太素的家世、信仰及其在中西文化交流中的作用〉，《中國史研究》1997年第1期，頁135-146。

能得酪於乳，得生酥於酪，而熟酥，而醍醐哉。雖有他好，吾不移矣。

1

可見得他對於研讀佛經有很高的體會與喜愛，因此將其所學心得，「撮其要為《指月錄》，至今諸方參學者無不宗之」。而世人說瞿同卿「性嗜宗門書」，是來形容他收集編輯《指月錄》的原因，但他不僅是做這些工作而已，還是最初幫助紫柏大師出資雇工在徑山寂照庵刻經的主要人物之一，憨山大師曾提到：

（紫柏真可）欲刻方冊，易為流通，普使見聞，作金剛種子。即有謗者，罪當自代，遂倡緣。時陸太宰、與馮司成夢禎、曾廷尉同亨、瞿同卿汝稷，鳩工於徑山寂照庵。密藏開公、幻予本公、澹居鎧公，迭董其事。後桐城吳方伯用先，復化城為貯板所。²

瞿汝稷當時與陸光祖（1521-1597）、馮夢禎（1548-1605）、曾同亨（1533-1607 年）等人一同雇工，協助方冊《嘉興藏》的刊刻工作。所以，後來他收集刊刻的《水月齋指月錄》也是採用方冊形式出版。

《指月錄》的內容主要是從《景德傳燈錄》和《禪林僧寶傳》這兩部書中摘錄而成。³全書內容共三十二卷，集錄自過去七佛至宋朝大慧宗杲（1089-1163），共六百五十人的言行傳略而成。該書卷一至卷三收錄過去七佛、應化聖賢、西天祖師（西天二十八祖）；卷四收錄東土祖師，從菩提達摩到六祖惠能（638-713）；卷五至卷三十收錄惠能下第一世至第十六世；卷三十一、卷三十二為徑山大慧宗杲禪師語錄，共計收錄禪宗公案 1700 餘則。

瞿氏師事管東溟（1536-1608）之後，情趣亦然。因而書架上所存放的，大多是禪書。每讀至意適處，就點筆將它抄錄下來，至萬曆二十三（1595）年已錄得三十二卷。稿成之後，先是由友人陳孟起抄錄了二部，六年（1601）以後，才由同鄉嚴澂校訂付梓。由於作者的書房名「水月齋」，而撰作此

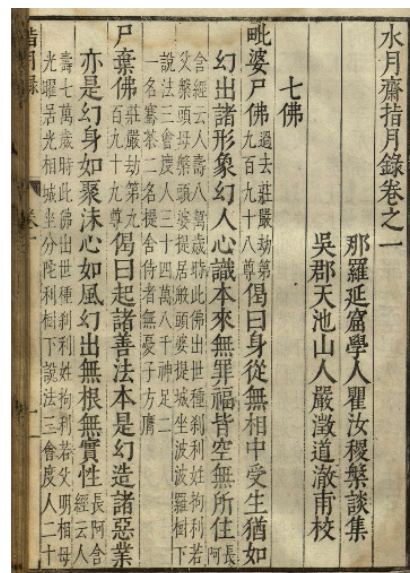
¹ 四庫全書存目叢書編輯委員會，《四庫全書存目叢書》第 187 冊，《瞿同卿集》，卷七，〈水月摘指月錄序〉。

² 《憨山大師年譜疏註》卷 2，CBETA 2023.Q3, B14，第 85 冊，頁 533a4-7。

³ 柳幹康著，〈永明延壽「官錢放生」説の成立と変遷〉，《禪學研究》第 100 號，2022 年 3 月。頁 43-74。

書的目的，是為了使讀者通過它（「指」，即手指的指點），而瞭解禪宗的法要（「月」，此處特指禪宗以心傳心的「心月」），故取名為《水月齋指月錄》。¹所以，該書是於萬曆二十三（1595）年收集完成，二十九（1601）年序刊，後來收錄在《已續藏》第一四三冊。從初刻本來看，通信所登錄記為1595年，是誤把收集成書當成刊刻時間，實際上，該書完成之後，先是被抄錄兩部，要等到1601年嚴澂才把此書出版。

此初刻本可以在美國國會圖書館找到，目前已經數位化（參見圖一），非常容易查詢下載。



圖一、美國國會圖書館版《指月錄》

該書分為十六冊，前三十卷，除了13-15卷、16-18卷為三卷一冊之外，其餘皆為兩卷一冊，合為十四冊，最後卷三十一、三十二分別為單獨一冊，總計十六冊。

2. 重刊《水月齋指月錄》

等到看到通信所版本的複印本，才發現卷一書名下署名為「靈隱道人弘禮重梓」。弘禮，即是具德弘禮（1600-1667），明末清初臨濟宗僧，又作宏禮。會稽（浙江紹興）人，俗姓張，字具德，於普陀寺出家，後謁漢月法藏（1573-1635）於安隱寺。一日，於窺鏡之際，猛然有所省悟。後任圍頭（洗淨廁所之職稱），於運糞間，豁然大悟，自此機用橫出，叢林有「鐵嘴」之譽。崇禎十一（1666）年，住持雲門光孝寺，刀耕火種，有古德之風。未久即遷徑山，又移靈隱寺，晚年主持天寧寺。後於康熙六（1667）年十月示寂，世壽六十八，法臘四十七。有《具德禮禪師語錄》三十卷，雍正年間，一度遭禁毀，然今猶流傳於世。²由於《水月齋指月錄》在瞿汝稷編輯刊刻之後為「諸方參學者無不宗之」，所以，後來相隔一個世代的弘禮予以重梓，也是相當合理的事。

¹ 參見陳士強，〈《指月錄》津逮〉一文，<http://chan.bailinsi.net/1992/2/1992211.htm>，瀏覽日期：20231010。

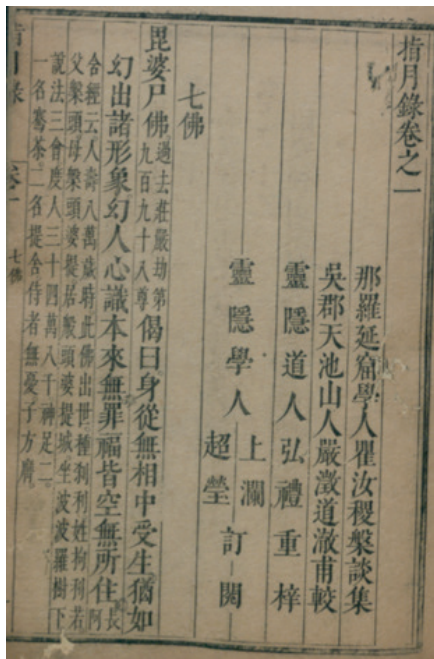
² 《佛光大辭典》，頁1926。

不過，該刻本並未記述切確的重刻年代，我們僅能從弘禮的相關活動事蹟來判斷可能的時間。根據《武林靈隱寺志·卷 7·本師具德老和尚行狀》：

己丑（1649）春，進靈隱說法三春夏。復過天寧度五十誕，付首座巨渤恒兄嗣席天寧。冬赴杭州佛日結制。臘八日囑付戒顯。次春解制，復回靈隱。嗣後，眾恒踰萬指。師錐鍛衲子外，奮興土木，拾礫購壤，舉蒼蔚宿莽之地，尺寸而鼎興之。東西殿堂，布置鱗次，各有成局。建大法堂，雄冠東南，靈隱已大改觀矣。……不過二十年而殿閣巍峨、金碧瑰瑋，壯麗甲于神州。雖曰重興，實同開創。由是諸方道俗推海內龍象都會、廣大門庭，必以靈隱稱首。……丙午（1666）冬，上乘和尚親到靈隱，力請師住徑山，師再四遜謝。乘翁四番削牘，併攜眾檀護書幣，堅決敦請，師不獲已，以季冬望登山，振揚祖令。……，以丁未（1667）清和月進院。師親為交代，乃回雙徑。八月下浣，靈隱以普同塔告成，復迎師回寺說法，送眾靈骨入塔。住七日，復返徑山。至九月下浣，以先許維揚天寧請，送巨渤兄入塔，遂於廿五日出山。至十月十二日入天寧，……十八日……至丙夜，迨五更，聞鐘即起，命以新衣服帽履，從頂至踵，一一更換。……頓足一下，端然坐脫。時丁未（1667）十月十九日丑時分也。……師化後，供天寧三日，頂門火熱，挺身端坐，面目如生。……，同闔院弟子恭迎靈龕，回法堂供奉。遵師遺囑，請殷自行居士卜塔基於方丈東之慧日軒，以戊申（1668）年八月二十六日入塔。」¹

1649 年之後，弘禮主要是居住在靈隱寺，直到 1666 年才在邀請下不得不前往徑山，過了一年之後，1667 年 10 月在天寧寺圓寂。

¹ 《中國佛寺史志彙刊》，第 1 輯，第 23 冊，頁 494-502。上網日期：2023 年 10 月 13 日，檢自：<http://buddhistinformatics.dila.edu.tw/fosizhi/ui.html?book=g021&cpage=04940502>。

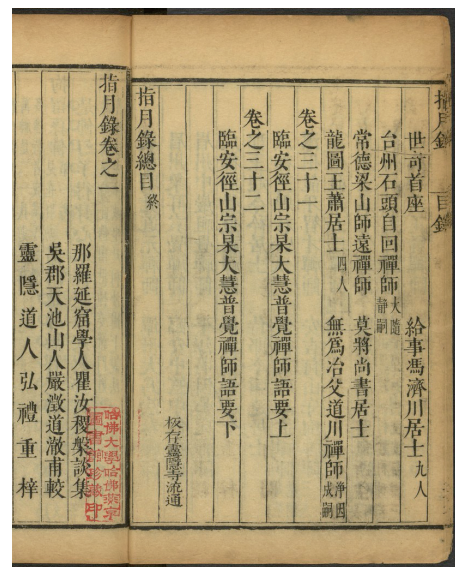


圖二、通信所《指月錄》卷一

依照住持地來推算，該書重刻時，應該是弘禮在住持靈隱寺任內，因為後來在崇禎十一（1666）年他到了雲門光孝寺。離開靈隱寺之後，弘禮似乎以雲門人自居，所以，後來他在天寧寺開示與談話，在書記濟義、侍者永道的協助下所編輯的《雲門具德禪師維揚天寧禪寺語錄》，¹已經不再使用「靈隱」，而是採用「雲門」，而且其周邊的侍者，也與靈隱寺時期的不同而有所變化。

目前由弘禮重刊所留下的版本，至少有兩種，一為靈隱寺重刻版，二、為雲門派下時期所重刊。通信所為前者（參見圖二），該版本在卷一署名為靈隱道人弘禮重梓、靈隱學人上

瀾、超瑩訂閱。弘禮在 1649 年到靈隱寺之後，有大約十八年的時間居住該地。因此，保存於哈佛大學圖書館的版本，在其總目錄之後，還刻有「板存靈隱寺流通」（參見圖三），顯示該版本是在靈隱寺重梓並且將雕刻完成的木版留存於該寺，以利後印。經過比對通信所的館藏本與哈佛大學圖書館本應該是同一個刻本，只是有一點相當奇怪，就是在總目錄最後的「板存靈隱寺流通」字樣，只出現在哈佛大學圖書館本，而通信所的館藏本竟然是空白！（參見圖四）除了這個地方兩版本有差異之外，此頁幾乎是印自同一個模子，包含字體、筆畫、行間黑線等等完全無差別，甚至「板存靈隱寺流通」左邊的黑線缺斷之處也是一致，這種情形想要刻意仿製應該不需要也沒意義。目前只能暫時推測是刻意抹除這些字樣，但背後的原因並不清楚。

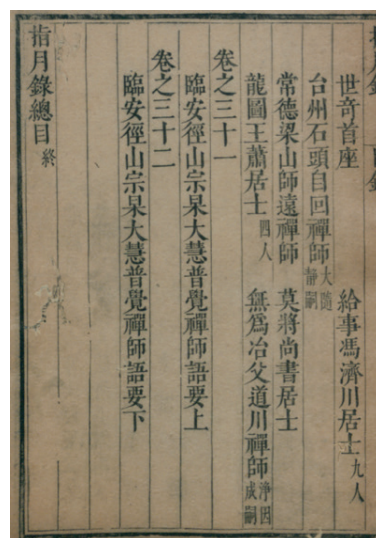


圖三、哈佛大學《指月錄》目錄

¹ 釋法幢著，〈啟請住持：《徑山具德禪師語錄·書啟》之研究〉，未刊稿。

而目前哈佛大學圖書館藏本和通信所館藏本都沒有留下明顯的重梓年代，我們只能依靠「板存靈隱寺流通」的字樣來判斷，該重刻本應該是在1649-1667年之間，弘禮住持靈隱寺期間所做。

而除了弘禮在靈隱寺期間重梓過《指月錄》之外，在雲門派下時，弘禮也曾再次刊刻《指月錄》。在〈清代宗室詩人、怡親王弘曉與《明善堂文集》〉這篇文章中，出現左邊這張圖片（參見圖五），《指月錄》的版本明顯與通信所版本不一樣。署

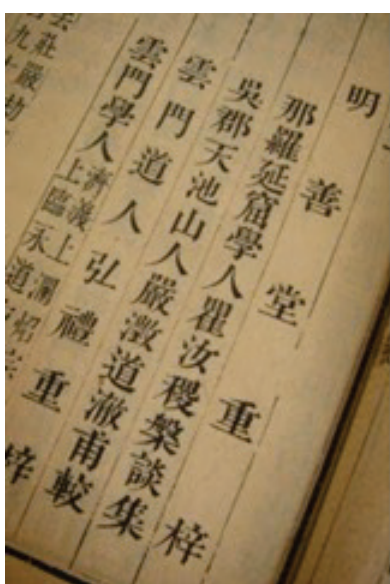


圖四、通信所《指月錄》目錄

名由原來的「靈隱道人
弘禮重梓、靈隱學人上

瀾、超瑩訂閱」改成「雲門道人弘禮重梓、雲門學人濟義、上瀾、炤宗、上臨、永道、寂熙全訂」。¹很清楚地表明這是另一個重刻版本，此版本後來成為海幢寺在清乾隆十（1745）年重刻的底本。²

目前收入《嘉興藏》的版本，對比之後看起來應該不是初刻本，而是由破山明海（1597-1666）所重梓藏於浙江嘉興府東塔禪堂的版本。



圖五、雲門版《指月錄》

圖五、雲門版《指月錄》

破山明海為臨濟派僧人，西蜀蹇氏，密雲悟禪師（1567-1642）法嗣，大鑑下第 35 世。年十九祝髮大持庵，偶聽慧然法師講《楞嚴經》，咨疑不決，即出蜀遊楚，棲破頭山三載。後參圓悟於金粟（即密雲圓悟），



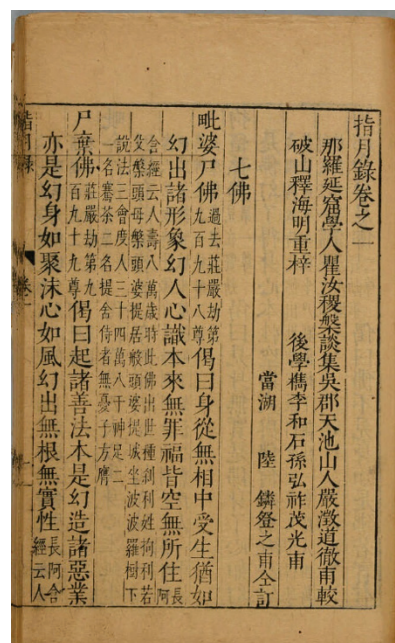
¹ 參見，〈清代宗室詩人、怡親王弘曉與《明善堂文集》〉一文，<https://www.toutiao.com/article/7047744149814198821/?wid=1696380371253>，瀏覽日期：20231010。

² 卷三十二末記「海幢常住募各山師僧同捐衣鉢重梓， 豈乾隆十年歲次乙丑自恣日板藏本山經坊」， <https://www.babelstone.co.uk/Morrison/Collection/Addenda.html>， 瀏覽日期：20231010。楊文信在〈清中葉廣州海幢寺的文學與文化活動〉一文也提到海幢寺重刻《指月錄》之事。

得其法。崇禎二（1629）年，出世嘉禾東塔，遷萬峰、雙桂等刹。二十年間，九坐道場。著有《破山語錄》、《山居詩》、《雙桂草》。法嗣有大達、普寬等八十七人。¹三十二歲（1629）住嘉禾東塔廣福禪寺，三年之間，遠近觀光，罔不悅服，道風大振於江南。

破山海明三十五歲返巴蜀，歷主萬峰、鳳山、祥符、無際、蟠龍、佛恩、雙桂（今名雙桂堂，因寺內兩株古桂而得名）等九刹，重倡馬祖之道，宗風遠播，朝參暮請之眾盈萬人。²

其重刻的《指月錄》（參見圖六）在卷一末的題記，寫到：崇禎辛未（1631）王[年]春值，母呂太儒人五袞壽誕蠲資助鋟此編首卷至二十卷藏於東塔禪堂以祈，母氏康壽

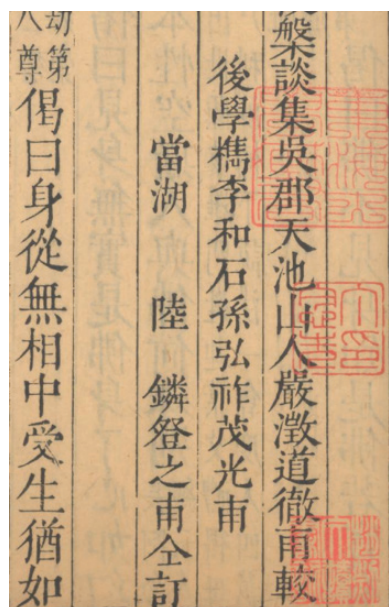


圖六、萬曆版嘉興藏《指月錄》

永寧護莖集瑞者。當湖泊居士陸鱗識。³

可見重梓時間是吻合破山海明在嘉禾住持東塔廣福禪寺，根據該版本的總目錄記載，重刊刻的木刻版是由「東塔禪堂板存流通」。

在台灣的東海大學圖書館館藏線裝書善本也典藏有相同的版本，為三十二卷，十冊本，版面為單魚尾，單欄。半葉十一行，行二十一字；小字雙行，行二十一字。板框 15.1×21.5 公分。板心上方題「指月錄」，魚尾下題「卷○」及葉碼。卷一首行題「指月錄卷之一」，次行上題「那羅延窟學人瞿汝稷槃談集」，下題「吳郡天池山人嚴激道徹甫



圖七、東海大學嘉興藏《指月錄》

¹ 《佛光大辭典》，頁 4167。

² 「崇禎辛未王春值」應有誤植「王」應為「年」，因為在東海大學善本書網站的紀錄，提到卷二十之末葉題「以上陸鱗助刻」，可見得陸鱗是為母親祝壽，而出資鐫刻卷一至卷二十，並在卷二十末提到錢都是他出的。參見東海大學善本書網站，<http://www.wmxf.net/nr/0/4841.html>，瀏覽日期：20231010。

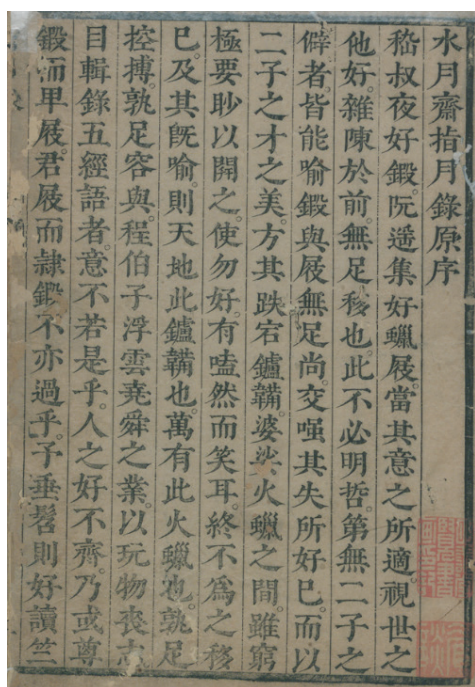
³ 參見《萬曆版大藏經》續第 144 帙，第一冊，東京大學總和圖書館藏，數位化版，https://dzkings.l.u-tokyo.ac.jp/utlib_kakouzou/KA144_01/0002&lang=&，瀏覽日期：20231010。

較」，三行上題「破山釋海明重梓」，下題「後學樵李孫弘祚茂光甫」，四行下題「當湖陸麟登之甫全訂」。¹（參見圖七）

但東海大學網站的記載此部經書的刊刻時間為「明崇禎三（1630）年釋海明重梓本」，但若依據卷一的題記記載為「崇禎辛未（1631）年」，則應推遲一年才完成刊刻！

總之，通信所的館藏本，不是初刻本，而是重刻本。當時，在弘禮重梓之前，破山明海禪師已在 1631 年重刊刻過一次。在十幾年之後，弘禮主持靈隱寺 1649-1667 年間，再次重刻一次。相對來說，弘禮的刻本比較晚出，但是，後來收錄進已續藏的卻是破山明海版，這或許與弘禮為三峰派門人有關，該系統的禪師著作幾乎被雍正皇帝銷毀殆盡，但通信所的館藏本之所以可以留存下來，或許跟其書中所鈐印的一顆藏書章有關。

3. 怡親王府善本



圖八、通信所《指月錄》首頁

在通信所編號 TQC18576 的首頁，〈水月齋指月錄原序〉第一行下方有兩方印章（參見圖八），其中一顆長方型陰刻的印文為「明善堂覽書畫印記」。該印章與美國國會圖書館的《表忠彙錄》的〈忠節錄序〉下的「明善堂覽書畫印記」是一致的。²（參見圖九）所以，這部《指月錄》曾為明善堂的藏書。

而擁有這顆藏書章的人是著名藏書家怡親王弘曉（1722-1778），字秀亭，號冰玉道人，為清朝著名藏書家、詩人。弘曉積學好古，凡經史傳記、諸子百家，靡不畢覽。怡

¹ 參見東海大學線裝書善本書《指月錄》，https://sc.lib.thu.edu.tw/books.php?books_id=577，瀏覽日期：20231010。

² 參見《表忠彙錄》首頁，<https://www.loc.gov/resource/lnclscd.2014514088.1A000/?r=-0.357,-0.168,1.915,0.983,0>，瀏覽日期：20231010。除此之外，台灣的國家圖書館所藏明嘉靖甲申（三年，1524）郝梁萬玉堂覆刊宋兩浙茶鹽司本《太玄經》，也蓋有「明善堂覽書畫印記」，同樣出自怡府收藏。

府藏書之所名安樂堂，又名明善堂，大櫥九楹，積書皆滿。「明善堂」是出自乾隆五（1740）年皇上所賜堂匾。



圖九、明善堂覽書畫印記

怡府藏書被後人稱為珍本，主要是因為乾隆三十七（1772）年「四庫全書」館開，各地藏書家均奉旨進呈，因為他的特殊身份，所以「怡府」的藏書並未進呈，許多珍貴的書籍被留存下來。而上述通信所的《指月錄》是由弘禮重梓，雍正皇帝主政期間（1678-1735）於雍正十一（1733）年下令打壓漢月法藏（1573-1635）一系，在此政策之下，同屬一系的弘禮也會遭受影響。

但是，雍正八（1730）年，怡親王胤祥薨，雍正帝諭令：「吾弟之子弘曉，著襲封怡親王，世世相承，永遠弗替。凡朕加於吾弟之恩典，後代子孫不得任意稍減」。時年九歲的弘曉，遂承襲怡親王，可見得弘曉深受雍正皇帝眷顧。不過，乾隆四年（1739），康熙朝廢太子胤礽的兒子弘晳「結黨營私」案發，弘曉的兩位哥哥弘昌、弘昷捲入，結果都被乾隆處分。弘曉雖未參與此案，還被乾隆御賜其「明善堂」「忠孝為藩」等匾額，但三年後相繼被革去理藩院、都統等官職，成為一代「閒王」。弘曉自此也順勢完全淡出政治，將全部精力投入收藏古文典籍。所以，歷經雍正、乾隆兩朝，怡親王府藏書工作不受政治影響，成為清朝以來的重要藏書地點。編有《怡府書目》1冊，收書4500種，不分卷亦不分類別，只記書名、冊數，間及記載版刻，善本和普通本並列，而且多为宋版精本。

因此推斷，蓋有「明善堂覽書畫印記」的通信所館藏《指月錄》，應該弘禮於1649-1667年間清朝初期所重新刊刻的珍本，距今超過三百五十年，可說相當珍貴與難得。

而且怡親王府似乎很重視此書，甚至曾經重刊《指月錄》，¹所以在《怡府書目》記載中《指月

寶鏡疏	十本	計四冊
妙法蓮華經	三本	計一本
釋氏稽古略	一套	計一本
端必元三種	一套	計二十四本
道德全集	四套	計二十二本
雲笈七籤	四套	計十二本
楞嚴經	二套	計二本
道德經解	一套	計八本不全
圓覺經	一套	計八本不全
指月錄	九本	不全

圖十、《怡府書目》

¹ 參見圖五、雲門版《指月錄》，在其第一行清楚寫有「明善堂重梓」，明善堂應該就是怡親王府所有。

錄》竟然有三部，1、三號《指月錄》一套，計十本。2、一百七十號《指月錄》九本，不全。（參見圖十）3、二百八十六號《指月錄》一套，計十本。

1

通信所藏本的編號分冊狀況如下：TQC. 18576(1-2)、18577 (3-4)、18578 (5-6)、18579 (7-8)、18580 (9-10)、18581 (11-12)、18582 (13-14)、18583 (15-16-17)、18584 (18-19)、18585 (20-21)、18586 (22-23)、18587 (24-25)，共計有十二冊，但有缺少卷 26-32。不過，若根據書中「音釋」的劃分來看，卷四到卷六應該為一冊才對。目前卻是分為 TQC. 18577、18578，卷四還被挪移到前一冊 TQC. 18577，TQC. 18578 只剩五、六兩卷，這可能是後人曾經重新裝禎過。因為，通信所藏本的內容是跟哈佛大學藏本的十冊本相同。根據通信所 TQC. 18585 (20-21)卷末的音釋，標題也寫「卷十八之二十」，故應是三卷，而不是卷 20、21 而已。

因此該部經書，以後如果有機會重新修補、裝幀的時候，應該按照其原有的卷冊數予以恢復。而目前已殘缺卷 26-32 的狀況，若不是後來遺失的話，極有可能是編號一百七十號《指月錄》九本不全的那一套。

4. 肆、小結

根據上面的勾稽，我們可以推定通信所的 TQC. 18576-18587《日知錄》，其版本應該是具德弘禮（1600-1667）在靈隱寺住持期間（1649-1667）重新刊刻的版本，與其在雲門派下所重新刊刻的不同，其印製的時間距今已超過 356 年。

而如此珍貴的古籍，之所以能流傳至今，其中一個關鍵在於該書曾被清朝怡親王弘曉的明善堂藏書所收藏，從清初到清末受到良好的保護，雖然目前我們還不知道清朝衰亡之後，這部經典是如何流傳到越南河內。但，清亡之後的二十世紀，剛好是法國遠東學院積極收集大量的漢籍文獻時期，或許就是在此機緣之下，弘禮重刻的《水月齋日知錄》才能留存至今。

¹（清）允祥藏並編，《怡府書目》民國抄本（國家圖書館藏），收入林夕主編，《中國著名藏書家書目匯刊》《明清卷》22，北京：商務印書館，2005 年。

而其書上所鈐印的藏書章是重要的訊息來源，因它不但可以斷定該書曾經存在的年代，而且怡府所收藏的書籍多屬珍品，推斷此重刊本是清初本，也是一項有利的佐證。

假以時日，若是有能夠再對通信所超過三萬本的漢籍文獻，重新調查書中所鈐印的藏書章、印記等，相信有機會再發現更多的善本、珍本書籍，進一步提高越南各界對於該圖書館的重視，更可以讓世界各地的學者燃起興趣前來研究，同時提升本地的學術研究地位。

CUỐN SÁCH “GIAO CHỈ DANH XƯNG KHẢO”

*Quản Hạo*¹

Cuốn sách *Giao Chỉ danh xưng khảo* 交趾名稱考 là một cuốn sách trong kho sách tiếng Trung Quốc tại Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Cuốn sách này do giáo sư Trần Kinh Hòa (陈荆和, Chen Chingho) viết, được phát hành vào năm 1952.

Bài viết này giới thiệu khái quát về tác giả, nội dung và tình trạng của cuốn sách này.

Từ khóa: Giao Chỉ, danh xưng, Trần Kinh Hòa

1. Giới thiệu về tác giả

Ông Trần Kinh Hòa (1917-1995), tự là Mạnh Nghị (孟毅), hiệu Thương Nhai (蒼崖), tên thánh Augustin Georges, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1917 tại Đài Trung, Đài Loan. Dòng họ Trần của ông có nguồn gốc lâu đời tại Phúc Kiến. Ông lớn lên ở Nhật, tốt nghiệp cử nhân vào năm 1942 từ trường Đại học Keio (Nhật Bản), dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Matsumoto Nobuhiro.

Sau khi tốt nghiệp, từ tháng 3 năm 1943 đến tháng 9 năm 1945, ông đến Hà Nội, thực tập ở Viện Viễn Đông Bác cổ (École française d'Extrême-Orient, EFEO). Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, ông trở về Đài Loan. Từ năm 1946 đến năm 1958, ông công tác ở Khoa Lịch sử, trường Đại học Đài Loan. Cuốn sách *Giao Chỉ danh xưng khảo* chính là một trong những công trình nghiên cứu ông hoàn thành trong giai đoạn này. Từ tháng 9 năm 1954 đến tháng 10 năm 1955, ông nhận được

¹ NCS., Trường Đại học Thanh Hoa.

học bổng của China Foundation để đi nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu Cao cấp về Trung Hoa ở Paris (Institute des hautes études chinoises de Paris).

Năm 1958, nhận lời mời của Linh mục Cao Văn Luận, viện trưởng của Viện Đại học Huế, ông Hòa đến Viện Đại học Huế công tác như một giáo sư thỉnh giảng. Từ tháng 8 năm 1959, ông đảm nhiệm chức vụ tổng thư ký của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam trực thuộc Viện Đại học Huế. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của ủy ban này là việc sắp xếp và làm mục lục Châu bản nhà Nguyễn. Năm 1962, ông về Hồng Kông và bắt đầu công tác tại Thư viện Tân Á (新亞書院).

Từ năm 1969 đến năm 1976, ông Hòa lần lượt làm giáo sư thỉnh giảng và khách mời tại nhiều trường đại học ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Từ năm 1978 đến 1981, ông đã qua Pháp 4 lần, làm nghiên cứu tại trường Đại học Sorbonne, Viện Nghiên cứu Cao cấp Trung Hoa và Viện Viễn Đông Bác cổ ở Paris.

Tháng 8 năm 1981, ông rời trường Đại học Trung văn Hồng Kông (Thư viện Tân Á đã trở thành một bộ phận của trường Đại học Trung văn Hồng Kông vào năm 1963) và bắt đầu làm việc ở trường Đại học Soka, Nhật Bản. Năm 1993, ông Hòa chính thức về hưu. Năm 1995, ông qua đời tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông được công nhận là một nhà lịch sử xuất sắc, đã để lại nhiều công trình khảo cứu sử liệu rất có giá trị cho giới nghiên cứu lịch sử Việt Nam và lịch sử Đông Nam Á.

2. Khái quát về nội dung cuốn sách *Giao Chỉ danh xưng khảo*

Cuốn sách *Giao Chỉ danh xưng khảo* có kí hiệu tại Thư viện Viện Thông tin Khoa học Xã hội là TQC0030200. Cuốn sách này chủ yếu nghiên cứu về nguồn gốc và ý nghĩa của danh xưng “Giao Chỉ” (交趾), đồng thời nhắc đến những câu chuyện liên quan đến lịch sử và địa lý của Việt Nam. Công trình này đầu tiên được đăng trên số 4, *Tạp chí Văn học, Lịch sử và Triết học Đại học Quốc lập Đài Loan* 國立臺灣大學文史哲學學報, sau đó được trích ra và in thành sách vào tháng 12 năm 1952.

Nội dung cuốn sách này gồm ba phần. Phần thứ nhất là “Nam Giao và Giao Chỉ”. Trong phần này, ông Hòa đã giới thiệu những danh từ riêng liên quan đến Giao Chỉ được ghi chép trong sử liệu Trung Quốc, nêu ra luận điểm rằng, hai

danh xưng “Nam Giao” và “Giao Chỉ” là như nhau, lúc đầu đều được sử dụng để chỉ cương vực cực nam của các thánh vương cổ xưa. Nhưng đến khoảng cuối thời Chiến Quốc, đầu thời Hàn, danh từ riêng “Giao Chỉ” đã trở thành tên một địa danh có ý nghĩa cụ thể.

Sau đó, dựa vào phân tích ngôn ngữ học và bằng chứng sử liệu, ông Hòa nêu ra quan điểm rằng, vị trí của Tây Âu (西甌) tức là ở Huyện Tây Vu (西于縣), thuộc quận Giao Chỉ, chứ không phải là một bộ phận thuộc Tượng Quận (象郡), cũng không phải là như quan điểm của Aurousseau, cho rằng Tây Âu tức là Tượng Quận nhà Tần. Về vị trí của Tượng Quận, ông Hòa cho rằng Tần Tượng Quân (秦象郡) nên lấy chỗ cửa sông Hồng làm trung tâm, không vượt qua đèo Hải Vân.

Về niên đại xuất hiện của danh xưng “Giao Chỉ”, ông Hòa cho rằng, Giao Chỉ là một quận do Nam Việt đặt ra vào năm 207 trước Công nguyên, tên gọi này cũng nên bắt đầu từ thời Nam Việt, triều đình nhà Hán đã theo chế độ Nam Việt và tiếp tục sử dụng danh xưng “Giao Chỉ”.

Phần thứ hai là “Các thuyết giải thích về danh xưng Giao Chỉ”. Trong phần này ông Hòa đã liệt kê 4 cách giải thích đã có về ý nghĩa và nguồn gốc của danh xưng “Giao Chỉ”. Chúng là:

A. Danh xưng “Giao Chỉ” có liên quan với hình thể hoặc tập tục kỳ lạ. Ví như trong cuốn sách *Bác vật chí* có chép rằng “dân Giao Chỉ bản chân giao nhau, ở phía đông của nước Xuyên Hung”. Trong *Hậu Hán thư* chép rằng: “con trai, con gái tắm chung một con sông, cho nên gọi là Giao Chỉ”. Ông Hòa cho rằng cách giải thích này thiếu bằng chứng, cho nên làm cho chúng ta khó tiếp thu được.

B. Danh xưng “Giao Chỉ” là vì tật ngón chân cái đẹo vào (Hallux Varus) của cư dân ở miền Bắc Việt Nam. Ông Hòa đã xuất phát từ số liệu thống kê và nghiên cứu nhân học cho rằng, tật “ngón chân cái đẹo vào” không phải là một loại tật mà rất phổ biến ở miền Bắc Việt Nam, cho nên nó không có liên quan với danh xưng “Giao Chỉ”.

C. “Giao Chỉ” là dịch âm của “Kẻ Chợ”, tên gọi dân gian của Hà Nội. John Crawfurd, Ed Chavannes và nhiều học giả khác đều đồng tình với quan điểm này. Nhưng ông Hòa chỉ ra, Hà Nội không phải là trung tâm chính trị và

kinh tế của miền Bắc khi danh xưng “Giảo Chi” xuất hiện. Hơn nữa, cái tên “Kẻ Chợ” xuất hiện sớm nhất vào khoảng thế kỷ 7. Cho nên, giả thuyết này cũng không hợp lý.

D. Gốc tên “Giao Chi” là những tên “Keo” hay “Keu” mà các dân tộc xung quanh dùng để chỉ dân tộc Kinh. Nhưng ông Hòa cũng cho rằng, theo sử liệu hiện có, không thể chứng minh từ cuối nhà Tần đến đầu nhà Hán, các dân tộc quanh vùng miền Bắc đã sử dụng danh từ “Keo” để gọi dân tộc Kinh, cũng khó xác định được những dân tộc quanh vùng miền Bắc là những dân tộc nào. Vì vậy, giả thuyết này cũng không thể thành lập được.

Sau khi liệt kê và bác bỏ những quan điểm đã có, ông Hòa đã đề xuất quan điểm của mình trong phần thứ ba. Trước hết, ông đã nêu ra cái tên “Tượng Quận” xuất phát từ việc nơi này có nhiều voi (tượng, 象), vậy tên Giao Chi cũng có thể liên quan tới tên của một con vật nào đó. Sau đó ông đã trích dẫn bằng chứng ngôn ngữ học và sử liệu, chứng minh rằng những chữ “giao” (蛟) “ngạc” (鰐) là những danh từ giống nhau, đều được dùng để chỉ cá sấu.

Tiếp theo, ông đã xuất phát từ nhiều bằng chứng xã hội, tập tục, sử liệu, khảo cổ học và ngôn ngữ học, đưa ra quan điểm rằng, cá sấu có sự ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống nhân dân miền Bắc Việt Nam. Bởi vậy, ông đề nghị xem chữ “giao” (交) trong danh xưng “Giao Chi” đồng nghĩa với chữ “giao” (蛟), tức là cá sấu. Về chữ “chi” (趾), ông Hòa cho rằng giống như chữ “止” và “趾”, nghĩa là “ở”.

Cuối cùng, ông Hòa đưa ra kết luận, từ “Giao Chi” (交趾) trước đây được viết là “交止” hoặc “交趾” nguyên nghĩa là “蛟止” hoặc “蛟趾”, để chỉ nơi sinh sống của cá sấu hay là xứ của cá sấu. Nói tóm lại, quận Giao Chi sở dĩ đặt tên như thế là vì khu vực này có rất nhiều cá sấu, và loài vật này có liên quan mật thiết với đời sống của cư dân thời đó.

Trong cuốn sách này, ông Trần Kinh Hòa đã liệt kê rất nhiều tài liệu và sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành để chứng minh luận điểm của mình một cách xác đáng. Quan điểm của ông tuy đã trải qua nhiều năm nhưng ngày nay vẫn có tầm ảnh hưởng rất lớn. Cuốn sách *Giao Chi danh xưng khảo* đã được dịch sang tiếng Việt vào tháng 6 năm 1960.

3. Tình trạng cuốn sách *Giao Chỉ danh xưng khảo* hiện đang lưu trữ ở Viện Thông tin

Cuốn sách *Giao Chỉ danh xưng khảo* hiện đang lưu trữ ở Viện Thông tin có độ dày 52 trang, dài khoảng 27 cm, rộng khoảng 18 cm.

Trên trang bìa cuốn sách này có dòng chữ: “A Monsieur L. Malleret, Directeur de l’Ecole française d’Extrême-Orient. Hommages respectueux, Chen Ching-ho”. (Kính gửi ông L. Malleret, Giám đốc Viện Viễn Đông Bác cổ. Trân trọng tri ân, Trần Kinh Hòa). Dòng chữ này có lẽ là chữ viết tay của ông Hòa. Điều này cho thấy cuốn sách này rất có thể là món quà ông Hòa tặng cho ông Louis Malleret, nhà khảo cổ học người Pháp, giám đốc của Viện Viễn Đông Bác cổ từ năm 1949 đến 1956. Ông Hòa từng học tập và làm việc tại Viện Viễn Đông Bác cổ, Hà Nội nhiều năm nên có lẽ đã quen thuộc với các học giả ở Viện Viễn Đông và giữ gìn quan hệ tốt với họ, trong đó có ông Louis Malleret. Ngoài dòng chữ này, trên trang bìa còn có ký hiệu “2921” và “(12874)”.

Trên trang thứ nhất có đóng dấu của thư viện Viện Viễn Đông Bác cổ (BIBLIOTHÈQUE, ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT), ở góc trên biên phải có dấu ấn “1967”, ở góc dưới biên phải có dòng chữ “2921”.

Trên trang cuối cùng, cũng có đóng dấu của thư viện Viện Viễn Đông Bác cổ, có hai dấu ấn “1997” và “1974”.

Tóm lại, cuốn sách *Giao Chỉ danh xưng khảo* hiện đang lưu trữ ở Viện Thông tin đã được bảo tồn nguyên vẹn, có giá trị học thuật cao. Dòng viết trên trang bìa cuốn sách này cũng là minh chứng cho hoạt động nghiên cứu của Giáo sư Trần Kinh Hòa trên đất nước Việt Nam, cũng như là minh chứng cho mối quan hệ thân thiết giữa Giáo sư Trần Kinh Hòa và Viện Viễn Đông Bác cổ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 陈荆和, *Giao Chỉ danh xưng khảo* 交趾名稱考, Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội, kí hiệu: TQC0030200.
2. 叶少飞, “陈荆和教授越南史研究述评”, *海洋史研究*, no. 02 (2018): 258-90.

3. 阮庭復/Nguyễn Đình Phúc, “陳荊和教授在越南的活動及其對越南學術的貢獻,” *Journal of Viet Nam Hoc* 1, no. 1 (January 1, 2020), [https://doi.org/10.6928/JVNH.202001_1\(1\).0002](https://doi.org/10.6928/JVNH.202001_1(1).0002).
4. Nguyễn Văn Đăng, “Về hoạt động của nhà Đông phương học Trần Kinh Hòa (1917-1995) trên đất Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, no. 1 (2012): 107-18.
5. Ben Kiernan, *Việt Nam: A History from Earliest Times to the Present* (New York City: Oxford University Press, 2017).

《交趾名称考》：见证陈荆和与远东学院之间的渊源

管浩¹

《交趾名称考》是越南社会科学翰林院下属社会科学信息研究院图书馆所藏汉文文献之一。本书作者为陈荆和，发表于 1952 年。

本文将简要介绍本书的作者情况、内容和保存情况，并关注该藏本所体现的陈荆和与远东学院（EFEO）之间的联系与渊源。

关键词：交趾、名称、陈荆和

1. 作者简介

陈荆和（1917-1995），字孟毅，号苍崖，教名奥古斯丁·乔治（Augustin Georges），1917 年 9 月 28 日生于台湾台中，祖籍福建。陈荆和幼时即赴日本生活，1942 年本科毕业于日本庆应义塾大学，师从松本信广。

毕业之后，陈荆和于 1943 年 3 月至 1945 年 9 月赴河内远东学院（École française d'Extrême-Orient, EFEO）工作学习。第二次世界大战结束后，陈荆和回到台湾，从 1946 年至 1958 年，他在台湾大学文学部史学科工作。《交趾名称考》正是陈荆和在台湾大学工作期间发表的诸多成果之一。1954 年 9 月至 1955 年 10 月，陈荆和获纽约中国基金会（China Foundation）奖学金，赴法国巴黎中国研究院（Institut des hautes études chinoises de Paris）开展研究工作。

1958 年，应时任顺化大学校长高文论的邀请，陈荆和赴顺化大学担任客座教授。1959 年 8 月起，他开始主持顺化大学下属“越南史料编译委员会”工

¹ 清华大学博士研究生

作。该委员会最重要的工作任务之一即为整理、编目阮朝硃本档案。1962 年，陈荆和赴香港，受聘于新亚书院。

1969 年至 1976 年，陈荆和先后在日本、美国、韩国的多所高校担任客座教授。1978 年至 1981 年，他先后四次访问法国，在索邦大学、巴黎中国研究院和巴黎远东学院等院校开展研究工作。

1981 年 8 月，陈荆和在香港中文大学（新亚书院已于 1963 年并入香港中文大学）的聘期已满，转而赴日本创价大学（Soko University）担任特聘教授。1993 年，陈荆和正式退休，1995 年病逝于越南胡志明市。陈荆和被学界公认为是杰出的历史学者，为研究越南史、东南亚史的后辈学人留下了大量极具学术价值的研究成果。

2. 《交趾名称考》内容简介

社会科学信息研究院图书馆所藏《交趾名称考》藏书号为：TQC0030200。该研究主要讨论了与“交趾”相关的几个概念名称，也涉及越南的传说、历史和地理相关情况。该研究最早发表在《国立台湾大学文史哲学学报》第四期上，后与 1952 年 12 月被单独辑出作为抽印本出版。

本书内容分为三部分。第一部分为“南交与交趾”。在这一部分中，陈荆和介绍了中国史籍中所记录的“交趾”和与其相关的几个名词和概念，并提出“交趾”与“南交”并无区别，一开始都被用来指代古代圣王所统治疆域的最南端。但至战国末期至汉初之时，“交趾”一名已经成为有具体所指的地名。

之后，陈荆和基于语言学分析和史料证据，认为“西瓯”的位置并非隶属于象郡，也不是像鄂卢梭所认为的西瓯就等于秦象郡本身。陈氏认为，西瓯即位于交趾郡的西于县。关于象郡的位置，陈荆和认为秦象郡的范围应当是以红河河口为中心，至远不会超过中部的海云关。

关于“交趾”这一名称出现的时间，陈荆和认为交趾郡既由南越国于公元前 207 年设置，则“交趾”这一名称也应当是由南越国所创，汉朝朝廷继承了南越国的相关制度，并继续使用“交趾”这一名称。

研究第二部分为“交趾名称解释之诸说”。在本部分中，陈荆和列举了已有的四种针对“交趾”名称含义和起源的解释。这些解释包括：

1. 与异形思想或异习有关之交趾解释。如《博物志》中记载：“交趾足交在穿胸东”。《后汉书》中则记载：“.....交趾，其俗男女同川而浴，故曰交趾”。陈荆和认为这种解释缺乏事实论据，不具备说服力。

2. “交趾”这一名称是因为越南北部居民常有大脚趾内翻（Hallux varus）这一畸形病症。陈荆和依靠统计数据和人类学相关研究成果，认为这种病症在越南北部并不普遍，与“交趾”这一名称应该并无关联。

3. “交趾”一名来自于河内俗名“Kẻ Chợ”的音译。包括约翰·克劳福德（John Crawford）、沙畹（Ed Chavannes）在内的诸多学者都持在这一观点。但陈荆和指出，当“交趾”这一名称出现时，河内还不是越南北方的政治与经济中心。而且“Kẻ Chợ”一词出现在 7 世纪之后，远远晚于“交趾”一词出现的时间。因此这一假说也不合理。

4. “交趾”来自于越南北部周边民族指称越南人的称呼“Keo”或“Keu”。陈荆和认为，从目前所能掌握的史料出发，无法证明在秦末汉初时，周边民族已经使用“Keo”来称呼居住在越南北部的居民，同时也无法确定当时居住在越南北部周边的到底是哪些民族。因此这一假说也难以成立。

在列举了已有解释并一一批判之后，陈荆和在本研究第三部分中提出了自己的观点。他首先提出，“象郡”一名来源于该地多产象，因此“交趾”一名也有可能于当地所产某种动物名有关。之后陈荆和基于语言学与史料证据，提出“蛟”“鳄”两字同意，都指鳄鱼。

随后陈荆和从社会、传统风俗、史料、考古学和语言学证据出发，指出对于越南北部人民而言，鳄鱼在社会生活中有着重要影响。因此陈荆和认为，“交趾”中的“交”字通“蛟”，即鳄鱼。而“趾”字则等同于“止”或“阯”，为“居”之意。

因此，本研究提出，“交趾”一名最早应当写作“交止”或“交阯”，原意为“蛟止”“蛟阯”，指“鳄鱼之所居”或“鳄鱼之乡”。总而言之，陈荆和认为，交趾郡之所以得名，是因为当地多鳄鱼，且鳄鱼在古时与当地居民日常生活有着密切的联系。

在本研究中，陈荆和旁征博引，采取了跨学科的研究方法，有力地证明了自己的观点。虽然以发表多年，但本研究中的学术观点目前仍有巨大影响。该研究于 1960 年 6 月被译为越南文发表。

3. 社会科学信息研究院图书馆所藏《交趾名称考》保存情况

社会科学信息研究院图书馆所藏的《交趾名称考》共 52 页，长约 27 厘米，宽约 18 厘米。

该藏书封面上留有字迹：“A Monsieur L. Malleret, Directeur de l’Ecole française d’Extrême-Orient. Hommages respectueux, Chen Ching-ho”（致远东法国学院院长 L. 玛乐先生。诚挚敬意，陈荆和）。这几行字迹应是陈荆和的手迹。由此可见这本藏书极有可能是由陈荆和赠与法国考古学家、时任远东学院院长路易·玛乐。陈荆和曾多次在河内远东学院工作、学习，应当与包括玛乐在内的远东学院各位学者相识。除了这行字迹外，封面上有两处标记：“2921”和“（12874）”

在该藏书第一页盖有远东学院图书馆藏书章（BIBLIOTHÈQUE, ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT），右上角留有标记“1967”，右下角有字迹“2921”。

藏书最后一页也盖有远东学院图书馆藏书章，并有两处标记：“1997”和“1974”。

总而言之，社会科学信息研究院图书馆所藏《交趾名称考》保存完好，学术价值较高。封面上的手迹既是陈荆和在越南研究活动的见证，也是他与远东学院之间友好关系的见证，因此更具有格外特别的意义。

参考材料

1. 陈荆和, *Giao Chỉ danh xưng khảo 交趾名称考*, Thư viện Viện Thông tin Khoa học Xã hội, kí hiệu: TQC0030200.
2. 叶少飞, “陈荆和教授越南史研究述评,” *海洋史研究*, no. 02 (2018): 258–90.
3. 阮庭復/Nguyễn Đình Phúc, “陳荊和教授在越南的活動及其對越南學術的貢獻,” *Journal of Viet Nam Hoc* 1, no. 1 (January 1, 2020), [https://doi.org/10.6928/JVNH.202001_1\(1\).0002](https://doi.org/10.6928/JVNH.202001_1(1).0002).
4. Nguyễn Văn Đăng, “Về hoạt động của nhà Đông phương học Trần Kinh Hòa (1917-1995) trên đất Việt Nam,” *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, no. 1 (2012): 107-18.
5. Ben Kiernan, *Việt Nam: A History from Earliest Times to the Present* (New York City: Oxford University Press, 2017).

SƠ BỘ TÌM HIỂU LAI LỊCH BỘ *VIỆT KIỂU THƯ* HIỆN LƯU TRỮ TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI, VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Thanh Tùng¹

Tóm tắt: Bài viết đặt vấn đề sơ bộ tìm hiểu lai lịch bộ *Việt kiểu thư* hiện được lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội (thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam). Căn cứ chủ yếu trên hiện trạng văn bản (cơ cấu, số quyển...), đặc biệt là những ấn chương được đóng trên bộ sách, bài viết chỉ ra rằng bộ sách *Việt kiểu thư* ở Thư viện Khoa học xã hội đã từng được lưu trữ tại Thiên Nhất các của họ Phạm ở Chiết Giang, sau đó (năm 1772-1773) được tiến dâng và lưu giữ tại Hàn lâm viện nhà Thanh để biên soạn bộ *Tứ khó toàn thư*, đến khoảng giữa thế kỷ XIX trở thành sách tại Giáo Kinh đường của Tiên Quế Sâm và đến đầu thế kỷ XX bị lưu lạc ra bên ngoài rồi được Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO) tại Hà Nội sưu tầm, lưu giữ trước khi thành sách của Viện Thông tin Khoa học xã hội. Từ đó, bài viết khẳng định bộ *Việt kiểu thư* hiện được lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội là một tư liệu quý có giá trị không chỉ về mặt nội dung mà còn về mặt hiện vật của nó. Đồng thời, bài viết nêu kiến nghị cần bảo tồn và khai thác tư liệu quý này một cách cẩn trọng, khoa học và hiệu quả.

Từ khóa: *Việt kiểu thư*, Lý Văn Phượng, Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội, lai lịch (văn bản), Giá trị (văn bản)

1. Mở đầu

Việt kiểu thư 《越嶠書》 là một công trình khá nổi tiếng, đồ sộ, quý giá về địa lí, lịch sử Việt Nam thời trung đại nói riêng và về quan hệ Việt - Trung thời trung đại nói chung. Công trình này do Tiến sĩ Lý Văn Phượng 李文鳳 (1500-?) biên soạn và hoàn thành vào năm Canh Tí (1540) niên hiệu Gia Tĩnh. Tuy nhiên, ở thời trung đại, sách chưa từng được khắc in mà chỉ tồn tại một số văn bản chép tay như bản chép tay

¹ PGS.TS., Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

thời Minh hiện tàng trữ ở Thư viện Đại học Bắc Kinh, bản chép tay cuối đời Thanh hiện tàng trữ ở Thư viện Quốc hội Nhật Bản, bản chép tay ở Thư viện Quốc gia Đài Loan, bản chép tay ở Thư viện Thượng Hải... Hiện nay, ở Thư viện Khoa học xã hội thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cũng có một bản chép tay (trước đây có ký hiệu: 1731/1-7; gần đây được đổi ký hiệu thành: HN.000276 - HN.000281, theo ghi chép của Nguyễn Huệ Chi). Bản này cũng đã được giới thiệu trong một số công trình của Trần Văn Giáp (1971)¹, Nguyễn Huệ Chi (2013)²,... Tuy nhiên, các giới thiệu này khá sơ lược, trong đó, nổi lên vấn đề nguồn gốc của bản chép tay. Bản này đến từ đâu? Vì sao nó lại có mặt trong Kho sách Trung Quốc của Thư viện Khoa học xã hội?... Bài viết này sẽ tập trung góp phần trả lời những câu hỏi như vậy.

2. Nội dung nghiên cứu

Thực ra, về nguồn gốc của văn bản hiện lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, trong *Lược truyện các tác gia Việt Nam* (tập 1, 1971), Trần Văn Giáp cũng đã đề cập đôi chút. Ông cho biết, sách gồm: “20 quyển, cộng 492 tờ, đóng thành 7 sách, khổ giấy lụa Trung Quốc cổ, trong mỗi tờ lại lồng 1 tờ để bảo vệ giấy cũ. Sách nguyên chép tay đã xưa, giấy cũ quá, nhiều chỗ mục bở. Ngoài bìa có dấu son, đề chữ Kiền Long tam thập bát niên, thập nhất nguyệt, Chiết Giang tuần phủ Tam Bảo tổng đốc Phạm Mậu Trụ gia tàng, Việt Kiệu Thư, nhất bộ, kế thư bát bản³ (Năm Kiền Long thứ 38 tháng 11/ tức 12 năm 1773, Tuần phủ Chiết Giang là Tam Bảo đưa tới sách *Việt kiệu thư*, 1 bộ gồm 8 bản, của nhà Phạm Mậu Trụ giữ được)”⁴. Tuy nhiên, Trần Văn Giáp không cho biết gì thêm. Vậy tình hình cụ thể như thế nào?

Như chúng ta đã biết, bản *Việt kiệu thư* trong Kho sách Trung Quốc ở Thư viện Khoa học xã hội hiện nay vốn là sách được kế thừa từ kho sách của EFEO tại Hà Nội (sau đó được trao lại cho phía Việt Nam quản lý, lưu trữ). Trên văn bản còn khá nhiều con dấu của EFEO (và dấu kiểm kê các năm 1967, 1974, 1997 của các đơn vị lưu trữ Việt Nam sau năm 1958) thể hiện sự kế thừa liên tục từ đầu thế kỷ XX cho đến nay (EFEO sưu tầm được sách này vào khoảng đầu thế kỷ XX, chưa rõ thời điểm cụ thể).

¹ Trần Văn Giáp (1971), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

² Nguyễn Huệ Chi (2013), “Sách *Việt kiệu thư* trong con mắt giới sử học đương đại”, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, Sở Khoa học công nghệ Huế, số 9 (1007), tr.85-99.

³ Nguyên văn: “乾隆三十捌年十一月浙江巡撫三寶送到范懋柱家藏《越嶠書》一部計書八本”.

⁴ Trần Văn Giáp (1971), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.48.

Nhưng trước đó, bộ sách này đến từ đâu? Trần Văn Giáp đã cung cấp cho chúng ta đoạn mô tả nguồn gốc văn bản trên. Chúng ta cần đọc sâu vào đoạn mô tả rất quan trọng đó. Đoạn mô tả cho chúng ta một số thông tin quan trọng sau:

- *Việt kiều thư* là sách được lưu giữ trong nhà Phạm Mậu Trụ. Phạm Mậu Trụ là ai? Tại sao sách được lưu trữ tại nhà Phạm Mậu Trụ? Theo khảo cứu của chúng tôi, Phạm Mậu Trụ 范懋柱 (khoảng 1718-1788), người Chiết Giang, chính là chủ nhân của Thiên Nhất các 天一閣, một kho sách tư nhân lớn nhất và có lẽ cũng nổi tiếng nhất thời Minh - Thanh ở Trung Quốc. Thiên Nhất các được Binh bộ Hữu thị lang Phạm Khâm 范欽 (1506-1585) thành lập năm Gia Tĩnh thứ 14 (1561), thu thập và lưu trữ rất nhiều thư tịch quý giá. Ở thời điểm cực thịnh, kho sách này đã lưu trữ đến hơn 70.000 quyển sách. Phạm Mậu Trụ chính là hậu duệ đời thứ 8 của Phạm Khâm¹. *Việt kiều thư* được Lý Văn Phụng hoàn thành trước năm Canh Tí (1540), vậy sách có thể được sưu tập ngay sau đó khi Thiên Nhất các được thành lập hoặc về sau, nhưng không quá thời điểm năm Càn Long thứ 38 (1772) - thời điểm sách được tiến dâng lên triều đình nhà Thanh². Năm Càn Long thứ 38 (1772), nhân dịp triều đình nhà Thanh đang tiến hành biên soạn bộ *Tứ khố toàn thư* 《四庫全書》, Phạm Mậu Trụ đã tiến trình tổng cộng 638 bộ sách làm tài liệu tham khảo. Trong 638 bộ sách đó chắc chắn có bộ *Việt kiều thư*, bởi lẽ sau đó, bộ *Tứ khố toàn thư tổng mục lục đề yếu* 《四庫全書總目提要》 quyển 66 thuộc phần *Sử bộ* 史部 - “Tái ký loại” 載記類 có ghi nhận: “*Việt Kiều thư* 20 quyển (là bản được lưu trữ ở Thiên Nhất các của họ Phạm Mậu Trụ tại Chiết Giang)” 《越嶠書》二十卷 (浙江范懋柱家天一閣藏本). Bộ *Tứ khố toàn thư tồn mục từng thư* 四庫全書存目叢書 (Sử bộ 史部) tập 163-164 (sau này) cũng đưa *Việt kiều thư* vào chính bởi căn cứ theo danh mục các sách được tiến trình để soạn *Tứ khố toàn thư* nhưng sau đó không được sử dụng trong *Tứ khố toàn thư tổng mục*, trong đó có bộ *Việt kiều thư*³. Kết hợp với

¹ Xem: Lạc Triệu Bình 駱兆平 (2005), *Thiên Nhất các thư sử chí* 天一閣藏書史志, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã 上海古籍出版社, Thượng Hải 上海.

² Tuy nhiên, tại sao trên bản *Việt kiều thư* hiện có ở Viện Thông tin Khoa học xã hội không có ấn triện của Thiên Nhất Các? Điều này tạm thời chúng tôi chưa lý giải được. Đường như các sách được lưu trữ ở Thiên Nhất Các không có ấn triện của tàng thư này như chúng tôi quan sát từ một số sách khác cũng được lưu trữ ở đó.

³ Ủy ban biên soạn *Tứ khố toàn thư tồn mục từng thư* 四庫全書存目叢書編纂委員會 (1996), *Tứ khố toàn thư tồn mục từng thư* (Sử bộ) 四庫全書存目叢書: 史部, Tập 163-164, Tề Lỗ thư xã 齊魯書社, Sơn Đông 山東.

thông tin trên ấn son đã đề cập, năm Càn Long thứ 38 (1772), *Việt kiều thư* được Tuần phủ Chiết Giang là Tam Bảo “đưa đến”. Vậy Tam Bảo là ai và cuốn sách này được đưa đến đâu? Theo chúng tôi được biết, Tam Bảo 三寶 (?-?) là một đại thần triều Thanh, người Mãn Châu, đỗ Tiến sĩ năm Càn Long thứ 4 (1738), làm quan trải các chức như: Bố chính sứ Trực Lệ, Tuần phủ Sơn Tây, Tuần phủ Chiết Giang, Tổng đốc Hồ Quảng,... Trong đó, ông được thăng làm Tuần phủ Chiết Giang tháng Một năm Khang Hy thứ 38 (1772) đến tháng Năm năm Càn Long thứ 42 (1776). Thời điểm Tam Bảo “đưa sách đến” là năm 1772, trùng khớp với thời điểm Phạm Mậu Trụ tiến trình sách lên triều đình. Như vậy, có thể suy ra rằng chính Tuần phủ Chiết Giang Tam Bảo là người đóng vai trò đưa các sách Phạm Mậu Trụ tiến trình về triều đình. *Việt kiều thư* không phải là cuốn duy nhất có ghi thông tin như vậy. Trên một bộ sách khác là *Quốc sơ Lễ hiền lục* 《國初禮賢錄》(hiện được lưu trữ tại Thư viện tỉnh Cam Túc, ký hiệu: 01530), cũng có ấn son với dòng chữ “Càn Long tam thập bát niên thập nhất nguyệt Chiết Giang Tuần phủ Tam Bảo tổng đốc Phạm Mậu Trụ gia tàng *Lễ hiền lục* nhất bộ kê thư nhất bản” 乾隆三十八年十一月浙江巡撫三寶送到範懋柱家藏《禮賢錄》壹部計書壹本 (Năm Càn Long thứ 38 tháng Mười một, Tuần phủ Chiết Giang là Tam Bảo đưa tới sách *Lễ hiền lục*, 1 bộ gồm 1 sách, của nhà Phạm Mậu Trụ giữ được). Dòng này có các thông tin về ngày tháng, cách viết tương tự như dòng trên bìa sách *Việt kiều thư*. Dòng chữ trên đã xác nhận có một lô sách của Thiên Nhất các nhà Phạm Mậu Trụ đã được Tuần phủ Chiết Giang Tam Bảo “đưa đến” triều đình nhà Thanh. Điều này sẽ tiếp tục được làm rõ khi ta tìm hiểu các ấn triện khác trong văn bản.

- *Việt kiều thư*, khi được tiến trình, là một bộ có 8 sách/tập (捌本). Hiện nay, bộ *Việt kiều thư* ở Viện Thông tin KHXH được đóng thành 7 sách. Vậy 1 sách đi đâu? Quan sát bìa 7 sách hiện có trên, ta thấy ở gáy sách có ghi chép như sau: “Sách 1: *Việt kiều thư* quyển 1 đến 2, sách 1 trong 7 sách, bản cũ là tập 1” 《越嶠書》卷一之二（七之一舊帙一）；“Sách 2: *Việt kiều thư* quyển 3 đến 4, sách 2 trong 7 sách, bản cũ là tập 1” 《越嶠書》卷三之四（七之二舊帙一）；“Sách 3: *Việt kiều thư* quyển 5 đến 9, sách 3 trong 7 sách, bản cũ là tập 2” 《越嶠書》卷五之九（七之三舊帙二）；“Sách 4: *Việt kiều thư* quyển 10 đến 12, sách 4 trong 7 sách, bản cũ là tập 3” 《越嶠書》卷十之十二（七之四舊帙三）；“Sách 5: *Việt kiều thư* quyển 13 đến 14, sách 5 trong 7 sách, bản cũ là tập 3” 《越嶠書》卷十三之十四（七之五舊帙三）；“Sách 6: *Việt kiều thư* quyển 15 đến 16, sách 6 trong 7 sách, bản cũ là tập 4” 《越嶠

書》卷十五之十六（七之六舊帙四）；“Sách 7: *Việt kiều thư* quyển 17 đến 20, sách 7 trong 7 sách, bản cũ là tập 4” 《越嶠書》卷十七之二十（七之七舊帙四）。 Như vậy, bộ này được đóng mới thành 7 sách, nhưng trước đó được chia làm 4 tập (trong đó: mỗi tập 1, tập 3, tập 4 tương ứng 2 sách mới; tập 2 tương ứng 1 sách mới nhưng rất dày, gồm 5 quyển, 133 tờ, cho phép nghĩ rằng tập này cũng phải tương ứng với 2 sách mới). Như vậy, thực chất 4 tập cũ (7 sách hiện tồn) chính là 8 sách được in trong khung son ở đầu sách (bản chép ở Thư viện Quốc gia Đài Loan cũng có 8 sách, bao gồm 20 quyển). Kiểm tra lại cũng không thấy bộ sách bị mất mát, thiếu hụt nội dung lớn nào. Từ đó, có thể suy đoán rằng sách còn đủ 8 cuốn như ghi chép, nhưng đã được cơ cấu lại thành 7 cuốn như sau:

- + Sách 1 (ký hiệu: **1731/1**): Quyển 1 (33 tờ) - Quyển 2 (66 tờ).
- + Sách 2 (ký hiệu: **1731/2**): Quyển 3 (34 tờ) - Quyển 4 (46 tờ)
- + Sách 3 (ký hiệu: **1731/3**): Quyển 5 (33 tờ) - Quyển 6 (37 tờ) - Quyển 7 (18 tờ), Quyển 8 (7 tờ), Quyển 9 (45 tờ)
- + Sách 4 (ký hiệu: **1731/4**): Quyển 10 (36 tờ) - Quyển 11 (41 tờ) - Quyển 12 (44 tờ)
- + Sách 5 (ký hiệu: **1731/5**): Quyển 13 (51 tờ) - Quyển 14 (55 tờ)
- + Sách 6 (ký hiệu: **1731/6**): Quyển 15 (34 tờ) - Quyển 16 (58 tờ)
- + Sách 7: (ký hiệu: **1731/7**): Quyển 17(33 tờ) - Quyển 18 (14 tờ) - Quyển 19 (33 tờ) - Quyển 20 (23 tờ)¹.

¹ Nội dung cụ thể của 20 quyển này được Trần Văn Giáp mô tả như sau: Quyển 1: Tổng tự, Diên Cách, Sơn Xuyên, Biên Cảnh, Phục dịch, Vật sản, Cổ Tích, Phong Tục. Quyển 2: Thư, chiếu, chế, sắc (từ đời Hán đến đời Minh Gia Tĩnh). Quyển 3: Biên niên (từ Đường, Ngu, đến Tùy). Quyển 4: Biên niên (từ Đường đến Tống). Quyển 5: Biên niên (từ Tống đến Nguyên) Quyển 6: Biên niên (từ Quốc triều Minh Hồng Vũ (1368-1398) đến Gia Tĩnh Canh Tí (1540). Quyển 7: Lập quốc thủy mạt (Sơ lược lịch sử). Quyển 8: Chế độ. Quyển 9 - 14: Thư, sớ, di văn. Quyển 15: Thi, biểu. Quyển 16: Biểu, tiên. Quyển 17: Tập văn. Quyển 18: Thi. Quyển 19: Quốc triều thi (Minh). Quyển 20: An Nam thi (Thơ của các vua quan Việt Nam tiền tạng sứ thần Trung Quốc, có phụ 15 bài của Lê Trắc, v.v...). Một địa đồ vẽ lối Trung Quốc (ở ngay đầu sách, có đông tây tứ chí, có các tên huyện tên sông, tên cửa biển). Xem: Trần Văn Giáp (1971), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.48-49. Sách *Việt kiều thư* cũng đã được dịch sang tiếng Việt với 2 bản dịch: Lý Văn Phụng (2022), *Việt kiều thư* (quyển 1 - quyển 8), Châu Hải Đường dịch, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội; Lý Văn Phụng (2022), *Việt kiều thư*, 3 tập, Đặng Hồng Sơn - Vũ Đường Luân - Nguyễn Ngọc Phúc dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. Tuy nhiên, cả 2 bản dịch này (do các dịch giả chưa có điều kiện tiếp cận văn bản) đều không sử dụng văn bản tại Thư viện Khoa học xã hội mà sử dụng các bản hiện tàng trữ tại nước ngoài.

Sau khi được Tuần phủ Chiết Giang đưa tới (triều đình), cuốn sách được lưu trữ tại Viện Hàn lâm triều Thanh. Điều này được thể hiện bằng 2 ấn triện khác trong văn bản. Cụ thể như sau:

- Ấn mực son *Hàn lâm viện ấn* 翰林院印 (Ấn của Viện Hàn lâm) [Phần đầu, tờ 1a] được thể hiện dưới hình thức song tự/ngữ: chữ Hán (bên trái) và chữ Mãn Châu (bên phải). Với ấn này, ta có thể biết sách được lưu trữ ở Viện Hàn lâm, chính là nơi biên soạn bộ *Tứ khố toàn thư*. Ấn này cũng được đóng trên sách *Lễ hiến lục* mà chúng tôi có đề cập ở trên.

- Ấn mực son *Trùng tu Đông quan đế vương thư* 重修東觀帝王書 (Sách của đế vương được tu bổ lại và tàng trữ trong cung) [Phần đầu, tờ 3a]. Ấn này cho biết sách được tàng trữ trong cung và chắc hẳn cũng đã được tu bổ lại (“trùng tu”). Sơ bộ xem xét bản *Việt kiều thư* hiện lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội, thì có thể thấy dấu vết trùng tu ở một vài chỗ: sách được bồi lót giấy dó vào giữa các tờ để bảo quản tốt hơn; một vài chỗ sách bị “đục” chữ và chèn chữ vào chỗ bị đục (chưa rõ nguyên nhân và bản chất việc đục và bổ sung chữ này), gáy sách có ghi là “cụ”, ám chỉ bản cũ (xem phần trên). Chắc hẳn đó là sự trùng tu của Hàn lâm viện.

Nhưng như đã nói ở trên, *Việt kiều thư* chỉ được dùng để biên mục (đề yếu) và tham khảo, chứ không được đưa vào bộ *Tứ khố toàn thư* như một số sách khác do quan điểm lựa chọn của nhà Thanh (chính vì vậy, năm 1996, cuốn sách mới được đưa vào bộ *Tứ khố toàn thư*, Tồn mục). Vậy, sau đó bộ sách đi đâu? Một loạt những ấn triện khác trong văn bản có thể giúp chúng ta trả lời câu hỏi ấy. Cụ thể, đó là các ấn:

- Ấn mực son *Tiền thị Tê Am thu tàng* 錢氏犀庵收藏 (Họ Tiền tự Tê Am thu chứa) [Phần đầu, tờ 3a].

- Ấn mực son *Giáo Kinh đường Tiền thị chương* 教經堂錢氏章 (Ấn của họ Tiền ở Giáo Kinh đường) [Phần đầu, tờ 1a].

- Ấn mực son *Tê Am tàng bản* 犀盒藏本 (Sách trong kho của Tê Am) [Quyển 1, tờ 1a].

Ba ấn son này đều chỉ tới một nhân vật họ Tiền, có tên (tự/hiệu) là Tê Am ở Giáo Kinh đường. Vậy họ Tiền là ai? Niên đại của họ Tiền thế nào? Tại sao nhân vật này lại là người lưu giữ sách *Việt kiều thư*? Theo tra cứu của chúng tôi, họ Tiền chính là Tiền Quế Sâm 錢桂森 (1830-1902), tự Tê Am 犀盒, người Giang Tô, đỗ Tiến sĩ năm Đạo Quang thứ 30 (1850), được bổ làm Hàn lâm viện Biên tu (1850-1857), thăng

Nội các học sĩ, hàm Lễ bộ Hữu Thị lang... Tiền Quế Sâm cũng là người ham mê sưu tầm và lưu trữ sách. Tầng thư của ông có tên là Giáo Kinh đường. Theo các nhà nghiên cứu, phân nửa các sách ở tầng thư của ông đều là các sách được tiến trình (trong đó có các sách của Phạm Mậu Trụ) để làm bộ *Tứ khố toàn thư*. Trên các sách ở tầng thư họ Tiền có đóng các ấn (mực son) như: *Tê Am tàng bản* 犀盒藏本, *Giáo Kinh đường Tiền thị chương* 教經堂錢氏章, *Tiền Tê Am trân tàng ấn* 錢犀盒珍藏印, *Tiền thị Tê Am thu tàng* 錢氏犀庵收藏, *Hải Lăng Tiền Tê Am hiệu tàng thư tịch* 海陵錢犀盒校藏書籍... Chẳng hạn, Triệu Vạn Lý 趙萬里 trong bài “Trùng chỉnh Phạm thị Thiên Nhất các tàng thư kí lược” 重整范氏天一閣藏書記略 cho biết: “Sau khi *Tứ khố toàn thư* hoàn thành, các bản đầy mà các bản của *Tứ khố* dựa vào đều trả lại cho họ Phạm, nhưng [một số] vẫn lưu trong Hàn lâm viện, lâu ngày bị học sĩ Hàn lâm viện đem về nhà, con số không ít, trước thì có Pháp Ngô Môn, sau thì có Tiền Tê Am, đều là những kẻ khéo không báo mà lấy” 《四庫全書》完成後，庫本所據之底本，並為發還范氏，仍舊藏在翰林院裡，日久為翰林學士拿回家去，為數不少，前有法梧門，後有錢犀庵，都是不告而取的健者¹. Như vậy, có khả năng Tiền Quế Sâm khi làm Biên tu ở Viện Hàn lâm (1850-1857) đã lặng lẽ mang bộ *Việt kiều thư* (được lưu tại viện Hàn lâm - như một vài ấn chương đã thể hiện) về nhà. Việc này cũng liên quan tới thực trạng sau thời Càn Long, việc quản lý sách ở Viện Hàn lâm không còn nghiêm mật như trước. Cũng theo các nhà nghiên cứu, đến năm Quang Tự 25 (1899), Tiền Quế Sâm chết, sách trong tầng thư của ông bắt đầu thất tán ra bên ngoài. Có lẽ, EFEO tại Hà Nội đã sưu tầm được bộ *Việt kiều thư* trong bối cảnh này.

3. Kết luận

Như vậy, sơ bộ khảo sát văn bản *Việt kiều thư* của Thư viện Khoa học xã hội (thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), chúng ta có thể tạm hình dung được con đường “du hành” của văn bản này như sau: *Việt kiều thư* (1 bộ, 8 sách, 20 quyển) của Lý Văn Phụng vốn là một bản chép được lưu trữ tại Thiên Nhất các nhà họ Phạm tại Chiết Giang; năm Càn Long thứ 38, sách được tiến dâng lên triều đình nhà Thanh để phục vụ cho việc biên soạn bộ *Tứ khố*

¹ Triệu Vạn Lý 趙萬里 (2005), “Trùng chỉnh Phạm thị Thiên Nhất các tàng thư kí lược” 重整范氏天一閣藏書記略 trong: Lạc Triệu Bình 駱兆平 (2005), *Thiên Nhất các thư sử chí* 天一閣藏書史志, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã 上海古籍出版社, Thượng Hải 上海, tr.59.

toàn thư (nhưng không được sử dụng để đưa vào bộ *Tứ khố toàn thư*, mà chỉ được ghi nhận trong *Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu*); sau khi sử dụng xong, sách không được hoàn trả cho họ Phạm mà được lưu trữ tại Viện Hàn lâm triều Thanh; khoảng các năm từ 1850-1857, sách bị Hàn lâm viện Biên tu Tiền Quế Sâm biên thủ, biên thành sách riêng trong kho sách của ông; khoảng đầu thế kỷ XX (sau khi Tiền Quế Sâm chết, 1902), sách lưu truyền ra ngoài, bằng cách nào đó đã được EFEO sưu tầm được và đưa vào thư viện để rồi sau này trở thành bộ *Việt kiều thư* đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội. Từ con đường lưu hành này, có thể nhận thấy *Việt kiều thư* hiện lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội là một văn bản cổ rất quý không chỉ bởi nội dung của nó (một tư liệu lịch sử đồ sộ) mà còn bởi giá trị hiện vật với tư cách một cổ thư đã từng được lưu trữ tại Thiên Nhất các, được tiến dâng và được lưu trữ tại Viện Hàn lâm nhà Thanh. Giá trị của bộ sách còn có thể được phát lộ thêm khi được khảo sát kỹ và so sánh với các văn bản *Việt kiều thư* khác hiện tồn. Nhưng đó là việc nằm ngoài phạm vi của bài viết này và là nhiệm vụ trong tương lai. Trước mắt, bộ sách cần được bảo quản, lưu trữ cẩn trọng, khoa học, đồng thời nên được số hóa, phục vụ để vừa được bảo tồn vừa khai thác một cách hợp lý, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi (2013), “Sách *Việt kiều thư* trong con mắt giới sử học đương đại”, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, Sở Khoa học công nghệ Huế, số 9 (1007), tr.85-99.
2. Trần Văn Giáp (1971), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lạc Triệu Bình 駱兆平 (2005), *Thiên Nhất các thư sử chí* 天一閣藏書史志, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã 上海古籍出版社, Thượng Hải 上海.
4. Lý Văn Phụng (2022), *Việt kiều thư* (quyển 1 - quyển 8), Châu Hải Đường dịch, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
5. Lý Văn Phụng (2022), *Việt kiều thư*, 3 tập, Đặng Hồng Sơn - Vũ Đường Luân - Nguyễn Ngọc Phúc dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Ủy ban biên soạn *Tứ khố toàn thư tồn mục từng thư* 四庫全書存目叢書編纂委員會 (1996), *Tứ khố toàn thư tồn mục từng thư (Sử bộ)* 四庫全書存目叢書: 史部, Tập 163-164, Tề Lỗ thư xã 齊魯書社, Sơn Đông 山東.

***CỔ KIM ĐỒ THƯ TẬP THÀNH* - MỘT BỘ “BÁCH KHOA TOÀN THƯ” CỦA TRUNG QUỐC TRONG KHO SÁCH TRUNG QUỐC CỔ THUỘC VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI**

*Nguyễn Văn Nguyễn*¹

Tóm tắt: Bộ sách “Cổ kim đồ thư tập thành” là một trong 3 bộ loại thư có dung lượng lớn trong lịch sử thư tịch Trung Quốc còn tồn tại. Đặc biệt hơn, bộ sách còn được đánh giá là kiệt tác đồ sộ nhất về nội dung và đẹp nhất về thẩm mỹ cũng như kỹ thuật trong công nghệ in ấn con chữ rời bằng đồng trong di sản vật thể Trung Quốc, với hỗ trợ to lớn từ triều đình nhà Thanh. Hiện Kho sách Trung Quốc cổ thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội còn lưu giữ được một bộ hoàn chỉnh, do Thượng Hải đồng văn thư cục in ấn và xuất bản năm 1890, tuy nhiên vẫn chưa được giới thiệu và phục vụ bạn đọc. Bài viết tập trung giới thiệu những thông tin quan trọng liên quan đến bộ sách, từ xuất xứ, quá trình biên soạn, phương thức biên soạn cho đến các phiên bản in ấn của bộ sách.

Từ khóa: Bách khoa thư, Loại thư, Thư tịch cổ, Cổ kim đồ thư tập thành

1. Loại thư trong thư tịch cổ Trung Quốc

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Bách khoa thư

Theo định nghĩa của Trung tâm Từ điển Bách khoa thư Việt Nam, *Bách khoa thư* tiếng Anh là *Encyclopedia*, có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ là “ἐγκύκλιος παιδεία” (*enkyklios paideia*) với nghĩa là “tuần hoàn, theo chu trình”, và “giáo dục”. Trong tiếng Anh, cả *encyclopedia* và *encyclopaedia* cùng được sử dụng cho dù *encyclopaedia* vẫn được xem là “học thuật” hơn, còn *encyclopedia* thì thông dụng hơn. Khái niệm *Bách khoa toàn thư* theo nghĩa hiện đại đang được dùng trên thế giới được cho là xuất hiện vào thế kỷ XVIII².

¹ Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

² Tham khảo: https://bkt.vn/BKTT:Gi%E1%BB%9B_i_thi%E1%BB%87u#B.C3.A1ch_khoa_To.C3.A0n_th.C6.B0_Vi.E1.BB.87t_Nam

Về đặc điểm, *Bách khoa thư* khác với *Từ điển*. *Từ điển* chủ yếu hướng tới các từ và định nghĩa về chúng, đồng thời cung cấp những thông tin, phân tích hoặc kiến thức hữu hạn về từ được định nghĩa mà bỏ qua ý nghĩa hoặc tầm quan trọng của những thuật ngữ, cùng mối quan hệ của nó với lĩnh vực kiến thức liên quan. Khắc phục những hạn chế của từ điển, *Bách khoa thư* có đặc trưng cung cấp những thông tin phong phú về nội hàm, ý nghĩa của khái niệm, hay còn gọi là đơn vị tri thức. Từ điển được biên soạn trên cơ sở xây dựng bảng mục từ, trong khi *Bách khoa thư* lại bắt đầu từ các đầu mục từ.

1.1.2. Loại thư (類書)

Trong khoa học thư tịch cổ đại Trung Quốc, tương đương nội hàm với *Bách khoa toàn thư* có khái niệm *loại thư*, với hàm ý sưu tập tư liệu từ các sách vở thư tịch trên cơ sở chuyên môn hoặc các chuyên ngành. Tuy nhiên, tùy theo mục tiêu hướng đến mà có các loại như: từ ngữ gọi là *Loại tự* (類字), như *Nhĩ nhã* (爾雅); nguồn gốc của từ ngữ gọi là *Loại từ* (類詞), như *Từ nguyên* (詞源), *Từ hải* (詞海); hướng đến ngữ cảnh điển cú gọi là *Loại ngữ* (類語), như *Cổ ngữ tinh túy* (古語精粹),...; trên phương diện sưu tập thư tịch, lại tương đương với khái niệm *Tùng thư* (叢書).

Trong lịch sử thư tịch Trung Hoa, nếu xét về thể tài, *loại thư* cũng rất đặc thù. Phần *Tiểu tựa* cho bộ *Từ* (các nhà) trong *Tứ khố toàn thư tổng mục* cho rằng: “*Loại thư*, nếu so cả 4 bộ thì không phải *Kinh*, không phải *Sử*, không phải *Tử*, cũng không phải *Tập*. Trong 4 bộ, chỉ có thể quy về *Không thuộc loại nào*”¹. Chính vì vậy, tiêu chí phân loại có thể dựa vào chức năng như thông qua các thông tin văn hiến liên quan, mà theo phương diện này thì Baidu cho *loại thư* là: “*những loại sách công cụ được sưu tầm và biên soạn mà từ loại có nguồn gốc từ văn hiến, được dựa trên những điểm tương đồng, có thể dẫn giải, kiểm tra, truyền bá với mục đích tham khảo*”².

1.2. Một số bộ loại thư có giá trị trong văn hiến Trung Hoa

Nhu cầu xây dựng những bộ sách bách khoa luôn thường trực sau mỗi lần chính trị có thay đổi lớn. Có thể coi mỗi bộ loại thư có vai trò của nhà nước là một lần tổng kết văn hóa cho giai đoạn trước đó và khẳng định vai trò chính trị của triều đại mới. Có thể điểm danh một số bộ *loại thư* giá trị trong thư tịch Trung Hoa như sau:

¹ *Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu - Từ bộ-Tiểu tự* (四庫全書總目提要-子部-類書類-小序). Nguyên văn: “類事之書，兼收四部，而非經非史非子非集，四部之內，乃無類可歸”

² Tham khảo: https://www.baike.com/wikiid/3739310261047547102?view_id=rm7m7bgdhq800.

- **Hoàng lãm** (皇覽) thời Tào Ngụy (220-265)¹ được coi là thủy tổ của loại hình sách *loại thư*. Phần *Đế kỉ* - sách *Ngụy chí* trong bộ sử *Tam quốc chí* chép: “*Thời Ngụy Văn đế Tào Phi sai các nhà Nho soạn tập Kinh, Truyện, theo loại mà xếp, tổng tới hơn nghìn thiên*”². Trong giai đoạn Lục triều (222-589) cũng xuất hiện nhiều bộ sách *loại thư*, như bộ *Tu văn điện ngự lãm* (修文殿御覽) thời Bắc Tề, hay *Cổ kim đồng tính danh lục* (古今同姓名錄), *Hoa lâm biến lược* (華林遍略)... Đến thời Đường có thể kể tới các bộ *Nghệ văn loại chí* (藝文類聚) do Âu Dương Tuân (歐陽洵) soạn, *Văn quán từ lâm* (文館詞林) của Hứa Kính Tông (許敬宗), *Sơ học kí* (初學記) của Từ Kiên (徐堅) do vâng mệnh hoàng đế mà biên soạn... Về phía tư nhân có thể kể đến bộ *Bắc đường thư sao* (北堂書抄) của Ngu Thế Nam (虞世南), *Bạch khổng lục thiếp* (白孔六帖) của Bạch Cư Dị (白居易),...

Như vậy, *loại thư* vốn là sách được nhà nước biên soạn. Tuy nhiên đến thời Đường thì tư nhân cũng tham gia biên soạn, nhưng với quy mô nhỏ. Như bộ *Bắc đường thư sao* của Ngu Thế Nam chỉ có 160 quyển. Đến thời Tống thì loại hình sách *loại thư* đã có quy mô lớn, có thể kể đến các bộ:

- **Thái bình ngự lãm** (太平御覽) do một nhóm học giả gồm Thang Duyệt (湯悅), Trương Kị (張洎), Từ Huyền (徐鉉), Tống Bạch (宋白), Từ Dụng Tân (徐用賓), Trần Ngạc (陳鄂), Ngô Thục (吳淑), Thư Nhã (舒雅), Lã Văn Trọng (呂文仲), Nguyễn Tư Đạo (阮思道), Hồ Mông (扈蒙), Lý Phưởng (李昉),... nhận mệnh của Tống Thái Tông biên soạn từ năm 977 đến năm 983. Bộ sách gồm 1.000 quyển, chia thành 55 môn ngành, các môn ngành lại chia thành các mục loại, tổng cộng tới 5.474 loại, với hơn 4,7 triệu chữ Hán, được dựa trên 1.690 loại tài liệu khác nhau, từ sách, thơ, ca dao, tục ngữ, bia ký cho đến các văn bản khác. Tục truyền sau khi bộ sách hoàn thành, Tống Thái Tông mỗi ngày đọc xong 3 quyển, và đọc xong trong vòng 1 năm nên thành tên “*Ngự lãm*”. *Thái Bình ngự lãm* được coi là một trong *Tống*

¹ *Hoàng lãm* (皇覽) được coi là thủy tổ của loại hình “loại thư” của Trung Hoa do Lưu Thiệu 劉劭, Vương Tượng 王象, Tuyên Phạm 桓範, Vi Đản 韋誕, Mậu Cung 繆襲 phụng sắc biên soạn thời Ngụy Văn Đế Tào Phi, gồm hơn 40 bộ, hơn 1.000 quyển, hơn 800 vạn chữ. Vì hoàng đế đọc duyệt nên được gọi là *Hoàng lãm*. Nhưng hiện nay sách đã bị mất tàn nát, không còn nguyên dạng.

² Trần Thọ: *Tam quốc chí*-*Ngụy chí*-*Ngụy Văn đế* (陳壽: 三國志·魏志·文帝紀). Dựa trên những sử liệu có thực của giai đoạn cuối nhà Hán (220-280) được Trần Thọ biên soạn không lâu sau thời kì Tam quốc (220-280) kết thúc. Nguyên văn: “魏文帝曹丕時“使諸儒撰集經傳，隨類相叢，凡千餘篇”。

tư đại thư. Giá trị của bộ *Ngự lãm* này là đã lưu giữ được rất nhiều các bộ sách cổ mà nay đã bị thất lạc.

- ***Sách phủ nguyên quy*** (冊府元龜) với dung lượng 1.000 quyển, do Vương Khâm Nhược (王欽若) và Dương Ưc (楊億) vâng mệnh của Tống Chân Tông biên soạn, bắt đầu từ năm 1005 đến năm 1013 hoàn thành, chia thành 31 môn ngành, 1.104 môn loại, chủ yếu dựa vào sử tịch nên bộ sách rất có giá trị về sử liệu.

- ***Sơn đường khảo sách*** (山堂考索) hay còn có tên *Quần thư khảo sách* (羣書考索) do Chương Như Ngu (章如愚) biên soạn, gồm 212 quyển, chia thành 46 môn loại, chuyên dẫn các sách Kinh, Sử của bách gia, và có kèm theo lời bình của người biên soạn.

- ***Ngọc hải*** (玉海) do Vương Ứng Lâm thời Tống biên soạn, thuộc tư nhân, gồm 200 quyển, chia thành 21 môn loại: thiên văn, địa lý, quan chế, thực hóa (kinh tế),...

Đến thời Minh Thanh thì *loại thư* đã vô cùng phong phú, không lồ cả về quy mô lẫn chất lượng do cả nhà nước và tư nhân biên soạn. Vĩ đại nhất có thể kể tới các bộ:

- ***Vĩnh Lạc đại điển*** (永樂大典) được Minh Thành Tổ giao cho đại thần Giải Tân (解縉) biên soạn vào năm 1403, ban đầu có tên là *Văn hiến đại thành* (文獻大成), hoàn thành trong 1 năm. 3 năm sau bộ sách được biên soạn lại và mất thêm 3 năm nữa (1408) mới hoàn thành, được đặt lại tên là *Vĩnh lạc đại điển*, gồm 22.937 quyển, 11.095 sách, hơn 370 triệu chữ, được biên soạn từ hơn 8.000 loại sách được sưu tập trong giai đoạn Hồng Vũ, với quan điểm “*dùng âm để hệ thống chữ, dùng chữ để hệ thống việc* - 用韻以統字, 用字以系事”, tuân theo các âm vận chính thời Hồng Vũ làm cơ sở phân chia, theo âm lại chia thành các chữ để chú thích giải nghĩa (huấn thích - 訓釋). Dưới mỗi chữ thì liệt kê các sự kiện, nhân vật, chế độ, tên vật, sông núi, dòng chảy, thiên văn địa lý, thi phú ca từ, văn chương hiệu lệnh,...

Có thể nói, đây là một bộ tư liệu vô cùng phong phú của Trung Hoa cổ đại, ghi chép lại rất nhiều thư tịch cũ đã bị thất tán trong lịch sử. Tuy nhiên, bộ sách cho đến nay chỉ còn khoảng 800 quyển (4%) so với nguyên bản.

- ***Cổ kim đồ thư tập thành*** (古今圖書集成) được Trần Mộng Lôi (陳夢雷) biên soạn, hoàn thành năm Khang Hy 45 (1706)¹.

¹ Bộ sách được mô tả trong phần 3 - NVN

- ***Tứ khố toàn thư*** (四庫全書) là bộ bách khoa lớn nhất trong lịch sử thư tịch phong kiến Trung Quốc, được Hoàng đế Càn Long nhà Thanh mệnh cho Kỉ Quân (紀昀) và Lục Tích Hùng đứng đầu cùng 361 học giả biên soạn, trong khoảng thời gian từ 1773 đến 1782, chia thành 4 phần chính là Kinh (經), Sử (史), Tử (子), Tập (集). *Tứ khố toàn thư* tập hợp trên 10.000 bản thảo từ các bộ sưu tập của những triều đại phong kiến Trung Quốc (kể cả 3.000 bản thảo bị đốt vì nghi có tư tưởng chống Thanh) thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, lịch sử, triết học và văn học nghệ thuật. Tổng cộng bộ sách này có 79.897 môn ngành, 36.381 quyển, 2,3 triệu trang sách với hơn 800 triệu chữ.

2. Kho sách Trung Quốc cổ của Viện Thông tin Khoa học xã hội

2.1. Vài nét về sự hình thành kho sách

Tại Thư viện Khoa học xã hội (thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý) (tiền thân là Thư viện EFFEO)¹ đang lưu giữ nhiều bộ sưu tập quý giá nghiên cứu về Đông phương học như: Sách Hán Nôm, tranh ảnh, bản đồ, đĩa hát, bộ sưu tập Hương ước, Thần tích thần sắc, Nhật Bản cổ, Trung Quốc cổ,... Bộ sưu tập sách Trung Quốc cổ cũng như các bộ sưu tập kể trên là kết quả của quá trình sưu tầm, sao chép, trao đổi tại Đông Dương và các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ,...

Trước năm 1957, lúc này là Thư viện của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp, Thư viện EFEO có một khối lượng tư liệu không nhiều về các ngành khoa học xã hội như: sử học, khảo cổ học, dân tộc học, văn học,... Kho Trung Quốc cổ thời kỳ này vẫn liên tục được bổ sung, thu thập qua các kênh mua, trao đổi, và chủ yếu qua các chuyến đi công tác, các chuyến nghiên cứu của các chuyên gia như Paul Pelliot, Edouard Huber, Henri Maspero, Léonard Arouseau, P.Demiéville,...

Những năm 1949 và 1950, khi chế độ thực dân gần như sụp đổ ở Đông Dương, Pháp đã ký với các chính quyền Việt Nam, Campuchia và Lào một thỏa thuận 4 bên về thay đổi tổ chức và chức năng của EFEO: EFEO không còn chỉ là của Pháp mà là của 4 quốc gia, tài sản của EFEO cũng được phân chia cho 4 quốc gia, theo đó các bộ sưu tập

¹ Viện Viễn Đông Bác cổ (tiếng Pháp: École française d'Extrême-Orient, viết tắt EFEO) là một trung tâm nghiên cứu của Pháp về Đông phương học, chủ yếu trên thực địa. Tiền thân của Viện là Phái đoàn Khảo cổ tại Đông Dương từ năm 1898, sau đó chính thức thành lập Viện Viễn Đông Bác cổ ngày 20/01/1900. Viện có nhiệm vụ nghiên cứu, khai quật khảo cổ trên toàn bán đảo Đông Dương. Trụ sở đầu tiên của Viện Viễn Đông Bác cổ ở Sài Gòn, Nam Kỳ trong ngày đầu thành lập năm 1900, tới năm 1902 Viện dời ra Hà Nội. Do chiến tranh, năm 1957, Viện chuyển tới Campuchia, sau đó về Paris năm 1975. Hiện nay, Viện Viễn Đông Bác cổ thuộc Bộ Giáo dục đại học và Nghiên cứu Pháp, có 17 trung tâm nghiên cứu tại 12 quốc gia châu Á.

Hán Nôm và Trung Quốc, Nhật Bản do các thành viên EFEO sưu tầm được để lại ở Thư viện ở Hà Nội (sau này được bàn giao lại cho Thư viện Khoa học xã hội).

Sau khi Hiệp định Geneva được ký kết, tháng 10/1954, Chính phủ kháng chiến của Việt Nam về tiếp quản Hà Nội, lúc này sách các ngữ nói chung, sách Trung Quốc nói riêng lại tiếp tục được bổ sung, thu thập. Đến năm 1957, Thư viện EFEO chính thức được bàn giao cho phía Việt Nam, do Thư viện Khoa học Trung ương tiếp quản. Từ đó Kho sách Trung Quốc cổ được khép lại (không bổ sung, khai thác).

Theo số liệu thống kê năm 2014, Kho sách Trung Quốc cổ đang được lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội có số lượng là 31.436 cuốn, cơ sở dữ liệu Trung Quốc cổ là 37.782 biểu ghi, số lượng biểu ghi lớn hơn số lượng đầu sách là do có nhiều cuốn sách được đóng chung tập¹.

2.2. Một số bộ loại thư trong Kho sách Trung Quốc cổ

Theo kết quả thống kê được tiến hành trong 2 năm 2018-2019, Kho sách Trung Quốc cổ có các bộ *loại thư* tương đối lớn như sau (xếp theo tiến trình lịch sử):

TT	Tên bộ	Tác giả	Năm hoàn thành	Mã thư viện
1	Bắc đường thư sao (北堂書鈔): 10 cuốn	Ngu Thế Nam (虞世南)	Đường	TQC0013195-TQC0013204
2	Thái bình ngự lãm (太平御覽): 90 cuốn	Lý Phưởng(李昉), Lý Mục(李穆), Từ Huyền (徐鉉)	Tổng 983	TQC0021569-TQC0021646; TQC0029913-TQC0029924
3	Sách phủ nguyên quy (冊府元龜): 105 cuốn	Vương Kham Nhuợc(王欽若); Dương Úc (楊億)	Bắc Tống 1005	TQC0013077-TQC0013181
4	Ngọc hải (玉海): 33 cuốn	Vương Ứng Lân (王應麟)	Nam Tống	TQC0013001-TQC0013033

¹ Tham khảo: ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga (2014): Chuyên đề giới thiệu bộ sưu tập sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội, thuộc Đề tài cấp Bộ “Tư liệu Đông phương học tại Thư viện Khoa học xã hội: giá trị, thực trạng bảo quản, khai thác và phát triển” do PGS.TS. Lê Thị Lan chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học xã hội chủ trì, 2014.

5	Đường loại hàm (唐類函): 30 quyển	Du An Kỳ (俞安期)	Minh	TQC0012900- TQC0012929
6	Sơn đường tứ khảo (山堂肆考): 33 cuốn	Bành Đại Dực (彭大翼)	Minh 1595	TQC0012937- TQC0012948
7	Dụ lâm (喻林): 12 cuốn	Từ Nguyên Thái (徐元太)	Minh	TQC0021296- TQC0021307
8	Tiềm xác cư loại thư (潛確居類書): 26 cuốn	Trần Nhân Tích (陳仁錫)	Minh	TQC0012975- TQC0013000
9	Trùng đính Bản thảo cương mục (重訂本草 綱目): 36 cuốn	Lý Thời Trân (李時珍)	Minh	TQC0005355- TQC0005390
16	Quảng bác vật chí (廣博物志): 12 cuốn	Đổng Tư Trương (董斯張)	Minh	TQC0012963- TQC0012965
10	Tam tài đồ hội (三才圖會): 30 cuốn	Vương Kỳ (王圻); Vương Tư Nghĩa (王思義)	Cuối Minh	TQC0013055- TQC0013061
11	Cách trí kính nguyên (格致鏡原): 8 cuốn	Trần Nguyên Long (陳元龍)	Thanh	TQC0001397- TQC0001404
12	Cổ kim đồ thư tập thành (古今圖書集成): 847 cuốn	Trần Mộng Lôi (陳夢雷)	Thanh	TQC0000233- TQC0001102
13	Sách học bị toán (策學備纂): 17 quyển	Ngô Dĩnh Viêm (吳穎炎)	Thanh	TQC0002427- TQC0002433
14	Cận văn đường Trùng đính Bản thảo cương mục (近文堂重訂本草 綱目): 35 cuốn	Lý Thời Trân (李時珍)	Thanh in ấn	TQC0003277 - TQC0005393
15	Tử sử tinh hoa (子史精華): 32 cuốn	Doãn Lộc (允祿), Ngô Nhuơng (吳襄)	Thanh 1727	TQC0005669- TQC0005701

17	Uyên giám loại hàm (淵鑑類函): 8 cuốn	Trương Anh (張英), Vương Sĩ Trình (王士禛), Vương Diễm (王揆)	Thanh	TQC0005141- TQC0005147
18	Tứ khố toàn thư (四庫全書)	Kỉ Quân (紀昀) chủ biên	Thanh 1783	

3. Bộ sách loại thư *Cổ kim đồ thư tập thành*

3.1. Nguồn gốc

Bộ sách ban đầu có tên là *Cổ kim đồ thư vịnh biên* (古今圖書彙編), do Trần Mộng Lôi¹ biên soạn thời Khang Hy. Bộ sách được biên soạn trong 28 năm, do hoàng tử thứ 3 của Khang Hy là Dận Chi (胤祉) phụng mệnh Chủ trì, cùng Thị độc Trần Mộng Lôi làm Tổng biên, biên soạn thành bộ *loại thư*, rồi được Hoàng đế Khang Hy đặt tên. Sau được Hoàng đế Ung Chính viết bài *Tựa* nên bộ sách được thêm chữ *Khâm định*, tên đầy đủ là *Khâm định cổ kim đồ thư tập thành* (欽定古今圖書集成). Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi vụ án *Văn tự ngục* khi biên soạn bộ *Tứ khố toàn thư* thời Càn Long, phần lớn nội dung của bộ sách bị đưa vào danh sách cấm thư (禁書), nên một phần bị thiêu hủy hoặc sửa chữa khiến sự toàn vẹn của bộ kì thư bị ảnh hưởng.

Cùng với 2 bộ *loại thư* khác có dung lượng lớn nhất trong lịch sử thư tịch Trung Hoa là *Vĩnh Lạc đại điển*² (Minh) và *Thái bình ngự lãm* (Tống), bộ sách *Cổ kim đồ thư tập thành* đã trở thành bộ *loại thư* có quy mô lớn nhất và hoàn chỉnh nhất của Trung Quốc còn được bảo tồn. Điều đặc biệt là bộ sách còn được đánh giá là kiệt tác đồ sộ nhất và đẹp nhất trong công nghệ in ấn con chữ rời bằng đồng trong di sản vật thể Trung Quốc.

¹ Trần Mộng Lôi (陳夢雷: 1650-1741), tên tự là Tắc Chấn (則震), hiệu là Tỉnh Trai (省齋), cuối đời lấy hiệu là Tùng hạc lão nhân (松鶴老人), vốn là người huyện Hầu Quan tỉnh Phúc Kiến (nay là Thành phố Phúc Châu), đỗ tiến sĩ năm Khang Hy thứ 9 (1670), từng làm chức Biên tu trong Viện Hàn lâm triều Thanh.

² *Vĩnh Lạc đại điển* (永樂大典) là bộ *Bách khoa toàn thư* được biên soạn theo mệnh của Minh Thành Tổ, từ năm 1403 đến năm 1408. Bộ sách là một trong những bộ bách khoa toàn thư có dung lượng lớn đầu tiên trên thế giới.

3.2. *Quá trình biên soạn*

Như trên đã nói, Tổng biên tập bộ sách là Trần Mộng Lôi có tư chất miễn tiệp, hoàn thành bản thảo đầu tiên năm Khang Hy 40 (1700), đến năm 1705 thì hoàn thiện bản thảo, ban đầu đặt tên là “*Vụng biên-彙編*”, rồi trình lên Hoàng đế Khang Hy đọc duyệt. Sau khi đọc xong, Khang Hy đổi tên thành *Cổ kim đồ thư tập thành*, nhưng hoàng đế chưa kịp cho khắc in thì đã băng hà.

Ung Chính kế ngôi, để củng cố quyền lực đã xây dựng lại bộ máy liêu thuộc, mà trong số đó có người thù ghét Trần Mộng Lôi, luận tội ông là “không kiêng dè kị húy - 招搖無忌”, nhân đó đã đày họ Trần ra vùng biên giới Hắc Long Giang. Bộ sách được Ung Chính giao cho Thượng thư bộ Hộ là Tưởng Đình Tích¹ biên soạn sửa đổi, sau 3 năm thì thành bản như ngày nay². Đến năm Ung Chính thứ 4 (1708) thì cho đúc khuôn chữ đồng rồi để in ấn, sau 6 năm mới hoàn thành. Bộ sách này vô cùng sang trọng, chữ in rõ nét, giấy chất lượng cao, tinh tế.

Bộ sách được chia thành 6 bộ, mỗi bộ 525 hộp (函), 5.020 sách, hơn 160 triệu chữ, đóng thành 10.000 quyển, riêng bộ *Mục lục* tới 40 quyển. Về nội dung được chia thành 6 phần (biên 編), 32 điển (典), 6.109 bộ (部). Trong mỗi bộ đều có các mục Hội khảo (匯考), Tổng luận (總論), Hình ảnh (圖), Biểu bảng (表), Liệt truyện (列傳), Nghệ văn (藝文), Câu chọn (選句), Sự kiện (紀事), Tạp lục (雜錄), và Ngoại biên (外編) cho những phần không đủ tiêu chí để xếp vào đâu. Chính vì vậy, xét về dung lượng, bộ sách này lớn gấp 32 lần bộ *Thái Bình ngự lãm*³, 16 lần *Sách phủ nguyên quy*⁴.

¹ Tưởng Đình Tích (蔣廷錫: 1669-1732), tự là Dật Quân (酉君), tên khác là Dương Tôn (揚孫), hiệu là Nam Sa (南沙), Tây Cốc (西谷), hay còn gọi là Thanh đồng cư sĩ (青桐居士), người huyện Thường Thục tỉnh Giang Tô, là họa sĩ, nhân vật chính trị thời Thanh.

² Năm Khang Hy 61 (1722), Khang Hy chết, hoàng tử thứ 4 là Dận Trinh tức vị, sắp xếp lại bộ máy quan liêu. Mộng Lôi khi đó đã 72 tuổi, vì liên lụy bị đày đi Hắc Long Giang. Công việc của Mộng Lôi được quan Kinh diên, thượng thư bộ Hộ là Tưởng Đình Tích (蔣廷錫) hiệu đính lại bản thảo, bỏ tên Tổng biên Trần Mộng Lôi, thay thành Tưởng Đình Tích.

³ *Thái bình ngự lãm* (太平御覽) là bộ bách khoa toàn thư khổng lồ do một nhóm học giả biên soạn từ 977-983. Bộ sách được Tống Thái tông chỉ đạo biên soạn. Toàn bộ sách được chia thành 1.000 tập và 55 phần, gồm khoảng 4,7 triệu chữ Hán, do Lý Phưởng (925-996) làm Tổng biên.

⁴ *Sách phủ nguyên quy* (冊府元龜) là một trong 4 bộ sách loại thư lớn nhất thời Tống, ban đầu tên là *Lịch đại quân thần sự tích* (歷代君臣事蹟) do Tống Chân Tông đã hạ lệnh cho Vương Khâm Nhược (王欽若), Dương Ưc Tu (楊億修) biên soạn về sự tích các vị vua quan trong lịch sử Trung Quốc năm 1005.

Với dung lượng đồ sộ về nội dung, bộ sách không chỉ được giới văn nhân chú ý mà còn là nguồn tham khảo quan trọng của cả triều đình và nhân dân. Hoàng đế Càn Long từng ban tặng lời khen tặng cao nhất và coi như một món quà quý khi ban tặng bản sao cho thư viện Thiên nhất các¹ của họ Phạm ở Giang Nam, là một trong 4 thư viện lớn nhất Trung Quốc khi đó.

Đến cuối thời Thanh, bộ “Tập thành” này được xướng in Lưu Li ở Bắc Kinh sưu tập, có lúc được trả giá cả vạn lạng bạc. Và tất nhiên, cho đến nay, giá trị của bộ sách vẫn tồn tại, luôn được các học giả trên toàn thế giới tìm kiếm và tham khảo.

3.3. Phương pháp biên soạn

Như trên đã nói, Cổ kim đồ thư tập thành là loại điển tịch “bao gồm tất thảy tri thức tư tưởng văn hóa”. Trần Mộng Lôi trong bài *Khải dân sách* viết: “*Trong lục hợp, lớn bé đều đưa vào, trong 13 kinh, 21 sử, 1 chữ cũng không bỏ sót. Trong các bộ đã sử, cũng biên thành 1, 2*”². Tuy nhiên, từ thực trạng hiện nay của bộ sách có thể thấy thể thức phân loại của bộ sách như sau:

Phản lịch tượng: Ghi chép thiên văn, lịch pháp, thời tiết, thiên tai, các biến đổi bất thường (dị tượng) của thiên nhiên.

Phương dư: Ghi chép về địa lý gồm các ngọn núi nổi tiếng, các con sông lớn, các nước, các tỉnh, các phủ... cho đến các vùng biên cương và các nước lân cận.

Minh luân: Ghi chép về các đế vương, các quan, gia tộc, thầy trò, tộc họ, phụ nữ nổi danh, cho đến cơ thể con người.

Bác vật: Ghi chép về động thực vật, nghề nông, y thuật, quý thần, Đạo giáo, Phật giáo...

Lý học: Ghi chép kinh điển, văn học, văn tự học và các học giả.

Kinh tế: Được hiểu là *Kinh thế tế dân* (經世濟民), tức là đạo trị nước an bang, gồm các loại mục như lựa chọn nhân tài, chế độ quan chức, chính trị, giáo dục, quản

¹ Thiên nhất các (天一閣) là thư viện tư nhân lâu đời nhất ở Trung Quốc, nằm trên đường Thiên Nhất, phía Tây hồ Nguyệt, thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Thiên Nhất các được xây dựng vào năm Minh Gia Tĩnh thứ 40 (1561) do Hữu thị lang bộ Binh là Phan Khâm chủ trì xây dựng. Thư viện này không chỉ có số lượng sách sưu tầm khổng lồ mà còn trở thành khuôn mẫu cho các thư viện sau này ở Trung Quốc.

² Trần Mộng Lôi: *Tùng hạc sơn phòng tập*, Q.2. *Tiến vụng biên khai* (松鶴山房集.卷二.進彙編啓). Nguyên văn: “凡在六合之內,鉅細畢舉,其在十三經,二十一史者,隻字不遺.其在稗史子集者,亦只刪一二”

trị kinh tế, âm nhạc, quân sự, luật lệnh, hình pháp cho đến các phương pháp sản xuất công nghệ.

Trong mỗi vừng khảo lại được chia thành các thể thức gồm 10 mục nhỏ:

a. **Hội khảo** (匯考): trình bày diễn tiến của các sự vật hiện tượng. Với những sự vật hiện tượng có ghi ngày tháng thì dùng thể chép sử theo cương mục cho đến các sách cổ liên quan, để thuyết minh rõ về đầu cuối và những giới hạn của sự vật hiện tượng đó. Đối với những sự vật hiện tượng không có ngày tháng, khó có thể biên kê thì tham khảo các kinh sử, các Tử về sau trong thư tịch cổ theo thứ tự để dẫn chứng, có thể khảo cứu được nguồn gốc còn mất, những tên gọi, các tính chất hoặc phương pháp tạo dựng.

b. **Tổng luận** (總論): Thu thập các bình luận trong lịch sử đối với sự vật hiện tượng đó. Lấy những luận thuật “thuần chính khả hành” (純正可行) làm chuẩn. Chính vì vậy mục này chủ yếu thu thập ghi chép trong các Kinh Truyện cho đến và các bình luận đích đáng (議論得當) của các nhà (Tử) Các *Hội khảo* đã được sách sử nói tới thì không lấy lại nữa. Ngoài việc ghi chép toàn văn thì cũng lựa chọn cả những trích đoạn sự vật hiện tượng có liên quan, cho đến những thuyết của các nhà (Tử) bàn đến.

c. **Hình minh họa** (圖): sưu tầm những đồ hình có liên quan tới sự vật hiện tượng như cương vực, thế núi, cầm thú, cây cỏ, các đồ vật để có thể thấy một cách trực quan đầy đủ hơn. Các đồ hình được vẽ rất tinh tế, cũng có khi được phóng to ra để có thể thấy rõ ràng.

d. **Bảng biểu** (表): Sưu tầm các biểu bảng liên quan tới sự vật hiện tượng, như quỹ đạo của sao, các cung độ, lịch thế kỷ được kê bảng kỹ càng, đầy đủ. Bảng ngày tháng trong sách sử do trùng với các năm trong phần *Hội khảo* nên không lập lại nữa.

e. **Liệt truyện** (列傳): Nếu trong các bộ có xuất hiện tên người đều được đưa vào phần Liệt truyện chủ yếu được thu thập từ các sách sử, các Chí địa phương (phương chí). Tư liệu về truyện các nhân vật trong chính sử thì rất phong phú.

f. **Nghệ văn** (藝文): Sưu tầm các tác phẩm văn chương có liên quan đến hiện tượng, sự vật, gồm cả các thể thơ, văn, từ, phú. Thậm chí cả những bài tuy nghị luận sai nhưng ngôn từ đẹp (議論雖偏而詞藻可採者) cũng được thu thập. Tuy nhiên từ thời Tùy Đường trở về trước thì đầy đủ, nhưng từ thời Tống về sau thì giản lược bớt. Nếu nhiều thì chọn các tác phẩm tinh túy, còn nếu ít thì sưu tầm cả những tác phẩm còn có lỗi.

g. **Tuyển cú** (選句): Trích chọn những câu đối hay mà liên quan tới sự vật hiện tượng đó. Những câu từ điển lệ kì công hoặc những câu danh ngôn, danh cú trong thơ từ, hoặc những thiên tuy không toàn diện nhưng có một vài từ ngữ vi diệu thì cũng được lựa chọn.

h. **Kỉ sự** (紀事): Để bổ sung cho phần “Hội khảo”, những ghi chép có xuất xứ có thể truyền thì sắp xếp thuận theo thời gian, so với chính sử trước, rồi so với dã sử và sách các nhà (Tứ tập) để đưa vào Phụ lục. Những chuyện có thể tra theo tạp kí của đời sau, không tuân theo niên đại của tác phẩm chính mà thu nhặt theo chủ đề ở phía trước.

i. **Tạp lục** (雜錄) để bổ sung cho phần Tổng luận, Hội khảo, và Nghệ văn. Những tư liệu trong kinh sách không luận thuật mà chỉ vô tình ngẫu nhiên khi trích dẫn, hoặc chưa khảo cứu được (考究未真), những bản luận còn chưa ngã ngũ 議論偏駁 hay chất văn chưa được đẹp (文藻未工) thì được đưa vào phần này.

j. **Ngoại biên** (外編): Những câu từ có tính chất hoang đường khó tin (荒唐難信), ngụ ngôn kí thác (寄寓譬託), ngầm hiểu (臆造之說) trong thư tịch của *Chư tử bách gia* hay Phật giáo, Đạo giáo thì đưa vào mục Ngoại biên để có thể tham khảo.

4. Các phiên bản lưu hành

Bộ *Cổ kim đồ thư tập thành* được lưu trữ trong Kho sách Trung Quốc cổ thuộc Thư viện Khoa học xã hội (Viện Thông tin Khoa học xã hội) hiện nay là bộ được in ấn tái bản lần thứ 3 năm 1890. Bộ sách này được in với kỹ thuật chữ chì nên còn được gọi là *Bản chữ chì* (鉛字本) hay *Bản chữ biển* (扁字本).

Trong lịch sử xuất bản, bộ *Cổ kim đồ thư tập thành* được tái bản nhiều lần, mỗi lần đều có những bổ sung sửa chữa với các bản:

4.1. Bản Điện Anh vũ (武英殿印本)¹ (Bản gốc lần 1)

Bản này vốn do Hoàng đế Khang Hy mệnh cho Trần Mộng Lôi biên soạn, từ năm 1701 đến 1706 thì hoàn thành bản thảo, ban đầu có tên là *Cổ kim đồ thư vừng biên* (古今圖書彙編). Tuy nhiên, bản này chưa kịp đưa đi in ấn thì Khang Hy mất. Ung Chính lên ngôi Hoàng đế, vì Trần Mộng Lôi vương tội liên đới nên Hoàng đế giao cho Tường Đình Tích hiệu chú và biên soạn lại bản này, đến năm 1726 thì hoàn

¹ Điện Vũ anh (武英殿) nằm ở phía Tây trong Tử Cấm thành, đối xứng với điện Văn Hoa (文华殿) ở phía Đông, được xây dựng cùng thời với Tử Cấm thành thời Minh. Năm 2008 được sử dụng làm Bảo tàng Thư họa cổ cung.

thành bản thảo, đổi *Vựng biên* (彙編) thành *Tập thành* (集成), tiến hành in năm 1728, được coi là bản *Tập thành* đầu tiên. Bản Điện Anh vũ này gồm 64 bộ (部) chia vào 576 hộp (函), tổng 5.000 cuốn, riêng phần Mục lục tới 20 cuốn (冊), in bằng kỹ thuật chữ đồng rời. Các đồ họa trong sách cũng được in bằng khuôn đồng khắc chạm. Giấy in dùng 2 loại, một loại là giấy Khai Hóa¹ (開化紙印本), một bản là giấy Thái sử liên (太史連紙印本). Chất lượng các loại giấy này đều rất cao, in ấn vô cùng tinh tế, bìa bọc cũng rất đẹp, vuông vắn.

4.2. Bản Quang Tự 1884 (lần 2)

Để in ấn bản này triều đình nhà Thanh cho lập một xưởng riêng, mất 4 năm mới in xong, hoàn thành năm 1888. Phần đồ hình dùng kỹ thuật thạch ấn, giấy Liên sử². Nửa trang xếp 12 hàng, mỗi hàng 18 chữ, mực in tinh luyện, in hàng dọc, phần sách dẫn phân mục ghi rõ *Vựng biên, điển, quyển, bộ, hạng mục, số trang*. Tổng cộng thành 1.500 bộ, mỗi bộ chia thành 1.620 sách, ngoài ra còn thêm 8 cuốn mục lục của bộ. Tuy nhiên bản này không được hiệu đính cẩn thận, bị sai sót khá nhiều, không hoàn thiện bằng bản Điện Anh vũ (bộ Ung Chính) nhưng lại lưu hành khá rộng rãi.

4.3. Bản đồng văn (同文版) hay Bản Quang Tự (lần 3)

Bản này được in vào năm 1890, với kỹ thuật in đá (石印), do Thượng Hải đồng văn thư cục đảm nhiệm, hoàn thành năm 1894, theo nguyên mẫu của bản Điện Anh vũ, tổng đóng thành 100 bộ. Nhưng bản này tăng thêm 24 quyển *Khảo chứng* (考證) chưa từng có ở 2 bản trước. Phần *Khảo chứng* này nhằm đính chính cho những sai sót và thiếu khuyết của các bộ cũ, nên toàn bộ gồm 5.044 quyển. Bản này được đánh giá là đầy đủ, in ấn tinh tế, mực rõ hơn cả bản Điện Anh vũ. Bản in này được xuất khẩu một phần, phần còn lại giữ tại Thượng Hải nhưng sau đó xảy ra hỏa hoạn nên còn rất hiếm (Có thể là bản của Thư viện Khoa học xã hội hiện đang lưu giữ).

¹ Giấy Khai Hóa (開化紙): sản phẩm của huyện Khai Hóa, tỉnh Chiết Giang, là loại giấy quý thời Thanh, nổi tiếng với độ mịn, trắng, giấy tuy mỏng nhưng dai. Các triều Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính, Càn Long đều dùng giấy này để in sách trong triều đình. Giấy cũng có tên là Giấy hoa đào (桃花紙).

² Còn gọi là giấy Liên tứ (連四紙) có nguồn gốc ở Giang Tây, Phúc Kiến, được ca ngợi là *Giấy thọ ngàn năm* (壽紙千年). Giấy trắng, phẳng, không đổi sắc, chống côn trùng, bắt mực, hút nước dễ khô, chuyên dùng trong thư họa. Nguyên liệu làm giấy là sơ tre, được nấu, tẩy trắng rồi chế thành, có thể in ấn sách, không hại mắt khi nhìn lâu.

4.4. Bản Trung Hoa thư cục (中華書局版) hay Bản Trung Hoa (中華版) (lần 4)

Bản này được *Thượng Hải Trung Hoa thư cục* in ấn qua kỹ thuật phô tô thu nhỏ lại vào năm 1934, dựa vào bản in đồng do Khang Hữu Vi¹ lưu giữ. Đặc điểm của bản này là đưa 9 trang bản gốc thu về thành 1 trang, có đường bo viền xung quanh. Mỗi trang có 27 hàng, mỗi hàng 20 chữ, đầu viền trang đều in lớn các chữ *Tập thành*. Phần nhãn trang in hình đuôi cá, có các chữ nhỏ *Vưng biên, điển, quyển, bộ*. Dưới viền in 2 hàng chữ gồm số sách, số trang và hàng chữ *Trung Hoa thư cục ấn* (中華書局印). Bộ chữ thu gọn này rất rõ nét, dùng giấy *liên sử* của Giang Nam, tổng gồm 808 quyển, phần mục lục từ quyển 1-6, sau đó là phần chính văn từ quyển 7-800. Từ quyển 801-808 là phần *Khảo chứng*. Bản này rất dễ sử dụng, được lưu hành rộng rãi nhất.

4.5. Bản tinh trang (lần 5)

Bản này được Trung Hoa thư cục và nhà xuất bản *Ba Thục thư xã* liên kết xuất bản năm 1988, gốc là bản năm 1934. Đặc trưng của bản này là thống nhất lại cách đề số trang, tăng thêm phần *Sách dẫn* 82 quyển, gồm *Khảo chứng* 82 quyển và *sách dẫn* 1 quyển.

4.6. Bản năm 2006 (lần 6)

Bản này do *Nhà xuất bản Tê Lô* và *Quốc gia đồ thư quán* liên kết xuất bản, với phương thức chụp lại bản in đồng từ thời Ung Chính, bọc sách thủ công thành 50 khối, giá thành gần nửa triệu NDT.

4.7. Các bản số hóa

* Bản điện tử do Khoa Trung văn trường Đại học Đông Ngô (東吳大學中文系) Đài Loan thiết kế năm 1999, dùng tiêu bản là bản Ung Chính chữ đồng (hiện lưu tại Bảo tàng sách Cố cung).

* Bản do Đại học Quảng Tây xuất bản, dựa trên bản *Cổ kim đồ thư tập thành khóa đề tổ* (古今圖書集成課題組) do sở Thư tịch cổ, trường Đại học Quảng Tây thiết kế. Bản này dựa trên bản ảnh chụp của bản *Điện Anh vũ* do *Trung Hoa thư cục*

¹ Khang Hữu Vi (康有為) vốn tên là Tô Di (祖詒), tự là Quảng Hạ (廣廈), hiệu là Trường Tố (長素), Minh Di (明夷), Cánh Sinh (更生), Tây Tiều Sơn Nhân (西樵山人), Du Tồn Tảo (游存叟), Thiên Du Hóa Nhân (天游化人). Ông là nhà văn, nhà tư tưởng tư sản, lãnh tụ phái Duy tân ở Trung Quốc cuối thế kỷ XIX.

chụp năm 1934, sử dụng thêm phần Sách dẫn, thực hiện từ năm 1984 - 1988 để biên tập thành bộ *Cổ kim đồ thư tập thành sách dẫn* (古今圖書集成索引).

* Bản CD Ver.1 năm 1998 với 12 triệu chữ do Hãng đĩa CD Kim Hải Loan liên kết với nhà xuất bản Đại học Sư phạm Quảng Tây xuất bản.

* Bản CD Ver.2 năm 2007 với 38 triệu chữ đã được đưa lên internet năm 2009. Các bản này ngày càng được hoàn thiện. Bản trên internet được dựa trên bản Ver.2, được tăng đính thêm, sử dụng 52 đơn vị sách dẫn của kho số hóa, tổng hợp 1.189.013 đơn vị ghi, 38.359.673 chữ, đây là kho số hóa sách dẫn thư tịch cổ lớn nhất hiện nay.

5. Một số nhận xét

5.1. Bộ loại thư lớn nhất, đầy đủ nhất còn tồn tại

Trong lịch sử thư tịch của Trung Quốc thì 3 bộ *loại thư* được coi là có dung lượng lớn nhất gồm: *Vĩnh Lạc đại điển*, *Cổ kim đồ thư tập thành* và *Tứ khố toàn thư*. Tuy nhiên, bộ *Vĩnh Lạc đại điển* do chiến tranh và biến động lịch sử nên dung lượng còn lại rất ít ỏi, chỉ mang tính biểu tượng về một quá khứ văn hóa huy hoàng của Trung Quốc. Vì vậy, trên thực tế chỉ còn 2 bộ là *Cổ kim đồ thư tập thành* và *Tứ khố toàn thư*¹ là tương đối hoàn chỉnh. Đây là 2 bộ “bách khoa toàn thư” vô cùng giá trị về văn hóa Trung Hoa, được đầu tư biên tập kỹ lưỡng và rành mạch, có ảnh hưởng sâu sắc đến công tác nghiên cứu văn hóa cổ đại Trung Quốc của các nhà khoa học ngày nay. Tuy nhiên, nếu so sánh về các mặt tính chất, nội dung cũng như về chức năng thì cũng có những khác biệt.

Tứ khố toàn thư xét về tính chất mang tính “tùng thư”, trong biên soạn chủ yếu là hợp nhất các trước tác độc lập, in ấn hoặc sao chép mà thành. Chính vì vậy, *Tứ khố toàn thư* không coi trọng những vấn đề khoa học kỹ thuật, các kiến thức về nông học, y học, thiên văn, mà chỉ quan tâm tới các thư tịch Kinh, Sử và học thuyết các nhà (Tư) cùng các tác phẩm của họ (Tập).

Trong khi đó, bộ bách khoa *Cổ kim đồ thư tập thành* lại coi trọng các kiến thức về tự nhiên, nhất là các kinh điển về thiên tượng, lịch pháp, địa lý, động vật, côn trùng, cây cỏ, kinh tế, tiểu thủ công nghiệp với rất nhiều tư liệu quý giá. Đây là những phần ít được *Tứ khố toàn thư* quan tâm.

¹ *Tứ khố toàn thư* được coi là bộ sách bách khoa lớn nhất trong lịch sử phong kiến Trung Quốc, được Hoàng đế Càn Long nhà Thanh mệnh cho 361 học giả, đứng đầu là Ki Quân và Lục Tích Hùng làm tổng biên tập, biên soạn trong khoảng thời gian từ 1773 đến 1782.

Không chỉ vậy, về mặt văn hóa xã hội, *Cổ kim đồ thư tập thành* còn hết sức coi trọng các tư liệu về phương chí, bút kí, dã sử,... không bỏ sót những phiên toái về nguồn tư liệu phức tạp khiến những tư liệu ghi chép về nhân vật, truyện kí trong sử liệu vô cùng phong phú, trở thành nguồn tham khảo đối chiếu quan trọng khi nghiên cứu chính sử... Điều này khiến người nghiên cứu tránh được những thiên kiến của các soạn giả so với *Tứ khố toàn thư*.

Từ góc nhìn khác, *Tứ khố toàn thư* là sách chuyên dụng, chỉ sưu tập các tác phẩm danh tiếng của danh gia, phục vụ nghiên cứu học thuật tư tưởng của học giả. Còn *Cổ kim đồ thư tập thành* có thể được coi là sách công cụ, với dung lượng quảng bác, qua nhiều lần biên soạn phân loại tạo thành 2 tầng văn hiến, phản ánh thực tế văn bản và nâng cao nhận thức, cung cấp tư liệu và cả những đường nét tư liệu tham khảo, vô cùng thuận lợi để nghiên cứu về một vấn đề của sự vật hiện tượng nào đó mà không bị lệ thuộc vào một kinh điển thư tịch nào với nguồn đối chiếu tư liệu phong phú.

5.2. Bộ loại thư duy nhất từng được in và xuất khẩu trong triều Thanh

Cổ kim đồ thư tập thành còn có nguồn tư liệu rành mạch và có nguồn gốc. Nguồn tư liệu vô cùng rộng lớn, diễn tiến hàng nghìn năm, từ thượng cổ tới đầu triều Thanh, không bị giới hạn vào triều đại nào. Bộ sách không chỉ có mối liên kết dọc mà còn có cả những mối liên kết ngang, sự đối chiếu so sánh tính chất đồng đại hay biên niên mà không tùy tiện, do đó bộ sách cung cấp nhiều góc nhìn về lịch sử, để trình hiện các diễn tiến sự kiện theo tuyến tính của lịch sử.

Tóm lại, bộ loại thư *Cổ kim đồ thư tập thành* là bộ tư liệu quý giá, có thể dùng để tra cứu các tư liệu về chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa, luật pháp, quy định,... trong các bộ sử Trung Hoa cổ đại. Ngoài ra bộ sách còn có thể dùng để biên soạn, đối chiếu các sách cổ đã thất lạc, các tư liệu lịch sử có giá trị cao, thậm chí tra cứu những yếu tố về địa lý cũng như những biến cố tự nhiên trong quá khứ một cách rõ ràng và phong phú, có thể “giải mật” nhiều điểm “mờ” trong lịch sử Trung Hoa.

《古今图书集成》——中国的社会科学信息研究所 古籍库的“百科全书”

*Nguyen Van Nguyen*¹

概括：《古今图书集成》是中国文献学史上现存的三大卷本之一。更具体地说，这套书也被认为是中国有形遗产中内容最丰富、美学和技术最精美的铜活字印刷技术杰作，得到了清代宫廷的支持。目前，社科情报所古籍库中仍保存有全套，1890年由上海档案局印制、出版，但尚未推出并服务于读者。文章重点介绍了该丛书的相关重要信息，从丛书的起源、编撰过程、编纂方法到丛书的印刷版本。

关键词：百科全书、類書、古今图书集成。

1. 中国古代书籍中的類書

1.1. 一些概念

1.1.1. 百科书

根据越南百科全书中心的定义，《英文百科全书》为 Encyclopedia，源自古希腊语“ἐγκύκλιος παιδεία”（enkykliospaideia），意为“循环的、循环的”、“教育”。在英语中，encyclopedia 和 encyclopaedia 都一起使用，尽管 encyclopedia 仍然被认为更“学术”并且 encyclopedia 更常见。目前世界上使用的现代意义上的百科全书概念据说出现在 18 世纪。

从特点来看，百科全书与词典不同。词典主要针对单词及其定义，提供有关所定义单词的有限信息、分析或知识，而忽略术语及其关系的含义或重要性及其与相关知识领域的关系。百科全书克服了词典的局限性，其特点是

¹ 中国研究院

提供有关概念（也称为知识单位）内涵和意义的丰富信息。词典是在建立词条表的基础上编撰的，而百科全书则是从词条开始编撰的。

1.1.2. 类书（類書）

在中国古代的目录学中，类书相当于百科全书的意思。有书类的概念，其含义是根据专门知识或专业从书籍和参考书目中收集材料。然而，根据对象的不同，也有一些类型上的差别，例如：称为类字的词，如尔雅；类词这个词的由来，如词源、词海；面向“类语”这个短语的上下文，如古语精粹。就从收集书目而言，相当于丛书的概念。

在中国目录学史上，从内容上看，书信的体式也很特殊。《四库全书总目》图系列小题说：“若四书相比较，则非经、非经、非子、非塔。《四库全书总目》只能归结为“无任何类型”。因此，分类标准可以根据相关文化信息等功能，在这方面，百度将字母分类为：“文字具有文化渊源、基于相似性、可解释、可检验的工具书”，并转发以供参考。

1.2. 一些有价值的中国文学类书

每次重大政治变革之后，总是存在建立百科全书的需要。每一套具有国家作用的类书都可以看作是对前一时期的文化总结和对新王朝政治作用的肯定。中文书目中的一些有价值的类书可以列举如下：

- 曹魏时期（220-265）的《皇览》被认为是书籍类型的始祖。皇朝部分——《三国志·魏志》一书记载：“魏朝时，曹丕命儒士编撰经故事，按类排列，计千余万部。”六朝时期（222-589）还出现了许多书本类书籍，如北齐的《修文殿御览》、《古今同名录》等。《华林遍略》在...在唐代...在唐代，我们可以提到欧阳洵的《艺文类聚》、许敬宗的《文馆词林》、徐坚的《初学记》，是奉皇帝之命编撰的。私人方面，可以提到虞世南的《北堂书钞》、白居易的《白孔六帖》等。

因此，书信最初是国家编撰的书籍。不过，唐代时期也有私人参与编纂，但规模较小。例如，虞世南的《北国之书》只有 160 卷。到了宋代，书信的种类已相当规模化，主要有以下系列：

- 《太平御览》（，汤悦、张洎、徐玄、宋白、徐用宾、陈氏等学者、陈鄂、吴淑、舒雅、吕文仲、阮思道、扈蒙、李昉，受宋太宗之命 977 年至 983

年编撰之序。全书共 1000 卷，分 55 科，科分门类，共 5474 类，字数 470 万余字，是根据 1690 不同类型的文献，从书籍、诗歌、民歌、谚语和铭文到其他文本。

- 《**册府元龟**》原书千卷，由王钦若、杨亿奉宋赞东之命编撰，于公元 1005 年至 1013 年完成。本书分为 31 个科目、1104 个类别，主要以史料记载为主，具有很高的史学价值。

- 《**山堂考索**》又名《**群书考索**》，章如愚编，共 212 卷，分 46 类，专论经书、史书。由数百位学者撰写，并附有编辑的评论。

- 《**玉海**》，宋代王应麟编撰，私人所有。共 200 卷，分天文、地理、官场、经济（经济学）等 21 类。

到了明清时期，书信的种类极其丰富，无论是规模还是质量都非常庞大，有国家的，也有私人的。最伟大的系列可以提到：

- 《**永乐大典**》由明成祖于 1403 年委托大臣解缙编撰，原名《**文献大成**》，一年完成。三年后，该书又被重新编纂，又用了三年（1408 年）完成，改名为《**永乐大典**》。共 22937 卷，11095 册，3.7 亿余字，由 8000 余册洪武时期收集的书籍整理而成，以“用韵以统字，用字以系事”的观点，遵循洪朝语音的主要语音划分基础又根据声音分词，以注释、解释意义。每个字下面，分别列出事件、人物、政权、物名、江山流水、天文地理、诗词、指挥文献等。

可以说，这是一篇极其丰富的中国古代文献，记载了许多已经失传于历史中的旧文献。然而，与原版相比，该系列丛书迄今为止仅剩约 800 册（4%）。

- 《**古今图书集成**》由陈梦雷编撰，完成于康熙四十五年（1706 年）。

- 《**四库全书**》是中国封建书籍史上最大的百科全书，由清朝乾隆皇帝纪、陆克雄领衔并汇集，共 361 名学者编撰而成。1773 年至 1782 年期间，分为 4 个主要部分：经、史、子、集。《**四库全书**》收藏了中国封建王朝藏书手稿 10000 余份（其中因涉嫌反清思想而被烧毁的手稿有 3000 余份），涉及自然科学、社会科学、历史学、哲学和文学艺术等各个领域。该丛书共有 79897 个科目、36381 册、230 万页、8 亿多字。

2. 社会科学信息研究所的中国古籍库

2.1. 关于书仓组建的一些细节

社会科学图书馆（由社会科学信息研究所管理）（原名 EFEO 图书馆）保存着许多有价值的东方研究藏品，如：汉名书籍、图片、地图、记录、馆藏香愿、神迹、古代日本、古代中国古籍藏书以及上述藏品，是在印度支那和日本、中国、马来西亚、印度等地收集、复制、交流过程的结果。

1957 年之前，此时是法国远东古物研究所的图书馆，EFEO 图书馆有少量历史学、考古学、民族学、文学等社会科学文献，这一时期的库存通过采购和交流渠道不断补充和收集，主要是通过保罗·伯希和、爱德华·胡贝尔、亨利·马斯佩罗、莱昂纳德·奥鲁索、P.德米埃维尔等专家的出差和考察。

1949 年和 1950 年，当印度支那殖民政权几乎崩溃时，法国与越南、柬埔寨和老挝政府签署了关于改变 EFEO 组织和职能的四方协议：EFEO 不仅属于法国但同样分属 4 个国家，EFEO 的资产也分在 4 个国家，因此 EFEO 会员收藏的汉喃及中日藏品均留在河内图书馆（后移交给社会科学图书馆）。

《日内瓦协定》签署后，1954 年 10 月，越南抵抗政府占领河内，此时，语言书籍，特别是中文书籍不断补充和收藏。1957 年，EFEO 图书馆正式移交给越方，由中央科学图书馆接管。自此，古籍书店被关闭（不再补充或利用）。

据 2014 年统计，社科图书馆古籍库藏书 31436 册，古籍库记录 37782 条，记录数大于图书数。因为很多书都装订在一起。

2.2. 中国古书店里的一些类书

根据 2018-2019 年 2 年的统计结果，古籍仓库有较大数量的信件如下（按历史进度排列）：

序数	书名	作者	完成朝代	库代码
1	北堂書鈔: 10 卷	虞世南	唐	TQC0013195- TQC0013204
2	太平御覽: 90 卷	李昉、李穆、 徐鉉	宋 983	TQC0021569- TQC0021646; TQC0029913- TQC0029924
3	冊府元龜: 105 卷	王欽若、楊億	北宋 1005	TQC0013077- TQC0013181
4	玉海: 33 卷	王应麟	南宋	TQC0013001- TQC0013033
5	唐類函: 30 卷	俞安期	明	TQC0012900- TQC0012929
6	山堂肆考: 33 卷	彭大翼	明 1595	TQC0012937- TQC0012948
7	喻林: 12 卷	徐元太	明	TQC0021296- TQC0021307
8	潛確居類書: 26 卷	陳仁錫	明	TQC0012975- TQC0013000
9	重訂本草綱目: 36 卷	李時珍	明	TQC0005355- TQC0005390
16	廣博物志: 12 卷	董斯張	明	TQC0012963- TQC0012965
10	三才圖會: 30 卷	王圻、王思義	明末	TQC0013055- TQC0013061
11	格致鏡原: 8 卷	陳元龍	清	TQC0001397- TQC0001404
12	古今圖書集成: 847 卷	陳夢雷	清	TQC0000233- TQC0001102
13	策學備纂: 17 卷	吳頌炎	清	TQC0002427- TQC0002433

14	近文堂重订本草纲目: 35 卷	李時珍	清代开印	TQC0003277 - TQC0005393
15	子史精華: 32 卷	允禄、吴襄	清 1727	TQC0005669- TQC0005701
17	淵鑑類函: 8 卷	張英、王士禛、王揆	清	TQC0005141- TQC0005147
18	四庫全書	主编: 纪昀	清 1783	

3. 《古今圖書集成》

3.1. 来源

原丛书名为《古今圖書彙編》，康熙年间由陈梦雷编撰。该书历时二十八年编撰，由康熙三皇子胤植主持，陈梦来主编，编成丛书，后经皇帝批准。康熙为其命名。后来，雍正皇帝写了序，所以书上加了“欽定”二字，全称“欽定古今圖書集成”。但由于乾隆年间编作《四庫全書》时受凡都狱案影响，该书大部分内容被列入禁书，因此有一部分被烧毁或毁坏。这样的处理导致本书的完整性受到极大影响。

《古今图书集成》与中国书目史上体量最大的两套书《永乐大典》（明）、《太平御览》（宋）一起，成为规模宏大的中国最古老、最完整的遗骸被保存下来的一套书。尤为特别的是，这套书也被认为是中国物质遗产中体量最大、精美的青铜活字印刷技术杰作。

3.2. 编译过程

如上所述，该丛书的主编陳夢雷性格勤奋，他于康熙四十年（1700 年）完成了初稿，并于 1705 年完成了手稿，最初名为《彙編》，呈康熙皇帝批准。康熙读完后，将其更名为《古今圖書集成》，但皇帝在这本书复印前就驾崩了。

雍正继位后，为了巩固权力，重建官僚体系，其中有人憎恨陳夢雷，弹劾他“招摇无忌”，因而将 陳氏流放黑龙江边疆。该书由翁政委托胡志明市长蔣廷錫编辑，历时 3 年，成为今天的版本。雍正四年（1728 年），铸成单独的铜字模印刷，历时 6 年才完成。这套书极为奢华，印刷清晰，纸张优质细腻。

该套书分为 6 套，每套 525 盒，5020 册，1.6 亿余字，装订 10000 册，仅目录就有 40 册。从内容上分，分为 6 编、32 典、6109 部。每套中不符合分类标准的部分，分别有汇考、总论、图、表、列传、艺文、选句、纪事、杂录等部分和外编部分。因此，从容量上来说，这套书比《太平御覽》大 32 倍，比《冊府元龜》大 16 倍。

该书内容丰富，不仅引起了文人墨客的关注，而且成为朝廷和民间的重要参考资料。乾隆皇帝曾向当时中国四大图书馆之一的江南范氏家族的天一阁藏书楼赠送一本，并给予最高评价，认为这是珍贵的礼物。

到了清末，这套《集成》被北京的琉璃印厂收藏，有时能卖到数万两白银。当然，直到今天，这部书的价值仍然存在，一直受到世界各地学者的追捧和参考。

3.3. 编译方法

如上所述，所编的古书金书是“囊括一切文化思想知识”的经典书籍。陈蒙来在《進彙編啓》中写道：“凡在六合之内，巨细毕举，其在十三经，二十一史者，只字不遗。其在稗史子集者，亦只删一二”。但从目前丛书的现状可以看出，丛书的分类如下：

历象：记录天文、历法、天气、自然灾害以及自然界的异常变化（超自然现象）。

地理：地理记录包括名山、大河、国家、省、州、边疆和邻国。

卷宗：记载帝王、达官、家庭、师生、氏族、名女，甚至人体。

博物：动植物笔记、农耕笔记、医药笔记、妖魔笔记、道教笔记、佛教笔记.....

文学：古典记录、文学、文学研究和学者。

经济：理解为经世济民，即治国之道，包括人才选拔、官僚制度、政治、教育、经济管理、音乐、军事、法律、刑事司法等范畴。技术生产方法。

每个词汇调查都分为多种格式，包括 10 个小部分：每个词汇调查都分为多种格式，包括 10 个小部分：

a. **汇考**：呈现现象的进展。对于有日期记载的事物和现象，根据纲要和相关古籍，采用历史书写的形式，清楚地说明该事物或现象的始末和范围。对于没有日期、难以记录的那些事件和现象，可以参考历史典籍和古代书目来考证失传的来历和故事、名称、性质和构造方法。

b. **总论**：总论：收集对该现象的历史评论。以评论“纯正可用”为标准。所以在本节主要收集历史书上提到过的、无法再检索的经书和土海考试议论得当的记载。除了记录全文外还摘录了相关事件和现象，还有屠学者讨论的理论。

c. **图**：收集与地形、山脉、动物、植物、物体等现象相关的图表，以便能够更全面地直观地看到。这些图画非常精致，有时还放大以便看得清楚。

d. **表格**：收集与现象相关的表格，例如恒星轨道、度数和世纪日历，这些表格都经过仔细、完整的列表。史书中的日期表与汇考部分的年份一致，不再重复。

e. **列传**：如果一个人的名字被纳入列传部分，主要来自史书和地方志。关于历史人物故事的文献非常丰富。

f. **艺文**：与现象、事物有关的文学作品的集合，包括诗歌、散文、词句等。连议论虽偏而词藻可采者的文章也都收录了。但隋唐以后是完整的，宋代以后就简化了。如果多了，就选精华的作品；如果少了，就收集还有错误的作品。

g. **选句**：选择与该现象相关的良好的平行句子。精彩优美的词句、语录、诗词名言，或虽不全面但有几句精彩词句的故事也被选入。

h. **纪事**：为补充“汇考”部分，将可流传的记录按时间排列，与以往的正史进行比较，然后与田野史及各科书籍进行比较，带入附录。这些故事可以在后世的期刊中查到，不是按照正篇的时间顺序，而是按照前面的主题收集。

i. **杂录**：补充摘要、讨论和文献部分。经典中未讨论而只是偶然引用的文献，或考究未真、议论偏驳或文藻未工，都包含在本节中。

j. 外编：诸子百家或佛教、道教参考书目中的“荒唐难信”、“寄寓比喻托”、“想象造之说”等自然句子，均收录在外编部分，以供参考。

4. 流通版本

《古今图书集成》藏于中国社会科学院图书馆（社会科学信息研究所）古籍库，目前为 1890 年印刷的第 3 版。这套书采用铅笔书写技术印刷，也称为铅字本或扁字本。

《古今图书集成》丛书在出版史上曾多次重印，每次都有补充和更正，版本如下：

4.1. 武英殿印本（第一次印本）

此版本原为康熙皇帝诏敕陈梦雷编撰，陈梦雷 1701 年至 1706 年间完成文稿，名为《古今图书汇编》。然而在这份文稿复印之前，康熙皇帝就去世了。后翁政即位，因陈梦雷有涉嫌犯罪，所以让蒋廷锡重新校订此稿，1726 年完成，名字改成《集成》，1728 年印成，被认为是《集成》的第一个版本。此本《武英殿》共 64 部，576 函，5000 册，仅目录就有 20 册。全书采用散铜字体印刷，书中的图形是使用雕刻的铜模印制的。印刷纸有两种，一种是开化纸印本，另一种是太史连纸印本。这类纸张的质地非常高级，印刷手法极为精巧，书衣也非常漂亮方正。

4.2. 光绪版 1884 (第二次印本)

为印刷此本，清廷另设作坊，历时 4 年印刷、于 1888 年完成，图文采用石篆工艺和连素纸。半页排十二行，每行十八字，墨色精炼，竖排印刷，书目索引清楚地写着词汇编、部、函、册、类别、页码。共 1,500 套，每套分为 1,620 册，另外还有该套内容的 8 册目录。但此版本编辑不仔细，错误较多，不如《武英殿》版本（翁政系列）完整，但流传甚广。

4.3. 同文版 或 光绪版（第三次印本）

此本于 1890 年印制，采用石印技术，由上海档案部门承办，仿照《武英殿》的原型，于 1894 年完成，共 100 套。但这个版本增加了前两个版本中没有的 24 卷考证。考证部分是为了更正旧卷中的错误和遗漏，因此总数为 5,044 卷。这个版本被认为是完整的，印刷工巧，墨水比《武英殿》更清晰。这本

印刷品部分出口，其余保存在上海，但后来发生火灾，所以仍然非常罕见（也许是社会科学图书馆目前保存的副本）。

4.4. 中华书局版（中华版）（第四次印本）

此本是上海中书局根据康有为保存的铜版画，于 1934 年采用微缩复印技术印制的。该版本的特点是原来的 9 页被压缩为 1 页，四周有边框。每页有 27 行，每行有 20 个单词。在页面边框的顶部上，打印着“集成”大字体字样。页面标签印有鱼尾图像，上面有小字“汇编”、“典”、“册”、“部”。边框下方印有两行文字——书号、页码和一行“中华书局印”。这套简书字迹非常清晰，采用江南的太史连纸，共 808 册，目录为 1-6 册，正文为 7-800 册。第 801 册至第 808 卷是考证部分。这个版本非常容易使用，并且流传最广。

4.5. (第五次印本)

该版本由中华书局和巴蜀书社出版社于 1988 年联合出版，原版于 1934 年。该版本的特点是页码的统一并将指南部分增加到 82 册，其中考证 82 册和一本指导书。

4.6. 2006 年版（第六次印本）

该书由齐鲁出版社与国家图书馆联合出版，采用重新拍摄翁政时期铜版画的方法，将书手工包装成 50 块，耗资近 50 万元。

4.7. 一些电子版

* 电子版由台湾东吴大学中文系于 1999 年采用翁政铜版（现藏于故宫博物院）模板设计。

* 该版本由广西大学出版，基于广西大学古书目系设计的《古今图书集成课题组》版本。本版本根据中国图书馆 1934 年拍摄的《**武英殿**》影印本，附加 1984 年至 1988 年制作的指南，编入《古今图书集成索引》集

* 1998 年第一版光盘共 1200 万字，由金海贷光盘公司与广西师范大学出版社联合出版。

* 2007 年 CD Ver.2 于 2009 年在互联网上发布，共 3800 万字。版本正在不断改进中，网上的版本是在 Ver.2 版本的基础上增加了附件，使用了数字化

工具书库中的 52 个工具书单元，总计 1,189,013 个记录单元、38,359,673 字，这是数字化工具书库中当今最大的古代文物。

5. 一些评论

5.1. 现存最大、最完整的类书

在中国书目史上，容量最大的书籍有《永乐大典》、《古图书今集成》和《四库全书》。但由于战乱和历史变迁，《永乐大典》系列所剩无几，仅仅是中国辉煌文化历史的象征。所以，其实只剩下的《古今图书集成》和《四库全书》2 套，是比较完整的。这是两部极其有价值的、关于中国文化的“百科全书”，编辑仔细、清晰，对当今学者、科学界对中国古代文化的研究产生了深远的影响。但从性质、内容、功能等方面比较，也存在差异。

从性质上看，《四库全书》主要是通过合并独立作品、印制或复印而成。因此，《四库全书》并不重视科学技术问题、农学、医学、天文知识，而只关心经书、历史、学者学说的书目和著作。

同时，编撰的《古图书今集成》十分重视自然知识，尤其是有关天象、历法、地理、动物、昆虫、植物、经济、手工业等方面的典籍，其中有许多珍贵的资料。这些都是《四库全书》很少关注的部分。

不仅如此，在社会文化方面，古金籍收藏也非常重视方向、文字、故事等文献。不忽视来源复杂的困扰让历史文献中的人物和故事的记载极其丰富，成为研究政治史时的重要参考来源。这有助于研究者避免编者相对于文献的偏见完整的《四库全书》。

从另一个角度看，《四库全书》是一本专业书，只收录著名学者的名著，服务于学者的学术和思想研究。《古图书今集成》编撰的书可以说是一本工具书，内容广泛，通过多次编纂和分类，创造了两本文献，反映了文本的真实性，提高了认识，提供了文献和参考资料，极其方便研究。解决某种现象的问题，而不依赖于任何具有丰富参考资料的经典书目。.

5.2. 清代唯一印刷并出口的一套类书

《古图书今集成》也有明确的历史来源。信息来源极为广阔，跨越数千年，从远古一直到清初，不限于任何朝代。丛书既有纵向的联系，也有横向

的联系，共时性或时间性的比较和比较，而不是任意的，因此丛书提供了多种历史视角，通俗易懂，展现了历史事件的线性进展。

总之，《古图书今集成》这套书是一套珍贵的文献资料，可以用来查找中国古代历史上有关政治、经济、历史、文化、法律、法规等方面的文献。此外，该丛书还可以对失传的古籍、高价值的历史文献进行整理和比较，甚至可以查找过去的地理因素、自然事件，过去的历史清晰而丰富，可以“解密”许多中国历史上的“晦涩”点。

NGỌC BÍCH HỌ HÒA : HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG BẢO TỒN, KHAI THÁC, PHÁT HUY SÁCH TRUNG QUỐC CỔ TẠI VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Tô Lan¹

Tóm tắt: *Sách Trung Quốc cổ hiện lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội là khối tư liệu được kế thừa từ sưu tập của Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội những thập niên đầu thế kỷ XX, bao gồm cả sách ngôn ngữ dân tộc khác của Trung Quốc ngoài ngôn ngữ chính của nước này là Hán văn. Với tổng số hơn ba vạn cuốn thuộc hơn bốn ngàn tên sách bao quát nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau của Trung Quốc, từ của chính quyền trung ương cho tới các địa phương, cá nhân, đây là một kho báu đối với lịch sử thư tịch, lịch sử tri thức không chỉ của Trung Quốc mà rộng hơn của nhân loại. Khối sách này mặc dù đã được nhiều thế hệ học giả, chuyên gia bảo quản, phân loại, biên mục ở nhiều cấp độ và hình thức khác nhau với tinh thần trọng thị nhưng về cơ bản chưa có điều kiện chỉ ra những giá trị nổi bật của nó. Trên cơ sở trình bày hiện trạng sách Trung Quốc cổ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội, bài viết đề xuất những phương hướng bảo tồn, khai thác và phát huy kho sách này, khiến những giá trị tiềm ẩn của nó được phô bày như vẻ đẹp của viên ngọc họ Hòa.*

Từ khóa: Sách Trung Quốc cổ, Biên mục, Số hoá, Thư tịch quý hiếm, Viện Thông tin Khoa học xã hội

1. Mở đầu

Sách Trung Quốc cổ (TQC) hiện được lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội (KHXH), do Viện Thông tin KHXH quản lý, thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam về cơ bản được hình thành dựa trên khối tư liệu được Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp (EFEO) tại Hà Nội bàn giao cho chính quyền Việt Nam năm 1957. Trong bài viết này, TQC là thuật ngữ² được dùng để chỉ các thư tịch (sách) thuộc kho sách Trung Quốc (Fond Chinois) được thành lập trong thời kỳ EFEO hoạt động tại Đông

¹ TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

² Thuật ngữ này có dụng ý khu biệt kho tư liệu này với kho sách tiếng Trung Quốc hiện đại được thành lập sau này và liên tục được bổ sung cho tới nay.

Dương. Kho sách TQC được thu thập qua các chuyến đi công tác của các thành viên EFEO tại Trung Quốc là Paul Elliot, Edouard Huber, Henri Maspero, Léonard Arousseau, P. Demiéville. Tại thời điểm năm 1945, kho sách này bao gồm 4.000 tên sách (27.000 cuốn). Năm 1957, khi EFEO bàn giao toàn bộ kho sách này cho Thư viện Khoa học Trung ương thì kho tài liệu được đóng lại, không tiếp tục bổ sung. Hiện nay, sách TQC được lưu trữ tại kho sách của Thư viện KHXH (Viện Thông tin Khoa học xã hội) ở tầng 9, tòa B, số 1, Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội. Về niên đại, TQC chủ yếu là thư tịch được xuất bản cuối thời Thanh (đầu thế kỷ XX) trở về trước. Về ngôn ngữ chủ yếu được viết bằng văn ngôn hoặc bạch thoại thời kỳ đầu, ngoài ra còn bao gồm một số tư liệu song ngữ như Trung Quốc-Mãn Châu, tư liệu ngôn ngữ dân tộc thiểu số Trung Quốc (Mông Cổ, Mãn Châu) và tư liệu tiếng nước ngoài được dịch ra tiếng Trung Quốc giai đoạn đầu thế kỷ XX.

1. Tình trạng kho Trung Quốc cổ trước năm 2019

1.1. Số lượng

Theo số liệu chính thức được công bố qua các công trình nghiên cứu về thư viện của Viện Thông tin KHXH, sách TQC gồm **4.445 tên với 30.852** cuốn bao gồm sách đơn tập và đa tập. Số lượng cụ thể được phân chia theo ký hiệu lưu trữ như sau:

Ký hiệu kho	Tổng số tên sách có trên giá	Tổng số cuốn
P1-1438	1.362	10.134
Khổ vừa 1-3013	2.872	19.937
G 1-189	163	549
Ma 1-43	39	201
Mo 1-6	6	16
Polo 1	1	1
Poly 1-2	2	14
Tổng cộng	4.445	30.852

1.2. Lịch sử lưu trữ

Lịch sử lưu trữ khối tư liệu này có thể được điểm lại qua các mốc chính như sau:

Từ năm 1957-1975: Do ảnh hưởng của chiến tranh, tài liệu được bọc trong túi nilon cho vào thùng kẽm, vận chuyển sơ tán tới nhiều nơi (Bắc Giang, Thái Nguyên, Sơn Tây) để lưu trữ. Trong quá trình này, có nhiều thư tịch đã thất tán qua các giai đoạn và địa điểm khác nhau. Sau chiến tranh, tài liệu được chuyển về trụ sở chính của Thư viện tại 26 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Từ năm 1975-1995: Thư tịch được bảo quản trong tình trạng bất ổn định (di chuyển nhiều nơi), thiếu tiêu chuẩn (không đủ không gian lưu trữ nên chất thành đống) và được rắc bột hóa chất DTT chống côn trùng nhưng lại gây nguy hiểm tới sức khỏe nên không thể phục vụ được độc giả.

Năm 1995-1998: Trong khuôn khổ đề án kiểm kê, thư tịch Trung Quốc đã được vệ sinh, thống kê (tên sách, số lượng cuốn, ký hiệu kho), sắp xếp lên giá.

Năm 2012-2019: Tài liệu được lưu trữ tại kho sách của Thư viện KHXH ở tòa B, số 1 Liễu Giai theo trật tự cũ. Sách TQC được phân loại, làm cơ sở dữ liệu tra cứu, số hóa 03 trang bìa để đối chiếu với tên sách.

1.3. Lịch sử biên mục

Xét về lịch sử kiểm kê và biên mục, trước năm 2019 kho TQC đã từng được thống kê và làm biên mục dưới nhiều hình thức, có thể chia làm hai nhóm như sau: Thời kỳ EFEO và thời kỳ Viện Thông tin KHXH (chỉ chung cho Viện Thông tin KHXH và tiền thân của Viện).

*** Thời kỳ EFEO**

Bộ *Inventaire du Fonds Chinois de la Bibliothèque de l'Ecole Francaise d'Étrême-Orient* hiện có 06 cuốn, phản ánh các sách của kho bằng các phiếu, được xếp theo chữ cái Latin theo phiên âm chữ đầu của tên sách. Cách phiên âm này không phải là hệ thống pinyin tiêu chuẩn hiện nay của Trung Quốc mà là hệ thống được các học giả EFEO tự xây dựng để phục vụ nhu cầu nội bộ. Ước tính, số phiếu này chỉ bao quát được một nửa tổng số sách do dừng lại ở văn Mo.

Bộ *Index du Catalogue du Fonds Chinois de la Bibliothèque de l'Ecole Francaise d'Étrême-Orient*, hiện còn 2 cuốn. Đây là bộ Index của tử mục lục tra cứu theo thứ tự bộ nét chữ Hán. Tuy nhiên, bộ này có khả năng cũng chỉ phản ánh một nửa tổng số sách do dừng lại ở bộ “dương 羊”.

Tuy hai bộ này được thực hiện khá công phu bởi các học giả có kiến thức uyên thâm về Hán học của EFEO tại Hà Nội trước đây nhưng không bao quát được toàn bộ tư liệu thuộc kho TQC, hơn nữa quá trình biên mục có nhiều sai sót (đơn cử nhiều tư liệu xuất hiện trong bộ này mà không có trong bộ kia, ký hiệu sách đưa không chính xác, v.v...). Vì vậy, hai bộ này chỉ có giá trị tham khảo ở mức độ rất hạn chế.

*** Thời kỳ Viện Thông tin KHXH**

Biểu thống kê được ông Nguyễn Như Diệm hoàn thành năm 1997 trong khuôn khổ đề án kiểm kê diễn ra từ năm 1995 đến năm 1998. Biểu này có tổng cộng là **906** biểu, bao gồm các thông tin về tên sách, số lượng cuốn, ký hiệu kho và được đóng thành tập theo thứ tự xếp giá.

Biểu ghi cơ sở dữ liệu (CSDL) thực hiện năm 2013¹ (sau khi Viện Thông tin KHXH chuyển về trụ sở mới ở tòa B, số 1 Liễu Giai). Biểu ghi này nằm trong khuôn khổ Dự án “Nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ xã hội”. Toàn bộ kho dữ liệu đã được làm CSDL thư mục gồm 7 yếu tố và nhập phiếu tiền máy vào phần mềm CDS/ISIS có các trường theo khổ mẫu MARC 21 (bao gồm: Phiên âm Hán Việt; Dịch nhan đề, phụ đề sang tiếng Việt; Định chủ đề, từ khóa; Phân loại tài liệu; kèm theo số hóa 03 trang bìa để phục vụ công tác tra cứu). Dữ liệu được đưa lên mạng LAN, có thể tra cứu tại Phòng Bạn đọc-Nghiên cứu Nghiệp vụ thư viện của Viện Thông tin KHXH.

Ngoài hai dạng biểu ghi trên, kho TQC còn được đọc duyệt chọn lọc phục vụ nhiệm vụ chính trị của quốc gia để xây dựng nên *Danh mục tên tài liệu phiên âm lựa chọn trong kho tư liệu TQC đã khảo cứu lần 1* do nhóm chuyên gia là các cán bộ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam thực hiện vào năm 2015. Danh mục này đã tiến hành khảo cứu 52 tên sách gồm 342 cuốn. Trong đó, có 18 tên sách gồm 24 cuốn đã được số hóa và phục vụ triển lãm.

Tuy nhiên, khi khảo sát CSDL thực hiện năm 2013 tại Thư viện KHXH, chúng tôi nhận thấy một số bất cập như sau:

- Sự thiếu tương thích giữa tổng số biểu ghi với số cuốn sách thực có: Theo thống kê sách có trên giá, tổng số có **30.852** cuốn (với các kích cỡ khác nhau) nhưng số biểu ghi hiện được Phòng Tin học hóa-Cơ sở dữ liệu quản lý là **42.231** biểu. Số biểu chênh lệch với số cuốn sách thực lưu kho là **11.379** biểu. Sự chênh lệch này là có khả năng xảy ra trong quá trình tác nghiệp và phối hợp giữa các khâu². Website của Viện Thông tin KHXH cập nhật số lượng sách TQC là **42.175** có lẽ là do căn cứ trên số lượng biểu ghi này.

- Nhiều biểu ghi xuất hiện lỗi sai hoặc thiếu thông tin, phân bổ ở hầu hết các trường (ở đây chúng tôi chỉ khảo sát ngẫu nhiên các trường không có tính kỹ thuật như đặc điểm vật lý, ký hiệu kho,... để đưa ra minh chứng cho nhận định, không phải là con số thống kê tổng quát vì nếu muốn có con số tổng thể phải nghiên cứu toàn thể kho). Do điều kiện thời gian không cho phép nên chúng tôi không so sánh độ tương thích giữa biểu ghi và 03 trang số hóa.

¹ Dự án năm 2013 được thực hiện bởi nhóm cán bộ gồm khoảng 20 người, trong đó có một số cán bộ biết chữ Hán cổ hoặc tiếng Trung hiện đại. Giai đoạn 2015-2016, Viện Thông tin KHXH đã thực hiện một đề tài cấp Bộ nghiên cứu kho TQC này. Theo đó, Đề tài đã nghiên cứu trên CSDL đã xây dựng, so sánh bộ *Từ khóa toàn thư* bản điện tử với tài liệu có trong kho TQC; đưa ra kiến nghị đề xuất cho bộ CSDL này. Ngoài khảo sát chung, Đề tài còn làm chi tiết nội dung các đầu sách (200 trang), viết chuyên đề sâu về giá trị kho sách về sử học và văn học.

² Ví dụ như có khả năng nhiều biểu ghi trùng, nhập hai lần hoặc có trường hợp một cuốn có nhiều tập.

Sst	Tên trường	Lỗi phổ biến	Ví dụ
1	Tác giả	Thiếu tên tác giả. Lỗi này thường do không trích xuất được từ các yếu tố xuất bản của sách cổ khác với sách hiện đại.	<i>Tống sử lược; Tống danh thần ngôn hành lục...</i>
		Thiếu tên tác giả phiên âm Hán Việt.	Hầu hết
		Bao gồm vào tên tác giả nhiều yếu tố không liên quan	Sách <i>Vận phủ thập di</i> ghi tên tác giả là “张玉书汇例” trong khi đó chỉ có 3 chữ đầu là tên tác giả, hai chữ sau là công việc mà người này đảm nhận với bộ sách
2	Nhan đề	Không nhận được mặt chữ TQ	<i>Thuyết văn giải tự hiệu lục</i> (không đánh máy chữ “giải tự”, thay vào là dấu [??] biểu thị người nhập liệu không gọi ra chữ trong bộ gõ); <i>Hải đông kim thạch uyển</i> (không đánh máy chữ “uyển”). Có những bộ thi quyền trước nhận được mặt chữ, quyền sau đã không nhận được mặt chữ chứng tỏ là nhiều người có trình độ không tương ứng cùng chia nhau làm 1 bộ sách.
		Đánh máy nhầm chữ đồng âm trong tiếng TQ	<i>Khang Hy chính yếu</i> đánh máy nhầm chữ “hy” từ “熙” thành “希”
		Không thống nhất chuẩn chính tả trong phiên âm nhan đề	<i>Lại cổ đường gia án phổ</i> đáng lẽ phải viết là <i>Lại Cổ đường gia án phổ</i> mới đúng. Vì “Lại Cổ” là tên riêng.
3	Dịch nhan đề sang tiếng Việt	Đề nguyên phiên âm Hán Việt không dịch	<i>Nhân Yêm tập cổ án tồn; Viện kiểm lục</i>
		Dịch sai nhan đề	<i>Chiết Giang trung nghĩa lục</i> dịch là <i>Ghi chép về Trung Nghĩa của Chiết Giang</i> . Trung Nghĩa ở đây không phải là tên riêng mà là “những tấm gương/người trung nghĩa”. <i>Bội văn vận phi</i> không phải là “Kho tàng văn vận” mà là “Tư điển văn liệu và điển cổ”.
		Không hiểu rõ các khái niệm liên quan tới việc định danh thư tịch của Trung Quốc	<i>Khai huyện Lý Thượng thư chính thư</i> dịch là Chính thư của Lý Thượng thư ở huyện Khai. Ở đây cần dịch “chính thư” là “Ghi chép về điển chương chế độ”
		Không nhận được mặt chữ Trung Quốc viết theo cách cổ	“开四史传目引得”. Chữ “开” được dịch là <i>Dẫn nhập chuyên mục Nhị tứ sử</i> , trong khi đó chữ này là chữ viết thay cho chữ “nhị thập” tức là “Hai mươi”. (Thêm nữa là tên sách này bị dịch sai do nhìn nhầm chữ “truyện” thành “chuyên”)
4	Phiên âm Hán Việt nhan đề và Pinyin	Thiếu phiên âm Pinyin Trung Quốc	Bộ <i>Nhị thập tứ sử</i> có chỗ kèm Pinyin, có chỗ không. Hầu hết phiên âm không có thanh điệu.
		Đánh máy tên phiên âm không theo tiêu chuẩn Pinyin Trung Quốc	Đặc biệt phổ biến ở những vần đặc biệt mà chữ tiếng Việt không có, phải dùng bộ gõ tiếng Trung như “lu” phải đánh máy là “lù”. Hầu hết phiên âm không kèm thanh điệu.
		Lỗi đánh máy	<i>Hoa Anh Trung Quốc tỉnh thị biểu</i> . Chữ “biểu” là chữ “biểu” mới đúng.

Ngoài những lỗi sai ở các trường trên, còn có những lỗi sai tổng hợp liên trường như: Đặt nhầm thông tin từ trường này sang trường khác (rất phổ biến), thiếu thông tin (đặc biệt là với các bộ có độ trùng lặp cao, người thực hiện đã làm một lần và copy cho những quyển sau nhưng sơ ý không làm thao tác này); Bỏ qua chữ Trung Quốc không phiên âm, không đánh máy (có chỗ còn để lại dấu hỏi chấm (?) để chỉ thị việc bỏ qua, có chỗ không); Nhận lầm mặt chữ Trung Quốc hoặc không nhận được mặt chữ Trung Quốc. Những lỗi sai này có khả năng xảy ra bởi những nguyên nhân sau: 1. Trình độ xử lý văn bản của những người thực hiện không đồng đều. 2. Khả năng nhận biết mặt chữ Trung Quốc, đặc biệt là hệ thống tên sách cổ còn hạn chế. 3. Thiếu tri thức về thư tịch cổ Trung Quốc (như: cách đặt tên, các hình thức và sự tham gia của các tác giả vào công trình). 4. Khả năng dịch tên sách Trung Quốc cổ sang tiếng Việt chưa cao do thiếu tri thức về văn hóa cổ Trung Quốc, v.v...

- Các trường mà biểu ghi bao quát chưa đảm bảo đáp ứng được chức năng phân cấp quản lý điện tử, nghĩa là với mỗi biểu ghi chưa đặt được tư liệu vào các khu vực cấp quyền truy cập khác nhau. Đặc biệt những tư liệu liên quan mật thiết tới an ninh quốc gia như nhóm tư liệu Hoàng Sa-Trường Sa.

- Phương thức biên mục trên MARC 21 mặc dù là phương án tiên tiến nhất hiện nay nhưng lại không đáp ứng được xu hướng phát triển thư viện số hóa. Dublin Core là lựa chọn tối ưu để thỏa mãn nhu cầu này.

1.4. Phương thức quản lý cơ sở dữ liệu

Cơ sở dữ liệu TQC được quản lý ở các dạng chính như sau:

Tủ mục lục tra cứu theo bộ nét chữ Hán do EFEO xây dựng hiện không còn.

Hiện nay, phần lớn các yếu tố của biểu ghi được thực hiện năm 2013 nói trên đã được thể hiện tại CSDL tra cứu của website Viện Thông tin KHXH. Lưu ý là, việc tra cứu theo tên sách và tên tác giả không có hiệu lực. Không thể tra cứu các thông tin về CSDL từ các phương tiện tìm tin phổ biến khác như Google.

Các biểu ghi và bản số hóa sách 03 trang được lưu trữ độc lập ở Phòng Tin học hóa-Cơ sở dữ liệu, chưa có khả năng liên thông, chưa đưa vào phục vụ độc giả.

Các sách chưa được số hóa, ít nhất là theo cấp độ ưu tiên để phục vụ đồng thời hai nhiệm vụ: 1. Bảo tồn tài liệu cổ quý hiếm; 2. Phục vụ độc giả trong và ngoài nước. Đồng thời hướng tới mục đích lâu dài về cung cấp tư liệu số hóa có thu phí phân cấp theo nhiều chế độ khác nhau như các thư viện trên thế giới đã áp dụng.

2. Một số vấn đề về kho sách Trung Quốc cổ từ thực hiện dự án biên mục 2019-2020

2.1. Tổng quan công tác biên mục

Năm 2020, nhóm chuyên gia gồm 23 thành viên do Nguyễn Tô Lan chủ trì được giao thực hiện công tác biên mục một phần kho TQC. Các nhân sự đảm bảo năng lực xử lý kho TQC khi sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc hiện đại và Hán ngữ cổ đại, có chuyên ngành phù hợp với nhóm sách được giao, đồng thời có năng lực và kinh nghiệm về thực hiện các công tác thư viện. Công việc cụ thể là nhập và hiệu đính các trường trong biểu mẫu nhập tin các cuốn sách chữ Hán và sách chữ Phạn (nếu tìm được chuyên gia) và trừ trường số trang, khổ cỡ, khung phân loại DDC 23 với số lượng tổng cộng là **11.199** biểu ghi. Quy trình công việc cơ bản gồm 06 bước sau:

Bước 1: Thống kê từng bộ sách xếp theo giá nhằm kiểm soát số lượng sách thực tế so với con số được giao, phân loại sách để giao cho nhân sự phù hợp về chuyên môn.

Bước 2: Giao sách cho nhân sự, quản lý việc thực hiện biên mục tại kho, quản lý việc hoàn trả sách lên giá, hạn chế sai sót, nhầm lẫn.

Bước 3: Thực hiện công tác biên mục tại chỗ (Viện Thông tin KHXH).

Bước 4: Hiệu đính biểu ghi, gửi lại cho người thực hiện biểu ghi rà soát và sửa chữa. Đối với từng nhân sự, việc hiệu đính có thể tiến hành từ 1-3 lần cho tới khi biểu hoàn thiện theo yêu cầu.

Bước 5: Chuyển biểu đã hiệu đính làm chủ đề, từ khóa.

Bước 6: Hiệu đính biểu hoàn thiện, gửi Viện Thông tin KHXH.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào thực tế kho sách, số lượng sách do nhóm thực hiện công tác biên mục là **11.753** biểu ghi thuộc **7.912** cuốn sách. Có một số sách không biên mục bao gồm các sách chữ Phạn, Mãn, Mông cổ,... mà không có song ngữ chữ Hán tạm thời chưa xử lý do trong nhóm thực hiện công việc không có chuyên gia thuộc các ngôn ngữ này hoặc một số quyển mặc dù có nằm trong số ký hiệu được giao nhưng không tìm thấy sách trên giá.

2.2. Một số vấn đề về kho sách TQC nhìn từ công tác biên mục

Thứ nhất, số sách để biên mục có niên đại xuất bản chủ yếu là quảng thế kỷ XIX đến đầu XX, chủ yếu vào niên đại Quang Tự, tạp chí chủ yếu in vào thời Dân quốc. Địa điểm in ấn chủ yếu in ấn tại Trung Quốc, một số ít có liên quan tới nước ngoài (như các sách ký hiệu TQC0027516, TQC0027554: in ở Kyoto, Nhật Bản;

TQC0027625: tàng bản tại Kyoto, Nhật Bản.) Về phương thức in ấn: Khác với sách hiện đại, đối với sách cổ cần lưu ý tới văn bản gốc mà sách in lại là in mộc bản hay in hoạt tự, thoát nhìn rất khó phân biệt. Phần đa là ván khắc đời nhà Thanh, nhưng cũng có bản in từ phủ bản hay trùng khắc bản thời Tống hoặc Minh. Do đó, khả năng cao là có những bộ sách được liệt vào loại “sách quý hiếm”, tức là sách hiện đã không còn ở những nơi lưu trữ khác trên thế giới, hoặc còn ít, hoặc còn nhưng niên đại hoặc hiện trạng không có giá trị như sách trong kho TQC. Thực tế cho thấy, nghiên cứu cả một kho sách để tìm ra một vài quyển sách quý hiếm đã là một thành tựu to lớn.

Thứ hai, quy cách biên mục hiện áp dụng cho khối sách này là không phù hợp, do đó không khai thác được thông tin của sách, cũng không đưa khối tài liệu này hòa chung được với hệ thống CSDL về sách cổ Trung Quốc trên toàn thế giới. Cụ thể là, có một số bất cập trong việc áp dụng quy chuẩn hiện đại cho sách latin vào sách cổ chữ khối vuông như sau:

- Tên tác phẩm: sẽ có những khác biệt trong tên tác phẩm giữa bìa sách và tên tác phẩm ghi ở nội dung chính. Hiện nay chưa có sự thống nhất;
- Niên đại sách: Dùng niên đại in sách không hợp với quy tắc sách cổ, làm mất đi giá trị gốc của tác phẩm;
- Kích thước sách: Việc đo kích thước sách như hiện nay không theo quy cách của sách cổ, nên khó để đối chiếu phiên bản với các sách khác ở các thư viện trên thế giới;

Biểu ghi trước Biểu ghi tiếp theo					
Tác giả	顾凯				
Nhan đề	江南私家园林 / 顾凯				
Tên NXB	北京：清华大学出版社，2013				
Số bản		Địa điểm	Kí hiệu kho	Ký hiệu phân loại	Trạng thái
		Thư viện KHXH	HV00003403	720.951	Available
1 ấn bản được lưu ý cho Thư viện KHXH.					
Đặc trưng vật lý	X, 324 页 ; 23 cm.				
Chủ đề	Nghệ thuật Nghệ thuật kiến trúc Nghệ thuật trang trí Vườn thượng uyển Vườn cây Trung Quốc				
ISBN	978-730-23-27844				

- Phân chia quyền để chia biểu chưa thống nhất, tạp chí lại phân chia theo đơn vị quyển, không thể tóm tắt nội dung;

- Tóm tắt nội dung, chủ đề và từ khóa: Đối với các bộ từng thư đều cần

tóm tắt nội dung của toàn bộ từng thư trước, sau đó tóm tắt nội dung từng quyển, nhưng khi phân chia chủ đề từ khóa lại chia theo quyển và không dùng tóm tắt nội dung của toàn bộ từng thư.

Biên mục sách theo đúng chuẩn của văn hiến học Trung Quốc cơ bản như sau:

《武英殿聚珍版程式》，清金简撰，乾隆四十一年（1776 年）武英殿聚珍版印本，1 卷，每半页 9 行，行 21 字，白口，单鱼尾，四周双栏。版框 19.1×12.9cm。版心下方镌“彭绍观校”4 字。

卷前有乾隆甲午（1774 年）仲夏《御制题武英殿聚珍版十韵》有序，金简等人奏议 8 件，后有金简撰记。

Như vậy, chuẩn biên mục sẽ gồm: 1) tên sách; 2) thông tin tác giả: tên + thời đại; 3) thông tin xuất bản: năm in + nơi xuất bản; 4) miêu tả sách: số quyển; mỗi nửa trang bao nhiêu hàng, mỗi hàng bao nhiêu chữ; phần lẻ là bạch khẩu hay hắc khẩu, có bao nhiêu ngư vĩ, viền khung là 1 nét (đơn lan) hay 2 nét (song lan) hay một nét to một nét nhỏ (văn vũ song lan); khung sách rộng dài; bản tâm có gì cần ghi chú không; sách có tựa hay bạt không, có phụ lục không v.v...

Thứ ba, quy cách đo khổ sách hiện nay là sử dụng trong nghiệp vụ thư viện (lưu trữ theo khổ giá) mà chưa đo khổ sách theo chuẩn cho thư tịch cổ.

Thứ tư, bộ chủ đề từ khoá hiện áp dụng cho kho sách này là chưa phù hợp (ví dụ một vài nhóm tiêu biểu như: Không có chủ đề y học để xếp các sách về Đông y, bài thuốc chữa bệnh...; không có chủ đề về khoa học hình sự để xếp các sách về pháp y, điều tra vụ án. Khi làm về hai chủ đề này, người làm chủ đề, từ khóa phải thêm vào vì hai loại sách trên xếp vào những chủ đề đang có đều không phù hợp; Một số sách tập hợp tác phẩm của một tác giả nào đó, trong tên sách có từ “văn tập”, nội dung gồm các bài tấu, khảo, biểu... theo hướng dẫn của Viện Thông tin KHXH phải xếp vào chủ đề lịch sử. Như vậy là bất hợp lý với tên sách và cách xếp của Trung Quốc. Cũng bất cập này, với sách lẻ mà có cả thơ, văn xuôi, tấu, sớ, khảo... thì đang phải tạm xếp vào chủ đề Khoa học xã hội, mặc dù tên sách là “văn tập”. Với sách thuộc từng thư, di cảo (nhiều tập) cũng nảy sinh tình trạng dù cùng tên nhưng Q.1 thuộc chủ đề văn học (thơ, văn), Q.2 thuộc chủ đề lịch sử (tấu, sớ, chiếu, biểu, khảo...); Các bài văn bia xếp vào chủ đề lịch sử theo cách xếp trên website của Viện Thông tin KHXH cũng bất cập với cách xếp của Trung Quốc (quy về văn học).

Thứ năm, hình thức quản lý tài liệu và lưu trữ. Tất cả sách trong kho đều đã được đóng lại theo quy cách mới so với nguyên trạng (không rõ tiến hành vào thời kỳ nào), hoặc có nhiều quyển đóng gộp với nhau thành một tập. Điều này gây ra nhiều hạn chế như: Làm mất đi giá trị ban đầu của hiện vật; Đóng sai/xếp sai thứ tự sách, trùng nội dung, thiếu ký hiệu: Ví dụ, ký hiệu TQC0024560 là quyển 211 tới 231, nhưng TQC0024560 lại 12 quyển 129-135; TQC0014505-TQC0014548: sắp xếp nhầm, thứ tự mục lục sách và thứ tự các quyển trong bộ không giống nhau. Cuốn *Dữ khai phủ tập*, ký hiệu TQC0014529 (quyển 1-2) TQC0014540 (quyển 1), bị tách làm

2, với 2 ký hiệu cách xa nhau; TQC0015111 bị thiếu; TQC0015108-TQC0015110 bị xếp nhầm, thứ tự ký hiệu không trùng với thứ tự sách; TQC0015135-TQC0015140 bị thiếu; Ký hiệu TQC0015133-TQC0015135, thứ tự ký hiệu cũ và mới không khớp nhau; TQC0015235: đóng lộn xộn; TQC0015269-TQC0015271: xếp sai thứ tự ký hiệu, thứ tự ký hiệu cũ và mới không khớp nhau; TQC0015202, số quyền viết trên bìa và thực tế được đóng ko khớp nhau; TQC0027818 và TQC0027817 trùng nội dung; TQC0027485 và TQC0027483 trùng nội dung; TQC0027486 nội dung trùng với ký hiệu TQC0027483, nhưng thiếu mất quyền 3, 4; TQC0027486, TQC0027487 và TQC0027484 trùng nội dung v.v...; Làm hư hỏng nội dung sách. Ví dụ ký hiệu TQC0023997, đây là bộ sách sử có phê chú đỏ trên đầu sách, sau khi đóng lại đã cắt mất chữ trên đó v.v...

3. Phương hướng bảo tồn, khai thác và phát huy kho Trung Quốc cổ

3.1. Hoàn thiện và khai thác kho TQC

Thông qua nghiên cứu lịch sử, tình trạng của kho TQC kết hợp với kinh nghiệm biên mục một bộ phận của kho, chúng tôi đề xuất các phương án như sau:

- Đồng bộ hóa và xuất bản biểu ghi và 03 trang số hóa tương ứng trên website của Viện Thông tin KHXH dựa trên các biểu ghi đã được thực hiện trong dự án 2019-2020.

- Số hóa toàn bộ TQC hoặc số hóa từng bước theo mức độ ưu tiên. Tiến tới phục vụ hoàn toàn bản số hóa mà không làm tổn hại tới bảo quản bản gốc.

- Phân cấp quản lý tư liệu, sơ bộ chia thành các cấp sau: 1. Có thể tra cứu được thông tin về CSDL; 2. Có thể tra cứu được thông tin về CSDL và 03 trang bản gốc số hóa; 3. Có khả năng đọc toàn văn bản số hóa nhưng không thể hạ tải; 4. Có khả năng đọc toàn văn bản số hoá và có thể hạ tải (với các mức chi phí như quy định); 5. Chỉ có một/một số vị hữu quan có trách nhiệm được phép truy cập. Phân cấp quản lý này được thực hiện bằng software và thực tiễn hóa bằng hình thức cung cấp account truy cập với các mức quyền truy cập khác nhau tùy theo từng loại hình account. Các CSDL này phải đạt chuẩn Dublin Core-Việt được xây dựng bởi *Nhóm issi-dc 2007* nhằm đảm bảo hai yêu cầu của thư viện điện tử là: (i) Vừa có thể phân cấp quản lý dữ liệu, vừa có thể tăng khả năng tiếp cận người đọc toàn cầu qua công cụ search của Google; (ii) Có khả năng quản lý và cung cấp tư liệu số đính kèm nhằm quảng bá tư liệu và hạn chế tổn thương tài liệu gốc.

- Khắc phục những tồn tại trong quản lý sách tại kho. Cần lưu ý thận trọng với hiện trạng lưu trữ, không nhất nhất tin theo mã barcode mà cần phải kiểm tra chéo:

Rất nhiều cuốn bị xếp sai thứ tự, số ký hiệu cũ xếp đúng, nhưng khi dán Bacorde mới thì bị dán nhầm, khiến số thứ tự cũ và mới ko khớp nhau. Rất nhiều sách bị thiếu ký hiệu, ví dụ: 1-3 thì thiếu 2, số này có thể bị mất, dán nhầm, hoặc xếp sang giá khác. Hiện trạng cho thấy một số được xếp ở giá khác, nên khả năng bị dán nhầm chuyển sang giá khác hơn là mất sách. Tên đầu đề bìa sách và tên thực tế được khắc bên trong có sự sai khác. Số quyền thực tế ghi ở bìa sách và bên trong có sự sai khác, v.v...

- Cần có những điều chỉnh cần thiết về nguyên tắc biên mục để hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế đối với tài liệu sách cổ chữ Hán. Ví dụ: Cần tôn trọng và sử dụng các thuật ngữ chuyên môn tương ứng với sách cổ. Những thuật ngữ này không thể dịch một cách thuần Việt. Ví dụ: tàn quyền, tàn bản là thuật ngữ chỉ việc người ta in/chụp lại sách cũ vốn đã rách nát và thiếu. Nhưng nếu diễn Nôm ra là sách rách nát thì sẽ hiểu là sách ở Viện Thông tin KHXH bị rách nát. Tương tự với sách về ngữ âm, toán học, y học, bi ký, pháp thiếp, thư pháp, v.v... Hoặc cần có phương án xử lý cụ thể với các bộ từng thư, nhất là khi nó được kết cấu theo phương thức riêng có của văn hiến học Trung Quốc. Đơn cử trường hợp sách *Chính Thống Đạo tạng* là từng thư tập hợp 1.120 tác phẩm kinh điển Đạo giáo Trung Quốc. Việc phân chia biểu của từng thư này gặp một số vấn đề khó khăn nhất định như: Thứ nhất, *Chính Thống Đạo tạng* có thời gian lưu truyền lâu dài và trải qua nhiều lần biên tập. Bộ *Đạo tạng* được soạn lần đầu vào niên hiệu Chính Thống đời Minh Anh Tông, tới đời Vạn Lịch, Vua Minh Thần Tông cho soạn bộ *Vạn Lịch Tục Đạo tạng* và sau đó cho gộp thêm vào phần sau của bộ *Đạo tạng* đời Chính Thống, gọi chung là *Chính Thống Đạo tạng*. Ngoài ra, vào năm 1923 đến năm 1926, Thượng Hải Thương Vụ mượn bản in này từ Bạch Vân quán, kết hợp với Hàm Phân lâu để ảnh ấn bộ này, vào năm 1988, Bắc Kinh văn vật xuất bản hội kết hợp cùng Thượng Hải Thư Điểm và Thiên Tân Cổ Tịch Xuất Bản Xã in lại. Bản ở Thư viện KHXH hiện nay là bản do Thượng Hải Thương Vụ ảnh ấn vào giai đoạn 1923-1926. Thứ hai, *Chính Thống Đạo tạng* có nhiều cách phân chia, có thể chia theo kết cấu “Tam Động tứ Phụ thập nhị Loại” (tức 3 bộ *Động*, 4 bộ *Phụ* và 12 *Mục loại*), cụ thể **Tam động** gồm: 1/ Động Chân bộ; 2/ Động Huyền bộ; 3/ Động Thần bộ; **Tứ phụ** gồm: 1/ Thái Huyền bộ; 2/ Thái Bình bộ; 3/ Thái Thanh bộ; 4/ Chính Nhất bộ; **Thập nhị loại** gồm: 1/ Bản văn loại; 2/ Thần phù loại; 3/ Ngọc quyết loại; 4/ Linh đồ loại; 5/ Phả lục loại; 6/ Giới luật loại; 7/ Uy nghi loại; 8/ Phương pháp loại; 9/ Chứng thuật loại; 10/ Ký truyện loại; 11/ Tán tụng loại; 12/ Chương biểu loại. Ngoài cách chia trên,

bộ Đạo tạng này có thể chia theo thứ tự các quyển. *Chính Thống Đạo tạng* thu thập nhiều kinh điển Đạo giáo song tựu chung các quyển được sắp xếp theo đơn vị chữ trong sách “Thiên tự văn”, tổng cộng 512 chữ, từ chữ *Thiên* 天 đến chữ *Anh* 纓, trong đó *Chính Thống Đạo tạng* gồm 480 chữ (từ chữ *Thiên* 天 đến chữ *Anh* 英) còn *Vạn Lịch Tục Đạo tạng* gồm 32 chữ (từ chữ *Đỗ* 杜 đến chữ *Anh* 纓). Do đó, nếu áp dụng phương án biên mục theo quyển hiện có là không phù hợp. Thứ ba, *Chính Thống Đạo tạng* xuất hiện nhiều tình trạng “*Đồng quyển* 同卷”, tức nhiều tác phẩm Kinh sách nhỏ được biên tập vào cùng một đơn vị quyển. Ví dụ trong mã Barcode TQC0004638 (Mã sách cũ là P626/12), tương ứng với mục *Bản văn loại* của *Động Chân bộ* trong *Đạo tạng* xuất hiện trường hợp *Nhị kinh đồng quyển* 二經同卷 chỉ thuộc quyển Trắc ngũ song trên thực tế gồm 2 kinh là *Nguyên Thủy Thiên tôn thuyết sinh thiên đắc đạo chân kinh* và *Thái Thượng cứu thiên diên trường dịch ách tứ thánh diệu kinh*, hai tác phẩm kinh này có nội dung hoàn toàn khác nhau. Để giải quyết những vấn đề trên, nhóm biên mục tạm thời đưa ra phương án biên mục căn cứ trên 3 điểm: 1) Quy định phân chia đối với sách từng thư của Thư viện KHXH; 2) Tham khảo cách phân chia của Trung Quốc (đặc biệt là cuốn *Chính Thống Đạo tạng mục lục*, mã barcode TQC0023491); 3) Dựa vào tình hình thực tiễn, chúng tôi chia sách làm 1.747 đơn vị biểu, việc chia biểu tái hiện lại kết cấu “Tam Động tứ Phụ thập nhị Loại” trong phần Phụ đề tên tài liệu, không tái hiện thứ tự quyển theo “Thiên tự văn” (vì căn cứ theo tên kinh có thể tra thứ tự quyển) và tách riêng các tác phẩm kinh đối với trường hợp “*Đồng quyển*”. Mặc dù sự phân chia có sự chênh lệch so với những danh mục trước đây song vẫn đảm bảo phản ánh 1.120 tác phẩm kinh trong *Chính Thống Đạo tạng*.

- Nghiên cứu sâu nội dung, biên soạn tóm tắt nội dung theo bộ sách (không theo đơn vị cuốn sách), đánh giá giá trị về nội dung, phân cấp tư liệu. Mục tiêu này phục vụ việc phân cấp quản lý tài liệu nội bộ và phân cấp quản lý account truy cập CSDL. Ngoài ra, bản tóm tắt này có thể được sử dụng để biên soạn bộ Thư mục đề yếu (xuất bản online hoặc xuất bản bản giấy) nhằm quảng bá thông tin về TQC của Viện Thông tin KHXH. Nghiên cứu hợp tác xuất bản các bộ thư mục tổng hợp, thư mục chuyên đề, thư mục online hòa mạng với các CSDL lớn trên thế giới.

Để lọc ra được những sách quý hiếm cần có chương trình nghiên cứu tổng thể toàn bộ kho sách với chuyên gia chuyên về văn hiến học và lịch sử thư tịch TQC với thời gian thực hiện đủ dài.

3.2. Hệ thống hóa và chuẩn hóa CSDL trong tham chiếu với kho tài liệu Hán Nôm

Nhóm tài liệu Hán Nôm hiện được lưu trữ tại Thư viện KHXH về cơ bản được hình thành dựa trên hai nguồn: 1. Phần còn lại của khối tư liệu Hán Nôm vốn được EFEO bàn giao cho chính quyền Việt Nam năm 1957, sau đó Viện Thông tin KHXH bàn giao cho Viện Nghiên cứu Hán Nôm (thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam). 2. Sách biếu tặng của GS. Nguyễn Sĩ Lâm vào năm 2006. Xét về loại hình văn bản, nhóm sách này bao gồm các bộ phận chính là: 1. Sách Hán-Nôm; 2. Thần tích, Thần sắc; 3. Hương ước (lẫn lộn Hán, Nôm, Quốc ngữ và Pháp ngữ); 4. Sắc phong.

Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng lưu trữ và quản lý CSDL TQC tại Viện Thông tin KHXH, chúng tôi kiến nghị “kết hợp xử lý kho tư liệu Hán Nôm” dựa trên 3 nội dung sau:

- Trong kho tư liệu Hán Nôm hiện còn lẫn không ít tư liệu Trung Quốc cần phải trả về kho TQC để thống nhất quản lý. Những tư liệu này cần được nghiên cứu để ghép bộ với những tư liệu sẵn có ở kho này (nếu trùng) để tránh trùng lặp.

- Từ góc độ thư viện và văn tự, kho TQC và kho tư liệu Hán Nôm được xử lý theo cùng một nguyên lý.

- Tình trạng biên mục và quản lý CSDL của kho tư liệu Hán Nôm còn tồn tại nhiều vấn đề khiến việc chuẩn hóa kho này đang được đặt ra và cần sớm giải quyết để khai thác có hiệu quả tài nguyên thông tin của Viện, phục vụ bạn đọc có hiệu quả.

Chúng tôi đưa ra một số thông tin về thực trạng kho tư liệu Hán Nôm, qua đó giúp hình dung rõ hơn cơ sở để xây dựng phương hướng xử lý kho TQC, cụ thể là:

Về số lượng, theo giới thiệu về CSDL trên website của Viện Thông tin KHXH http://opac.issi.vass.gov.vn/*vie, Viện hiện lưu trữ **5.319** đơn vị tài liệu các loại. Chi tiết như bảng dưới:

Loại hình	Tổng số đơn vị sách (cuốn sách/tập)
Sách Hán-Nôm	3.534
Thần tích, Thần sắc	160
Hương ước	1.225
Sắc phong	400
Tổng cộng	5.319

Về lịch sử lưu trữ, trước năm 1980, kho tư liệu Hán Nôm được lưu trữ cùng hệ thống với các tư liệu cổ khác của Viện Thông tin KHXH (kho TQC, kho Nhật Bản cổ v.v...). Từ năm 1980, tư liệu Hán Nôm tại Viện Thông tin KHXH là phần còn lại sau đợt chuyển giao tài liệu Hán Nôm cho Viện Nghiên cứu Hán Nôm bao gồm 2.050 cuốn. Năm 2006, kho tư liệu Hán Nôm bổ sung số lượng sách cá nhân của GS. Nguyễn Sĩ Lâm là 1.484 cuốn. Từ năm 2012 đến nay, lưu trữ tại Thư viện KHXH ở tòa B, số 1 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội.

Nhóm tư liệu Hán Nôm tại Viện Thông tin KHXH là tư liệu quý hiếm cần được nghiên cứu và xây dựng phương án bảo tồn, lưu trữ và phát huy cao nhất. Cơ bản có những giá trị chủ yếu như sau:

(1) Giá trị tư liệu: Có giá trị cao về độ phong phú của chủng loại tư liệu khi bao gồm tư liệu ở cả mảng thư tịch, văn bản hành chính (sắc phong) và tư liệu địa phương (thần tích, thần sắc). Đặc biệt ở mảng thư tịch thể hiện giá trị cao về hai lĩnh vực là Phật giáo và y học của Việt Nam. Những mảng thư tịch khác như văn học, triết học, ngôn ngữ học, từ thư học v.v... cũng có những hàm lượng giá trị nhất định;

(2) Giá trị hiện vật: Đây là một bộ sưu tập thư tịch cổ với đa phần các văn bản có niên đại từ 200 năm trở lên. Trong đó có nhiều văn bản có niên đại thế kỷ XVI, XVII;

(3) Giá trị lưu trữ: Đây là bộ sưu tập tư liệu Hán Nôm lớn ở Việt Nam, trong đó chứa đựng những tài liệu: i) Ở nơi lưu trữ khác không có (giá trị độc bản); ii) Bổ sung, đối chiếu so sánh với những tài liệu tương ứng tại các nơi lưu trữ khác (giá trị dị bản của CSDL tư liệu Hán Nôm tại Viện Thông tin KHXH hiện chưa được khai thác đồng bộ và tương xứng với giá trị).

Về biên mục và quản lý CSDL, khác với nhóm TQC hiện còn thông tin về đợt biên mục trong thời kỳ EFEO, do điều kiện về lịch sử chuyển giao tài liệu giữa các thư viện mà nhóm tư liệu Hán Nôm ở Viện Thông tin KHXH hiện vẫn chưa được khai thác một cách đồng bộ. Mỗi bộ phận trong nhóm tư liệu này được xử lý ở các mức độ khác nhau.

Thần tích-thần sắc: Đã được biên soạn thư mục xuất bản năm 1996 (gồm các yếu tố: Tên tiếng Việt + Năm xuất bản + Số trang + Số lượng thần và tên thần + Ký hiệu thư viện). Biểu ghi CSDL được hoàn thiện năm 2008 gồm 13.211 biểu bao quát toàn bộ thần tích, thần sắc. CSDL hiện được tra cứu online tại website của Viện Thông tin KHXH.

[Biểu ghi trước](#) | [Biểu ghi tiếp theo](#)

Nhan đề Tên NXB	Thần tích Thần sắc: huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông 1938 Hà Đông			
Số bản	Địa điểm	Kí hiệu kho	Ký hiệu phân loại	Trạng thái
	Thư viện KHXH	TTTS000001		Available
	Thư viện KHXH	TTTS000002		Available
Đặc trưng vật lý GHI CHÚ Chủ đề	6 tr. Mục lục Chương Mỹ Hà Đông			

Hương ước: Đã được biên soạn thư mục xuất bản năm 1994 (gồm các yếu tố: Phân loại + Tên tiếng Việt + Năm xuất bản + Số trang + Tên chữ Hán + Ký hiệu thư viện). Biểu ghi CSDL được

hoàn thiện năm 2008 gồm 5.637 biểu bao quát toàn bộ hương ước. CSDL hiện được tra cứu online tại website của Viện Thông tin KHXH.

Nhan đề Tên NXB	Hương ước: làng 17 làng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định Bình Định 1942			
Số bản	Địa điểm	Kí hiệu kho	Ký hiệu phân loại	Trạng thái
	Thư viện KHXH	HU00000446		Available
Đặc trưng vật lý GHI CHÚ Chủ đề	2 Địa danh tại thời điểm : Bản đánh máy 17 làng Phù Mỹ Bình Định Hương ước			

Sắc phong: Chưa được xử lý, chưa có danh mục cũng như biên mục. Theo khảo sát sơ bộ vào tháng 9/2017, số lượng các sắc phong chừng 400 bản bao gồm một số ít sắc phong thế kỷ XVII, XVIII,

đa phần là sắc phong đầu thế kỷ XX. Trong đó còn lẫn một số tranh dân gian, bản vẽ v.v...

Sách Hán Nôm: Được chia làm hai bộ phận. Trong đó: 1) Sách từ nguồn biếu tặng của GS. Nguyễn Sĩ Lâm với số lượng 1.484 cuốn, hiện đang được lưu trữ dưới hình thức đóng hộp tại Phòng Bổ sung-Trao đổi (Viện Thông tin KHXH), **chưa có danh mục sách**; 2) Sách từ nguồn thừa tiếp kho EFEO (còn lại sau khi chuyển giao sách Hán Nôm cho Viện Nghiên cứu Hán Nôm) có số lượng 2.050 cuốn. Những sách này đã có số hiệu thư viện do EFEO thực hiện. Theo Trần Xuân Hiến, tới năm 2011 số sách này vẫn chưa được đăng ký, chưa làm biên mục theo hệ thư viện nên chưa thể phục vụ được bạn đọc. Trước đó trong giai đoạn 2007-2009, một bộ phận nhỏ trong sách Hán Nôm đã được nhóm issi_dc thực hiện biên mục theo chuẩn Dublin Core và



Thông tin cập nhật:

- [Danh mục tài liệu mới bổ sung:](#)
- [Tra cứu tài liệu số Hán Nôm](#)

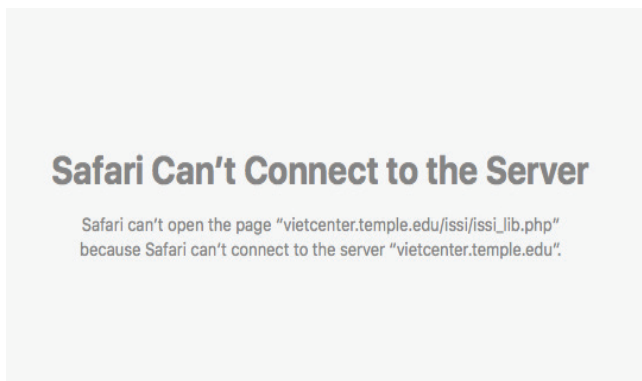
Thư viện Khoa I

- ◆ Thư viện lý là Thư v
- ◆ Vốn tài liệu 900 tên tác giả tiếng thuộc 11.223 cuốn. Hơn 160 t bản văn bản li trong đó c đồ và 122 là bản đồ 58.003 ảnh khảo cổ... đèn chiếu

đưa lên website của Đại học Temple. Theo bài viết của Ngô Thành Nhân, tới năm 2009 đã có các ký hiệu HN 0443; HN 0987; HN. 1011; HN. 1020 thuộc kho sách Hán Nôm đã được đưa lên website của Temple dưới dạng kèm bản toàn văn hoặc một số trang đã số hóa. Trước đây, toàn bộ thông tin về sách Hán - Nôm tại Viện Thông tin KHXH có thể được tra cứu trên website của Đại học Temple nhưng vì nhiều lí do hiện nay không thể truy cập các thông tin này. Có thể thấy, việc truy cập những tài liệu nói trên phụ thuộc vào độ khả dụng của website Đại học Temple mà không phải thuộc về quyền chủ động của Viện Thông tin KHXH.

(Truy cập ngẫu nhiên vào 3:24 pm, ngày 30/10/2017)

Những thời điểm hệ thống này duy tu, sửa chữa, nâng cấp hay bổ sung thì không thể truy cập vào những tài liệu của Viện Thông tin KHXH như sau:



(Truy cập ngẫu nhiên vào 4:21 pm ngày 29/10/2017)

Tuy nhiên, số tài liệu này chưa được nghiên cứu sâu để phân tách quản lý, chưa có tóm tắt nội dung của sách. Số tài liệu Hán-Nôm này hiện mới chỉ được số hóa toàn bộ một phần (chủ yếu là phần chữ Nôm).

Hiện nay, trong bộ phận sách Hán-Nôm này còn lẫn sách Trung Quốc. Vì vậy, bộ phận này cần phải được biên mục (với sách chưa biên mục), sàng lọc (với sách đã biên mục) và nghiên cứu các sách này để trả sách TQC về đúng kho của nó. Sách Hán Nôm cùng với những hình thức tư liệu khác của kho tư liệu Hán Nôm cần được kiểm tra độ chính xác của biên mục (đối với tư liệu Hương ước, Thần tích-thần sắc) và làm biên mục (đối với tư liệu Sắc phong), số hóa toàn bộ để đáp ứng nhu cầu của thư viện điện tử trong tương lai gần.

4. Kết luận

Kho TQC tại Viện Thông tin KHXH là tư liệu quý hiếm có những giá trị chủ yếu sau: 1) Giá trị tư liệu: Nội dung nhóm tư liệu này vô cùng phong phú trải hầu hết các lĩnh vực từ cổ học (kinh điển Nho, Phật Đạo; văn chương; địa lý chí; tạp ký v.v...) tới tân học (kinh tế, khoa kỹ v.v...) của Trung Quốc và các quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ với Trung Quốc trong lịch sử trước thời cận đại; 2) Giá trị hiện vật: Đây là một bộ sưu tập thư tịch cổ lớn, tính về thời gian in ấn hầu hết đã vượt quá 100 năm.

Trong đó có nhiều bản quý hiếm căn cứ trên niên đại văn bản và những vết tích trên văn bản như ấn chương, thủ bút v.v....; 3) Giá trị lưu trữ: Đây là một trong những bộ sưu tập quý hiếm về TQC ở bình diện quốc tế, có khả năng cao bao hàm những tài liệu mà hiện nay là độc bản, nghĩa là không tồn tại ở Trung Quốc hoặc bất kỳ trung tâm lưu trữ nào trên thế giới ngoài Việt Nam.

Kho TQC có thể được ví von bằng điển tích “Ngọc bích họ Hòa (Hòa thị bích 和氏璧) khi viên ngọc quý không tìm vết bị ẩn trong đá mà người đời không nhận ra. Nhưng đến khi vẻ đẹp của nó được khám phá, nó đã trở thành ngọc tể truyền quốc của nhiều triều đại Trung Quốc trong lịch sử. Hy vọng, sau khi đã được biên mục, thông tin về kho sách này sẽ được công khai ở các mức độ khác nhau, được quảng bá, thu hút nhiều chuyên gia về cổ tịch trên thế giới. Chỉ như vậy, kho TQC này mới được trả lại đúng giá trị như nó đáng được công nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bourdeaux, O.T. P. (2014), *Lịch sử một thế kỷ nghiên cứu Viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Việt Nam*, Nxb. Tri Thức và EFEO, Hà Nội.
2. Failler, P. L. (2000). *Nhìn lại một thế kỷ nghiên cứu khoa học Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Hà Nội 1900-2000*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Lê Phương Hoài (2015), “Tư liệu Hương ước, Thần tích thần sắc tại Thư viện Khoa học xã hội và một số đề xuất cho công tác bảo quản khai thác và phát huy giá trị bộ sưu tập”, trong: Hồ Sỹ Quý, Nguyễn Thị Thanh Hải (Chủ biên), *Niên giám Thông tin khoa học xã hội*, số 10, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 448-469.
4. Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm Hoa Kỳ, <http://www.nomfoundation.org/?uiLang=vn>
5. Hsiang, Jieh 項潔 (2017), “Xây dựng hệ thống lưu trữ cho Nhân văn số thức”, Bài giảng tại workshop về Nhân văn số thức tại Hà Nội, tháng 3.
6. Ngô Thế Long, Trần Thái Bình (2009), *Học viện Viễn Đông Bác cổ (Giai đoạn 1989-1957)*, Hà Nội, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Ngô Thanh Nhân (2009), “Vấn đề số hóa kho tư liệu Hán - Nôm theo chuẩn Dublin Core tại Viện Thông tin Khoa học xã hội”, trong: Nguyễn Văn Dân (Chủ biên), *Niên giám Thông tin khoa học xã hội*, số 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội tr. 491-508.

8. Đào Duy Tân (2008), “Các sản phẩm thông tin thư mục của Thư viện Viện Thông tin KHXH”, trong: Nguyễn Văn Dân (Chủ biên), *Niên giám Thông tin khoa học xã hội*, số 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 553-568.
9. Bùi Thị Thái, “Hoàn thiện kho tư liệu Trung Quốc cổ”, bản thảo lưu hành nội bộ.
10. Thư viện Harvard-Yenching (Đại học Harvard), http://guides.library.harvard.edu/Chinese?utm_source=Library+Staff&utm_campaign=9fca5a7bb3-EMAIL_CAMPAIGN_2017_06_28&utm_medium=email&utm_term=0_4bb25c0228-9fca5a7bb3-26352423#s-lg-box-6321879
11. Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Loan (2008), “Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu tại Viện Thông tin KHXH VN trên cơ sở các thành tựu nghiên cứu gần đây của OCLC”, trong: Nguyễn Văn Dân (Chủ biên), *Niên giám Thông tin khoa học xã hội*, số 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 521-552.
12. Viện Thông tin Khoa học xã hội (1991), *Thư mục Hương ước Việt Nam. Thời kỳ cận đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Viện Thông tin Khoa học xã hội (1994), *Thư mục Hương ước Việt Nam. Văn bản Hán Nôm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Viện Thông tin Khoa học xã hội (1996), *Thư mục thần tích thần sắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

BỘ TÙNG THƯ ĐỒ SỘ *BẠI HẢI*/THỜI MINH TẠI KHO TRUNG QUỐC CỔ, VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

*Phan Thanh Hoàng*¹

Tóm tắt: “*Bại Hải*” (稗海) là bộ tùng thư đồ sộ được Thương Tuấn cho san khắc vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 30 đời Minh Thần Tông (năm 1602). Đây là một trong những bộ tùng thư quý giá tại kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin Khoa học xã hội thuộc quản lý, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Bài viết giới thiệu khái quát về 70 tác phẩm tương ứng với 448 quyển thuộc 10 hàm của bộ tùng thư *Bại Hải*, từ đó bước đầu đánh giá về một số giá trị trên phương diện văn bản và nội dung của văn bản này.

Từ khóa: Sách Trung Quốc cổ, *Bại Hải*, Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội

Mở đầu

Viện Thông tin Khoa học xã hội (KHXH) được thành lập theo Quyết định số 93/CP ngày 08/5/1975 của Hội đồng Chính phủ, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng thay mặt Hội đồng Chính phủ ký quyết định. Viện được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai cơ quan thuộc Ủy ban KHXH Việt Nam là Ban Thông tin Khoa học xã hội (thành lập năm 1973) và Thư viện Khoa học xã hội (thành lập năm 1968). Viện Thông tin KHXH là đơn vị quản lý Thư viện KHXH - cơ quan tiếp nhận, bảo quản và phục vụ vốn sách báo, tư liệu khoa học về phương Đông mà Thư viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp - EFEO (có trụ sở tại Hà Nội từ năm 1902) bàn giao lại cho Việt Nam năm 1957. Thư viện KHXH là thư viện hàng đầu về KHXH của đất nước, bao gồm nhiều tài liệu quý, có niên đại đa dạng và bằng nhiều ngôn ngữ, trong đó tiêu biểu là nhóm tư liệu Trung Quốc cổ.

¹ TS., Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Năm 2020, chúng tôi may mắn được tham gia vào công tác chỉnh lý tư liệu tại Kho Trung Quốc cổ tại Thư viện KHXH. Trong quá trình biên tập, chúng tôi rất chú ý tới bộ tùng thư đồ sộ *Bại Hải* của Thương Tuấn đời Minh. Đây là bộ sách quý, ghi lại nhiều tri thức, tác phẩm có giá trị. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết chúng tôi giới thiệu về bộ tùng thư này.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về bộ tùng thư “*Bại Hải*”

Ảnh 1. *Bại Hải* tùng thư



Nguồn: <http://www.guoxuemi.com/gjzx/738064bpic/65713/>

Bại Hải (稗海) là bộ tùng thư do Thương Tuấn (商濬) biên tập tại Bán Dã đường (半犢堂) thuộc huyện Côi Kê (會稽) san khắc. Bộ tùng thư này được san khắc vào năm Vĩnh Linh thứ 30 đời vua (Dương lịch 1602). Tùng thư này sưu tập rất nhiều các ghi chép lịch sử vụn vặt, những tri thức bên lề, bắt đầu từ sách *Bác vật chí* (博物志) của Trương Hoa đời Tấn, cho đến *Sơn phòng tùy bút* (山房隨筆) của Tưởng Chính Tử (蔣正子) đời Nguyên. Đặc biệt, phần lớn là bút

ký của người đời Tống, trong đó ngẫu nhiên có thể thấy một số tác phẩm của đời Tấn, Đường,... Tựu trung, bộ tùng thư này bao gồm 10 hàm, chia ra làm 70 sách, 448 quyển. Cụ thể:

1. *Bác vật chí* (博物志) của Trương Hoa (張華) đời Tây Tấn, thuộc Đệ nhất hàm, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019973 (mã cũ: 1405/1). Nội dung ghi chép lại các điều về sơn xuyên, thổ địa... mà các sách trước đó theo ông còn bỏ sót.

2. *Tây Kinh tạp ký* (西京雜記) của Cát Hồng (葛洪) soạn, thuộc Đệ nhất hàm, gồm 6 quyển. Mã Barcode: TQC0019973 (mã cũ: 1405/1). Nội dung sách có thuyết soạn vào đời Hán hoặc đời Tấn, kể lại nhiều cổ sự đời Hán, như truyện Triệu Đá hiện san hô vào Trường An, Trác Văn Quân làm “Bạch đầu ngâm”...

3. *Thập Di ký* (拾遺記) của Vương Gia (王嘉), thuộc Đệ nhất hàm, gồm 10 quyển. Từ quyển 1 đến quyển 4 thuộc mã Barcode TQC0019973 (mã cũ: 1405/1), từ quyển 5 đến quyển 10 thuộc mã Barcode TQC0019974 (mã cũ: 1405/2). Cuốn này ghi chép dã sử từ thời Thượng cổ tới Đông Tấn, chủ yếu là thần thoại quái dị mà chính sử không ghi.

4. *Sưu thần ký* (搜神記) của Can Bảo (干寶), thuộc Đệ nhất hàm, gồm 8 quyển. Mã Barcode: TQC0019975 (mã cũ: 1405/2). Cuốn này chép 454 mẫu chuyện về thần tiên, quỷ quái trong dân gian và các điềm báo lành dữ trong chính sử của tác giả đời Đông Tấn.

5. *Thuật dị ký* (述異記) của Nhậm Phưởng (任昉) thuộc Đệ nhất hàm, gồm 2 quyển thượng và hạ. Mã Barcode: TQC0019975 (mã cũ: 1405/2). Cuốn này là bút ký, ghi chép những điều thần quái, linh dị, quỷ thần phương kỹ, truyền thuyết, thần thoại viễn cổ, phong tục địa lý... của tác giả đời Lương.

6. *Vân Khê hữu nghị* (雲溪友議) của Phạm Sư (范攄) đời Đường, thuộc Đệ nhất hàm, gồm 12 quyển. Mã Barcode: TQC0019976 (mã cũ: 1405/3). Cuốn này là bút ký của tác giả, ghi chép phần lớn là dã sử, thần thoại từ thời Khai Nguyên (713-741) trở về sau.

7. *Độc dị ký* (獨異志) của Lý Trầm (李冗) soạn, thuộc Đệ nhất hàm, gồm ba quyển thượng - trung - hạ. Quyển thượng và trung thuộc mã Barcode TQC0019976 (mã cũ: 1405/3), quyển hạ thuộc mã Barcode TQC0019977 (mã cũ: 1405/4). Cuốn này là bút ký, phần lớn ghi chép thần thoại hoặc chuyện lặt vặt, như truyện Nữ Oa kết hôn với anh, hay truyện Nhạc Xương Công Chúa gương vỡ lại lành đời Tùy.

8. *Tục bác vật chí* (續博物志) của Lý Thạch (李石), thuộc Đệ nhất hàm, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019977 (mã cũ: 1405/4). Cuốn này là bút ký, thể lệ theo như sách *Bác vật chí* của Trương Hoa đời Tây Tấn, đề cập lần lượt thiên tượng, địa lý, nhân vật, động thực vật, y dược...

9. *Chích ngôn* (摭言) của Vương Bảo Định (王保定), thuộc Đệ nhất hàm, gồm 15 quyển. Mã Barcode: TQC0019977 (mã cũ: 1405/4). Cuốn này là bút ký, thuật lại chế độ công cử và các việc lặt vặt trong xã hội đời Đường.

10. *Tiểu danh lục* (小名錄) do Lục Quy Mông (陸龜蒙) soạn, thuộc Đệ nhất hàm, gồm hai quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0019977 (mã cũ: 1405/4). Cuốn này là bút ký, ghi chép tên húy của cổ nhân, từ đời Tần đến đời Nam Bắc Triều.

11. *Đỗ Dương tạp biên* (杜陽雜編) do Tô Ngạc (蘇鶚) soạn, thuộc Đệ nhị hàm, gồm 3 quyển thượng - trung - hạ. Mã Barcode: TQC0019978 (mã cũ: 1405/5). Cuốn này là bút ký, ghi chép 51 chuyện từ đời Đường Đại Tông đến Đường Ý Tông, phần nhiều kể về các bảo vật hiếm lạ ở hải ngoại hay các nhân vật, sự kiện khác thường.

12. *Đông quan tấu ký* (東觀奏記) do Bùi Đình Dụ (裴庭裕) soạn, thuộc Đệ nhị hàm, gồm 4 quyển. Mã Barcode: TQC0019978 (mã cũ: 1405/5). Cuốn này là bút ký lịch sử gồm 89 điều, ghi chép chính sự đời Đường Tuyên Tông mà chính tác giả chứng kiến.

13. *Đại Đường thế thuyết tân ngữ* (大唐世說新語) do Lưu Túc (劉肅) soạn, thuộc Đệ nhị hàm, gồm 13 quyển. Từ quyển 1-4 thuộc mã Barcode TQC0019978 (mã cũ: 1405/5), từ quyển 5-13 thuộc mã Barcode TQC0019979 (mã cũ: 1405/6). Cuốn này là bút ký đời Đường, phỏng theo thể lệ của “Thế thuyết tân ngữ” đời Nam Bắc Triều, ghi chép lời nói, hành động các nhân vật từ đầu đời Đường tới niên hiệu Đại Lịch (766-779), phân thành 30 loại như thanh liêm, trung liệt, tiết nghĩa, hiếu hạnh,... Nội dung phần nhiều liên quan đến chính trị và đạo đức, lấy việc xưa mà răn nay. Trong sách cũng thu thập nhiều thơ ca đương thời.

14. *Nhân thoại lục* (因話錄) do Triệu Lân (趙璘) soạn, thuộc Đệ nhị hàm, gồm 6 quyển. Mã Barcode: TQC0019980 (mã cũ: 1405/7). Cuốn này là bút ký đời Đường, ghi lại những chuyện của đế vương, quan lại, bình dân, các điển cố và các chuyện vật khác.

15. *Ngọc tuyến tử* (玉泉子), mất tên tác giả, thuộc Đệ nhị hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019980 (mã cũ: 1405/7). Cuốn này là bút ký, ghi chép tình hình chính trị và nhân vật cuối đời Đường.

16. *Bắc mộng tảo ngôn* (北夢瑣言) do Tôn Quang Hiến (孫光憲) đời Ngũ Đại soạn, thuộc Đệ nhị hàm, gồm 20 quyển. Mã Barcode: TQC0019981 (mã cũ: 1405/8). Cuốn này ghi chép các sự kiện lịch sử từ đời Đường Vũ Tông tới đời Ngũ Đại, bao gồm nhiều lời nói, hành động của văn nhân, sĩ phu và sự kiện chính trị.

17. *Lạc Thiện lục* (樂善錄) do Lý Xương Linh (李昌齡) đời Tống soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 2 quyển. Mã Barcode: TQC0019982 (mã cũ: 1405/9). Cuốn này đời Nam Tống, thu thập các truyện khuyến thiện trong sách đời trước.

18. *Lãi Hải tập* (蠡海集) do Vương Quý (王逵) đời Đường soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019982 (mã cũ: 1405/9). Cuốn này đời Đường, vận dụng lý luận âm dương ngũ hành để phân tích, luận thuyết, miêu tả các hiện tượng tự nhiên, gồm 8 loại: thiên văn, địa lý, tượng số, lịch pháp, nhân thân, y học, động vật, thực vật, nông nghiệp, khí tượng, quỷ thần.

19. *Quá đình lục* (過庭錄) do Phạm Công Xúng (範公僞) đời Nam Tống soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019983 (mã cũ: 1405/10). Cuốn này đời Nam Tống, thuật lại sự tích, việc làm, gia huấn của kị của tác giả là Phạm Trọng Yên, phản ánh chính trị, biến pháp, quan chế... đời Tống, đồng thời bảo lưu nhiều thơ ca của danh gia đương thời.

20. *Bạc Trạch biên* (泊宅編) do Phương Câu (方勺) đời Bắc Tống soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 3 quyển thượng - trung - hạ. Mã Barcode: TQC0019983 (mã cũ: 1405/10). Cuốn này đời Tống, ghi chép chuyện từ đời Nguyên Hựu đến Chính Hòa (1086-1118), thể hiện sự bất mãn với chính sách của Vương An Thạch và Trương Thương Anh.

21. *Nhàn song quát dị ký* (閑窓括異志) do Lỗ Ứng Long (魯應龍) đời Tống soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019983 (mã cũ: 1405/10). Cuốn này đời Tống, kể các chuyện thần quái đời Đường và Ngũ Đại để nói về nhân quả.

22. *Sưu thái dị văn lục* (搜采異聞錄) do Vĩnh Hanh (永亨) đời Tống soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 5 quyển. Mã Barcode: TQC0019983 (mã cũ: 1405/10). Cuốn này là bút ký đời Tống, ghi chép những điều quái dị đời trước.

23. *Đông Hiên bút lục* (東軒筆錄) do Ngụy Thái (魏泰) đời Bắc Tống soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 15 quyển. Mã Barcode: TQC0019984 (mã cũ: 1405/11). Cuốn này đời Tống, ghi chép những việc trong hai triều vua Tống Nhân Tông và Tống Thần Tông, như biến pháp Vương An Thạch, thư từ giữa Vương An Thạch với Lã Huệ Khanh...

24. *Thanh Tương tạp ký* (青箱雜記) do Ngô Xử Hậu (吳處厚) đời Bắc Tống soạn, thuộc Đệ tam hàm, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019985 (mã cũ: 1405/12). Cuốn này đời Tống, phần lớn ghi chép những sự kiện, thơ ca đời Tống và Ngũ Đại, dẫn thơ từ của Ngụy Dã, Lý Thục, Vương Vũ Xúng, Vương An Quốc...

25. *Mông trai bút lục* (蒙齋筆談) do Trịnh Cảnh Vọng (鄭景望) đời Tống soạn, thuộc *Đệ tam hàm*, gồm hai quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0019985 (mã cũ: 1405/12). Cuốn này đạo nội dung của sách *Nham hạ phóng ngôn* của Diệp Mộng Đắc đời Tống, ghi lại các thuyết về kinh sử, di văn dật sự, phong tục tập quán.

26. *Họa mạn lục* (畫漫錄) do Trương Thuần Dân (張舜民) đời Tống soạn, thuộc *Đệ tam hàm*, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019985 (mã cũ: 1405/12). Cuốn này là bút ký ghi những chuyện vặt đời Tống.

27. *Du hoạn kỷ văn* (游宦紀聞) do Trương Thế Nam (張世南) soạn, thuộc *Đệ tứ hàm*, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019986 (mã cũ: 1405/13). Cuốn này gồm 17 mục, đề cập đến thiên văn, toán học, vật lý, hóa học, sinh vật..., tổng kết thành tựu khoa học của Trung Quốc từ thời cổ đại và đặc biệt vào đời Bắc Tống, bộc lộ tình hình chính trị, pháp luật, quân sự tệ hại lúc đó.

28. *Mộng Khê bút đàm* (夢溪筆談) do Thẩm Quát (沈括) đời Bắc Tống soạn, thuộc *Đệ tứ hàm*, gồm 26 quyển. Từ quyển 1-7 thuộc mã Barcode TQC0019986 (mã cũ: 1405/13), từ quyển 8-26 mang mã Barcode TQC0019987 (mã cũ: 1405/14). Cuốn này gồm 17 mục, đề cập đến thiên văn, toán học, vật lý, hóa học, sinh vật..., tổng kết thành tựu khoa học của Trung Quốc từ thời cổ đại và đặc biệt vào đời Bắc Tống, bộc lộ tình hình chính trị, pháp luật, quân sự tệ hại lúc đó.

29. *Bổ bút đàm* (補筆談) do Thẩm Quát (沈括) đời Bắc Tống soạn, thuộc *Đệ tứ hàm*, gồm 1 quyển. Sách thuộc mã Barcode TQC0019987 (mã cũ: 1405/14). Cuốn này là phần bổ sung cho “*Mộng Khê bút đàm*”, ghi rõ bổ sung điều nào ở quyển nào.

30. *Học trai chiêm tất toán* (學齋佔畢纂) do Trần Quát (沈括) đời Tống biên tập, thuộc *Đệ tứ hàm*, gồm 1 quyển. Sách thuộc mã Barcode TQC0019988 (mã cũ: 1405/15). Cuốn này tác giả rút gọn lại sách *Học trai chiêm tất*, là bút ký học thuật của Sĩ Thăng Tổ đời Tống.

31. *Trữ Hoa cốc khư nghi thuyết toán* (儲華谷祛疑說纂) do Trữ Vĩnh (儲泳) đời Nam Tống soạn, thuộc *Đệ tứ hàm*, gồm 1 quyển. Sách thuộc mã Barcode TQC0019988 (mã cũ: 1405/15). Cuốn này là phần rút gọn lại của sách *Khư nghi thuyết* của tác giả đời Tống, biện luận về thuật số.

32. *Mặc Trang mạn lục* (墨莊漫錄) do Trương Bang Cơ (張邦基) đời Tống soạn, thuộc *Đệ tứ hàm*, gồm 10 quyển. Từ quyển 1-3 thuộc mã Barcode TQC0019988

(mã cũ: 1405/15), từ quyển 4-10 thuộc mã Barcode TQC0019989 (mã cũ: 1405/16). Cuốn này đời Tống, ghi chép các sự việc lật vật quái dị như truyện về Vương An Thạch, Hàn Dũ, Tô Thức,...

33. *Thị nhi tiểu danh lục* (侍兒小名錄) do Trương Bang Cơ (張邦基) đời Tống soạn, thuộc Đề tứ hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019989 (mã cũ: 1405/16). Cuốn này ghi chép những truyện thê thiếp từ xưa.

34. *Bổ thị nhi tiểu danh lục* (補侍兒小名錄) do Vương Diệt (王銍) đời Tống soạn, thuộc Đề tứ hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019989 (mã cũ: 1405/16). Cuốn này ghi chép 33 truyện về thê thiếp, bổ sung cho sách *Thị nhi tiểu danh lục*.

35. *Tục bổ thị nhi tiểu danh lục* (續補侍兒小名錄) do Ôn Dự (溫豫) đời Tống soạn, thuộc Đề tứ hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019989 (mã cũ: 1405/16). Cuốn này ghi chép 29 truyện về thê thiếp, bổ sung tiếp cho sách *Bổ thị nhi tiểu danh lục*.

36. *Lạn Chân tử* (嬾真子) do Mã Vĩnh Khanh (馬永卿) đời Tống soạn, thuộc Đề ngũ hàm, gồm 5 quyển. Mã Barcode: TQC0019990 (mã cũ: 1405/17). Cuốn này là sách tạp ký đời Tống, ghi chép những truyện vật như về Tư Mã Ôn công, Thiệu tiên sinh, Liễu Thị ti...

37. *Quy điền lục* (歸田錄) do Âu Dương Tu (歐陽修) đời Tống soạn, thuộc Đề ngũ hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019990 (mã cũ: 1405/17). Cuốn này là truyện ký đời Tống, ghi chép những việc ngoài chính sử.

38. *Đông Pha tiên sinh chí lâm* (東坡先生志林) do Tô Thức (蘇軾) đời Tống soạn, thuộc Đề ngũ hàm, gồm 12 quyển. Mã Barcode: TQC0019991 (mã cũ: 1405/18). Cuốn này là bút ký của tác giả đời Tống, chia làm các loại: du ký, hoài cổ, tu dưỡng, tật bệnh, quan chức, trí sĩ, ẩn dật, Phật giáo, Đạo Thích, dị sự, kỹ thuật, tứ dân, nữ thiếp, phú đạo, di dịch, bóc cừ, đình đường, nhân vật, luận cổ... trong thời gian 20 năm tác giả ở Hàng Châu, Hồ Châu, Hoàng Châu, Hải Nam,...

39. *Long Xuyên biệt chí* (龍川別志) do Tô Triệt (蘇轍) đời Tống soạn, thuộc Đề ngũ hàm, gồm 2 quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0019991 (mã cũ: 1405/18). Cuốn này là bút ký đời Tống, chủ yếu ghi chép về những người hiền xưa nay mà tác giả nghe được, phản ánh chủ trương chính trị, kinh tế, tôn giáo của tác giả.

40. *Thắng thủy yến đàm lục* (澗水燕談錄) do Vương Tịch Chi (王闢之) đời Tống soạn, thuộc *Đệ ngũ hàm*, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019992 (mã cũ: 1405/19). Cuốn này là bút ký đời Tống, chủ yếu ghi chép về những người hiền xưa nay mà tác giả nghe được, phản ánh chủ trương chính trị, kinh tế, tôn giáo của tác giả.

41. *Lãnh trai dạ thoại* (冷齋夜話) do Tăng nhân Thích Huệ Hồng (釋惠洪) đời Bắc Tống soạn, thuộc *Đệ ngũ hàm*, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019993 (mã cũ: 1405/20). Cuốn này là bút ký về thơ văn của tác giả đời Tống, bình luận thơ các tác giả đời Tống như Tô Thức, Hoàng Đình Kiên.

41. *Lão học am bút ký* (老學庵筆記) do Lục Du (陸游) đời Bắc Tống soạn, thuộc *Đệ ngũ hàm*, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019993 (mã cũ: 1405/20). Cuốn này là bút ký đời Tống, ghi chép những điều tác giả đích thân trải qua, hoặc nghe, hoặc thấy, hoặc tâm đắc khi đọc sách.

42. *Vân lộc mạn sao* (雲麓漫抄) do Triệu Ngạn Vệ (趙彥衛) đời Tống soạn, thuộc *Đệ lục hàm*, gồm 4 quyển. Mã Barcode: TQC0019994 (mã cũ: 1405/21). Cuốn này là bút ký đời Tống, phần lớn ghi chép những việc chính trị, giới trí thức đời Tống, khảo chứng biện thuyết chế độ nghi lễ, thiên văn lịch toán, cổ sự xưa nay.

43. *Thạch lâm yến ngữ* (石林燕語) do Diệp Mộng Đắc (葉夢得) đời Bắc Tống soạn, thuộc *Đệ lục hàm*, gồm 10 quyển. Từ quyển 1-2 thuộc mã Barcode TQC0019994 (mã cũ: 1405/21), từ quyển 3-10 thuộc mã Barcode TQC0019995 (mã cũ: 1405/22). Cuốn này là bút ký đời Tống, ghi chép điển chương chế độ và các chuyện thời sự khác bỏ khuyết cho chính sử. Nội dung cũng bao quát thơ văn, từ chương, tấu nghị, khảo thích,...

44. *Tỵ thử lục thoại* (避暑錄話) do Diệp Mộng Đắc (葉夢得) đời Bắc Tống soạn, thuộc *Đệ lục hàm*, gồm 2 quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0019996 (mã cũ: 1405/23). Cuốn này ghi chép những việc vật đời Tống, khảo chứng kinh sử, địa lý, thơ văn, điển chương chế độ...

45. *Thanh Ba tạp chí* (清波雜誌) do Chu Huy (周輝) đời Tống soạn, thuộc *Đệ lục hàm*, gồm 3 quyển thượng - trung - hạ. Mã Barcode: TQC0019997 (mã cũ: 1405/24). Cuốn này là bút ký đời Tống, ghi chép những chuyện về danh nhân đương thời, bảo lưu các bài thơ, văn, từ và một số điều về điển chương chế độ, phong tục, sản vật...

46. *Mặc khách huy tê* (墨客揮犀) do Bành Thừa (彭乘) đời Bắc Tống soạn, thuộc *Đệ lục hàm*, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019998 (mã cũ: 1405/25). Cuốn này là bút ký đời Tống, dẫn lại nhiều sách vở đời trước mà nay đã mất.

47. *Dị văn tổng lục* (異聞總錄) do tác giả đời Tống khuyết danh soạn, thuộc *Đệ lục hàm*, gồm 4 quyển. Mã Barcode: TQC0019998 (mã cũ: 1405/25). Cuốn này là bút ký đời Tống, ghi lại những điều quái dị, không rõ tác giả.

48. *Toại xương tạp lục* (遂昌雜錄) do Trịnh Nguyên Hựu (鄭元祐) đời Nguyên soạn, thuộc *Đệ lục hàm*, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0019998 (mã cũ: 1405/25). Cuốn này là bút ký đời Nguyên, ghi lại các chuyện cuối đời Tống và hành trạng các trí thức đời Nguyên.

49. *Tuyên Thất chí* (宣室志) do Trương Độc (張讀) đời Đường soạn, thuộc *Đệ thất hàm*, gồm 10 quyển. Mã Barcode: TQC0019999 (mã cũ: 1405/26). Cuốn này là tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường, chép những chuyện phần lớn liên quan đến tăng nhân, chùa miếu, dạ xoa, kinh Phật... nhằm tuyên dương Phật giáo.

50. *Long thành lục* (龍城錄) do Liễu Tông Nguyên (柳宗元) đời Đường soạn, thuộc *Đệ thất hàm*, gồm 2 quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0019999 (mã cũ: 1405/26). Cuốn này là tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường, chủ yếu ký thuật 40 việc kỳ lạ của đế vương, quan lại, văn nhân sĩ tử, dân thường.

51. *Hạc lâm ngọc lộ* (鶴林玉露) do La Đại Kinh (羅大經) đời Nam Tống soạn, thuộc *Đệ thất hàm*, gồm 16 quyển. Từ quyển 1-8 thuộc mã Barcode TQC0020000 (mã cũ: 1405/27), từ quyển 9-16 thuộc mã Barcode TQC0020001 (mã cũ: 1405/28). Cuốn này là tiểu thuyết đời Tống, bình luận thơ văn, ghi chép những chuyện về văn nhân đương thời.

52. *Tây Dương tạp trở* (酉陽雜俎) do Đoàn Thành Thức (段成式) đời Đường soạn, thuộc *Đệ thất hàm*, gồm 20 quyển. Mã Barcode: TQC0020002 (mã cũ: 1405/29). Cuốn này là tiểu thuyết đời Đường, giới thiệu về tình hình đời sống, tư tưởng từ đời Hán Đường đến nay.

53. *Nho lâm công nghị* (儒林公議) do Điền Huống (田況) đời Tống soạn, thuộc *Đệ bát hàm*, gồm 2 quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0020003 (mã cũ: 1405/30). Cuốn này là bút ký đời Tống, ghi chép về chính sự và hành trạng các quan lại từ đời Tống Thái Tổ tới Tống Nhân Tông, như Từ Huyền, Dương Úc, Phạm Trọng Yêm,...

54. *Hầu thanh lục* (侯鯖錄) do Triệu Đức Lân (趙德麟) soạn, thuộc Đệ bát hàm, gồm 8 quyển. Mã Barcode: TQC0020003 (mã cũ: 1405/30). Cuốn này là bút ký đời Tống, ghi chép về danh vật, tập tục, phương ngôn, sự kiện lịch sử,... đương thời.

55. *Khuê xa chí* (睽車志) do Quách Thoán (郭象) đời Tống soạn, thuộc Đệ bát hàm, gồm 6 quyển. Mã Barcode: TQC0020004 (mã cũ: 1405/31). Sách đời Tống, ghi chép những truyện quỷ quái thần dị đời Tống Cao Tông và Tống Hiếu Tông.

56. *Giang Lân kỷ tạp chí* (江隣幾雜誌) do Giang Hưu Phục (江休復) đời Tống soạn, thuộc Đệ bát hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0020004 (mã cũ: 1405/31). Sách đời Tống, ghi chép về diễn chương chế độ, thi thoại văn nghệ,... được chính tác giả chứng kiến.

57. *Doanh sử* (程史) do Nhạc Hà (岳珂) đời Tống soạn, thuộc Đệ bát hàm, gồm 15 quyển. Mã Barcode: TQC0020005 (mã cũ: 1405/32). Cuốn này là tùy bút lịch sử đời Tống, ghi chép các sự kiện lịch sử trong ngoài triều đình, bày tỏ thái độ phản nộ trước sự hủ bại của triều đình và ca tụng những trung thần nghĩa sĩ kháng Kim, đồng thời bảo lưu nhiều sử liệu văn học.

58. *Tùy Ẩn mạn đàm* (隨隱漫錄) do Trần Tuy Ẩn (陳隨隱) đời Tống soạn, thuộc Đệ bát hàm, gồm 5 quyển. Mã Barcode: TQC0020006 (mã cũ: 1405/33). Cuốn này là tiểu thuyết bút ký đời Tống, ghi chép 209 truyện chủ yếu liên quan đến văn thơ từ đời Tống Cao Tông đến Tống Ninh Tông do tác giả đích thân chứng kiến.

59. *Phong song tiểu độc* (楓窗小牘), khuyết tên tác giả, thuộc Đệ bát hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0020006 (mã cũ: 1405/33). Cuốn này ghi chép chuyện ở Biện Kinh và Lâm An (hai kinh đô nhà Tống), phác họa lễ nghi, chính sự, phong tục, nghệ văn giai đoạn chuyển đổi giữa hai triều Tống.

60. *Canh lộc cáo* (耕祿稿) của Hồ Ky (胡錡) soạn, thuộc Đệ bát hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0020006 (mã cũ: 1405/33). Cuốn này gồm 25 bài chiếu, chế, cáo, biểu tác giả đời Tống soạn cho đề tài nông nghiệp.

61. *Hậu Đức Lộc* (厚德錄) của Lý Nguyên Cương (李元綱) đời Tống soạn, thuộc Đệ cửu hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0020006 (mã cũ: 1405/33). Cuốn này là bút ký, ghi chép những việc thiện, gồm trị ngục, cứu tai, cứu người, ái vật, đối đãi người.

62. *Tây Khê tùng ngữ* (西溪叢語) do Diêu Khoan (姚寬) đời Tống soạn, thuộc *Đệ cửu hàm*, gồm 2 quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0020007 (mã cũ: 1405/34). Cuốn này đời Tống, luận về thơ, khảo cứu chữ nghĩa nhà thơ sử dụng.

63. *Dã khách tùng thư* (野客叢書) do Vương Mậu (王楙) đời Tống soạn, thuộc *Đệ cửu hàm*, gồm 30 quyển. Từ quyển 1 - 3 thuộc mã Barcode TQC0020007 (mã cũ: 1405/34), từ quyển 4-15 thuộc mã Barcode TQC0020008 (mã cũ: 1405/35), từ quyển 16-25 thuộc mã Barcode TQC0020009 (mã cũ: 1405/36), từ quyển 26-30 thuộc mã Barcode TQC0020010 (mã cũ: 1405/37). Cuốn này là tập bút ký đời Tống, gồm 681 điều, khảo biện điển tịch, đề cập đến kinh sử, văn khắc, kinh tế, địa lý, văn tự, thơ từ, danh vật, chế độ, cổ sự, phong tục,...

64. *Huỳnh tuyết tùng thư* (螢雪叢說) do Du Nguyên Đức (俞元德) đời Tống soạn, thuộc *Đệ cửu hàm*, gồm 2 quyển thượng - hạ. Mã Barcode: TQC0020010 (mã cũ: 1405/37). Cuốn này là bút ký của tác giả đời Tống, nói về khó khăn khi dự khoa cử, đồng thời bàn luận về việc chép sử, chú giải, thơ ca, ngữ âm...

65. *Tôn công đàm phó* (孫公談圃) do Tôn Thăng (孫升) đời Tống soạn, thuộc *Đệ cửu hàm*, gồm 3 quyển thượng - trung - hạ. Mã Barcode: TQC0020010 (mã cũ: 1405/37). Cuốn này là bút ký lịch sử do Lưu Diên Thế, ghi lại những điều nghe được từ Tôn Thăng về chính sự đời Tống, thể hiện quan điểm bất mãn với biến pháp của Vương An Thạch, có đề cập đến Tô Thức và Nhị Trình...

66. *Hứa Ngạn Chu thi thoại* (許彥周詩話) do Hứa Nghi (許顥) đời Tống soạn, thuộc *Đệ cửu hàm*, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0020010 (mã cũ: 1405/37). Cuốn này đời Tống, bàn về thơ ca, như biện luận về cú pháp, các chỗ làm, có trích dẫn quan điểm của thi phái Giang Tây như của Tô Thức, Hoàng Đình Kiên, Trần Sư Đạo...

67. *Hậu sơn cư sĩ thi thoại* (後山居士詩話) do Trần Sư Đạo (陳師道) đời Tống soạn, thuộc *Đệ cửu hàm*, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0020010 (mã cũ: 1405/37). Cuốn này đời Tống, bàn luận hơn 70 điều về thơ ca.

68. *Tề Đông dã ngữ* (齊東野語) do Chu Mật (周密) đời Tống soạn, thuộc *Đệ thập hàm*, gồm 20 quyển. Từ quyển 1-10 thuộc mã Barcode TQC0020011 (mã cũ: 1405/38), từ quyển 11-20 thuộc mã Barcode TQC0020012 (mã cũ: 1405/39). Cuốn này đời Tống tổng hợp những chuyện liên quan đến chính trị, chế độ, lễ nghi, thơ ca, con người... Trong đó gồm một số câu chuyện như: Phụ chấp chi lễ, Lý Toàn, Vương Công Cồn phục cừ...

69. *Quý tân tạp thức* (癸辛雜識) của tác giả Chu Mật (周密) đời Tống, gồm 4 tập, đều thuộc Đệ thập hàm: 1. *Quý tân tạp thức tiên tập* (癸辛雜識前集) gồm 1 quyển, mã Barcode: TQC0020013 (mã cũ: 1405/40), cuốn này đời Tống ghi chép về các câu chuyện giai đoạn Tống Nguyên như: Thái tức, Trần Thánh quán mộng, Cái Xuân châu vi huyện...; 2. *Quý tân tạp thức hậu tập* (癸辛雜識後集) gồm 1 quyển, mã Barcode: TQC0020013 (mã cũ: 1405/40), nội dung ghi chép các chuyện đời Tống Nguyên như: Lý Tông sơ tiếm, Ngụy Tử chi báng...; 3. *Quý tân tạp thức tục tập* (癸辛雜識續集) gồm 2 quyển thượng - hạ, trong đó quyển thượng thuộc mã Barcode TQC0020013 (mã cũ: 1405/40), quyển hạ thuộc mã Barcode TQC0020014 (mã cũ: 1405/41), nội dung ghi chép các câu chuyện giai đoạn thời Tống Nguyên như: La Kỳ, Đại Đình Vi, Thủy trúc cư, Từ Uyên Tử từ, Long phụ chu, Bạch ngọc xuất hương sư...; 4. *Quý Tân tân tạp thức biệt tập* (癸辛雜識別集) gồm 2 quyển thượng - hạ, mã Barcode: TQC0020014 (mã cũ: 1405/41), cuốn này đời Tống ghi chép tổng hợp về những câu chuyện giai đoạn Tống Nguyên: Biện Lương tạp sự, Thiên lại, Trần Thiệu Đại cải danh...

70. *Sơn phòng tùy bút* (山房隨筆) do tác giả Tưởng Chính Tử (蔣正子) đời Nguyên soạn, thuộc Đệ thập hàm, gồm 1 quyển. Mã Barcode: TQC0020014 (mã cũ: 1405/41). Cuốn này ghi chép các câu chuyện và lời bàn luận xoay quanh thơ ca giai đoạn Tống Nguyên.

2.2. Văn bản và giá trị tư liệu

Trong bộ tùng thư *Bại Hải* (稗海) của Thương Tuấn san khắc vào niên hiệu Vĩnh Lịch thứ 30 đời Vua Minh Thần Tông thuộc kho Trung Quốc này bao gồm 70 tác phẩm, căn cứ vào đặc điểm nội dung, có thể phân thành 3 nhóm nội dung chính: (1) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực lịch sử; (2) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực văn học; (3) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên. Cụ thể được trình bày trong Bảng 1:

Bảng 1. Cơ cấu tư liệu trong *Bại Hải* tùng thư theo nhóm lĩnh vực

STT	Nhóm	Số lượng	Tỷ lệ
1	Lịch sử	57	81%
2	Văn học	11	16%
3	Khoa học tự nhiên	2	3%
Tổng	3	70	100%

Căn cứ theo thống kê ở Bảng 1, nhóm tư liệu chiếm phần lớn trong bộ tùng thư *Bại Hải* là: (1) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực lịch sử, bao gồm 57 tác phẩm, chiếm 81% tổng số tác phẩm trong tùng thư. (2) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực văn học, bao gồm 11 tác phẩm, chiếm 16% tổng số tác phẩm trong tùng thư. Chiếm số lượng và cơ cấu thấp nhất là (3) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, chỉ bao gồm 2 tác phẩm, chiếm 3%.

Về (1) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực lịch sử, chủ yếu bao gồm các tác phẩm bút ký lịch sử ghi chép về nhiều phương diện lĩnh vực lịch sử như: chính trị, địa lý, khoa cử, nhân vật,... thuộc thời kỳ nhà Tấn, Đường, Tống. Ví dụ như *Bác vật chí* (博物志) của Trương Hoa, gồm 10 quyển, ghi chép về địa chí cỏ sơn xuyên, thổ địa... thời nhà Tấn mà các sách trước đó theo ông còn bỏ sót; *Đông quan tấu ký* (東觀奏記) của Bùi Đình Dụ soạn, gồm 4 quyển, ghi chép 89 điều về chính sự đời Đường Tuyên Tông mà chính tác giả chứng kiến; *Lạc Thiện lục* (樂善錄) do Lý Xương Linh (李昌齡) đời Tống soạn, gồm 2 quyển, thu thập các truyện khuyến thiện trong sách đời trước,...

Về (2) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực văn học, chủ yếu bao gồm các tác phẩm tập hợp thơ văn của các tác giả thời Đường Tống, cùng với đó là những lời bình phẩm về giá trị của chúng. Ví dụ như: *Nhàn song quát dị ký* (閑窓括異志) của Lỗ Ứng Long (魯應龍), gồm 1 quyển; *Mông Trai bút đàm* (蒙齋筆談) của Trịnh Cảnh Vọng; *Lãnh Trai dạ thoại* (冷齋夜話) của Thích Huệ Hồng,...

Về (3) Nhóm tác phẩm thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, chủ yếu ghi chép về các kiến thức thiên văn học và toán học của thời kỳ nhà Tống. Ví dụ như: *Mộng Khê bút đàm* (夢溪筆談) gồm 7 quyển và *Bổ bút đàm* (補筆談) gồm 1 quyển của Trầm Quát.

2.3. Một số tác phẩm liên quan đến Phật giáo trong *Bại hải tùng thư*

Trong số 70 tác phẩm của tùng thư *Bại Hải*, nổi bật lên là một số tác phẩm có khuynh hướng hoặc chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Tiêu biểu trong đó là ba tác phẩm: *Tuyên Thất chí* (宣室志)

Về *Đông Pha tiên sinh chí lâm* (東坡先生志林), đây là tác phẩm gồm 12 quyển của Tô Thức (蘇軾) đời Tống soạn, sách thuộc Đệ ngũ hàm với mã Barcode TQC0019991 (mã cũ: 1405/18). Bên cạnh những nội dung đa dạng về tu dưỡng, tập

bệnh, quan chức, trí sĩ, ẩn dật,... trong nội dung tác phẩm này, Tô Thức - Tô Đông Pha đã đề cập khá nhiều đến vấn đề Phật giáo. Ví dụ như: “Thọ Thiền sư phóng sinh” (壽禪師放生), “Dưỡng sinh thuyết” (養生說), “Luận tu dưỡng thiếp ký Tử Do” (論修養帖寄子由) hay “Du bạch thủy thư phó quá” (遊白水書付過) nói việc ngày 12 tháng 10 năm Thiệu Thánh thứ 1 tới Bạch Thủy Phật Tích viện du ngoạn,... Đáng chú ý, trong tác phẩm này ghi chép những quan điểm, luận thuyết của tác giả Tô Thức về Phật giáo như: “Độc Đàn kinh” (讀壇經), “Cải Quán Âm chú” (改觀音咒), “Tụng kinh thiếp” (誦經帖), “Tụng Kim Cương kinh thiếp” (誦金剛經帖). Đồng thời cũng ghi chép lại quan điểm của lịch đại tổ sư như Viên Hoành luận về Phật trong “Viên Hoành luận Phật thuyết” (袁宏論佛說) hay những câu chuyện Phật giáo như “Tăng già hà quốc nhân” (僧伽何國人). Vì vậy, *Đông Pha tiên sinh chí lâm* đại diện cho tác phẩm mà nội dung mang tư tưởng, luận thuyết của Phật giáo từ góc nhìn của một vị cư sĩ.

Ngoài ra, trong tùng thư *Bại Hải* còn lưu giữ tác phẩm của một vị tu sĩ Phật giáo, đó là *Lãnh trai dạ thoại* (冷齋夜話) gồm 10 quyển của Tăng nhân Thích Huệ Hồng đời Bắc Tống soạn. Tác phẩm này thuộc Đệ ngũ hàm, có mã Barcode TQC0019993 (mã cũ: 1405/20). Sách này thu góp các tác phẩm của Thiền sư Thích Huệ Hồng trao đổi, bình phẩm với tăng nhân, cư sĩ Phật giáo. Ví dụ như trong tập 6 có “Thư Vương thị Phật tăng tử cố phúng chi” (舒王嗜佛曾子固諷之), “Đại Giác thiền sư ngật hoàn sơn” (大覺禪師乞還山), “Tĩnh thiền sư vi lưu sở nịch thi” (靚禪師為流所溺詩), “Tĩnh thiền sư khuyến hóa nhân” (靚禪師勸化人), “Tụng trí giác thiền sư thi” (誦智覺禪師詩), “Vĩnh am tự pháp nam thiền” (永庵嗣法南禪), “Tăng thanh thuận phú thi đa khuê cú” (僧清順賦詩多佳句), “Tăng Cảnh Thuần thi đa thâm ý” (僧景淳詩多深意), “Tăng Khả Tuân hiếu đề thi” (僧可遵好題詩); trong tập 7 có “Hoa Đình Hàng Tử Hòa thượng kệ” (華亭舡子和尚偈), “Phụ ‘Hoa Nghiêm kinh’ nhập lĩnh đại tuyết nhị kệ” (負《華嚴經》入嶺大雪二偈), “Mộng nghinh Ngũ Tổ Giới thiền sư” (夢迎五祖戒禪師), “Trương Văn Định công tiền sinh vi tăng” (張文定公前生為僧),... Đáng chú ý, ông cũng sử dụng những từ ngữ Phật giáo để bình phẩm tác phẩm, ví như trong “Thư Vương sơn cốc phú thi”, Thích Huệ Hồng cho rằng tác phẩm này đạt đến “Tam muội du hý” để chỉ mức độ siêu việt và tự do, không có bất kỳ sự ràng buộc nào.

Đặc biệt, *Bại Hải* còn thu thập tác phẩm *Tuyên Thất chí* (宣室志) gồm 10 quyển, sách do Trương Độc (張讀) đời Đường soạn, thuộc Đệ thất hàm. Mã Barcode: TQC0019999 (mã cũ: 1405/26). Cuốn này là tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường, chép những chuyện phần lớn liên quan đến tăng nhân, chùa miếu, dạ xoa, kinh Phật... nhằm tuyên dương Phật giáo. Nhiều ghi chép về tiên, Phật và ma bị ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng Phật giáo và thường đề cao các khái niệm như nghiệp báo và quả báo. Ví dụ như truyện “Thạch Hiến” (石憲) trong quyển 1 ghi chép việc thương nhân Thạch Hiến bị đám cóc tinh hóa thành tăng nhân Phật giáo dụ dỗ, truyện “Thánh Họa” (聖畫) ghi lại sự tích điện Thánh Họa tại chùa Vân Hoa, truyện “Tăng Khế Hư” (僧契虛) phản ánh về hành trạng của vị tăng Khế Hư con trai của vị Ngự sử đời Đường Huyền Tông, hay truyện “Hà Nội Thôi thú” (河內崔守) ghi chép vị thái thú họ Thôi đất Hà Nội vì hay làm giả tượng Phật vàng nên sau bị quả báo hóa thành trâu,...

Tựu trung, những tác phẩm này cung cấp nhiều tri thức về Phật giáo trên phương diện: tư tưởng, triết học, văn học, lịch sử,... Là nguồn tài liệu quan trọng đối với nghiên cứu Phật giáo.

3. Kết luận

Bại Hải (稗海) của Thương Tuấn đời Minh san khắc với 10 hàm, 70 tác phẩm và 448 quyển là một bộ tùng thư đồ sộ. Hiện nay, tác phẩm đang được lưu trữ nguyên vẹn tại Kho sách Trung Quốc cổ ở Thư viện KHXH, do Viện Thông tin KHXH quản lý, thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Bộ tùng thư này không chỉ đa dạng về số lượng mà còn phản ánh và đề cập đến các tri thức trên nhiều phương diện. Có thể khái quát thành ba nhóm lĩnh vực chính là lịch sử, văn học và khoa học tự nhiên. Trong đó, tập trung chủ yếu là nhóm lịch sử, thể hiện bằng các tác phẩm bút ký lịch sử ghi chép về chính trị, địa lý, khoa cử, nhân vật giai đoạn Đường, Tống,...

Đáng chú ý, trong tùng thư *Bại Hải* đề cập đến các vấn đề liên quan đến Phật giáo, tiêu biểu trong ba tác phẩm: *Đông Pha tiên sinh chí lâm* của Tô Thức, *Lãnh trai dạ thoại* của Thích Huệ Hồng, *Tuyên Thất chí* của Trương Độc. Từ đây cũng mở ra vấn đề nghiên cứu Phật giáo trong Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện KHXH, đặc biệt là hệ thống thư tịch Phật giáo của nước ngoài được lưu trữ tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Xuân Ngân và cộng sự (2002), *Việt Nam Hán Nôm cổ tịch văn hiến mục lục đề yếu*, Trung ương nghiên cứu viện Trung Quốc văn triết nghiên cứu sở, Đài Bắc.
2. Trần Nghĩa và cộng sự (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Ủy ban KHXH Việt Nam (1976), *Thư mục Trung Quốc cổ* (2 tập), Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. <http://www.guoxuemi.com/gjzx/738064bpic/65713/>, truy cập ngày 01/10/2023.

MỘT VÀI NÉT VỀ VỐN TƯ LIỆU CÓ CHỦ ĐỀ NGÔN NGỮ TRONG KHO SÁCH TRUNG QUỐC CỔ TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Thị Hiền¹

Tóm tắt: Trong thư tịch Trung Quốc cổ, sách có chủ đề ngôn ngữ tuy không chiếm số lượng nhiều nhưng lại có giá trị nghiên cứu và tham khảo lớn. Nhiều bộ từ điển lớn, quý hiếm của Trung Quốc đều được lưu giữ tại đây. Đó là những bản in cũ mà nhiều nhà biên soạn, chỉnh lý, bổ sung những bộ từ điển mới hiện nay phải dùng để tham khảo, đối chiếu và học hỏi. Một số cuốn sách nghiên cứu về văn tự xưa của Trung Quốc là vốn tư liệu quý cho những người quan tâm về ngôn ngữ nói chung, chữ Hán nói riêng.

Dựa trên phương pháp nghiên cứu văn bản học, nghiên cứu văn học, nghiên cứu ngôn ngữ và nghiên cứu liên ngành, bài viết tìm hiểu chung về vốn tư liệu có chủ đề ngôn ngữ trong Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội. Qua đó, tác giả phân vốn tư liệu này thành hai mảng nhỏ: công trình từ điển và bách khoa thư; công trình nghiên cứu về ngôn ngữ, văn tự.

Từ khóa: Tiếng Hán, Ngôn ngữ, Từ điển, Nghiên cứu ngôn ngữ, Trung Quốc, Kho sách Trung Quốc cổ, Thư viện Khoa học xã hội

Mở đầu

Kho sách Trung Quốc cổ lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội gồm phần lớn sách được công bố từ thời Cách mạng Tân Hợi (1911), chủ yếu từ thời Càn Long nhà Thanh trở về trước. Hầu hết các sách được viết bằng chữ Hán phồn thể và phần lớn là sách bộ, nhiều bộ có tới hàng nghìn cuốn. Chủ đề được đề cập trong bộ sưu tập Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội rất đa dạng, phong phú. Các chủ đề không chỉ phản ánh toàn diện đời sống xã hội Trung Quốc từ thời cổ đại đến thời cận đại mà nhiều tài liệu còn để lại dấu ấn về lịch sử, văn hóa Việt Nam và một số nước

¹ TS., Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

trên thế giới. Nếu phân loại theo chủ đề, kho sách Trung Quốc cổ gồm các chủ đề: lịch sử, văn học, ngôn ngữ học, địa lý, triết học, nội dung tổng hợp và các ngành khoa học kỹ thuật... Dưới đây là những tìm hiểu sơ lược về nhóm tư liệu tương đối tiêu biểu có chủ đề ngôn ngữ, bao gồm: các công trình từ điển và bách khoa thư; các công trình nghiên cứu và chú giải.

1. Về vốn tư liệu có chủ đề ngôn ngữ trong Kho sách Trung Quốc cổ

Sách ngôn ngữ học chủ yếu nghiêng về từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Trung Quốc, có một số giáo trình giảng dạy tiếng Trung-Anh song ngữ...

Những bộ từ điển có giá trị trong tra cứu từ vựng phải kể đến *Từ nguyên tục biên*, *Từ hải*, *Quảng vận*, trong đó: *Từ nguyên tục biên* là một bộ đại từ điển sớm nhất của Trung Quốc do Lục Nhĩ Khuê làm chủ biên, sắp xếp theo bộ thủ, dưới mỗi chữ có chú âm và phiên âm Hán ngữ; *Từ hải* là bộ đại từ điển mang tính tổng hợp lớn nhất của Trung Quốc; *Quảng vận* (hay *Đại Tổng trùng tu quảng vận*) là bộ từ điển đồng âm, được biên soạn năm 1008 đời Tống Chân Tông, sách gồm 5 quyển, dưới mỗi vần của quyển có một số chú thích về vần, chữ hoặc chua tự dạng của cùng một âm. Ngoài ra còn có: *Từ điển quốc âm* hay *Quốc âm thường dụng tự vựng* chú âm khoảng 6.500 từ vựng; *Trung Quốc văn học từ điển* có hơn 1.800 từ mục văn học, bao gồm tác gia, trường phái, thuật ngữ, trước tác nghiên cứu, báo chí, nhân vật...; *Từ thông* (ký hiệu P.1242) là một bộ từ điển từ ngữ đồng nghĩa dị thể; *Bội văn vận phủ* là một bộ từ điển vần tiếng Trung có quy mô lớn (212 quyển), chứa đựng các thành ngữ 2, 3 hay 4 chữ; *Vận phủ quần ngọc* là bộ từ điển vần thơ (khi viết văn gieo vần dùng từ điển đồng âm, đồng vần) sớm nhất của Trung Quốc; *Thuyết văn giải tự* (ký hiệu 468, 3013) là từ điển từ nguyên đầu tiên sắp xếp chữ Hán theo bộ thủ gồm 9.359 mục, 540 bộ thủ, có giải thích nguồn gốc chữ Hán căn cứ trên cơ sở chữ triện; *Đường Tống bạch khổng lục thiếp* là bộ từ điển tra cứu của Trung Quốc, được hợp từ sách *Lục thiếp* và *Hậu lục thiếp*; *Khâm định Liêu Kim Nguyên tam sử ngữ giải* là cuốn từ điển kết hợp tiếng Mãn-Hán, lựa chọn và ghi chép có chú giải chú thích về danh nhân, địa danh, danh thần trong các sách sử của ba triều Liêu, Kim, Nguyên; *Nhĩ nhĩ* (ký hiệu 1609) là bộ từ điển đầu tiên dựa trên hệ thống nghĩa của từ và phân loại sự vật.

Về tự điển có *Khang Hy tự điển*, *Hành thảo đại tự điển*, *Hoa Anh tự điển*, *Lệ biện*, trong đó: *Khang Hy tự điển* có số lượng chữ phong phú, được phân loại theo 214 bộ thủ, có chú giải kỹ lưỡng nét nghĩa nguyên thủy từ cổ thư; *Hành thảo đại tự*

điển căn cứ vào chữ chân thư, thu thập được 6.471 chữ khải thư và chú văn hành thư và thảo thư ước chừng hơn 5 vạn chữ; *Hoa Anh tự điển* (hay *Trung Quốc ngôn ngữ tự điển*) là bộ tự điển đối chiếu Hán-Anh, Anh-Hán đầu tiên trên thế giới; *Lệ biện* là bộ tự điển chữ Lệ của Cố Ái Cát đời Thanh.

Nghiên cứu về văn tự Trung Quốc có sách *Ấn Khư giáp cốt văn* là hệ thống văn tự hoàn bị sớm nhất của Trung Quốc hiện nay, là tư liệu gốc quan trọng cho các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ, văn học, lịch sử, thiên văn, khí tượng, nông nghiệp, y học, địa lý, khảo cổ của Trung Quốc cổ đại. Các sách khác nghiên cứu về văn tự có *Tân Hán ngũ đương văn tự* gồm văn tự viết và văn tự tượng hình, phần nhiều là triện thư; *Nhĩ nhĩ nghĩa sơ* chú thích, nghiên cứu sách *Nhĩ nhĩ* của tác giả Hách Ý Hành đời Thanh; *Khâm định đồng văn vận thống* dùng tự mẫu Tây Phiên tham khảo tự mẫu Thiên can và giải thích các âm chữ Hán; *Lục thư cổ* là sách lý luận về Lục thư (sáu phương pháp phân tích và quy nạp chữ Hán của thời xưa bao gồm tượng hình, chỉ sự, hình thanh, hội ý, chuyển chú và giả tá); *Phương ngôn tiên sơ* nghiên cứu về tiếng địa phương được biên soạn vào thời Thanh; *Từ học toàn thư* tập hợp các sách nghiên cứu về ngôn ngữ và từ ngữ trong thơ cổ Trung Quốc; *Thông nhĩ* khảo chứng tên sự vật, tướng số, giải thích từ trong sách cổ...

Về văn tự trên đá, trên bia có các sách *Thạch cổ văn khảo thích*, *Kim thạch đồ*, *Khâm định đồng văn vận thống*, trong đó: *Thạch cổ văn khảo thích* nghiên cứu về thư pháp, văn khắc trên đồ đồng, trống đồng; *Kim thạch đồ* tìm hiểu về những văn bia cổ và những giải thuyết phối văn; *Tuyên Hòa Bác cổ đồ lục* nghiên cứu về văn tự trên 819 đồ đồng, bia đá cổ đời Tống; *Lệ thích* ghi chép 183 loại văn tự chữ Lệ khắc trên đá thời Hán Ngụy; *Quan Diệu Tề tàng kim thạch văn khảo lược* nghiên cứu hơn 600 loại văn tự viết trên đồ đồng và bia đá của các nhà sưu tầm.

Kho Trung Quốc cổ của Thư viện Khoa học xã hội hiện có rất nhiều sách ít nhiều có chủ đề ngôn ngữ. Dưới đây xin giới thiệu cụ thể những bộ sách tiêu biểu mang tính chuyên biệt về ngôn ngữ được chia thành 2 mảng tư liệu: một số bộ tự điển, từ điển; các bộ sách có giá trị tư liệu và học thuật cao.

2. Công trình từ điển và bách khoa thư

Một số bộ từ điển nổi tiếng có giá trị học thuật cao từ xưa đến nay hiện còn được lưu giữ trong Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội như: *Từ hải*, *Khang Hy tự điển*, *Thuyết văn giải tự*, *Bội văn vận phủ*, *Từ thông*, *Nhĩ nhĩ*...

辭海 *Từ hải*

辭海 (*Từ hải*) có ký hiệu là P.1073. Đây là cuốn từ điển tiếng Trung Quốc được biên soạn vào năm 1915 dưới sự chủ trì của Lục Phí Quỳ (1886-1991) thuộc Trung Hoa thư cục. Đây là một công trình từ điển toàn diện có quy mô lớn nhất ở Trung Quốc, không chỉ có chức năng của từ điển mà còn là một bộ bách khoa toàn thư. Tiêu đề *Từ hải* xuất phát từ bài hát “Thạch môn tụng” khắc trên vách đá thời nhà Hán ở Hán Trung, tỉnh Thiểm Tây, có nghĩa là “trăm sông đổ về biển”. Cho đến nay, *Từ hải* có khoảng 23,5 triệu từ, gần 130.000 mục và hơn 18.000 hình ảnh. Trong số đó, các mục từ vựng thông dụng chiếm khoảng 1/3, các mục bách khoa toàn thư chiếm khoảng 2/3. Trong số các mục từ bách khoa toàn thư, khoa học tự nhiên và công nghệ kỹ thuật chiếm khoảng 1/3, triết học và khoa học xã hội, lịch sử, địa lý, văn học nghệ thuật... chiếm khoảng 2/3.

Khi Thư Tân Thành phụ trách biên tập *Từ hải*, ông đã tham khảo “Từ điển Webster” của Mỹ để xác định phạm vi các từ có trong *Từ hải*. Thư Tân Thành đã yêu cầu đồng nghiệp đọc sách báo mới và chọn lọc cẩn thận, biên soạn hơn 300.000 bài viết. Sau nhiều lần xóa và sửa đổi, tổng số mục trong *Từ Hải* (ấn bản đầu tiên) là 85.803, trong đó có 13.955 mục từ; 21.724 mục từ trong mục nhiều từ và 50.124 mục từ bách khoa toàn thư. *Từ hải* có văn phong nghiêm ngặt, giải thích từ ngữ một cách chính xác; trích dẫn hoàn hảo, liệt kê tác giả, tựa sách, tựa chương để người đọc dễ dàng tham khảo.

Từ hải là bộ đại từ điển mang tính tổng hợp lớn nhất của Trung Quốc. *Từ Hải* được dùng để tra tự điển, từ điển ngữ văn. Bất cứ chữ Hán nào cũng được diễn giải ngữ nghĩa chi tiết trong *Từ hải* nên đây là công trình có giá trị dành cho người nghiên cứu chuyên sâu về chữ Hán.

康希字典 *Khang Hy tự điển*

康希字典 (*Khang Hy tự điển*) có ký hiệu P.257, 1004, 1026, 1431. Đây là một bộ từ điển chữ Hán có tầm ảnh hưởng lớn, do một nhóm học giả đời Hoàng đế Khang Hy thời Thanh biên soạn, đứng đầu là Trương Ngọc Thư và Trần Đình Kính. Công tác thu thập và thu công được bắt đầu vào năm Hoàng đế Khang Hy thứ 19 (1710) và hoàn thành năm Khang Hy thứ 25 (1716). *Khang Hy tự điển* được chia thành 12 tập theo Thập nhị địa chi, trong đó mỗi tập lại được chia ra ba quyển Thượng, Trung, Hạ, dựa vào vận mẫu, thanh điệu và âm tiết mà phân loại, cả thảy có 47.035 chữ. Cuốn từ

điển này được coi là một trong những công cụ tra cứu đắc dụng trong việc nghiên cứu Hán Nôm nói riêng, Hanja, Kanji, Hán tự hay Hán học nói chung.

Khang Hy tự điển dựa trên sự hiệu đính và bổ sung hai quyển sách đời nhà Minh là *Tự hồi* và *Chính tự thông*. *Khang Hy tự điển* có số lượng chữ phong phú, được phân loại theo 214 bộ thủ, có chú giải kỹ lưỡng nét nghĩa nguyên thủy từ cổ thư.

佩文韻府 **Bội văn vận phủ**

佩文韻府 (*Bội văn vận phủ*) có ký hiệu P.32 và 4. Đây là sách ghi lại điển cổ thời xưa theo vần. *Bội văn vận phủ* là từ điển tiếng Trung về những lối nói bóng gió trong văn học và cách dùng vần điệu trong thi ca. Bằng việc đối chiếu thanh điệu và vần, từ điển này cung cấp cho người đọc thành phần cấu tạo và kết cấu của tác phẩm thi ca. *Bội văn vận phủ* được biên soạn dưới sự bảo trợ của Hoàng đế Khang Hy thời Thanh. Lý do Khang Hy cho biên soạn bộ từ điển mới này là vì ông tin rằng các từ điển tiếng Trung được biên soạn trước đó về các câu chữ như từ điển *Vận phủ quần ngọc* của Âm Thời Phu thời nhà Nguyên và *Ngũ xa vận ngọc* của thời nhà Minh là chưa hoàn chỉnh và có những chỗ sai lầm. *Bội văn vận phủ* được biên soạn từ năm 1704 đến 1711 bởi 20 học giả, trong đó bao gồm Trương Ngọc Thư (1642-1711) và Trần Đình Kính (1638-1712). Năm 1716, Khang Hy hạ lệnh cho biên soạn một phần phụ lục mang tên *Vận phủ thập di*. Phần này được hoàn thành vào năm 1720.

Bội văn vận phủ có quy mô lớn, gồm 212 quyển, là kho thành ngữ bao gồm 2, 3 hay 4 chữ, có khoảng 10.257 mục từ sắp xếp bởi 106 vần. Những lối nói, câu nói bóng gió, ước lệ cổ điển được phân loại theo vần của từ cuối cùng trong câu; kèm theo các chú thích nhằm minh họa cho cách sử dụng chúng. Ngoài ra, *韻府拾遺* (*Vận phủ thập di*) có ký hiệu 5, là phần *Phụ lục* của “*Bội văn vận phủ*”. Đó là phần nghiên cứu âm vận, vận mẫu, từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Hán.

說文解字 **Thuyết văn giải tự**

說文解字 (*Thuyết văn giải tự* - Giảng giải và phân tích ý nghĩa hình thể chữ viết) có ký hiệu là 468; 3013. Đây là cuốn từ điển từ nguyên chữ Hán đầu tiên xuất hiện đầu thế kỷ II thời nhà Hán, cũng là cuốn từ điển đầu tiên sắp xếp các chữ Hán theo bộ thủ. Bộ từ điển này có 9.353 mục từ với 540 bộ thủ, giải thích nguồn gốc các chữ Hán, chủ yếu dựa trên cơ sở nghiên cứu chữ triện ban đầu.

Hứa Thận đã hoàn thành bộ từ điển này vào năm 100 Sau Công nguyên, nhưng vì lý do chính trị, ông phải đợi đến năm 121 mới giới thiệu bộ từ điển hoàn chỉnh cho Hán Anh Đế.

Thuyết văn không phải là một cuốn từ điển về nghĩa cơ bản của từ. Đó là một từ điển hình ảnh về từ nguyên, khác với từ điển phân tích ngữ nghĩa thông thường, nó chỉ cung cấp ngữ nghĩa liên quan đến việc diễn giải hình ảnh được sử dụng để viết các từ tương tự.

辭源續編 Từ nguyên tục biên

Từ nguyên là đại từ điển có quy mô lớn sớm nhất của Trung Quốc kết hợp ngôn ngữ và kiến thức bách khoa của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Công trình tập hợp 130.000 từ đơn và 100.000 từ phức liên quan đến kiến thức bách khoa như di tích lịch sử, thành ngữ, tên địa danh, tên sách.

辭源續編 (*Từ nguyên tục biên*) có ký hiệu P.892. Bộ này do Lục Nhĩ Khuê làm chủ biên, bắt đầu được biên soạn năm Quang Tự 4 (1908) và chính thức xuất bản vào tháng 10/1915. Từ nguyên là công cụ tra cứu quan trọng để nghiên cứu cổ tịch và văn hóa Trung Quốc cổ đại. Toàn bộ *Từ nguyên* được sắp xếp theo bộ thủ, dưới mỗi chữ có chú âm và phiên âm Hán ngữ.

辭通 Từ thông

Từ thông có ký hiệu P.1242. Đây là một bộ từ điển từ ngữ đồng nghĩa dị thể, do Chu Khởi Phong biên soạn. Bộ sách vốn có tên là *Tân độc thư thông*, năm 1934 Khai Minh thư điểm xuất bản, đổi tên sách thành *Từ thông*, chia thành 24 quyển. Đặc điểm lớn nhất của bộ sách là sau một từ ngữ hầu như đều có thêm lời chú của tác giả, lấy thanh mẫu làm cầu nối, chỉ ra mối quan hệ tương đồng và khác biệt của văn tự.

爾雅 Nhĩ nhã

爾雅 (*Nhĩ nhã*) có ký hiệu 1609. Bộ này gồm quyển Thượng và quyển Hạ do Quách Phác đời Tấn biên soạn, Thanh Phấn Các tàng bản. *Nhĩ nhã* là bộ từ điển của Trung Quốc thời kỳ cổ đại, là một trong những tác phẩm kinh điển của Nho giáo được xếp vào danh sách Thập tam. “*Nhĩ*” nghĩa là *cận* (gần), “*nhã*” nghĩa là *chính* (tức *nhã ngôn* - lời nói nhã nhặn), nên *Nhĩ nhã* nghĩa là *cận chính*, tức là tiếp cận với quy cách ăn nói sao cho nhã nhặn, đúng mực. Nội dung chủ yếu của *Nhĩ nhã* là giải thích và khảo chứng vốn từ ngữ Trung Quốc thời cổ đại. Về tác giả biên soạn *Nhĩ nhã*, có

nhiều ý kiến không thống nhất. Có thuyết cho là do môn đệ của Khổng Tử biên soạn, có thuyết cho là do Chu Công viết, sau đó được người đời sau bổ sung thêm vào. Cũng có thuyết cho là của người thời Tần Hán, được bổ sung, chỉnh lý và hoàn thiện thời Tây Hán.

Trong *Hán thư* của Ban Cố, mục *Văn nghệ chí* có ghi chép *Nhĩ nhĩ* gồm 3 quyển, 20 thiên. Về sau đến thời Đường, *Nhĩ nhĩ* được xếp vào *Bộ kinh*, trở thành một trong những tác phẩm kinh điển của Nho giáo. Hiện nay *Nhĩ nhĩ* chỉ còn lại 19 thiên, theo học giả Tống Tường Phượng thời Thanh, thiên chép Lời tựa của *Nhĩ nhĩ* đã bị thất lạc.

中國文學大辭典 Trung Quốc văn học đại từ điển

中國文學大辭典 (*Trung Quốc văn học đại từ điển*) có ký hiệu P.1300. *Trung Quốc văn học từ điển* có hơn 1.800 từ mục khoa học văn học, bao gồm tác gia (những nhân vật có ảnh hưởng trong lĩnh vực văn học), tập đoàn trường phái (bao gồm các tác phẩm có giá trị), danh từ thuật ngữ, trước tác nghiên cứu, báo chí, nhân vật văn học, v.v... Sách chia thành 12 đơn nguyên, lần lượt là văn học Tiên Tần Lương Hán, văn học Ngụy Tấn Nam Bắc Triều, văn học Tùy Đường Ngũ Đại, Văn học Tống Liêu Kim, văn học thời Nguyên, văn học thời Minh, văn học thời Thanh, văn học cận đại, văn học hiện đại, văn học dân gian, văn học thiếu số, phê bình lý luận văn học, thông luận lịch sử văn học. Mỗi đơn nguyên từ mục tương tự nhau, được xếp theo trật tự thời gian, niên đại, từ đó có thể thấy rõ mạch phát triển của văn học và những điểm cần bổ sung.

行草大字典 Hành thảo đại tự điển

Sách **行草大字典** (*Hành thảo đại tự điển*) có ký hiệu P.1259. Sách do Hội thư học biên soạn, nằm trong hệ thống sách tự điển thư pháp Trung Quốc. Bộ đại tự điển này căn cứ vào chữ chân thư, tức sách công cụ viết thư pháp khác nhau của hành thư, thảo thư..., thu thập được 6.471 chữ khải thư và chú văn hành thư và thảo thư ước chừng hơn 5 vạn chữ.

國音字典 Quốc âm tự điển

國音字典 (*Quốc âm tự điển, Từ điển quốc âm*) có ký hiệu P.1271. Sách được Bộ giáo dục Trung Quốc công bố năm 1920, sau đó đổi tên thành *Quốc âm thường dụng tự vựng*. Từ điển quốc âm có cả chú âm, ứng dụng đơn giản, có khoảng 6.500 từ vựng. Sách có trên 90% âm Bắc Kinh.

華英字典 Hoa Anh tự điển

華英字典 (*Hoa Anh tự điển*) còn có tên gọi là *Trung Quốc ngôn ngữ tự điển*, *Hoa Anh từ điển*, là thư tịch tiếng Hoa đầu tiên được in theo lối in của các nhà in phương Tây, cũng là bộ tự điển đối chiếu Hán-Anh, Anh-Hán đầu tiên trên thế giới. Sách được xuất bản tại Ma Cao liên tục từ năm 1815 đến năm 1823.

韻府群玉 Vận phủ quần ngọc

韻府群玉 (*Vận phủ quần ngọc*) có ký hiệu là 2454. Đây là bộ từ điển vận thơ (khi viết văn gieo vần dùng từ điển đồng âm, đồng vần) sớm nhất của Trung Quốc do Âm Ứng Mộng (1224-1314) hướng dẫn cho con trai là Âm Ấu Ngộ biên soạn và Âm Ấu Đạt chú thích. Khi Trương Diên Ngọc phụng chỉ biên soạn *Bội văn vận phủ* thời Khang Hy đã đưa toàn bộ nội dung của *Vận phủ quần ngọc* vào.

3. Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu

Kho sách Trung Quốc cổ có nhiều sách có tiêu đề bắt đầu bằng “說文”, tức phân giải thích dưới mỗi ký tự trước sẽ nói về nghĩa của ký tự sau, sau đó là cấu trúc và cách phát âm, đồng thời giải thích văn bản dựa trên Lục thư. Thể loại này trong kho sách Trung Quốc cổ, Thư viện Khoa học xã hội có một số cuốn tiêu biểu như: *Thuyết văn dật tự* (ký hiệu 1515); *Thuyết văn thống thích tự* (ký hiệu 1516); *Thuyết văn tự thông* (ký hiệu 1517); *Thuyết văn biện tự chính tục* (ký hiệu 1518); *Thuyết văn ngữ dục* (ký hiệu 1512); *Thuyết văn ngoại biên* (ký hiệu 1524); *Thuyết văn giải tự giác thuyên* (ký hiệu 1527); *Thuyết văn hệ truyện hiệu lục* (ký hiệu 1528); *Thuyết văn thanh độc biểu* (ký hiệu 1529); *Thuyết văn vận phổ hiệu* (ký hiệu 1530), *Thuyết văn giải tự nghĩa chứng* (ký hiệu 1536), v.v..., trong đó có 2 bộ tương đối tiêu biểu, gồm: *說文引經證例* (*Thuyết văn dẫn kinh chứng lệ*) và *說文釋例* (*Thuyết văn thích lệ*). *說文引經證例* (*Thuyết văn dẫn kinh chứng lệ*) có ký hiệu 1025, là tác phẩm nghiên cứu “Thuyết văn” cuối đời Mãn Thanh. Bộ sách do Thừa Bồi Nguyên biên soạn và phát hành năm Quang Tự thứ 21. Bộ sách gồm 24 quyển, 1.251 điều; có giá trị học thuật cao, thể hiện ở các phương diện: thu thập cẩn thận, tỉ mỉ “thuyết văn”, khảo sát chú thích cẩn thận tư liệu. *說文釋例* (*Thuyết văn thích lệ*) có ký hiệu 2332, gồm 20 quyển do Vương Quân (1784-1854) đời Thanh biên soạn. Thời Càn Long nhà Thanh “Thuyết văn học” - trào lưu nghiên cứu “Thuyết văn” phát triển mạnh. Ba tác phẩm nổi tiếng thời đó là “Thuyết văn hiệu nghị” của Nghiêm Khả Quân, “Thuyết văn giải tự chú”

của Đoàn Ngọc Tài, “Thuyết văn giải tự nghĩa chứng” của Quế Phúc. Ba bộ sách trên đều chú giải dựa trên “Thuyết văn giải tự”, nghiên cứu thể lệ của “Thuyết văn”, quy luật của ngôn ngữ văn tự. Tuy trong “Thuyết văn giải tự chú” Đoàn Ngọc Tài có đề cập đến “những quy luật chung” nhưng đây không phải là sách chuyên. “Thuyết văn thích lệ” của Vương Quân là bộ sách phát triển “những quy luật chung” trong sách của Đoàn Ngọc Tài. Sách nghiên cứu thể lệ và quy luật ngôn văn tự của “Thuyết văn”.

Một số sách khác có nội dung chuyên sâu về ngôn ngữ như: 通雅 (Thông nhã), 詞學全書 (Từ học toàn thư), 屈子章句 (Khuất tử chương cú), 方言箋疏 (Phương ngôn tiên sơ), 六書故 (Lục thư cố), 廣韻 (Quảng vận), 觀妙齋藏金石文考略 (Quan Diệu Tề tàng kim thạch văn khảo lược), 胛骨文例 (Giáp cốt văn lệ), 隸釋 (Lệ thích), 隸辨 (Lệ biên), 宣和博古圖錄 (Tuyên Hoà bác cổ đồ lục), 金石例 (Kim thạch lệ), 欽定遼金元三史語解 (Khâm định Liêu Kim Nguyên tam sử ngữ giải), 爾雅義疏 (Nhĩ nhã nghĩa sơ), 金石索 (Kim thạch sách), 欽定同文韻統 (Khâm định đồng văn vận thống), 石鼓文考釋 (Thạch cổ văn khảo thích), 金石圖 (Kim thạch đồ), 秦漢瓦當文字 (Tần Hán ngỗ đương văn tự), 殷墟文字 (Ân Khư văn tự), v.v...

通雅 Thông nhã

通雅 (*Thông nhã*) có ký hiệu 612, là bộ sách gồm 52 quyển do nhà khoa học, nhà ngôn ngữ học Phương Dĩ Trí đời Minh biên soạn. Nội dung của sách rất phong phú: khảo chứng tên sự vật, tướng số, giải thích từ trong sách cổ... Sách chia thành 24 môn loại: Âm nghĩa, độc thư, thi thuyết, văn chương, thiên văn, địa lý, thân thể, xưng hô, tên gọi, ẩm thực, kim thạch, toán học, động thực vật... Do đó có thể coi đây là bộ bách khoa toàn thư.

詞學全書 Từ học toàn thư

詞學全書 (*Từ học toàn thư*) có ký hiệu 2005, là bộ sách gồm 14 quyển do Tra Kế Siêu biên soạn năm Khang Hy thứ 18 (năm 1679). Bộ sách tập hợp các sách nghiên cứu về ngôn ngữ và từ ngữ trong thơ cổ Trung Quốc. Bốn quyển đầu sao chép sách “Điền từ danh giải” của Mao Tiên Thư, tiếp đến là 1 quyển “Cổ kim từ luận” của Vương Hựu Hoa, 6 quyển “Điền từ đồ phổ” của Lại Dĩ Mân, 1 quyển “Tục tập”; cuối cùng là “Từ vận” của Trọng Hằng, phụ lục “Cổ vận thông lược”.

屈子章句 **Khuất tử chương cú**

屈子章句 (*Khuất tử chương cú*) có ký hiệu 2228, là bộ sách gồm 7 quyển do Lưu Mộng Bằng đời Thanh biên soạn. Sách nghiên cứu chú thích “Sở từ” của Khuất Nguyên. Mỗi thiên trong “Khuất tử chương cú” đều gồm có phần tổng luận, sau đó là phần chú thích. Sách giải thích rõ ràng, từ ngữ dễ hiểu.

方言箋疏 **Phương ngôn tiên sơ**

方言箋疏 (*Phương ngôn tiên sơ*) có ký hiệu 1188, là sách nghiên cứu tiếng địa phương do học giả Tiền Dịch (1770-1855) đời Thanh biên soạn dựa trên sách “Phương ngôn sơ chứng” của Đới Chấn và “Trùng hiệu phương ngôn” của Lư Văn Siêu và có sự tham khảo tư liệu từ sách “Nhất thiết kinh âm nghĩa”. Tư liệu của sách *Phương ngôn tiên sơ* rất phong phú, phân tích rõ ràng, có nhiều sáng tạo.

六書故 **Lục thư cố**

六書故 (*Lục thư cố*) có ký hiệu 1506, là sách lí luận về Lục thư (sáu phương pháp phân tích và quy nạp chữ Hán của thời xưa bao gồm: tượng hình, chỉ sự, hình thanh, hội ý, chuyển chú và giả tá) để phân tích, giải thích hình dạng, ý nghĩa âm đọc chữ Hán. Sách gồm 33 quyển do Đới Đồng - nhà ngôn ngữ học thời Nam Tống- biên soạn.

廣韻 **Quảng vận**

Sách 廣韻 (*Quảng vận*) có ký hiệu P.1185. Tên đầy đủ của sách *Quảng vận* là *Đại Tổng trùng tu quảng vận*. Sách được biên soạn năm 1008 đời Tống Chân Tông. Các tác giả căn cứ vào sách *Thiết vận*, *Đường vận* để biên soạn thành sách *Quảng vận* hoàn thiện và đầy đủ hơn cho đời sau. *Quảng vận* gồm 5 quyển, dưới mỗi vận của quyển có một số chú thích về vần, chữ hoặc chưa tự dạng của cùng một âm. Đây là một bộ tự điển đồng âm. Tiểu vận của Quảng vận lên tới hơn 3.700.

宣和博古圖錄 **Tuyên Hoà Bác cổ đồ lục**

宣和博古圖錄 (*Tuyên Hoà Bác cổ đồ lục*) có ký hiệu 202, là tác phẩm nghiên cứu về văn tự trên đồ đồng, bia đá cổ đời Tống do Vương Phủ phụng chỉ biên soạn. Sách được bắt đầu biên soạn vào năm 1107 đến năm Tuyên Hoà thứ 5 (năm 1123) thì hoàn thành. Sách ghi chép về 819 đồ đồng được thu thập từ đời Thương đến đời

Đường ở điện Tuyên Hòa triều đình nhà Tống. Mỗi một loại đồ vật đều có phần khái quát, hình vẽ, bản dập các chữ khắc trên đồ vật và phần dịch văn, đồng thời ghi rõ kích thước, trọng lượng và dung lượng. Có một số đồ vật còn được ghi rõ địa điểm khai quật, màu sắc và tên người sưu tầm.

金石例 **Kim thạch lệ**

金石例 (*Kim thạch lệ*) có ký hiệu 217, là tác phẩm gồm 10 quyển của Phan Ngang Tiêu đời Nguyên. Quyển 1 đến quyển 5 ghi chép nguồn gốc của những sự tích được khắc ghi trên các dụng cụ có liên quan đến cấp phẩm, bia mộ, chính sự, thần đạo, từ đường. Quyển 6 đến quyển 8 thuật lại những ghi chép của Hàn Dũ (768-824) về bia ký (văn khắc trên bia) liên quan đến các vấn đề về gia thế, tông tộc, chức danh, thê tử, ngày tháng chôn cất. Quyển số 9 được viết theo thể thức tạp văn. Quyển 10 là phần phàm lệ của sử quán.

欽定遼金元三史語解 **Khâm định Liêu Kim Nguyên tam sử ngữ giải**

欽定遼金元三史語解 (*Khâm định Liêu Kim Nguyên tam sử ngữ giải*) có ký hiệu 97, gồm 3 loại, do Thanh Cao Tông Hoàng Lịch ra chiếu biên soạn, bản khắc Vũ Anh Điện năm Đạo Quang thứ 4 (1824). Sách là cuốn từ điển kết hợp tiếng Mãn – Hán, lựa chọn và ghi chép có chú giải chú thích về danh nhân, địa danh, danh thần trong các sách sử của ba triều Liêu, Kim, Nguyên. Phần chính văn là các hàng được viết bằng tiếng Mãn, bên dưới là chú âm tiếng Hán, tiếp đến là hàng dịch tiếng Hán và chú giải tiếng Hán, chủ yếu giải thích nguồn gốc của từ, ý nghĩa của từ và cách viết khác nhau của từ đó trong các sách sử “Liêu sử”, “Kim sử”, “Nguyên sử”. Do đó, có những danh từ chuyển sang cách viết tiếng Hán không hoàn toàn giống nhau. Vì vậy Càn Long đã ra chỉ dụ hiệu đính lại sách này. Sách được hợp thành từ “Khâm định Liêu sử ngữ giải”, “Khâm định Kim sử ngữ giải” và “Khâm định Nguyên sử ngữ giải” với tổng cộng 6.689 từ vựng đề cập tới các lĩnh vực như tên vua, hoàng hậu, phi tần, hoàng tử, công chúa, thị vệ, danh tướng; văn hóa, ngôn ngữ và phong tục tập quán của các dân tộc Khiết Đan, Nữ Chân và Mông Cổ.

爾雅義疏 **Nhĩ nhĩ nghĩa sơ**

爾雅義疏 (*Nhĩ nhĩ nghĩa sơ*) có ký hiệu 880, 1626. Đây là tác phẩm chú thích, nghiên cứu “Nhĩ nhĩ” của tác giả Hách Ý Hành (1755-1833) đời Thanh. “Nhĩ nhĩ”

là một trong “Thập tam kinh”, là tác phẩm về ngôn ngữ đầu tiên của Trung Quốc, tập hợp các từ ngữ tiếng Hán cổ Trung Quốc.

Ngoài ra còn có tác phẩm “Nhĩ nhĩ tự” của Quách Phác. Sau thời Tần Hán có nhiều tác phẩm bổ sung “Nhĩ nhĩ” hoặc được viết theo thể của “Nhĩ nhĩ”, hình thành nên ngành “Nhĩ nhĩ học”. Cuốn “Nhĩ nhĩ nghĩa sơ” ký hiệu 880 được in khắc năm Quang Tự thứ 7 (năm 1881).

金石索 Kim thạch sách

金石索 (*Kim thạch sách*) có ký hiệu G.6. *Kim thạch sách* là trước tác văn bia học thời Thanh, mang tính tổng hợp các hình ảnh đồ vật cổ đại, được chia thành hai sách, do anh em Phùng Vân Bằng biên soạn. Sách gồm 12 quyển, phần *Kim sách* có 6 quyển, thu thập hết các chuông đỉnh, bình khí... thời Thương Chu đến thời Hán và tiền tệ, án, gương đồng các triều đại. Phần *Thạch sách* có 6 quyển, thu thập hình ảnh các đồ vật khắc đá, gạch ngói có chữ Hán. Mỗi đồ vật đều có hình vẽ và văn khắc, được nhóm Phùng Thị dịch và chú giải rõ ràng.

欽定同文韻統 Khâm định đồng văn vận thống

欽定同文韻統 (*Khâm định đồng văn vận thống*) có ký hiệu G.12, do nhóm tác giả phụng sắc vua Càn Long soạn năm Càn Long 15 (1750), dùng tự mẫu Tây Phiên, tham khảo tự mẫu Thiên can và giải thích các âm chữ Hán. Phần đầu là Thiên can tự mẫu phổ, tiếp đến là Thiên can âm vận phiên thiết phối hợp thập nhị phổ, sau đó đến Tây Phiên tự mẫu phối hợp thập tứ phổ.

金石圖 Kim thạch đồ

Sách 金石圖 (*Kim thạch đồ*) có ký hiệu G.78. Sách do Ngưu Vận Chấn biên soạn, nội dung là những văn bia cổ và những giải thuyết phối văn. Điều đáng quý là gần 100 văn bia cổ này thuộc cả thời đại Tiên Tần và các triều đại khác của Trung Quốc, có cả thạc bản, hình ảnh. Có những văn bia chỉ khoảng một trăm chữ, nhưng cũng có những văn bia lên đến vài trăm chữ thu nhỏ.

石鼓文考釋 Thạch cổ văn khảo thích

石鼓文考釋 (*Thạch cổ văn khảo thích*) có ký hiệu G.97; G.126. Tác giả sách là La Chấn Ngọc. Đây là một tác phẩm nghiên cứu về thư pháp Trung Quốc, khảo và nghiên cứu về văn khắc trên đồ đồng, trống đồng. La Chấn Ngọc là nhà nghiên cứu

văn học, ngôn ngữ học. Ông là một trong những nhà nghiên cứu về chữ giáp cốt, văn bia trên mộ của Trung Quốc.

秦漢瓦當文字 Tần Hán ngõa đương văn tự

秦漢瓦當文字 (*Tần Hán ngõa đương văn tự*) có ký hiệu G.110, gồm văn tự viết và văn tự tượng hình, phần nhiều là triện thư. Nội dung sách chia thành 3 phần lớn: Phần I: *Kiến trúc đề danh* viết về các di chỉ kiến trúc cổ như Trường Lăng của nhà Tây Hán, Vũ Dương thiên thu thời Tần... Phần 2: *Ghi chép kỷ sự*, ví dụ viết về việc xây dựng thiên hạ thời Tây Hán, vùng biên cương phía bắc thời Đông Hán. Phần 3: *Cát tường ngữ*, có những câu hay như Thiên thu vạn tuế, Dữ thiên vô cực, Trường lạc vị áng.

殷墟文字 Ân Khư văn tự

殷墟文字 (*Ân Khư văn tự*) có ký hiệu G.174. Ân Khư là di tích của kinh đô nhà Thương (Trung Quốc). Ân Khư nằm tại trung tâm của tỉnh Hà Nam, thuộc thành phố An Dương ngày nay. Ân Khư được cho là kinh đô cuối cùng của nhà Thương (1600 TCN-1046 TCN) và là trung tâm văn hóa và tâm linh của thời kỳ sau này của nhà Thương, do có nhiều ngôi mộ được phát hiện và khai quật ở Ân Khư, trong đó vài ngôi có độ sâu hơn 18 m.

Ân Khư còn nổi tiếng do phát hiện xương thú và mai rùa và các chữ khắc trên đó (gọi là giáp cốt văn), mà người ta cho rằng đây là khởi nguồn của chữ Hán và văn viết chữ Hán. Người ta đã sưu tập được hơn 160.000 mảnh giáp cốt và hơn 1.000 hiện vật bằng đồng xanh. Văn giáp cốt các học giả tổng kết được khoảng 4.500 đơn tự và đọc hiểu được khoảng 3.000, trong đó có 1.500 chữ được các học giả nhất trí về ngữ nghĩa. Nội dung của các mảnh giáp cốt đó viết về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nhà Thương, xác nhận các sử liệu ghi chép trong các sách sử cổ nói chung là chính xác.

Sách *Ân Khư giáp cốt văn* là hệ thống văn tự hoàn bị sớm nhất của Trung Quốc hiện nay, là tư liệu gốc quan trọng cho các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ, văn học, lịch sử, thiên văn, khí tượng, nông nghiệp, y học, địa lý, khảo cổ của Trung Quốc cổ đại. Sách do Thương vụ ấn thư quán in năm Dân quốc 37 (1948).

隸辨 Lệ biên

隸辨 (*Lệ biên*) có ký hiệu 1331, là bộ tự điển chữ Lệ do Cố Ái Cát đời Thanh biên soạn. Sách gồm 8 quyển, ghi chép các chữ Lệ trên văn bia, biên soạn theo thứ

tự các vận bộ như “Trát bộ vận lược” đời Tống, dưới mỗi chữ đều chú thích xuất xứ, tên của bia. Quyển 6 phân tích dựa trên 540 bộ của “Thuyết văn giải tự”, quyển 7, 8 “Bia khảo” nói rõ về sự tồn tại và nơi lưu giữ các bia, dựa trên niên đại của các bia.

Ngoài một số cuốn nêu trên còn có thể kể đến: Sách 觀妙齋藏金石文考略 (*Quan Diệu Tế tàng kim thạch văn khảo lược*) có ký hiệu 219, gồm 16 quyển, do Lý Quang Ánh đời Thanh biên soạn, nghiên cứu hơn 600 loại văn tự viết trên đồ đồng và bia đá của các nhà sưu tầm; 𠂔骨文例 (*Giáp cốt văn lệ*) có ký hiệu 2522, là tác phẩm nghiên cứu văn bia Trung Quốc của tác giả là Hồ Quang Vĩ, Nhà xuất bản Trung tâm nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ Đại học Trung Sơn, xuất bản năm 1928; 隸釋 (*Lệ thích*) có ký hiệu 1606, là tác phẩm của Hồng Thích, thành sách năm 1160, gồm 27 quyển, phần sau gồm 21 quyển, ghi chép 183 loại văn tự chữ Lệ khắc trên đá thời Hán Ngụy, đây là sách bộ sách sớm nhất ghi chép, giải thích chữ khắc trên đá Hán Ngụy Tấn.

Kết luận

Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội hiện còn lưu giữ một số sách có giá trị về chủ đề ngôn ngữ. Các công trình từ điển và bách khoa thư là kho tàng ngôn ngữ đồ sộ, quy mô về từ vựng, ngữ nghĩa, âm vận, thanh mẫu, thanh điệu cũng như kiến thức bách khoa về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Nhiều công trình từ điển và bách khoa thư có tầm ảnh hưởng lớn như *Từ hải*, *Khang Hy tự điển*, *Nhĩ nhĩ*, *Từ thông*, *Thuyết văn giải tự*... Không dừng lại ở giá trị nghiên cứu ngôn ngữ, một số công trình từ điển và bách khoa thư còn là kho thành ngữ, thơ ca Trung Quốc và chứa đựng tri thức về tôn giáo, đặc biệt là Nho giáo.

Những công trình nghiên cứu chuyên biệt về ngôn ngữ như *Thông nhĩ*, *Từ học toàn thư*, *Khuất Tử chương cú*, *Phương ngôn tiên sơ*, *Lục thư cổ*, *Quảng vận*... tuy nghiên cứu về quy luật ngôn ngữ nhưng lại có giá trị trong khảo chứng về sự vật, tượng số, thiên văn địa lý, ẩm thực, toán học, sinh vật học...

Có thể thấy rằng, vốn tư liệu có chủ đề ngôn ngữ trong kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội lưu giữ nhiều vốn tư liệu quý bao trùm toàn bộ lịch sử ngôn ngữ Trung Quốc từ thời văn giáp cốt cho đến thời cận đại. Ngoài ra, tác giả một số công trình đã có công thu thập hình ảnh, tư liệu văn bia, gạch ngói, mai rùa, xương

thú... có chữ Hán đưa vào những tuyển tập được biên soạn công phu, khoa học, có giá trị cho người đời sau nghiên cứu và học hỏi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 辭海 Từ hải (ký hiệu P.1073)
2. 中國文學大辭典 Trung Quốc văn học đại từ điển (ký hiệu P.1300)
3. 韻府群玉 Vận phủ quần ngọc (ký hiệu 2454)
4. 國音字典 Từ điển quốc âm (ký hiệu P.127)
5. 爾雅 Nhĩ nhã (ký hiệu 1609)
6. 辭通 Từ thông (ký hiệu P.1242)
7. 辭源續編 Từ nguyên tục biên (ký hiệu P.892)
8. 說文解字 Thuyết văn giải tự - Giảng giải và phân tích ý nghĩa hình thể chữ viết (ký hiệu 468; 3013)
9. 隸辨 Lệ biện (ký hiệu 1331)
10. 佩文韻府 Bội văn vận phủ (ký hiệu P.32 và 4)
11. 康熙字典 Khang Hy tự điển (ký hiệu P.257, 1004, 1026, 1431)
12. 觀妙齋藏金石文考略 Quan Diệu Tề tàng kim thạch văn khảo lược (ký hiệu 219)
13. 胙骨文例 Giáp cốt văn lệ (ký hiệu 2522)
14. 隸釋 Lệ thích (ký hiệu 1606)
15. 殷墟文字 Ân khư văn tự (ký hiệu G.174)
16. 秦漢瓦當文字 Tần Hán ngõa đương văn tự (ký hiệu G.110)
17. 石鼓文考釋 Thạch cổ văn khảo thích (ký hiệu G.97; G.126)
18. 金石圖 Kim thạch đồ (ký hiệu G.78)
19. 欽定同文韻統 Khâm định đồng văn vận thống (ký hiệu G.12)
20. 金石索 Kim thạch sách (ký hiệu G.6)
21. 爾雅義疏 Nhĩ nhã nghĩa sơ (ký hiệu 880, 1626)
22. 欽定遼金元三史語解 Khâm định Liêu Kim Nguyên tam sử ngữ giải (ký hiệu 97)
23. 宣和博古圖錄 Tuyên Hòa Bác cổ đồ lục (ký hiệu 202)
24. 廣韻 Quảng vận (ký hiệu P.1185)

25. 六書故 Lục thư cổ (ký hiệu 1506)
26. 方言箋疏 Phương ngôn tiên sơ (ký hiệu 1188)
27. 屈子章句 Khuất tử chương cú (ký hiệu 2228)
28. 詞學全書 Từ học toàn thư (ký hiệu 2005)
29. 通雅 Thông nhã (ký hiệu 612)
30. 說文引經證例 Thuyết văn dẫn kinh chứng lệ (ký hiệu 1025).

GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN *TRẨM QUỶ TRUYỆN* HIỆN LƯU TRỮ TẠI KHO SÁCH TRUNG QUỐC CỔ, THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI, VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

*Trịnh Thùy Dương*¹

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu tiểu thuyết *Trẩm quỷ truyện* của Lưu Chương và hai văn bản *Trẩm quỷ truyện* hiện lưu trữ tại kho sách Trung Quốc cổ, Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội. Từ việc lược thuật nội dung, tình hình văn bản *Trẩm quỷ truyện* tại Trung Quốc và những dấu ấn đã biết của việc lưu truyền tác phẩm vào Việt Nam, bài viết cho thấy mức độ phổ biến và ảnh hưởng của *Trẩm quỷ truyện*. Thông qua việc khảo tả hiện trạng hai văn bản *Trẩm quỷ truyện* có ký hiệu P.619 và P.700 tại Thư viện Khoa học xã hội, bài viết gợi ý văn bản P.619 có niên đại thời Thanh, lưu giữ được nhiều yếu tố từ văn bản Hoãn Nhĩ đường thời Càn Long, có thể được truyền nhập vào Việt Nam từ Quảng Đông trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX; còn văn bản P.700 có niên đại thời Dân Quốc. Cả hai văn bản đều là những tư liệu có giá trị đối với việc nghiên cứu quá trình lưu truyền của *Trẩm quỷ truyện*, rộng hơn là nhiều tiểu thuyết Trung Quốc khác tại Việt Nam.

Từ khóa: Trẩm quỷ truyện, Bình quỷ truyện, Tróc quỷ truyện, Thư viện Khoa học xã hội, Kho sách Trung Quốc cổ

Mở đầu

Trẩm quỷ truyện 斬鬼傳, *Bình quỷ truyện* 平鬼傳, hay *Tróc quỷ truyện* 捉鬼傳, ... là một tiểu thuyết chương hồi phúng thích của Trung Quốc, do Lưu Chương 劉璋 (1667-?) chấp bút. Tác phẩm này được truyền nhập vào Việt Nam muộn nhất trong khoảng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Những dấu ấn tiếp nhận tác phẩm còn được một số thư tịch tại Việt Nam lưu giữ lại, mặc dù văn bản *Trẩm quỷ truyện* đã từng được cho là bị thất tán từ lâu. Kho sách Trung Quốc của Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam còn lưu giữ được hai văn bản của tác phẩm này với tên gọi *Thuyết Đường bình quỷ toàn*

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

truyện 說唐平鬼傳 (ký hiệu: P.619) và *Tú tượng cửu tài tử thư Tróc quỷ toàn truyện* 繡像九才子捉鬼全傳 (ký hiệu: P.700). Đây là những tư liệu có giá trị đối với việc nghiên cứu sự lưu truyền *Trảm quỷ truyện* vào Việt Nam, cũng như những tác phẩm tiểu thuyết chương hồi khác cùng bộ sách với tác phẩm này trong giai đoạn cận hiện đại. Bài viết này sẽ tiến hành khảo sát, giới thiệu hai văn bản trên.

1. *Trảm quỷ truyện* tại Trung Quốc và những dấu ấn truyền nhập vào Việt Nam

Tiểu thuyết chương hồi *Trảm quỷ truyện* do Lưu Chương, tự Ư Đường 於堂, hiệu Giới Phù 介符, Yên Hà Tản Nhân 煙霞散人, Tiều Vân Sơn Nhân 樵雲山人 biên thứ vào đầu thời Thanh Khang Hy 康熙 (trị vì từ năm 1661-1722). Khác với nhiều tiểu thuyết khác có đề tài tình yêu của Lưu Hưởng như *Uyên ương ảnh* 鴛鴦影, *Phượng hoàng trì* 鳳凰池, *Xảo liên châu* 巧聯珠..., *Trảm quỷ truyện* thuộc loại tiểu thuyết phúng thích¹. Ngoài tên gọi *Trảm quỷ truyện*, tiểu thuyết này còn được biết đến với tên gọi *Tróc quỷ truyện* 捉鬼傳, *Thuyết Đường bình quỷ truyện* (gọi tắt là *Bình quỷ truyện*), *Chung Quỷ tróc quỷ truyện* 鍾馗捉鬼傳, *Chung Quỷ trảm quỷ truyện* 鍾馗斬鬼傳, *Chung Quỷ truyện* 鍾馗傳, *Đệ cửu tài tử thư* 第九才子書,... Tác phẩm này thường được in và xuất bản trong cùng bộ với nhiều tiểu thuyết khác như *Tì bà ký* 琵琶記, *Hoa tiên ký* 花箋記,...

Nội dung cơ bản của tác phẩm như sau: Thời Đường Đức Tông 唐德宗 có một vị Tú tài họ Chung, tên Quỷ, tự Trấn Nam 鎮南, sinh ra có đầu như con báo, mắt tròn, mặt sắt, râu xoắn, hình dung vô cùng xấu xí, khiến người ta sợ hãi. Tuy nhiên, Chung Quỷ lại rất có tài văn chương, tính cách chính trực, không kiêng sợ ma quỷ. Đương năm triều đình mở khoa thi, Chung Quỷ lên kinh đô Trường An ứng thí. Chánh Chủ khảo Hàn Dũ 韓愈 và Phó Chánh Chủ khảo Lục Chí 陸贄 khi duyệt đến quyển của Chung Quỷ liền hết sức vui mừng, khen là bậc “kì sĩ”, lại tiến cử Chung lên triều đình. Vua Đường Đức Tông trông thấy Chung Quỷ có tướng mạo xấu xí liền không hài lòng. Trong khi họ Hàn, họ Lục hết lời can gián vua, Tể tướng Lư Kỳ 盧杞 buông lời xúc xiểm, tuyên bố Trạng nguyên phải là người kiêm toàn cả tài năng bên trong và diện mạo bên ngoài. Chung Quỷ vừa nghe liền biết Lư Kỳ là loại gian tà, bèn nổi

¹ Vương Thanh Bình 王青平 (1983), “*Trảm quỷ truyện* đích bản bản nguyên lưu cập kì san hành quá trình” 《斬鬼傳》的版本源流及其刊行過程, *Chiết Giang học san* 《浙江學刊》, Kỳ 4, số tháng 8, tr.73.

trận lôi đình, cầm tấm hốt lao lên đánh. Đường Đức Tông lệnh võ sĩ Kim Qua 金瓜 bắt giữ Chung Quỷ. Chung Quỷ rút bảo kiếm tự sát. Lục Chí tâu Lư Kỷ là loại gian thần hại nước. Đường Đức Tông biết mình sai, bèn lệnh đầy Lư Kỷ ra phía Nam núi Ngũ Lĩnh, phong Chung Quỷ là Khu Ma đại thần 驅魔大神, lãnh trách nhiệm đi khắp nhân gian trừ yêu diệt ma, lại truy phong cho Chung Quỷ chức Trạng nguyên, cho mặc áo Trạng nguyên an táng. Chung Quỷ sau khi nhận phong hiệu, cho rằng ở phủ Phong Đô có nhiều yêu ma nhất, bèn đem bảo kiếm cùng tấm hốt tới gặp Diêm Quân. Tại đây, Chung Quỷ nhận ra nhân gian mới đích thực là nơi có nhiều yêu ma cần diệt trừ. Diêm Quân rút ra một quyển sổ ghi tên các loài ma quỷ giao cho Chung Quỷ, rồi phái hai vị thần là Hàm Oan 含冤 và Phụ Khuất 負屈 đem 300 âm binh đi theo phụ giúp, lại tặng cho Chung Quỷ một con bạch trạch (vốn là do Bá Phi 伯酈 cải tà quy chính biến thành) để cưỡi về nhân gian diệt quỷ. Vốn năm xưa, Hàm Oan là một hàn sĩ, thi đỗ Thám hoa, nhưng lại bị Dương Quốc Trung 楊國忠 chèn ép, uất hận mà tự tử. Phụ Khuất là con nhà võ, từng cứu mạng An Lộc Sơn 安祿山 trên chiến địa, nhưng rồi lại bị chính hấn hại chết. Ba người có chung hoàn cảnh, nay cùng hiệp lực thực hiện nhiệm vụ diệt trừ yêu ma. Họ được một tiểu quỷ dẫn đường qua cầu Nại Hà, trở lại nhân gian. Trải qua nhiều thử thách, với sự phù trợ của một số vị thần Phật khác, ba người đã lần lượt tiêu diệt được tất cả những quỷ ma có tên trong sổ của Diêm Quân. Kết thúc nhiệm vụ, họ đem âm binh trở về địa phủ. Những kẻ ác như Dương Quốc Trung, An Lộc Sơn, Võ Tắc Thiên, Dương Quý phi,... bị trừng trị tại nơi này. Diêm Quân dẫn ba người lên gặp Ngọc Đế. Tại đây, Chung Quỷ được phong hiệu Dục Thánh Trừ Tà Lôi Đình Khu Ma Đế Quân 翊聖除邪雷霆驅魔帝君, Hàm Oan được phong hiệu Thiên Xu Văn Đức Dục Thánh Chân Quân 天樞文德翊聖真君, Phụ Khuất được phong hiệu Thiên Xu Võ Đức Dục Thánh Chân Quân 天樞武德翊聖真君. Hàm Oan và Phụ Khuất bay về trấn giữ Thiên Xu, Chung Quỷ cưỡi bạch trạch rời khỏi Nam Thiên môn, trở về ngự trong một ngôi miếu, phù trợ nhân dân diệt trừ ma quỷ, linh dị lạ thường. Vua Đường Đức Tông biết chuyện, mừng rỡ lệnh cho cấp biểu ngạch tại miếu, đồng đảo bách tính đến xem, hết lời ca tụng.

Tại Trung Quốc, tác phẩm này đã được lưu truyền qua nhiều kiểu văn bản, tình hình lưu truyền tương đối phức tạp. Các bản chép tay có bản *Thủ đô đồ thư quán* 首都圖書館 (bản trước năm 1688), *Bắc Kinh đại học đồ thư quán* 北京大學圖書館 (bản năm 1688), *Bắc Kinh đồ thư quán* 北京圖書館 (bản trong khoảng từ năm 1796 đến năm 1706 thời Càn Long), bản được Trịnh Chấn Đạt 鄭振鐸 đưa vào *Thế giới văn khố* 世界文庫 (bản thời Càn Long),... Các bản in có bản *Hoản Nhĩ đường san tu*

trân bản 莞尔堂刊袖珍本, *Đồng Văn đường san bản* 同文堂刊本 và *Hoản Nhĩ đường trùng san bản* 莞尔堂重刊本 (năm Quý Sửu niên hiệu Càn Long - 1794),... Trong đó, các bản *Hoản Nhĩ đường trùng san bản* niên hiệu Càn Long được cho là để bản để phiên san nhiều bản in khác như bản *Vân Lâu* 云樓, bản *Cận Văn đường* 近文堂, bản *Giang Tả Thư lâm* 江左書林,... Ngoài ra, còn phải kể tới nhiều bản in trong những năm 30 đến những năm 50 của thế kỷ XX được hiệu điểm, phục chế,... trên cơ sở các bản in và bản chép tay cổ¹.

Tại Việt Nam, *Trảm quỷ truyện* cùng với nhiều tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc khác trong cùng bộ sách đã được du nhập và phổ biến muộn nhất trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Một tác phẩm thơ chữ Hán tập cổ được lưu tại Thái Bình, tương truyền là do Nguyễn Tú (? - ?) - Lễ bộ Thị lang dưới triều Minh Mệnh 明命 (tại vị từ năm 1839-1841) thực hiện có trích rút câu trong truyện *Bình quỷ*². Mục từ *Tróc quỷ truyện* trong *Nam ngữ chính tả tự vị* của Nguyễn Diên Niên (1933)³ cũng giới thiệu tác phẩm này. Do đó có thể thấy, đây là một tiểu thuyết quen thuộc với người Việt Nam giai đoạn hậu kì trung đại và cận hiện đại. Tuy nhiên, văn bản *Trảm quỷ truyện* (và các tác phẩm đi cùng với tiểu thuyết này) đến nay đã bị thất tán khá nhiều, không còn được tìm thấy trong các kho sách được phục vụ tại các thư viện quốc gia, hay các tư viện tư gia⁴. May mắn là Kho sách Trung Quốc của Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vẫn lưu lại được 2 văn bản của tác phẩm này. Đây sẽ là những căn cứ có giá trị để nghiên cứu về sự lưu truyền *Trảm quỷ truyện* vào Việt Nam.

2. Hiện trạng hai văn bản *Trảm quỷ truyện* tại Thư viện Khoa học xã hội

2.1. Văn bản ký hiệu P.619 (TQC4597)

Đây là văn bản khắc in, gồm 4 quyển, 142 tờ, đơn ngư vĩ, đơn biên, có 1 tranh, một số chỗ đã bị mục bỏ mất chữ. Có hai nhan đề được sử dụng là “Đệ cửu tài tử thư” 第九

¹ Xem: Vương Thanh Bình 王青平 (1983), “*Trảm quỷ truyện* đích bản bản nguyên lưu cập kì san hành quá trình” 《斬鬼傳》的版本源流及其刊行過程, *Chiết Giang học san* 《浙江學刊》, Kỳ 4, số tháng 8; Vương Thanh Bình 王青平 (1983), “*Trảm quỷ truyện* sao bản đích phát hiện dữ khảo chứng” 《斬鬼傳》抄本的發現與考證, *Văn học di sản* 《文學遺產》, Kỳ 1, tr.99-100.

² Tiền Đoàn (1996), “Giới thiệu một số tài liệu về *Truyện Kiều* ở Thái Bình”, *Thông báo Hán Nôm học năm 1996*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.95- 107.

³ Nguyễn Diên Niên (1933), *Nam ngữ chính tả tự vị*, Nhà in Tân Dân, Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu: M7224, tr.67.

⁴ Đào Thái Tôn (1998), “Không có “Bản kinh” *Truyện Kiều* do vua Tự Đức đưa in”, *Tạp chí Văn học*, số 2, tr. 28.

才子書 và “Thuyết Đường bình quỷ toàn truyện” 說唐平鬼全傳. Gáy sách ghi tên “Đệ cửu tài tử thư” (Toàn trật 全帙). Bản tâm sách cũng ghi “Đệ cửu tài tử thư”. Trang bìa có dấu của Viện Viễn Đông Bác cổ (EFEO), cùng các dấu kiểm kê vào các năm 1967, 1974 và 1997. Đầu bìa sách ghi tên “Thuyết Đường bình quỷ toàn truyện”. Giữa bìa sách ghi tên “Đệ cửu tài tử thư”. Bên phải bìa có ghi tên tác giả là “Tiêu Văn Sơn nhân biên thứ” 樵雲山人編次. Bên trái bìa ghi đây là bản in của Cận Văn đường 近文堂-một nhà in ở Phạt Sơn, Quảng Đông. Văn bản không ghi năm khắc in. Trần Lam Tiên (1956) khi nghiên cứu văn bản *Trảm quỷ truyện* đã chỉ ra những văn bản của Cận Văn đường (cũng như bản của Văn lâu, Giang Tả thư lâm,...) đều là những bản phiên khắc từ bản trùng san của Hoãn Nhĩ đường năm Quý Sửu niên hiệu Càn Long (1793)¹. So sánh hình ảnh và mô tả bản Hoãn Nhĩ đường với văn bản P.619, có thể thấy văn bản P.619 có cách trình bày bìa (kiểu chữ, vị trí các nhan đề sách, tên người biên thứ, tên nơi in), tên nhan đề đều giống với bản Hoãn Nhĩ đường. Văn bản P.619 cũng bảo lưu được bài nguyên tự giống với bản Hoãn Nhĩ đường. Tuy nhiên, bản Hoãn Nhĩ đường cấu trúc mỗi trang 7 hàng, mỗi hàng 17 chữ, lại không giống với bản P.619.

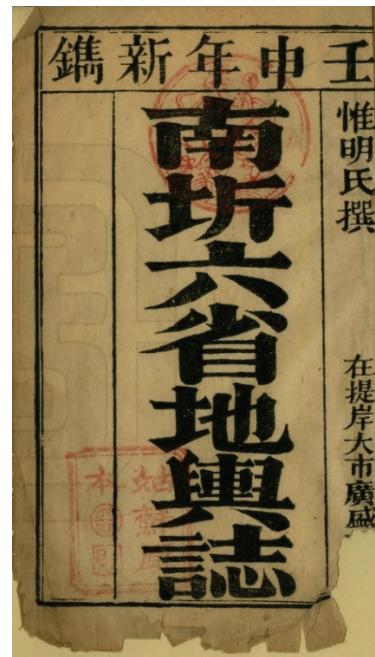
Đầu bìa văn bản P.619 có một ấn ký hình tròn, vẽ hình một người đang cười mây hoặc sóng biển, tay cầm pháp khí. Cuối bìa sách có ấn ký hình vuông viết chữ “Cô Tô nguyên bản” 姑蘇原版. Chúng tôi cũng tìm thấy một số văn bản khác được đóng hai ấn ký tương tự trên bìa, như *Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí* 南圻六省地輿誌 do Duy Minh thị 惟明氏 tuyển chọn xuất bản năm Tự Đức thứ 25 (1872) hiện đang được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Trung Quốc, *Lục Vân Tiên truyện* 蓼雲仙傳 do Duy Minh thị đính chính, in ở Kim Ngọc lâu ở Phạt Trấn xuất bản 金玉樓 năm 1874 được lưu tại Thư viện Trường Sinh ngữ Phương Đông Paris (École des langues orientales, Paris), *Tú tượng đệ bát tài tử tiên chủ* 繡像第八才子箋註 do Kim Ngọc Lâu xuất bản,... Điểm chung của các văn bản này là đều xuất phát từ nhà in ở Phạt Trấn (Quảng Đông) và sau đó được lưu hành tại Việt Nam trong khoảng cuối thế kỷ XIX. Dấu ấn “Cô Tô nguyên bản” có thể do một đơn vị in ấn hoặc phát hành thực hiện, đồng thời cũng gợi ý rằng chúng được in lại từ những thư tịch gốc lưu trong một tàng thư nào đó vùng Giang Tô. Văn bản P.619 có thể cũng được lưu hành theo con đường trên.

¹ Trần Lam Tiên 陳藍先 (1956), “*Trảm quỷ truyện* đích tác giả hoà bản bản” 捉鬼傳的作者和版本, *Quang Minh nhật báo* 光明日報, số ngày 29/4.



Bìa văn bản P.619

[Ảnh: Viện Thông tin Khoa học xã hội]



Bìa văn bản Nam Kỳ Lục tỉnh địa dư chí

[Ảnh: Thư viện Quốc gia Trung Quốc]

Hình 1: Đối chiếu ấn ký trên bìa văn bản P.619 và Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí

Đầu văn bản P.619 có hai tờ Tiền Nhất và Tiền Nhị. Hai mặt tờ Tiền Nhất ghi bài “Đệ cử tài tử thư Bình quỷ nguyên tự” 第九才子書平鬼原序, phía cuối có ghi: “Thời: Khang Hy Canh Tý tuế trọng đông thượng hoán thượng nguyên Hoàng Việt Tế Phi thị thư ư kinh đề chi Đại Xuân đường” (岿: 康熙庚子歲仲冬上浣上元黃越際飛氏書於京邸之大椿堂) [Bảy giờ là Thượng tuần tháng Mười năm Canh Tý niên hiệu Khang Hy (1720), Hoàng Việt Tế Phi thị, người huyện Thượng Nguyên viết ở Đại Xuân đường trong dinh thự tại Kinh đô].

Mặt trước tờ Tiền Nhị có mục lục, viết tên sách là “Đệ cử tài tử thư Trảm quỷ truyện mục lục” 第九才子書斬鬼傳目錄, chia làm 4 quyển, 10 hồi, cụ thể như sau:

+ Quyển nhất thượng hạ:

Đệ nhất hồi: Kim Loan điện cầu vinh đắc họa, Phong Đô phủ xá quỷ đàm nhân 金鑾殿求榮得禍, 豐都府舍鬼談人 [Ở điện Kim Loan, cầu vinh, gặp họa; Ở phủ Phong Đô tha quỷ, luận người]

Đệ nhị hồi: Tổ căn do nhị thần cộng phẫn, Sính hào cường tam quỷ tề sư 訴根由二神共憤, 逞豪強三鬼齊譏 [Kể nguyên do, hai thần cùng giận; Tỏ cường hào, ba quỷ nói càn]

Đệ tam hồi: Hàm Tư mã kế cứu Hán Tây Thi, Phụ tướng quân tiễn xạ Nghiệm Kiểm quỹ 含司馬計救嘆西施，負將軍箭射醜臉鬼 [Hàm Tư mã mưu cứu Hán Tây Thi; Phụ Tướng quân bắn quỷ Nghiệm Kiểm]

+ Quyển nhị thượng hạ:

Đệ tứ hồi: Nhân Ác Xúc đồng tâm phóng kì sĩ, Vị Tử Tế bị thử kết oan gia 因齟齬同心訪奇士，為仔細彼此結冤家 [Nhân quỷ Ác Xúc đồng lòng thăm kì sĩ; Vị quỷ Tử Tế đây đó kết oan gia]

Đệ ngũ hồi: Vong phụ cừ thiên thành mạc nghịch, Cầu quan tố phản thất gia tư 忘父仇偏成莫逆，求官做反失家私 [Quên thù cha trở thành thân thiết; Cầu làm quan lại mất của nhà]

+ Quyển tam thượng trung hạ

Đệ lục hồi: Cuồng Phiến quỷ phản bị nhân khu khắp, Đâu Hoang quỷ tức giáo quỷ 誑騙鬼反被人摑掐，丟謊鬼却教鬼偷尸 [Quỷ Cuồng Phiến lại bị người bắt bẻ; Quỷ Đâu Hoang liền dạy quỷ trộm thây]

Đệ thất hồi: Đối phương tôn lưỡng nhân thưởng minh nguyệt, Hiến mỹ tửu ngũ quỷ鬧鍾馗 對芳樽兩人賞明月，獻美酒五鬼鬧鍾馗 [Trước bình thom, hai người thưởng trăng sáng; Hiến rượu ngon, năm quỷ quấy Chung Quỷ]

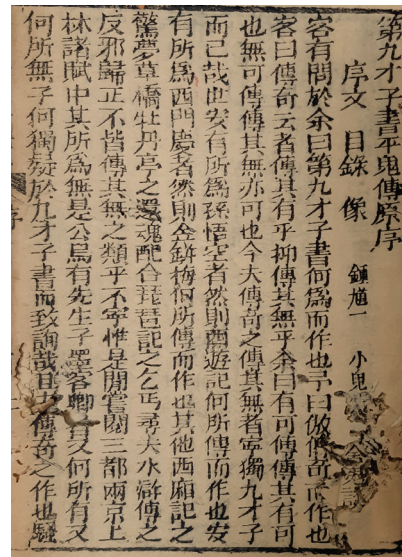
Đệ bát hồi: Ngộ Không am lẫn tru Hắc Nhân quỷ, Yên Hoa trại trí thỉnh Bạch Mi thần 悟空庵懶誅黑眼鬼，烟花寨智請白眉神 [Am Ngộ Không, biếng trừ quỷ Hắc Nhân; Trại Yên Hoa, khôn mời thần Bạch Mi]

+ Quyển tứ thượng hạ

Đệ cửu hồi: Háo tham hoa tiềm di tam địa, Ái ẩm tửu mậu dẫn quần tiên 好貪花潛移三地，愛飲酒謬引群仙 [Ham ngắm hoa, ngầm dời ba đất; Mê uống rượu nhâm dẫn các tiên]

Đệ thập hồi: Yêu khí tịnh Nộn Tĩnh quy địa ngục, Công hạnh mãn Chung lão lên thiên đài 妖氣淨憚睜歸地獄，功行滿鍾老上天台 [Yêu khí sạch, Nộn Tĩnh về địa ngục; Công hạnh trọn, Chung lão lên thiên đài]

Mặt sau tờ Tiền Nhị có vẽ hình Chung Quỷ đang ngồi trên phiến đá, bên trái tranh có vẽ hình một tiểu quỷ đang chấp tay cầu khẩn. Đường nét của tranh cứng cáp, tương tự các tranh trong các bản khắc in thế kỷ XVIII-XIX, không có nhiều chi tiết phức tạp.



Hình 2: Tranh vẽ Chung Quỳ và bài tựa văn bản P.619

Phần chính văn được cấu trúc mỗi trang 10 dòng, mỗi dòng 20 chữ, chia làm 4 quyển như trong mục lục (quyển 1: 43 tờ, quyển 2: 30 tờ, quyển 3: 40 tờ, quyển 4: 26 tờ) Đầu mỗi quyển đều mở đầu bằng “Đệ cửu tài tử thư Bình quỷ truyện quyển...” 第九才子書平鬼傳卷..., “Dương Trực Tiêu Vân sơn nhân biên thứ” 陽直樵雲山人編次, kết thúc bằng “Bình quỷ truyện quyển ... chung” 平鬼傳卷...終. Một số tên hồi được ghi trong chính văn khác với được ghi trong mục lục, như sau (các chữ khác với mục lục được gạch dưới):

- Đệ nhị hồi: “Tổ căn do lưỡng thần cộng phần, Sính hào cường tam quỷ tề sư” 訴根由兩神共憤, 逞豪強三鬼齊讞

- Đệ tam hồi: “Hàm Tư Mã kế cứu hán Tây thi, Phụ Tiên phong tiễn xạ nghiệm kiểm quỷ” 含司馬計救嘆西施, 負先鋒箭射醜臉鬼

- Đệ tứ hồi: “Nhân Ác Xúc đồng tâm phóng kì tài, Vi Tử Tế bí thử kết oan gia” 因齷齪同心訪奇才, 為仔細彼此結冤家

- Đệ lục hồi: “Cuống Phiến nhân hoàn bị nhân khu kháp, Đầu Hoang quỷ tức giáo quỷ thâm thi” 誑騙人還被人摑掐, 丟謊鬼却教鬼偷尸

Ngoài ra, từ 29b đến tờ 30b của quyển 3 còn có vết điểm chú bằng mực đỏ của người đọc sách, có thể hỗ trợ cho việc đọc tác phẩm. Các tờ 27b, 43b của quyển 1, tờ 13b của quyển 3, tờ 15b của quyển 4 là trang trắng.

Nhìn chung, văn bản P.619 mặc dù là một bản phiên san, không có niên đại quá cổ, nhưng lưu giữ được nhiều yếu tố từ bản khắc in của Hoàn Nhĩ đường thời Càn

Long (thể hiện qua nhan đề, bài nguyên tự). Do đó, đây vẫn là một văn bản khá tốt và đầy đủ để tiếp nhận *Trăm quỷ truyện*.

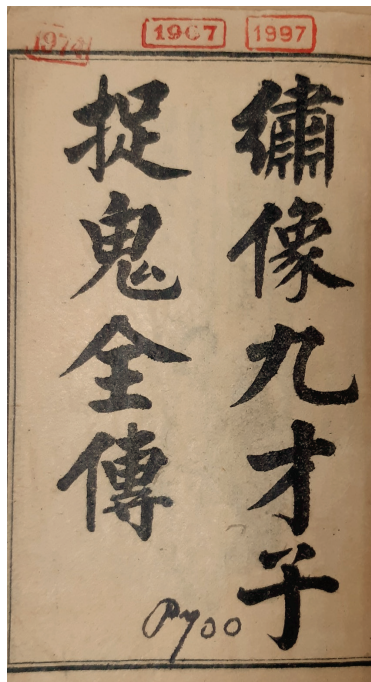
2.2. Văn bản ký hiệu P.700

Văn bản ký hiệu P.700 (TQC5289) là bản thạch ấn, gồm 4 quyển, tổng 50 tờ, song lan, đơn ngữ vĩ. Sách hiện khá toàn vẹn, không có dấu vết bị mục bở. Gáy sách đề tên là “Cửu tài tử tróc quỷ toàn truyện” 九才子捉鬼全傳 (Nhất bản 一本). Bìa sách không có thông tin về tên người biên soạn, năm ấn hành và nơi ấn hành, chỉ có dòng chữ ghi nhan đề là “Tú tượng Cửu tài tử thư Tróc quỷ toàn truyện”. Yếu tố “Cửu tài tử thư” cho thấy cuốn sách vẫn tiếp tục giữ vị trí thứ 9 trong một bộ sách giống như văn bản P. 619. Trong khi đó, tên tác phẩm lại là “Tróc quỷ toàn truyện” thay vì “Thuyết Đường bình quỷ”. Yếu tố “Tú tượng” nhấn mạnh đến sự xuất hiện của nhiều tranh minh họa trong sách. Bìa sách có dấu EFEO cho thấy sách được nhập kho Viện Viễn Đông Bác cổ (cùng thời gian kiểm kê vào các năm 1967, 1974, 1997) giống như bản P.619. Sách có phần mục lục, tú tượng và chính văn, với chữ trên bản tâm lần lượt là “Hội đồ cửu tài tử thư mục lục” 會圖九才子書目錄, “Tú tượng Tróc quỷ truyện” 繡像捉鬼傳 (Tượng 像) và “Hội đồ cửu tài tử thư” 會圖九才子書 (Quyển 卷 ...).

Sách có tổng cộng 5 tranh, trong đó có 1 tranh vẽ quảng cáo sách ở phía sau trang bìa, 4 tranh còn lại vẽ nhân vật, nằm trong phần Tú tượng. Mặc dù không ghi năm ấn hành, tuy nhiên việc sách được in theo hình thức thạch ấn, cùng nội dung tranh quảng cáo sách phía sau bìa đã chỉ dẫn đây là sách được phát hành với mục đích thương mại vào thời Dân Quốc. Bức tranh này vẽ hai thiếu nữ có kiểu tóc tết và trang phục Dân Quốc, cầm hai lá cờ, trên mỗi lá cờ lại có nội dung quảng cáo: “Mới xuất bản cuốn *Ngô Bội Phu chính truyện*, đóng quyển bìa màu, 1 sách, định giá 5 hào” (新出吳佩孚正傳彩面裝訂一冊定價洋五角) và “Mới xuất bản sách *Chu xa tiêu khiển lục*, đóng quyển bìa màu, 2 sách, định giá 4 hào” (新出舟車消遣錄彩面裝訂二冊定價洋四角). Sách *Ngô Bội Phu chính truyện* ghi lại những hoạt động chính trị của Ngô Bội Phu (1874-1939) nên bản in này cũng có khả năng được phát hành trong giai đoạn đầu thế kỷ XX. Bốn bức tranh còn lại, mỗi bức tranh vẽ ba nhân vật, nét vẽ khá chi tiết, tinh xảo. Các nhân vật xuất hiện trong mỗi tranh, theo thứ tự từ phải sang trái như sau:

- Tranh 2 (tờ 1a): Hàm Oan 含冤, Chung Quỷ 鍾馗, Phụ Tiên phong 負先鋒
- Tranh 3 (tờ 1b): Địa Lưu quỷ 地溜鬼, Sái Ngoạn quỷ 耍玩鬼, Xương Thất quỷ 昌失鬼
- Tranh 4 (tờ 2a): Phong Lưu quỷ 風流鬼, Trang Xoang quỷ 裝腔鬼, Cuồng Phiến quỷ 誑騙鬼

- Tranh 5 (tờ 2b): Ác Xúc quỷ 齷促鬼, Nộn Tinh đại vương 憚睜大王, Hạ Tác quỷ 下作鬼



Bìa



Tranh 1



Tranh 2



Tranh 3



Tranh 4



Tranh 5

Hình 3: Bìa và các tranh minh họa trong văn bản P.700

Sách không có bài tựa. Có 1 trang mục lục ghi tên 10 hồi giống văn bản P.619. Việc phân bổ 10 hồi này vào 4 quyển có khác so với văn bản P.619, cụ thể: quyển 1

gồm hồi 1 và hồi 2 (9 tờ), quyển 2 gồm hồi 3, hồi 4 và hồi 5 (15 tờ), quyển 3 gồm hồi 6, hồi 7 và hồi 8 (11 tờ) và quyển 4 gồm hồi 9 và hồi 10 (11 tờ). Một số tên hồi trong chính văn được viết khác với trong mục lục như sau (các chữ gạch chân là các chữ khác với mục lục):

- Đề nhất hồi: “Kim Loan diện cầu vinh đắc hoạ, phủ Phong Đô xá quỷ đàm nhân” 金鑾殿求榮得禍，府鄧都舍鬼談人

- Đề nhị hồi: “Tổ căn do lưỡng thần cộng phẫn, Sính hào cường tam quỷ tề mưu” 訴根由兩神共憤，逞豪強三鬼齊謀

- Đề tứ hồi: “Nhân Ác Xúc đồng tâm phóng kì tài, Vị Tử Tế bỉ thử kết oan gia” 因齷齪同心訪奇才，為仔細彼此結冤家

- Đề lục hồi: “Cuồng Phiến nhân hoàn bị nhân khu khắp, Đâu Hoang quỷ tức giáo quỷ thâu thi” 誑騙人還被人摳掐，丟謊鬼却教鬼偷尸

- Đề bát hồi: “Ngộ Không lĩnh lân tru Hắc Nhân quỷ, Yên Hoa trại trí thỉnh Bạch Mi thần” 悟空嶺懶誅黑眼鬼，烟花寨智請白眉神

Sách không có dấu vết cú đậu. So với văn bản P.619, văn bản P.700 có niên đại muộn hơn. Văn bản P.700 cũng không đầy đủ bằng văn bản P.619 khi thiếu đi bài nguyên tựa. Tuy nhiên, văn bản này có nhiều hình minh hoạ sinh động, cầu kỳ - một đặc điểm chung của nhiều bản thạch ấn giai đoạn đầu thế kỷ XX.

Kết luận

Trăm quỷ truyện là một tiểu thuyết chương hồi khá có tầm ảnh hưởng tại Trung Quốc, có tình hình văn bản tương đối đa dạng, phức tạp. Tác phẩm này cũng đã được lưu truyền sang Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX cùng với nhiều tác phẩm khác. Cùng với một số tiểu thuyết chương hồi khác, *Trăm quỷ truyện* trở thành một phần trong vốn kiến văn của một số trí thức Việt Nam trong giai đoạn này. Văn bản mang ký hiệu P.619 và P.700 hiện lưu trong kho sách Trung Quốc cổ trong Thư viện Khoa học xã hội (thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) là minh chứng tiêu biểu cho sự du nhập này. Mặc dù hai văn bản không lưu lại niên đại, tuy nhiên quá trình khảo sát cho thấy văn bản P.619 là bản khắc in được phiên san từ bản Hoãn Nhĩ đường thời Càn Long, còn lưu giữ được nhiều yếu tố của văn bản *Trăm quỷ truyện* xuất hiện sớm như nhan đề hay bài tựa. Trong khi đó, văn bản P.700 xuất hiện muộn hơn vào thời Dân Quốc, có nhiều hình ảnh minh hoạ sống động. Đây đều là những tư liệu có giá trị để nghiên cứu sự truyền nhập *Trăm quỷ truyện*, rộng hơn nữa là các tiểu thuyết Trung Quốc vào

Việt Nam trong giai đoạn hậu kì trung đại - cận hiện đại. Tuy nhiên, để làm được điều đó, vẫn cần những khảo sát sâu hơn đối với nhiều tư liệu hữu quan, mà những thư tịch hiện lưu tại Thư viện Khoa học xã hội sẽ là những đầu mối quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Trực Tiều Vân sơn nhân biên thứ 陽直樵雲山人編次, *Thuyết Đường bình quỷ toàn truyện Đệ cửu tài tử thư* 說唐平鬼全傳第九才子書, Cận Văn đường bản 近文堂板, Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu: P.619 (TQC.4597).
2. Nguyễn Tiên Đoàn (1996), “Giới thiệu một số tài liệu về *Truyện Kiều* ở Thái Bình”, *Thông báo Hán Nôm học năm 1996*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.95 - 107.
3. Khuyết danh, *Tú tượng cửu tài tử thư Tróc quỷ toàn truyện* 繡像九才子捉鬼全傳, Không rõ tàng bản, Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu: P.700 (TQC.5289).
4. Nguyễn Diên Niên (1933), *Nam ngữ chính tả tự vị*, Nhà in Tân Dân, Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu: M7224.
5. Đào Thái Tôn (1998), “Không có “Bản kinh” *Truyện Kiều* do vua Tự Đức đưa in”, *Tạp chí Văn học*, số 2, tr.19-28.
6. Trần Lam Tiên 陳藍先 (1956), “*Tróc quỷ truyện* đích tác giả hoà bản bản” 捉鬼傳的作者和版本, *Quang Minh nhật báo* 光明日報, số ngày 29/4.
7. Vương Huệ Huyền 王惠萱 (2019), *Trảm quỷ truyện sở tự tả chi xã hội vấn đề nghiên cứu* 《斬鬼傳》所叙寫之社會問題研究, Luận án Tiến sĩ Khoa văn học Trung Quốc, Đại học Quốc Lập Trung Hưng, Đài Loan.
8. Vương Thanh Bình 王青平 (1983), “*Trảm quỷ truyện* sao bản đích phát hiện dữ khảo chứng” 《斬鬼傳》抄本的發現與考證, *Văn học di sản* 《文學遺產》, Kì 1, tr.99-100.
9. Vương Thanh Bình 王青平 (1983), “*Trảm quỷ truyện* đích bản bản nguyên lưu cập kì san hành quá trình” 《斬鬼傳》的版本源流及其刊行過程, *Chiết Giang học san* 《浙江學刊》, Kì 4, số tháng 8, tr.73-78.

CHÍNH THỐNG ĐẠO TẠNG TẠI VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI - BỘ ĐẠO TẠNG DUY NHẤT HIỆN TỒN TẠI Ở THƯ VIỆN CÔNG VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bảo¹

Tóm tắt: “Chính Thống Đạo tạng” là bộ Đạo tạng cổ nhất hiện còn trong hệ thống tư liệu Đạo giáo, được Minh Thành Tổ ngay sau khi lên ngôi đã xuống chiếu cho Thiên sư đời thứ 43 là Trương Vũ Sơ (張宇初) biên tập, sau được khắc in vào khoảng niên đại Chính Thống đời Minh Anh Tông (1444-1445). Đáng chú ý, tại Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý, thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam có một bộ “Chính Thống Đạo tạng”, qua khảo sát chúng tôi nhận định đây là bộ Đạo tạng duy nhất hiện còn tồn tại ở hệ thống thư viện công tại Việt Nam. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi giới thiệu khái quát về đặc điểm cũng như giá trị về văn bản và nội dung của bộ “Chính Thống Đạo tạng” tại Thư viện Khoa học xã hội.

Từ khóa: Đạo giáo, Đạo tạng, Chính Thống, Việt Nam

1. Mở đầu

Đạo giáo là một trong những triết lý và tín ngưỡng tôn giáo tại Việt Nam thời cổ - trung đại. Cùng với Nho giáo và Phật giáo, Đạo giáo là một trong ba tôn giáo được gọi là ba hệ thống tư tưởng lớn ở Việt Nam. Đạo giáo lấy “Đạo” làm tín ngưỡng cao nhất, tôn thờ Hoàng Lão, tập trung vào các lý thuyết và phương pháp tu luyện của Đạo giáo và Tiên giáo, sử dụng tư tưởng “đạo đức” của Lão Tử để thông báo và giáo dục muôn loài, theo đuổi sự hòa hợp trong vũ trụ và hòa bình trên thế giới, và dạy dỗ mọi người thông qua Đó là một tôn giáo địa phương độc đáo ở nước tôi, tu luyện Đạo giáo và tích lũy đức hạnh để đạt được hòa bình và hạnh phúc, trường thọ và đạt được Đạo giáo và trường sinh bất tử.

Đạo tạng được hiểu là bộ tổng tập các kinh điển của Đạo giáo. Trước *Chính Thống Đạo tạng*, có một số bộ Đạo tạng từng được biết đến như: *Tam Động kinh thư mục lục* 《三洞經書目錄》 do Lục Tu Tĩnh (陸修靜) đời Nam Bắc Triều biên mục

¹ ThS., Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

vào năm 471 đã hình thành nên hình thù của Đạo tạng gồm 1.228 sách; *Huyền đô kinh mục* 《玄都經目》 do Huyền Đô Quán đời Bắc Chu biên tập gồm 2.040 sách; *Tam Động Quỳnh Cương* 《三洞瓊綱》 được hình thành khoảng vào niên hiệu Khai Nguyên (713-741), Đường Huyền Tông ban chiếu sưu tầm các bộ kinh điển Đạo giáo, biên tập thành “tạng”, gọi là *Tam động quỳnh cương* (), đây là bộ Đạo tạng đầu tiên. Kể từ đó, các triều đại nhà Tống, Tấn, Mông Cổ và nhà Minh đều biên soạn và biên tập toàn bộ tuyển tập Tây Tạng; *Đại Tống Thiên cung Bảo tạng* (大宋天宮寶藏): Đời Bắc Tống, vào niên hiệu Thiên Thi thứ 3 (Dương lịch 1019),... Như vậy, lịch sử biên tập Đạo tạng đã có từ khá lâu. Tuy nhiên, trong các bộ Đạo tạng, đến nay chỉ còn lưu lại bộ *Chính Thống Đạo tạng* là cổ xưa nhất. Vì vậy, bộ Đạo tạng này có giá trị vô cùng quan trọng trong tiếp cận và nghiên cứu về Đạo giáo.

Viện Thông tin Khoa học xã hội được thành lập theo Quyết định số 93/CP ngày 08/5/1975 của Hội đồng Chính phủ, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng thay mặt Hội đồng Chính phủ ký quyết định. Viện được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai cơ quan thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam là Ban Thông tin Khoa học xã hội (thành lập năm 1973) và Thư viện Khoa học xã hội (thành lập năm 1968). Viện Thông tin Khoa học xã hội là đơn vị quản lý Thư viện Khoa học xã hội - cơ quan tiếp nhận, bảo quản và phục vụ vốn sách báo, tư liệu khoa học về phương Đông mà Thư viện Viễn Đông Bác cổ Pháp - EFEO (có trụ sở tại Hà Nội từ năm 1902) bàn giao lại cho Việt Nam năm 1957. Thư viện Khoa học xã hội là thư viện hàng đầu về khoa học xã hội của đất nước, bao gồm nhiều tài liệu quý, có niên đại đa dạng và bằng nhiều ngôn ngữ, trong đó tiêu biểu là nhóm tư liệu Trung Quốc cổ. Đáng chú ý, hiện nay Thư viện Khoa học xã hội còn lưu giữ bộ *Chính Thống Đạo tạng* hiện vật, vì vậy chúng tôi giới thiệu khái quát bộ tài liệu quý giá này.

2. Nội dung

2.1. Bộ Đạo tạng duy nhất hiện tồn tại ở thư viện công Việt Nam

Di sản và tư liệu Hán Nôm tại Việt Nam chủ yếu được lưu trữ tại các Thư viện và Trung tâm lưu trữ quốc gia, tiêu biểu như: Thư viện Quốc gia Việt Nam; Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội,... Hiện nay, tư liệu tại các kho sách này đã được quan tâm, thống kê, chỉnh lý và biên mục theo các mức độ khác nhau, bước đầu cho thấy được các tư liệu Đạo giáo tại các kho sách này.

Tại kho tư liệu ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, căn cứ vào các sách công cụ như *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm Việt Nam* của Trần Văn Giáp (Tập I xuất

bản 1984, tập II xuất bản 1990), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* của Trần Nghĩa và Gros (François) (1993),... và tiêu biểu nhất là *Việt Nam Hán Nôm cổ tịch văn hiến mục lục đề yếu* của Lưu Xuân Ngân và cộng sự chủ biên (2002), chúng tôi thống kê hiện có 392 tư liệu thuộc lĩnh vực Đạo giáo (Xem: Bảng 1).

Bảng 1. Tư liệu thuộc lĩnh vực Đạo giáo tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm theo sách *Việt Nam Hán Nôm cổ tịch văn hiến mục lục đề yếu*

Loại	Hán văn	Nôm văn	Ấn bản sao lưu từ Trung Quốc	Tổng	Tỷ lệ (%)
Đạo giáo	24	6	24	54	14
Giáng bút	45	69	50	164	42
Thần sắc	26	0	0	26	7
Loại khác	97	25	26	148	38
Tổng	192	100	100	392	100
Tỷ lệ (%)	48	26	26	100	

Số liệu thống kê ở Bảng 1 cho thấy, thư tịch thuộc lĩnh vực Đạo giáo có 392 đơn vị, thuộc 4 loại: Đạo giáo, Giáng bút, Thần sắc, Loại khác. Trong đó, tiểu loại “Giáng bút” chiếm tỷ lệ lớn nhất (42%); tiếp đến là tiểu loại “Loại khác” chiếm 38%; tiểu loại “Đạo giáo” chiếm 14%; thấp nhất là tiểu loại Thần sắc chỉ chiếm 7%. Xét về loại hình văn bản, có thể chia 392 đơn vị di sản và tư liệu thuộc lĩnh vực Đạo giáo tại cơ sở này thành 3 nhóm: Hán văn, Nôm văn, Ấn bản sao lưu từ Trung Quốc. Trong đó, nhóm Hán văn chiếm tỷ lệ lớn nhất là 48%, hai nhóm Nôm văn và Ấn bản sao lưu từ Trung Quốc đều chiếm 26%. Cũng theo kết quả này, loại hình tư liệu thuộc lĩnh vực Đạo giáo so với nhóm Tủ bộ chiếm 329/1.527 cuốn, tương ứng 26%; so với toàn thư tịch Viện Nghiên cứu Hán Nôm là 392/5.023, tương ứng 8%. Trong đó, tiêu biểu như: *Nhật dụng luyện thân chân kinh* 《日用練神真經》(ký hiệu A.2888 và A.1348); *Thái Thượng Lão Quân Thanh Tĩnh kinh* 《太上老君清靜經》(ký hiệu VHv.1090); *Thái Thượng Diệu Thủy kinh* 《太上妙始經》(ký hiệu A.2483),... Ngoài ra, chúng tôi không thấy kho tư liệu này đề cập tới *Chính Thống Đạo tạng*, hay nói cách khác tại cơ sở này không tồn tại bộ Đạo tạng này.

Tương tự, tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, căn cứ vào công trình *Thư mục sách Hán Nôm ở Thư viện Quốc gia* của Ngô Đức Thọ chủ biên (2005), chúng tôi cũng

nhận thấy một số tác phẩm thuộc lĩnh vực Đạo giáo được lưu tại cơ sở này như: *Cứu kiếp hoàng kinh* 《救劫皇經》 (ký hiệu R.1059 và R.2232); *Cứu thế bảo kinh* 《救世寶經》 (ký hiệu R.17910); *Ngọc Hoàng giáng phong thiện chính kinh* 《玉皇降封善政經》 (ký hiệu R.3938),... Tuy nhiên tại đơn vị này, chúng tôi cũng không thấy ghi chép về bộ *Chính Thống Đạo tạng* hay các bộ *Đạo tạng* khác. Hay ngay tại *Thư mục Trung Quốc cổ* (2 tập) của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam do Viện Thông tin khoa học xã hội xuất bản năm 1976 không đề cập tới bộ *Chính Thống Đạo tạng*.

Năm 2020, trong đợt chỉnh lý và biên mục kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin khoa học xã hội quản lý, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, chúng tôi có cơ may được tiếp cận bộ *Chính Thống Đạo tạng*. Chúng tôi vô cùng xúc động vì trước nay mặc dù Việt Nam luôn được nhận định là một nền văn hóa chịu ảnh hưởng của tinh thần tam giáo đồng nguyên, tam giáo tịnh hành,... tuy nhiên hệ thống di sản và tư liệu về Đạo giáo đặc biệt ít ỏi. Vì vậy có thể khẳng định đến thời điểm hiện tại (tháng 10/2023), bộ *Chính Thống Đạo tạng* là bộ Đạo tạng duy nhất hiện tồn tại hệ thống thư viện công tại Việt Nam.

2.2. Giới thiệu nội dung chính của bộ “*Chính Thống Đạo tạng*”

Nội dung chính của bộ *Chính Thống Đạo tạng* vô cùng phong phú, bao gồm 5.305 quyển, 480 hàm. Các sách trong *Chính Thống Đạo tạng* được đánh số theo tác phẩm *Thiên tự văn* 《千字文》, dùng từ chữ Thiên (天) đến chữ Anh (英). Do số lượng thư tịch vô cùng phong phú nên *Chính Thống Đạo tạng* hình thành các phân loại riêng, gọi là: “Tam động, Tứ phụ, Thập nhị loại” (三洞, 四輔, 十二類). Cụ thể như sau:

- Tam động gồm: 1. *Động Chân bộ* (洞真部), 2. *Động Huyền bộ* (洞玄部); 3. *Động Thần bộ* (洞神部).

- Tứ phụ gồm: 1. *Thái Huyền bộ* (太玄部); 2. *Thái Bình bộ* (太平部); 3. *Thái Thanh bộ* (太清部); 4. *Chính Nhất bộ* (正一部).

- Thập nhị loại gồm: 1. *Bản văn loại* (本文類): Nguyên văn về kinh thư; 2. *Thần phù loại* (神符類): Các loại bùa; 3. *Ngọc quyết loại* (玉訣類): Chú giải và xiển dương nghĩa lý kinh điển đạo giáo; 4. *Linh đồ loại* (靈圖類): Minh họa văn bản gốc của kinh sách và kinh sách dựa trên hình ảnh; 5. *Phả lục loại* (譜錄類): Tập hợp các kinh thư ghi chép lại sự tích và công đức của các bậc Cao Chân Thượng Thánh; 6. *Giới luật loại* (戒律): Các loại giới luật, công đức và tội lỗi; 7. *Uy nghi loại* (威儀類): Tập hợp

các kinh thư nói về phương diện trai tiểu khoa nghi; 8. *Phương pháp loại* (方法類): Tập hợp các kinh thư nói về việc tu tập của người ta hoặc thiết lập đàn tràng tế tự; 9. *Chứng thuật loại* (眾術類): Tập hợp các kinh thư nói về luyện đan, biến hóa ngũ hành; 10. *Ký truyện loại* (記傳類): Tập hợp các sách chí truyện ý về thần tiên, bí minh, đạo quán; 11. *Tán tụng loại* (讚頌類): Tập hợp các loại kinh thư để xưng tụng hay báo cáo của Thần linh; 12. *Chương biểu loại* (章表類): Thuộc về các loại sớ điệp dâng lên Thiên đế trong quá trình tế tự.

Trong đó, Tam động: Động Chân, Động Huyền, Động Thần là phần nội dung chính, Tứ phụ: Thái Huyền, Thái Bình, Thái Thanh, Chính Nhất là phần bổ sung và phụ trợ cho Tam động. Như Thái Huyền bộ sẽ bổ sung cho Động Chân bộ, Thái Bình bộ sẽ bổ sung cho Động Huyền bộ, Thái Thanh bộ sẽ bổ sung cho Động Thần bộ, Chính Nhất bộ sẽ xuyên suốt tinh thần của các bộ. Vì có tính liên kết như vậy nên Tam động và Tứ phụ còn gọi chung là Thất bộ, bao gồm bộ Tam động và bộ Tứ phụ. Còn đối với Thập nhị loại, có thể hiểu đây là tiểu loại của riêng Tam động, tức trong mỗi phần Động Chân, Động Huyền, Động Thần đều chia nhỏ thành 12 loại. Đối với Tứ phụ gồm Thái Huyền, Thái Bình, Thái Thanh, Chính Nhất không chia nhỏ thành Thập nhị loại.

(1) **Động Chân bộ** là bộ đầu tiên trong *Chính Thống Đạo tạng*. Nội dung của Động Chân bộ tương ứng với *Thượng Thanh kinh* (上清經), xuất từ Thiên Bảo quân (天寶君). Bộ này tương ứng với 366 biểu ghi, thuộc TQC0004618 (P626/1) là *Linh Bảo độ nhân thượng phẩm diệu kinh* 《靈寶无量度人上品妙經》 thuộc TQC0004715 (P626/72) là *Thái thượng tế độ chương xá* 《太上濟度章赦》. Xét nội dung cụ thể của 12 tiểu loại trong Động Chân bộ như sau:

1.1. Bản văn loại của Động Chân bộ: gồm 78 tác phẩm tương ứng với 93 biểu ghi, bắt đầu từ biểu số 1 thuộc TQC0004618 (P626/1) là *Linh Bảo độ nhân thượng phẩm diệu kinh* 《靈寶无量度人上品妙經》 nội dung khuyên trai giới tụng niệm kinh điển để được thần tiên phù hộ, trừ tà, trường sinh... đến biểu số 99 thuộc TQC0004642 (P626/15) là *Thái Thượng Tam động thần chú* 《太上三洞神注》 nội dung ghi chép về các loại thần chú tiêu trừ bệnh tật tà ma, cầu phúc... trong Đạo giáo. Riêng 6 biểu từ biểu số 2-7 thuộc TQC0004619 (P626) liền kề biểu 1 thuộc TQC0004618 (P626/1) nhưng lại là tiểu loại bốn Linh phù loại.

1.2. Thần phù loại của Động Chân bộ: gồm 8 tác phẩm tương ứng với 8 biểu ghi đều thuộc TQC0004643 (P626/16), bắt đầu từ biểu số 100 là *Tam Động Thần phù*

ký 《三洞神符記》 đến biểu số 107 là *Thái thượng Bí pháp trấn trạch linh phù* 《太上秘法鎮宅靈符》.

1.3. Ngọc quyết loại của Động Chân bộ: gồm 60 tác phẩm, tương ứng với 70 biểu ghi, bắt đầu từ biểu số 108 thuộc TQC0004644 [P626/17] là *Độ nhân thượng phẩm diệu kinh tứ chú* 《度人上品妙經四註》 đến biểu số 177 thuộc TQC0004666 [P626/30(I)].

1.4. Linh đồ loại của Động Chân bộ: gồm 16 tác phẩm, tương ứng với 17 biểu ghi. Phần 1 gồm 6 biểu ghi đều thuộc TQC0004619 [P626], từ biểu số 2 là *Đại Dịch tượng số câu thâm đồ* 《大易象數鉤深圖》 đến biểu số 6 là *Huyền Nguyên Thập Tử đồ* 《玄元十子圖》. Phần 2 gồm 11 biểu ghi từ biểu số 178 thuộc TQC0004667 [P626/31(I)] là *Linh Bảo vô lượng độ nhân thượng phẩm diệu kinh phù đồ* 《靈寶無量度人上品妙經符圖》, đến biểu số 188 thuộc TQC0004668 [P626/31(II)] là *Chu Dịch đồ* 《周易圖》.

1.5. Phả lục loại của Động Chân bộ gồm 13 tác phẩm, tương ứng với 14 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 189 thuộc TQC0004669 [P626/33] là *Thượng thanh Tam tôn phả lục* 《上清三尊譜錄》 đến biểu số 202 thuộc TQC0004671 [P626/34(II)] là *Huyền phong khánh hội lục* 《玄風慶會錄》.

1.6. Giới luật loại của Động Chân bộ: gồm 12 tác phẩm, tương ứng với 12 biểu ghi đều thuộc TQC0004672 [P626/35]. Bắt đầu từ biểu số 204 là *Tam động giới văn* 《三洞眾戒文》 đến biểu số 214 là *Huyền Đô luật văn* 《玄都律文》.

1.7. Uy nghi loại của Động Chân bộ: gồm 30 tác phẩm, tương ứng với 30 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 215 thuộc TQC0004673 [P626/36] là *Thái Thượng Linh Bảo triều thiên tạ tội đại sám* 《太上靈寶朝天謝罪大懺》 đến biểu số 244 thuộc TQC0004676 [P626/38(I)] là *Đông Trù tư mệnh đăng nghi* 《東廚司命燈儀》.

1.8. Phương pháp loại của Động Chân bộ: gồm 51 tác phẩm, tương ứng với 67 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 245 thuộc TQC0004677 [P626/39] *Linh Bảo vô lượng độ nhân thượng phẩm diệu kinh đại pháp* 《靈寶無量度人上經大法》 đến biểu số 311 thuộc TQC0004699 [P626/57] là *Chí Chân tử long hổ đại đan thi* 《至真子龍虎大丹詩》.

1.9. Chứng thuật loại của Động Chân bộ: gồm 20 tác phẩm tương ứng 20 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 312 thuộc TQC0004700 [P626/58] là *Phá mê chính đạo ca* 《破迷正道歌》 đến biểu số 331 thuộc TQC0004701 [P626/59] *Xưng tinh linh bí yếu kinh* 《秤星靈臺秘要經》.

1.10. Ký truyện loại của Động Chân bộ: gồm 19 tác phẩm, tương ứng với 27 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu 332 thuộc TQC0004702 [P626/60] là *Quảng Hoàng Đế bản hạnh kinh* 《廣黃帝本行記》 đến biểu số 358 thuộc TQC0004714 [(P626/71)] là *Ngưng Dương Đồng Chân nhân ngộ tiên ký* 《凝陽董真人遇仙記》.

1.11. Tán tụng loại của Động Chân bộ: gồm 6 tác phẩm tương ứng với 6 biểu ghi, đều thuộc TQC0004715 [P626/72]. Bắt đầu từ biểu số 359 là *Chư sư chân cáo* 《諸師真誥》 đến biểu số 364 là *Tam Động tán tụng linh chương* 《三洞讚頌靈章》.

1.12. Tấu biểu loại của Động Chân bộ: gồm 2 tác phẩm tương ứng với 2 biểu ghi, đều thuộc TQC0004715 [P626/72]. Lần lượt gồm biểu số 365 là *Tống Chân Tông ngự chế Ngọc kinh tập* 《宋真宗御製玉京集》 và biểu số 366 là *Thái Thượng tế độ chương xá* 《太上濟度章赦》.

(2) **Động Huyền bộ**, tức Linh Bảo kinh (靈寶經), xuất từ Linh Bảo quân (靈寶君), là bộ thứ 2 trong số Tam động của *Chính Thống Đạo tạng*. Bộ này gồm có 362 biểu ghi, bắt đầu từ biểu số 367 thuộc TQC0004716 (P626/73) là *Linh Bảo Thiên tôn thuyết Hồng Ân Linh Tế chân quân diệu kinh* 《靈寶天尊說洪恩靈濟真君妙經》 đến biểu số 728 thuộc TQC0004803 [P626/145(II)] là *Thiên Khu viện Đô ti tu tri hành khiển thức* 《天樞院都司須知行遣式》. Xét nội dung cụ thể của 12 tiểu loại trong Động Huyền bộ như sau:

2.1. Bản văn loại của Động Huyền bộ: gồm 71 tác phẩm tương ứng với 72 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 367 là *Linh Bảo độ nhân thượng phẩm diệu kinh* 《靈寶无量度人上品妙經》 đến biểu TQC0004722 (P626/78) là *Thái Thượng tam sinh giải oan diệu kinh* 《太上三生解冤妙經》.

2.2 Thần phù loại của Động Huyền bộ: gồm 8 tác phẩm, tương ứng với 9 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 439 thuộc TQC0004723 [P626/79(I)] là *Thái Thượng Linh Bảo ngũ phù tự* 《太上靈寶五符序》 đến biểu số 447 thuộc TQC0004724 [P626/79(II)] là *Thái Thượng Động Huyền Linh Bảo đầu giản phù văn yếu quyết* 《太上洞玄靈寶投簡符文要訣》.

2.3. Ngọc quyết loại của Động Huyền bộ: 33 tác phẩm, tương ứng với 33 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 448 thuộc TQC0004725 [P626/80] là *Động Huyền Linh Bảo tự nhiên cửu thiên sinh thần chương kinh giải nghĩa* 《洞玄靈寶自然九天生神章經解義》 đến biểu số 480 thuộc TQC0004728 [P626/83] *Thái Thượng phi hành cửu thần ngọc kinh* 《太上飛行九晨玉經》.

2.4. Linh đồ loại của Động Huyền bộ: gồm 13 tác phẩm, tương ứng với 13 biểu ghi, đều thuộc TQC0004729 [P626/84]. Bắt đầu từ biểu số 481 là *Thượng Thanh trường sinh bảo giám đồ* 《上清長生寶鑑圖》 đến biểu số 493 là *Động Huyền Linh Bảo Ngũ nhạc cổ bản chân hình đồ* 《洞玄靈寶五嶽古本真形圖》.

2.5. Phả lục loại của Động Huyền bộ: gồm 12 tác phẩm, tương ứng với 13 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 494 thuộc TQC0004730 [P626/85] là *Thượng Thanh Hậu Thánh Đạo quân liệt kỷ* 《上清後聖道君列紀》 đến biểu số 506 thuộc TQC0004731 [P626/86] là *Nam Nhạc tiểu lục* 《南嶽小錄》.

2.6. Giới luật loại của Động Huyền bộ: gồm 11 tác phẩm, tương ứng 12 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 507 thuộc TQC0004732 [P626/87] là *Thái Thượng Động Huyền Linh Bảo thượng phẩm diệu kinh* 《太上洞玄靈寶上品戒經》 đến biểu số 518 thuộc TQC0004733 [P626/88] là *Trai giới lục* 《齋戒錄》.

2.7. Uy nghi loại của Động Huyền bộ: gồm 99 tác phẩm, tương ứng với 129 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 519 thuộc TQC0004734 [P626/89] là *Tế độ kim thư mục lục* 《濟度金書目錄》 đến biểu số 647 thuộc TQC0004780 [P626/127] là *Thái Thượng Từ Bi Đạo tràng Diệt tội thủy sám* 《太上慈悲道場滅罪水懺》.

2.8. Phương pháp loại của Động Huyền bộ: gồm 24 tác phẩm, tương ứng 28 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 648 thuộc TQC0004781 [P626/128] là *Linh Bảo Ngọc giám mục lục* 《靈寶玉鑑目錄》 đến biểu số 675 thuộc TQC0004789 [P626/135] là *Thượng Thanh Đại Động cửu cung triều tu bí quyết thượng đạo* 《上清大洞九宮朝修秘訣上道》.

2.9. Chứng thuật loại của Động Huyền bộ: gồm 20 tác phẩm, tương ứng với 20 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 676 thuộc TQC0004790 [P626/136(I)] là *Linh Kiếm tử* 《靈劍子》 đến biểu số 695 thuộc TQC0004792 [P626/137] là *Thái Thượng Xích văn Động thần tam lục* 《太上赤文洞神三錄》.

2.10. Ký truyện loại của Động Huyền bộ: gồm 17 tác phẩm, tương ứng 17 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 696 thuộc TQC0004793 [P626/138] là *Đạo giáo linh nghiệm ký* 《道教靈驗記》 đến biểu số 712 thuộc TQC0004796 [P626/141] là *Nam Nhạc tổng thắng tập* 《南嶽總勝集》.

2.11. Tán tụng loại của Động Huyền bộ: gồm 8 tác phẩm tương ứng với 8 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 713 thuộc TQC0004797 [P626/142(II)] *Thượng Thanh chư*

chân chương tụng 《上清諸真章頌》 đến biểu số 720 thuộc TQC0004798 [P626/142(I)] là Ngọc Âm pháp sự 《玉音法事》.

2.12. Biểu tấu loại của Động Huyền bộ: gồm 5 tác phẩm tương ứng với 8 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 721 thuộc TQC0004799 [P626/143] là *Xích Tùng Tử chương lịch* 《赤松子章曆》 đến biểu số 728 thuộc TQC0004803 [P626/145(II)] là *Thiên Khu viện Đô ti tu tri hành khiển thức* 《天樞院都司須知行遣式》.

(3) **Động Thần bộ**, bao gồm *Tam Hoàng văn* (《三皇文》) và các thư tịch triệu quỹ hoán thần, xuất từ Thần Bảo quân (神寶君). Đây là Động thứ 3 trong hệ thống Tam động trong *Chính Thống Đạo tạng*. Bộ này gồm có 424 biểu ghi, bắt đầu từ biểu số 729 thuộc TQC0004804 [P626/146] là *Thái Thượng Lão quân thuyết Thường thanh tịnh diệu kinh* 《太上老君說常清靜妙經》 đến biểu số 1135 thuộc TQC0004919 [P626/256] là *Túy thiện lục* 《萃善錄》. Xét nội dung cụ thể của 12 tiểu loại trong Động Thần bộ như sau:

3.1. Bản văn loại của Động Thần bộ: gồm 51 tác phẩm, tương ứng 51 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 729 thuộc TQC0004804 [P626/146] là *Thái Thượng Lão quân thuyết Thường thanh tịnh diệu kinh* 《太上老君說常清靜妙經》 đến biểu số 779 thuộc TQC0004807 [P626/149] là *Nam Hoa chân kinh* 《南華真經》.

3.2. Thần phù loại của Động Thần bộ: gồm 7 tác phẩm tương ứng với 7 biểu ghi, đều thuộc TQC0004808 [P626/150]. Bắt đầu từ biểu số 780 là *Thái Thượng Vô Cực Đại đạo tự nhiên chân nhất ngũ phù thượng kinh* 《太上無極大道自然真一五稱符上經》 đến biểu số 784 là *Thái Thanh Đan Thiên Tam khí Ngọc Hoàng lục thời phi cương tư mệnh đại lục* 《上清丹天三氣玉皇六辰飛綱司命大錄》.

3.3. Ngọc quyết loại của Động Thần bộ: gồm 87 tác phẩm, tương ứng với 123 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 785 thuộc TQC0004809 [P626/151] là *Đại Minh Thái Tổ Cao Hoàng Đế ngự chú Đạo Đức chân kinh* 《大明太祖高皇帝御註道德真經》 đến biểu số 907 thuộc TQC0004881 [P626/222] là *Lão Tử thuyết Ngũ trù kinh chú* 《老子說五廚經註》.

3.4. Linh đồ loại của Động Thần bộ: gồm 5 tác phẩm, tương ứng với 13 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 908 thuộc TQC0004882 [P626/223] là *Thái Thượng Tam Nguyên phi tinh quan cấm kim thư ngọc lục đồ* 《太上三元飛星冠禁金書玉錄圖》 đến biểu số 920 thuộc TQC0004890 [P626/229] là *Đồ kinh diễn nghĩa bản thảo* 《圖經衍義本草》.

3.5. Phả lục loại của Động Thần bộ: gồm 14 tác phẩm, tương ứng với 15 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 921 thuộc TQC0004891 [P626/230] là *Hỗn Nguyên thánh ký* 《混元聖記》 đến biểu số 936 thuộc TQC0004895 [P626/233] là *Dung thành tập sơn lục* 《壙城集仙錄》.

3.6. Giới luật loại của Động Thần bộ: gồm 7 tác phẩm, tương ứng với 7 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 936 thuộc TQC0004896 [P626/234(I)] là *Thái Thượng Lão quân giới kinh* 《太上老君戒經》 đến biểu số 942 thuộc TQC0004897 [P626/234(II)] là *Nữ thanh quỷ luật* 《女青鬼律》.

3.7. Uy nghi loại của Động Thần bộ: gồm 26 tác phẩm, tương ứng với 26 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 943 thuộc TQC0004898 [P626/235] là *Chính Nhất uy nghi kinh* 《正一威儀經》 đến biểu số 968 thuộc TQC0004899 [P626/236] là *Bắc Cực Chân Vũ hựu thánh chân quân lễ văn* 《北極真武佑聖真君禮文》.

3.8. Phương pháp loại của Động Thần bộ: gồm 63 tác phẩm tương ứng với 63 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 969 thuộc TQC0004900 [P626/237] là *Thái Thanh trung hoàng chân kinh* 《太清中黃真經》 đến biểu số 1031 thuộc TQC0004904 [P626/241] là *Thượng Thanh kim thư ngọc tự thượng kinh* 《上清金書玉字上經》.

3.9. Chứng thuật loại của Động Thần bộ: gồm 74 tác phẩm, tương ứng với 74 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 1032 thuộc TQC0004905 [P626/242] là *Thái Thanh kim dịch thần đan kinh* 《太清金液神丹經》 đến biểu số 1105 thuộc TQC0004914 [P626/251] là *Canh đạo tập* 《庚道集》.

3.10. Ký truyện loại của Động Thần bộ: gồm 20 tác phẩm, tương ứng với 20 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 1106 thuộc TQC0004915 [P626/252] là *Thái Thượng Hỗn Nguyên chân lục* 《太上混元真錄》 đến biểu số 1125 thuộc TQC0004918 [P626/255] là *Cam Thủy Tiên Nguyên lục* 《甘水仙源錄》.

3.11. Tán tụng loại của Động Thần bộ: gồm 7 tác phẩm tương ứng với 7 biểu ghi, đều thuộc TQC0004919 [P626/256]. Bắt đầu từ biểu số 1126 là *Thái Thượng Lão Quân thuyết Thường Thanh Tịnh kinh tụng chú* 《太上老君說常清靜經頌註》 đến biểu số 1132 là *Chư chân ca tụng* 《諸真歌頌》.

3.12. Biểu tấu loại của Động Thần bộ: gồm 3 tác phẩm tương ứng với 3 biểu ghi, đều thuộc TQC0004919 [P626/256]. Bắt đầu từ biểu số 1133 là *Đại Minh Ngự chế Huyền giáo lạc chương* 《大明御製玄教樂章》 đến biểu số 1135 là *Túy thiện lục* 《萃善錄》.

(4) Thái Huyền bộ, bổ trợ cho **(1) Động Chân bộ**, gồm có 113 tác phẩm tương ứng với 138 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 1136 thuộc TQC0004920 [P626/257] là *Huyền tinh bích hạp linh bảo tụ huyền kinh* 《玄精碧匣靈寶聚玄經》 đến biểu số 1273 thuộc TQC0004974 [P626/309] là *Minh hạc dư âm* 《鳴鶴餘音》.

(5) Thái Bình bộ, bổ trợ cho **(2) Động Huyền bộ**, gồm có 68 tác phẩm, tương ứng với 87 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 1274 thuộc TQC0004975 [P626/310] là *Thái Bình kinh sao* 《太平經鈔》 đến biểu số 1359 thuộc TQC0005012 [P626/347] là *Pháp Hải di châu* 《法海遺珠》.

(6) Thái Thanh bộ, bổ trợ cho **(3) Động Thần bộ**, gồm 25 tác phẩm tương ứng với 34 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 1360 thuộc TQC0005013 [P626/348] là *Thái Thượng Cảm Ứng thiên* 《太上感應篇》 đến biểu số 1392 thuộc TQC0005029 [P626/364] là *Bí truyền Chính Dương Chân nhân Linh Bảo tất pháp* 《秘傳正陽真人靈寶畢法》.

(7) Chính Nhất bộ, bổ trợ và quán thông cho tất cả các bộ, gồm 237 tác phẩm, tương ứng 282 biểu ghi. Bắt đầu từ biểu số 1393 thuộc TQC0005030 [P626/365] là *Đại Huệ Tĩnh Từ Diệu Lạc Thiên tôn thuyết Phúc đức ngũ Thánh kinh* 《大惠靜慈妙樂天尊說福德五聖經》 đến biểu số 1677 thuộc TQC0005113 [P626/448] là *Trường Xuân Chân nhân tây du ký* 《長春真人西遊記》.

(8) Mục lục, gồm có 3 tác phẩm tương ứng với 3 biểu ghi, đều thuộc TQC0005113 [P626/448]. Bắt đầu từ biểu số 1675 là *Đạo Tạng khuyết kinh mục lục* 《道藏缺經目錄》 đến biểu 1677 là *Tục Đạo tạng kinh mục lục* 《續道藏經目錄》.

(9) Tục đạo tạng, gồm có 59 tác phẩm tương ứng với 68 biểu ghi thuộc TQC0005114 [P626/449] là *Thái Thượng Trung đạo Diệu pháp liên hoa kinh* 《太上中道妙法蓮華經》 thuộc TQC0005140 [P626/475] là *Trang tử dục* 《莊子翼》.

2.3. Một số lưu ý đối với bộ “Chính Thống Đạo tạng” tại Thư viện khoa học xã hội

Thứ nhất, văn bản *Chính Thống Đạo tạng* tại kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội, do Viện Thông tin khoa học xã hội quản lý, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là tư liệu nguyên bản, có niên đại lâu đời. Cụ thể, bộ Đạo tạng này được in trên giấy xuyến của Trung Quốc, văn bản có chiều cao khoảng 20cm. Về niên đại thành thư, bộ Đạo tạng này được khởi soạn và biên tập ngay từ khi Minh

Thành Tổ mới lên ngôi (1403), Minh Thành Tổ đã ra lệnh cho Thiên sư đời thứ 43 là Trương Vũ Sơ (張宇初) biên tập lại *Đạo tạng*. Tới niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 8 (1410), Trương Vũ Sơ mất, lại sai Thiên sư đời thứ 44 là Trương Vũ Thanh (張宇清) tiếp tục chủ trì việc sưu tầm. Đến niên hiệu Chính Thống thứ 9 đời Minh Anh Tông (1444), bắt đầu cho xuất bản. Lại sai Đạo sĩ Triệu Dĩ Chính (邵以正) coi sóc việc san khắc, bổ sung những chỗ chưa đầy đủ. Đến niên hiệu Chính Thống thứ 10 (1445), ấn bản mới được hiệu đính và in, gọi là *Chính Thống Đạo tạng*. Bản *Chính Thống Đạo tạng* tại Thư viện Khoa học xã hội là bản in vào khoảng giai đoạn 1923-1926. Nguyên do Thượng Hải thương vụ ấn thư quán (上海商務印書館) mượn bản *Chính Thống Đạo tạng* đời Minh tại Bạch Vân quán để cho Hàm Phân Lâu (涵芬樓) ảnh ấn. Như vậy, tính đến nay, văn bản này vừa tròn 100 năm (1923-2023). Vì vậy, bộ *Đạo tạng* tại Thư viện Khoa học xã hội là bộ thư tịch có giá trị cao về mặt hiện vật.

Thứ hai, văn bản *Chính Thống Đạo tạng* tại kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội có nội dung vô cùng phong phú, thu thập trên 1.500 tác phẩm với trên 1.700 biểu ghi. Trong đó, các tác phẩm được phân chia thứ tự lớp lang theo hệ phân loại của Tam động: Động Chân, Động Huyền, Động Thần; Tứ phụ: Thái Huyền, Thái Bình, Thái Thanh, Chính Nhất; Thập nhị loại: Bản văn, Thần phù, Ngọc quyết, Linh đồ, Phả lục, Giới luật, Uy nghi, Phương pháp, Chứng thuật, Ký truyện, Tán tụng, Chương biểu. Ngoài ra còn thêm bộ phận của Mục lục và Tục *Đạo tạng*. Vì vậy, *Chính Thống Đạo Tạng* tại Thư viện Khoa học xã hội thực sự là một bộ tư liệu giá trị, có thể cung cấp lượng thông tin đa dạng cho nghiên cứu, tu học Đạo giáo.

Thứ ba, mặc dù có giá trị về văn bản và nội dung, tuy nhiên việc bảo quản bộ *Đạo tạng* duy nhất tại hệ thống thư viện công Việt Nam này còn tồn tại một số vấn đề. Trước hết, ví dụ trong phần 2.1.1. Tán tụng loại của Động Huyền bộ, bao gồm 8 biểu ghi và các phân loại so với thứ tự của Thiên tự văn.

STT	STT theo Thiên tự văn	Tên tác phẩm	STT	Mã kho cũ	Barcode
1	Dưỡng nhất - nhị - tam (養一、二、三)	Ngọc Âm pháp sự 《玉音法事》	720	TQC0004798	P626/142(I)
2	Dưỡng tứ (養四)	Thượng Thanh chư chân chương tụng 《上清諸真章頌》	713	TQC0004797	P626/142(II)
3	Dưỡng ngũ (養五)	Thái Thượng Động Huyền Linh Bảo Trí Tuệ lễ tán 《太上洞玄靈寶智慧禮讚》	714	TQC0004797	P626/142(II)

4	Dưỡng ngũ (養五)	Linh Bảo cửu u trường dạ khởi thi độ vong huyền chương 《靈 寶九幽長夜起屍度亡玄章》	715	TQC0004797	P626/142(II)
5	Dưỡng ngũ (養五)	Động Huyền Linh Bảo lục giáp ngọc nữ thượng cung ca chương 《洞玄靈寶六甲玉女上宮歌 章》	716	TQC0004797	P626/142(II)
6	Dưỡng lục (養六)	Thượng Thanh thị Đế thần Đồng Bách chân nhân đồ tán 《 上清侍帝晨桐柏真人真圖讚 》	717	TQC0004797	P626/142(II)
7	Dưỡng thất (養七)	Chúng tiên tán tụng linh chương 《眾仙讚頌靈章》	718	TQC0004797	P626/142(II)
8	Dưỡng bát (養八)	Động Huyền Linh Bảo Thăng huyền bộ hư chương tự số 《洞 玄靈寶昇玄步虛章序疏》	719	TQC0004797	P626/142(II)

Thứ tư, trong quá trình chỉnh lý biên mục, căn cứ vào nội dung của bộ *Chính Thống Đạo tạng* tại Thư viện Khoa học xã hội, chúng tôi đã điều chỉnh so với mục lục của bộ *Chính Thống Đạo tạng*. Các loại hình điều chỉnh có 2 dạng: (1) Bổ sung thêm những tác phẩm chưa được liệt kê tên trong mục lục *Chính Thống Đạo tạng*; (2) Bỏ bớt tên những tác phẩm không có tên trong mục lục *Chính Thống Đạo tạng*. Đối với loại 1, ví dụ mục 2.8. Phương pháp loại của Động Huyền bộ, không có phần *Linh Bảo Ngọc giám mục lục* 《靈寶玉鑑目錄》, căn cứ vào mục lục đầu sách có phần này thuộc về Lại nhất (賴一), nên chúng tôi bổ sung thành một biểu ghi riêng. Ví dụ như phần (5) Thái bình bộ, bổ sung thêm 2 bộ: 1314 thuộc TQC0004984 [P626/319] là *Vô Thượng bí yếu mục lục* 《無上秘要目錄》 1344 thuộc TQC0004998 [P626/333] là *Tôn chân nhân bị cấp thiên kim yếu phương mục lục* 《孫真人備急千金要方目錄》. Tuy nhiên, căn cứ trên nội dung tác phẩm, không có phần nào riêng là 《太平經聖君秘旨》 trong Thư mục *Chính Thống Đại tạng*. Ví dụ, trong (7) Chính Nhất bộ, căn cứ vào nội dung đầu sách, chúng tôi bổ sung thêm phần *Thượng Thanh Linh Bảo Đại pháp mục lục* 《上清靈寶大法目錄》 tương ứng biểu ghi số 1455 thuộc TQC0005069 [P626/404]. Đối với loại 2, ví dụ trong mục 2.8 Phương pháp loại của Động Huyền bộ, trong Thư mục có phần *Thái Thượng Bảo Tịnh Minh Pháp tự* 《太上靈寶淨明法序》 trong mục lục phần đầu sách lại không có sách này. Chỉ có ba phần thuộc chung một số Thân lục (身六) là 《太上靈寶淨明入道品》 《太上靈寶淨明院真師密誥》 《太上靈寶淨明法印式》 nên chúng tôi không tách thành sách riêng. Tựu trung, việc chỉnh lý và biên mục lại căn cứ

trên bộ *Chính Thống Đạo tạng* tại Thư viện Khoa học xã hội nhằm đưa ra kết cấu gần sát với bố cục nội dung của văn bản hơn, không gây ảnh hưởng đến nội dung văn bản. Ví dụ phần 1.8. Phương pháp loại của Động Chân bộ, nguyên trong *Chính Thống Đạo tạng mục lục*, chia thành 62 tác phẩm, nhưng đối với biểu ghi tại Thư viện Khoa học xã hội, chúng tôi chỉ chia thành 51 tác phẩm. Bản chất các tác phẩm như nhau, tuy nhiên, tác phẩm *Tu chân thập thư* 《修真十書》 trong *Chính Thống Đạo tạng mục lục* chia thành 12 tác phẩm nhỏ, vì vậy ngoại trừ 51 tác phẩm mà chúng tôi đã liệt kê, cộng thêm 11 tác phẩm khác vẫn là 62 tác phẩm theo cách chia của *Chính Thống Đạo tạng mục lục*.

3. Kết luận

Bộ *Chính Thống Đạo tạng* tại kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội là bộ Đạo tạng duy nhất hiện tồn tại ở hệ thống thư viện công tại Việt Nam. Văn bản này được cho khắc in dưới niên đại Chính Thống của đời vua Minh Anh Tông (1444-1445), bản *Chính Thống Đạo tạng* tại Thư viện Khoa học xã hội là bản do Thượng Hải thương vụ ấn thư quán (上海商務印書館) mượn bản *Chính Thống Đạo tạng* đời Minh tại Bạch Vân quán để cho Hàm Phân Lâu (涵芬樓) ảnh ấn. Như vậy, tính đến nay, văn bản này tồn tại tròn 100 năm (1923-2023). Văn bản không chỉ có giá trị về hiện vật mà còn cung cấp lượng thông tin phong phú, là nguồn tư liệu giá trị để nghiên cứu về Đạo giáo. Mặc dù vậy, trong quá trình chỉnh lý và biên mục tác phẩm, chúng tôi đã căn cứ trên nội dung tác phẩm để điều chỉnh lại hệ thống biên mục, nhằm cung cấp cho quý học giả tư liệu tra cứu có mức độ tin cậy cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Xuân Ngân và cộng sự (2002), “*Việt Nam Hán Nôm cổ tịch văn hiến mục lục đề yếu*”, Trung ương nghiên cứu viện Trung Quốc văn triết nghiên cứu sở, Đài Bắc.
2. Trần Nghĩa và cộng sự (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1976), *Thư mục Trung Quốc cổ* (2 tập), Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. <https://zh.wikisource.org/zh-hant/%E6%AD%A3%E7%B5%B1%E9%81%93%E8%97%8F%E6%B4%9E%E7%9C%9F%E9%83%A8%E6%9C%AC%E6%96%87%E9%A1%9E>, truy cập ngày 08/10/2023.
5. https://ctext.org/library.pl?if=gb&res=84287&by_collection=132, truy cập ngày 08/10/2023.

GIỚI THIỆU CÁC SÁCH TƯ LIỆU VỀ LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ VIỆT NAM TRONG KHO KÝ HIỆU TQC CỦA VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Bùi Quốc Linh¹

Tóm tắt: Trong vài năm trở lại đây, giới nghiên cứu khoa học xã hội trong nước đã được tiếp cận với một vài tư liệu lịch sử, địa lý Việt Nam trong quá khứ do người Trung Quốc biên soạn được dịch sang tiếng Việt. Tuy nhiên, ngay tại trong nước từ nhiều năm nay vẫn tồn tại những tư liệu này chưa được quan tâm khai thác. Đó là những tư liệu nằm rải rác trong các bộ sách thuộc kho ký hiệu TQC (Trung Quốc cũ) của Viện Thông tin Khoa học Xã hội. Bài viết này sẽ thống kê và giới thiệu các tác phẩm ghi chép về lịch sử, địa lý Việt Nam trong kho TQC. Đây sẽ là một chỉ dẫn để những độc giả quan tâm có thể tận dụng, khai thác phục vụ cho nghiên cứu của mình.

Từ khóa: Sử liệu, Việt Nam, Trung Quốc, Viện TTKHXX, Kho TQC

Dẫn nhập

Khoảng thời gian một thập niên trở lại đây, giới nghiên cứu khoa học Xã hội nước ta đã được đón nhận hàng loạt các công trình dịch thuật tư liệu lịch sử, địa lý về Việt Nam do người Trung Quốc, các triều đại Trung Quốc biên soạn trong quá khứ. Đây là một bước tiến lớn cho học giới nước nhà. Những tư liệu này đã khiến cho chúng ta có thể hiểu về chúng ta hơn thông qua lăng kính nhận thức của một nền văn hóa khác đó là Trung Hoa. Chúng ta có thể điểm qua một vài công trình mới được công bố gần đây như:

- Sách *An Nam truyện-Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa* do dịch giả Châu Hải Đường biên soạn và chuyển ngữ xuất bản năm 2018. Sách tuyển chọn tư liệu lịch sử Việt Nam được ghi chép trong 17 bộ sử lớn của Trung Quốc bao gồm: *Sử ký, Hán thư, Hậu Hán thư, Tam quốc chí, Tấn thư, Tống thư, Nam Tề thư, Lương thư, Trần thư, Tùy thư, Cựu Đường thư, Tân Đường thư, Tân Ngũ đại sử...*

¹ NCS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

- Sách *Việt Kiệu thư* của tác giả Lý Văn Phụng người thời Minh biên soạn. Sách ghi chép về các sự tích lịch sử, địa lý của nước An Nam gồm 20 quyển. Bản dịch sách này sang tiếng Việt được xuất bản có 2 bản, một bản do dịch giả Châu Hải Đường chuyển ngữ năm 2022 và một bản do nhóm tác giả Đặng Hồng Sơn-Vũ Đường Luân-Nguyễn Ngọc Phúc thực hiện năm 2022 gồm 3 tập.

- Sách *Việt sử tư liệu và lời bàn* của tác giả Hồ Bạch Thảo biên soạn, xuất bản năm 2017. Tổng hợp các phần lịch sử Việt Nam ghi chép trong các bộ sách như: *Nhị thập ngũ sử, Tư trị Thông Giám, Tục tư trị thông giám...*

- Sách *Khâm định An Nam kỷ lược* do dịch giả Nguyễn Duy Chính chuyển ngữ xuất bản năm 2016. Đây là tài liệu ghi chép của nhà Thanh về cuộc xung đột và hòa giải giữa 2 nước Việt Trung từ năm Mậu Thân 1788 đến năm Tân Hoi 1791. Ngoài ra dịch giả Nguyễn Duy Chính còn dịch một loạt sử liệu khác liên quan tới Việt Nam thời kỳ xung đột Thanh-Tây Sơn như: *Quân doanh kỷ lược* của Trần Nguyên Nhiếp; *An Nam đáng*; *Cần Long chinh phủ An Nam ký*; *Thanh Võ Ký* của Ngụy Nguyên; *Chinh An Nam kỷ lược* của Sư Phạm... các sách này được in trong cuốn sách khảo cứu *Đàng trong thời chúa Nguyễn* xuất bản năm 2016.

- Phần *Việt Nam Truyện* trong bộ sử *Thanh Sử Cảo* được dịch giả Cao Tự Thanh chuyển ngữ, giới thiệu và công bố trên *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* số 3 (146) năm 2018.

Ngoài ra, chúng ta còn chuyển ngữ thành công phần tư liệu sử và địa lý liên quan đến Việt nam trong các bộ sách lớn như: *Minh Thực Lục, Thanh Thực lục, Thủy Kinh chú...*

Để có được những kết quả này các dịch giả đã phải mất rất nhiều công phu sưu tầm tư liệu từ các nguồn ở nước ngoài. Sau đó miệt mài tra cứu, tuyển chọn dịch chú giới thiệu đến quý vị độc giả. Rất may mắn là nhờ sự phát triển của mạng thông tin-truyền thông những năm trở lại đây kết hợp với trào lưu công khai tư liệu của các trung tâm lưu trữ, thư viện, các trường đại học của Trung Quốc nên việc tiếp cận tư liệu của học giới trong nước cũng trở nên đơn giản hơn rất nhiều. Tuy nhiên, ngoài những bộ sách lịch sử kể trên thì ngay tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội (VTTKHXH) cũng lưu trữ một số tư liệu về lịch sử, địa lý Việt Nam chưa được khai thác nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện công tác biên mục kho sách ký hiệu TQC của VTTKHXH, chúng tôi đã có điều kiện được tiếp xúc với khối tư liệu này. Bài viết sẽ giới thiệu tới quý vị độc giả một số tư liệu liên quan đến lịch sử, địa lý Việt

Nam do các tác giả Trung Quốc biên soạn được lưu trữ tại kho ký hiệu TQC của VTTKHXH.

1. Sơ lược về các sách trong kho ký hiệu TQC

Chúng ta biết rằng Thư viện của Viện Thông tin Khoa học xã hội được thành lập từ sự kế thừa di sản tài liệu của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO) ở Hà Nội. EFEO Hà Nội được thành lập vào năm 1901. Tới năm 1957, Pháp đã bàn giao lại Thư viện EFEO cho chính phủ Việt Nam. Các sách của EFEO Hà Nội phần lớn được chuyển tới từ Pháp nhất là từ Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương cung cấp, các sách do chính EFEO xuất bản và hơn hết là sách do các thành viên của EFEO sưu tầm, mua bằng tiền ngân sách tại Đông Dương và các nước thuộc vùng Viễn Đông như: Trung Quốc, Nhật, Nga...¹

Cùng với các bộ sưu tập khác thì bộ sưu tập sách Trung Quốc cổ có 4.445 đầu sách với 30.852 cuốn. Các sách này được phân chia thành các ký hiệu như: P1-1438 (sách khổ nhỏ); 1-3013 (sách khổ vừa); G1-189 (sách khổ to); Ma 1-43 (tiếng Mãn Châu); Mo 1-6 (Chữ Mông Cổ); Poly 1 (sách song ngữ Hán-Mãn); Poly 1-2². Tuy nhiên, hiện nay thì tất cả các ký hiệu này đều được gộp nhất và sắp xếp lại theo 1 ký hiệu mới là TQC.

Kho sách ký hiệu TQC bao gồm nhiều đầu sách và bộ sách về rất nhiều chủ đề khác nhau như: Âm vận học, Tự điển, Từ thư, Kinh điển Nho giáo, Kinh điển Đạo giáo, Tạng kinh Phật giáo, Tuyển tập thơ văn, Lịch sử, Địa lý, Y học... Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu sơ lược về một số đầu sách/bộ sách lớn của kho TQC.

Một số bộ sách tùng thư

Vân Nam tùng thư (雲南叢書) là bộ sách này nghiên cứu chuyên sâu về 1 khu vực địa lý có liên quan đến miền bắc Việt Nam... "Vân Nam tùng thư" là bộ sách thu thập các sáng tác của các học giả là người tỉnh Vân Nam chủ yếu dưới thời Minh và Thanh, nội dung về thi văn tập, địa chí, ngôn ngữ học, lịch sử, tôn giáo... Bộ sách xuất bản năm 1912 do hội nghiên cứu Văn Sử tỉnh Vân Nam biên soạn 雲南省文史研究館 (ký hiệu từ TQC.25054 đến TQC.25148).

¹ Ngô Thế Long (2011), "Học Viện Viễn Đông Bác cổ và Thư viện của học học viên", in trong: *Thư viện Khoa học Xã hội*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.30-31.

² Trần Xuân Hiên (2011), "Kho sách Trung Quốc cổ", in trong: *Thư viện Khoa học Xã hội*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.115-116.

Tích Âm hiên tùng thư (惜陰軒叢書) là một bộ tùng thư được biên soạn vào thời Thanh. Nội dung tuyển chọn các tác phẩm kinh điển của thời Tống, Nguyên, Minh. Bộ sách do tác giả Lý Tích Linh (李錫齡) biên soạn khắc in vào năm 1846 (ký hiệu từ TQC.13902 đến TQC.13926).

Vũ Anh điện tụ trân bản tùng thư (武英殿聚珍版叢書) là một bộ tùng thư tập hợp nhiều cuốn sách với các chủ đề khác nhau do 2 học giả lớn đời Thanh là Kỷ Quân (紀昀) và Lục Tích Hùng (陸錫熊) biên soạn. Bộ sách do Giang Tây thư cục khắc in vào năm 1874 (ký hiệu từ TQC.13926 đến TQC.13975).

Hồe Lư tùng thư (槐廬叢書) là một bộ tùng thư tập hợp các sách kinh điển và tài liệu về văn khắc của triều Thanh (Trung Quốc), gồm 47 bộ sách, chia thành 5 phần. Sách do tác giả Chu Ký Vinh (朱記榮) biên soạn, Ngô huyện Chu thị gia thực khắc in năm 1887 (ký hiệu từ TQC.14009 đến TQC.14030).

Tuyển tập tạp chí

Tạp chí Văn triết quý san (文哲季刊) của trường Đại học Quốc Lập Vũ Hán Đại xuất bản tại Vũ Xương. Đây là tạp chí nghiên cứu về 2 lĩnh vực Văn học và Triết học của Đại học Vũ Hán, định kì 3 tháng xuất bản 1 lần. Tạp chí do học giả Vương Thế Kiệt sáng lập từ năm 1930 đến 1935 (ký hiệu từ TQC.28340 đến TQC.25343).

Tạp chí Đông Phương Văn Hóa (東方文化) do Quốc Thái ấn loát sở tại Hồng Kông xuất bản những năm 1954-1955. Đây là Tạp chí nghiên cứu về văn hóa phương Đông, song ngữ Anh – Trung. Nội dung thường có 7 bài viết, 3 bài tiếng Trung và 4 bài tiếng Anh (ký hiệu từ TQC.28361 đến TQC.25364).

Khổng giáo hội tạp chí (孔教會雜誌) do Hội Nghiên cứu Khổng giáo của Trung Quốc xuất bản năm 1913 (ký hiệu từ TQC.25327 đến TQC.25332).

Các bộ sử chí lớn

Nhị thập ngũ sử bổ biên (二十五史補編). Đây là một bộ sách tuyển tập 25 bộ sử lớn của Trung Quốc từ thời Tống đến thời Dân Quốc. Sách được Khai Minh Thư Điểm ấn hành năm 1937 dưới thời Dân Quốc (ký hiệu từ TQC.28300 đến TQC.28305).

Chấp nhị sử tráp ký (廿二史劄記) là một sách do học giả Triệu Dực (趙翼) đời Thanh biên soạn. Nội dung sách là tuyển tập những ghi chép, bàn luận của tác giả ghi đọc những bộ sử lớn (ký hiệu từ TQC.25327 đến TQC.25332).

Lịch đại tiểu sử (歷代小史). Bộ sách từng thư lịch sử do Lý Thức (李式) biên soạn được khắc vào thời Vạn Lịch nhà Minh (1527), tổng cộng có 106 quyển, biên chép về dã sử nhà Tống, nhà Minh và một số vùng đất. Sách được in Thương Vũ ấn thư quán in lại thời Dân Quốc (ký hiệu từ TQC.20051 đến TQC.20054).

Tư Trị thông giám bổ (資治通鑑補). Bộ sách biên niên sử thời Minh gồm 244 quyển, bổ sung cho sách *Tư Trị thông giám* của Tư Mã Quang. Sách do Nghiêm Diễn (嚴衍) soạn (ký hiệu từ TQC.23957 đến TQC.23996).

Tuyển tập thơ văn

Kiểm Nam thi sao (劔南詩鈔). Một bộ sách tuyển tập thơ ca ra đời thời Tống, khắc in lại vào thời Thanh. Sách do tác giả Lục Du (陸遊) biên soạn (ký hiệu từ TQC.24641 đến TQC.24648)

Đông Châu Thảo Đường Thi Sao (東洲草堂詩鈔). Bộ sách là tổng tập thơ ca của tác giả thời nhà Thanh, gồm 27 quyển và 1 quyển thi dư, bản khắc in năm Đồng Trị thời nhà Thanh (1867). Sách do tác giả Hà Thiệu Cơ (何紹基) biên soạn (ký hiệu từ TQC.24649 đến TQC.24652)

Tô Văn Trung Công Thi Hợp Chú (蘇文忠公詩合注). Bộ sách hợp chú thơ ca của Tô Thức-Tô Đông Pha (蘇軾) đời Tống, gồm 50 quyển biên soạn và khắc in vào thời Thanh (1795). Sách do tác giả Phùng Ứng Lựu (馮應榴) biên soạn (ký hiệu từ TQC.24706 đến TQC.24716)

Thông qua công tác biên mục các sách ký hiệu TQC chúng tôi nhận ra một thực trạng là: Một tác phẩm có thể được đóng thành nhiều cuốn khác nhau, tức là có nhiều ký hiệu sách. Và ngược lại, trong một ký hiệu sách có thể là tuyển tập của nhiều tác phẩm khác nhau. Ví dụ như bộ sách *Nhị thập ngũ sử bổ biên* có 6 ký hiệu sách từ TQC.28300 đến TQC.28305. Trong một ký hiệu sách TQC.28300 chúng tôi đã thống kê được tới 28 tác phẩm như: *Độc sử ký thập biểu*; *Sở Hán đế nguyệt biểu*; *Sử ký nguyệt biểu chứng nguy*; *Sở Hán chư hầu cương vực ký*; ... Ngoài ra, các ký hiệu sách khác trong bộ sách này cũng có tình trạng tương tự. Do đó, có thể số lượng tác phẩm trong kho sách ký hiệu TQC rất lớn. Tuy nhiên, rất tiếc là chúng tôi chưa có điều kiện để có thể thống kê và đưa ra một con số cụ thể trong bài viết này.

2. Giới thiệu các sách về các sách liên quan tới lịch sử và địa lý Việt Nam trong kho ký hiệu TQC

Trong quá trình tiếp cận và biên mục nội dung các cuốn sách của kho TQC, chúng tôi đã quan tâm tới việc thống kê lại những cuốn sách có liên quan tới lịch sử và địa lý Việt Nam để có thể khai thác nghiên cứu sau này. Những tài liệu đó xin được trình bày dưới bảng thống kê dưới đây:

TT	Ký hiệu kho	Tên tài liệu	Tác giả/đồng tác giả	Số trang	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Nội dung
1	TQC.13905	<i>Tích Âm hiên tùng thư</i> -Đông tây dương khảo (Quyển 1 đến 12) [惜陰軒叢書-東西洋考-卷1 - 卷12]	Vương Thập Bàng- Trương Biền (王十朋-張變)	438	Hoàng Đạo thư viện (宏道書院)	1846	<i>Tích Âm hiên tùng thư</i> là một bộ sách biên soạn vào thời Thanh tập hợp nhiều tác phẩm kinh điển. Trong đó có sách <i>Đông Tây dương khảo</i> do Trương Biền thời Minh soạn. Sách gồm 12 quyển, quyển từ 1 đến 4 khảo cứu địa lý, lịch sử của các vùng Giao Chỉ, Chiêm Thành, Thái Lan, Lào...
2	TQC.14235	<i>Tiệm học lục tùng thư</i> -Trung Việt đông tây định nghị toàn giới ước văn [漸學廬叢書-中越東西定議全界約文]	Bào Phụng Hân- Ngô Thâm Ân hiệu đính (鮑鳳翰-校: 吳沈恩)			1897	<i>Tiệm học lục tùng thư</i> là bộ sách do Hồ Tường Vinh biên soạn, tuyển chọn các tác phẩm về biên cương, lịch sử, địa lý đời Thanh. Trong đó có sách <i>Trung Việt đông tây định nghị toàn giới ước văn</i> gồm 5 bản giao ước về biên giới lãnh thổ trên đất liền của Trung Quốc và Việt Nam.
3	TQC.14387	<i>Thập vạn quyển lâu tùng thư nhị tập</i> -Bắc hộ lục [十萬卷樓叢書二集-北戶錄]	Đoàn Công Lộ-Lục Tâm Nguyên hiệu đính (段公路-校: 陸心源)	144	Ngô Hưng Lục Thị (吳興陸氏)	1880	<i>Thập vạn quyển lâu tùng thư</i> là bộ sách do Lục Tâm Nguyên (1838- 1894) người đời Thanh biên soạn, được in khắc vào đầu những 4 năm Quang Tự. Trong đó có sách <i>Bắc hộ lục</i> ghi chép về phong thổ của người Hoa ở Lĩnh Nam thời Đường.

4	TQC.14742	<i>Dưỡng chính thư ổc toàn tập- Quyển 35 đến 40</i> [養正書屋 全集-卷 35 - 卷 40]	Mân Ninh (旻寧)				Sách này được soạn vào thời nhà Thanh. Tác phẩm văn thơ gồm 40 quyển. Từ quyển 35 đến quyển 40 ghi về 20 thiên cổ văn, trong đó có các bài luận như: Ngu công cầu ngọc luận, Mã Viện thảo Giao Chỉ luận, Chu Trịnh giao chất luận...
5	TQC.15015	<i>Nam Giản giáp ất cáo- Quyển 8 đến 10</i> [南澗甲乙 稿-卷 8 - 卷 10]	Hàn Nguyên Cát-Kỷ Quân, Lục Tích Hùng, Ngô Diên hiệu đính (韓元吉-校: 紀昀, 陸錫熊, 吳典)			1774	Đây là tác phẩm thơ văn được viết vào đời Tống, khắc lại vào thời Càn Long nhà Thanh, sách gồm 23 quyển. Nội dung sách đa dạng về thể loại. Từ quyển 8 đến quyển 10 ghi về biểu, tấu trạng như: Hạ Thái thượng hoàng đế tôn hiệu biểu, tằng khánh tiết hạ biểu, thái tể đẳng tập nghị An Nam quốc tấu trạng...
6	TQC.15091	<i>Giả thị tòng thư-Tiếp hộ Việt Nam công sứ nhật ký</i> [賈氏叢書- 接護越南 貢使日記]	Giả Trăn, Giả Liễu (賈臻-賈柳)	48			<i>Giả thị tòng thư</i> là bộ sách do họ Giả thời Thanh biên soạn. Trong đó có sách <i>Tiếp hộ Việt Nam công sứ nhật ký</i> là cuốn thứ 7 trong bộ sách này. Nội dung cuốn sách ghi lại lịch trình tiếp sứ giả ngoại giao Việt Nam sang triều cống nhà Thanh vào năm Ất Dậu niên hiệu Đạo Quang nhà Thanh.
7	TQC.15357	<i>Hoàng triều võ công kỷ thịnh- Quyển 1 đến 4</i> [皇朝武功 紀盛-卷 1 - 卷 4]	Triệu Kí (趙翼)	166		1792	Đây là tác phẩm của thời Thanh, ghi chép vắn tắt vấn đề bình định các vùng đất và các quốc gia lân cận như Đài Loan, Miến Điện, Việt Nam...
8	TQC.24433	<i>Bí cấp tục hàm-Tứ di khảo-Quyển 4-5</i>	Trần Kế Nho chủ biên- Trịnh Hiểu (主編: 陳繼儒-鄭曉)	176	Thượng Bạch trai (尚白齋)	18??	<i>Bí cấp tục hàm</i> là một bộ tùng thư lớn ra đời vào triều Minh. Trong đó có sách "Tứ Di khảo". Toàn sách gồm 8 quyển. Đây là cuốn sách

		[秘笈續函-卷 4-5-四夷考]					khảo cứu về các quốc gia, dân tộc, tộc người... ở bốn phía xung quanh Trung Hoa. Trong đó có đề cập đến các quốc gia như: Nhật Bản, Lưu Cầu, Cao Ly, An Nam.. Phần viết về Việt Nam nằm trong quyển 4 và quyển 5.
9	TQC.27433	<i>Sử liệu tuần san</i> - kỳ 1 đến 4 [史料旬刊-第 1 期 - 第 4 期]	Cổ cung bác vật quán viện văn hiến quán (故宮博物院文獻館)		Kinh Hoa ấn thư cục (京華印書局)	1930	<i>Sử liệu tuần san</i> là tạp chí đăng tải các tư liệu lịch sử Trung Quốc. Nội dung cuốn này là các tư liệu: Ung Chính hỏi việc biên giới An Nam, Hồ sơ về khoa Hội thí năm Khang Hi ất mùi, Hồ sơ về việc cấm thuốc phiện năm Đạo Quang thứ 11.
10	TQC.27436	<i>Sử liệu tuần san</i> - kỳ 13 đến 16 [史料旬刊-第 13 期 - 第 16 期]	Cổ cung bác vật quán viện văn hiến quán (故宮博物院文獻館)	306	Kinh Hoa ấn thư cục (京華印書局)	1930	<i>Sử liệu tuần san</i> là tạp chí đăng tải các tư liệu lịch sử Trung Quốc. Nội dung cuốn này là các tư liệu: Hồ sơ về việc thông thương với người Tây dương thời Đạo Quang, Hồ sơ về Đài Loan Hoàng Giáo, Hồ sơ về việc thổ quan An Nam là Vi Phúc Quan quấy nhiễu Lạng Sơn.
11	TQC.27437	<i>Sử liệu tuần san</i> - kỳ 17 đến 20 [史料旬刊-第 17 期 - 第 20 期]	Cổ cung bác vật quán viện văn hiến quán (故宮博物院文獻館)	296	Kinh Hoa ấn thư cục (京華印書局)	1930	<i>Sử liệu tuần san</i> là tạp chí đăng tải các tư liệu lịch sử Trung Quốc. Nội dung cuốn này là các tư liệu: Hồ sơ về việc quân Anh Pháp vào kinh thành đốt vườn Uyển Minh vào năm Hàm Phong thứ 10, Hồ sơ về việc An Nam tiến cống, Hồ sơ việc đồng ý cho di nhân Cát Nhĩ tiến cống.
12	TQC.27443	<i>Sử liệu tuần san</i> - kỳ 40 [史料旬刊-第 40 期]	Cổ cung bác vật quán viện văn hiến quán		Kinh Hoa ấn thư cục (京華印書局)	1930	<i>Sử liệu tuần san</i> là tạp chí đăng tải các tư liệu lịch sử Trung Quốc. Nội dung cuốn này là các tư liệu: Nội dung cuốn này

			(故宮博物院文獻館)		Kinh Hoa ấn thư cục (京華印書局)		là các tư liệu: Hồ sơ thuế quan triều Đạo Quang nhà Thanh, Hồ sơ về hội Thiết xích Phú Kiến, Hồ sơ việc An Nam tiểu phi...
13	TQC.27516	<i>Chư phiên chí-Quyển thượng-hạ</i> [諸蕃志-卷上 - 卷下]	Cổ cung bác vật quán viện văn hiến quán (故宮博物院文獻館)		Nhật Bản Đông Kinh-Dân Hữu xã san [日本東京-民友社刊]	1914	Cuốn này được biên soạn vào thời Tổng, khắc in tại Tokyo Nhật Bản. Nội dung của sách ghi chép về lịch sử, địa chí, sản vật, các nước xung quanh Trung Quốc thời cổ đại như: Việt Nam, Campuchia, Lào, Myanma ..v.v.
14	TQC.27993	<i>Thủy Kinh chú tây nam chư thủy khảo</i> [水經注西南諸水考]	Trần Lễ (陳澧)		Quảng Nhã thư quán (廣雅書局)		Sách khảo cứu về các sông ngòi ở vùng Tây Nam xuất hiện trong sách <i>Thủy kinh chú</i> của Lịch Đạo Nguyên đời Tam Quốc. Trong đó có phần liên quan đến Việt Nam.
15	TQC.28299	<i>Thanh sử cáo-Quyển 128-131</i> [清史稿 卷 128 - 卷 131]	Triệu Nhĩ Tồn chủ biên (主編: 趙爾巽)	384			<i>Thanh sử cáo</i> là sách lịch sử, ghi chép về lịch sử nhà Thanh (từ 1616 đến 1912), 131 quyển. Sách biên soạn thời Dân Quốc. Quyển 128-129 thuộc phần Truyện, chép truyện về các bộ tộc Phiên như vùng Tân Cương, Mông Cổ, Tây Tạng...(phần 4-8), và các Thuộc quốc. Phần Việt Nam truyện.
16	TQC.28218	<i>Nguyên sử kỷ bản mật-Quyển 1 đến 12</i> [元史紀本末-卷 1 - 卷 12]	Trần Bang Chiêm (陳邦瞻)	250		18??	Một bộ sách ghi chép các sự kiện lịch sử triều Nguyên theo biên niên sử. Sách được hoàn thành vào đời Minh và khắc in lại vào đời Thanh. Toàn sách tổng cộng 17 quyển. Tập sách này đăng tải các nội dung lịch sử như: Giang Nam quần đạo chi bình, Bắc biên chư vương chi loạn, Cao Ly chi thần, Nhật Bản dụng binh, Chiêm Thành An Nam dụng binh...

17	TQC.24748	<i>Chấn ý đường tùng thư nhị tập- Khắc phục Lạng Sơn đại lược</i> [振綺堂叢書二集-克復諒山大略]	Uông Khang Niên biên tập (輯: 汪康年)		Tuyền Đường Uông thị Chấn Ý đường (泉唐汪氏振綺堂)	1894	<i>Chấn ý đường tùng thư nhị tập</i> là bộ sách tập hợp các sách theo nhiều chủ đề khác nhau. Trong đó có sách <i>Khắc phục Lạng Sơn đại lược</i> là cuốn thứ 2 trong bộ sách. Cuốn này ghi chép cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược Trung Quốc thời Thanh ở ải Nam Quan tỉnh Lạng Sơn Việt Nam.
18	TQC.29192	<i>Doanh Hoàn chí lược-Quyển 1 đến 5</i> (瀛環志略-卷1 - 卷5)	Từ Kế Du (徐繼畲)			1866	Một bộ sách địa chí được soạn vào thời nhà Thanh. Nội dung sách giới thiệu về địa lý, phong thổ, nhân tình của các nước trên thế giới. Từ quyển 1 đến quyển 5 giới thiệu về châu Á, châu Âu trong đó có phần liên quan tới Việt Nam.

Ngoài 18 tư liệu giới thiệu trên đây, bằng giác quan của người làm công tác tư liệu chúng tôi cho rằng có thể còn một vài tác phẩm hoặc đoạn tư liệu nữa nằm rải rác trong các bộ sách của kho ký hiệu TQC, Viện Thông tin Khoa học Xã hội. Ví dụ như:

- Một số tác phẩm trong bộ sách *Nhị thập ngữ sử bổ biên* bao gồm: *Hán Thư địa lý lý chí hiệu bản* (漢書地理志校本); *Hán chí thủy đạo sơ chứng* (漢志水道疏證); *Hán chí quận quốc diên cách khảo* (漢志郡國沿革考); *Tam Quốc cương vực biểu* (三國疆域表); *Tam Quốc cương vực chí bổ chú* (補三國疆域志補注); *Tam Quốc cương vực chí nghi* (三國疆域志疑); *Thập lục quốc cương vực chí* (十六國疆域志); *Đường Tướng Tướng đại thần niên biểu* (唐將相大臣年表); *Đường trấn thập đạo Tiết độ sứ biểu* (唐鎮十道節度使表)...

- Phần ghi chép về các vùng đất Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây trong sách *Đại Minh địa dư thắng chí* (大明輿地勝志) của tác giả Tào Học Thuyên (曹學佺) soạn dưới thời Sùng Trinh nhà Minh.

- Phần ghi chép về giao thông giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á, Ấn Độ trong sách *Trung Tây giao thông sử liệu vụng biên* (中西交通史料匯編) của

tác giả Trương Hoàng Lang (张星烺). Sách xuất bản vào những năm thập niên 20 của thế kỷ XX dưới thời Dân Quốc.

Tuy nhiên, chúng tôi chưa có cơ hội được đọc duyệt kỹ các bộ sách trên để tìm ra những tác phẩm hoặc đoạn tư liệu viết về lịch sử, địa lý của Việt Nam và xác định chính xác chúng nằm ở ký hiệu sách nào? Trang bao nhiêu? Công việc này sẽ được chúng tôi thực hiện trong thời tương lai không xa để có thể báo cáo cho quý vị độc giả được rõ.

3. Một vài nhận xét tổng quan

Tư liệu trong 18 ký hiệu sách thống kê bên trên được chia thành 3 nhóm như sau:

- Tư liệu về lịch sử Việt Nam bao gồm các ký hiệu sách: TQC.14235; TQC.14742; TQC.15015; TQC.15091; TQC.15357; TQC.27433; TQC.27436; TQC.27437; TQC.27443; TQC.28299; TQC.28218; TQC.24748.

- Tư liệu về địa lý Việt Nam bao gồm các ký hiệu sách: TQC.13905; TQC.27993; TQC.29192.

- Tư liệu về địa chí/phong tục Việt Nam bao gồm các ký hiệu sách: TQC.14387; TQC.24433; TQC.27516.

Số lượng 18 ký hiệu sách kể trên so với số lượng sách ký hiệu TQC là rất ít, chỉ chiếm khoảng 0,58%. Trong đó có sách *Thanh sử cảo* đã được dịch và giới thiệu đến quý vị độc giả trong nước vào năm 2018. Tác phẩm *Thủy Kinh chú* của học giả Lịch Đạo Nguyên (酈道元 466-527) thời Bắc Ngụy, Trung Quốc từ lâu đã được giới nghiên cứu khoa học xã hội Việt Nam biết tới và tham khảo. Bản dịch sách này những quyền liên quan tới địa lý thủy văn của Việt Nam (từ quyền XXXIII đến quyền XL) đã được dịch giả Nguyễn Bá Mão chuyên ngữ, xuất bản năm 2007. Tuy nhiên, trong 18 tư liệu kể trên lại có 1 cuốn sách khảo lại địa lý những dòng sông phía tây nam Trung Quốc được ghi chép trong *Thủy Kinh chú* là cuốn *Thủy Kinh chú tây nam chư thủy khảo* của tác giả Trần Lễ. Trong tư liệu này có những đoạn chép về sông Lan Thương, thượng nguồn của sông Mê Kông hay đoạn ghi chép về sông Lý Tiên thượng nguồn của sông Đà... Còn lại các tư liệu khác, chúng tôi cho rằng chúng rất “mới”, chưa được dịch và giới thiệu tới giới nghiên cứu Việt Nam.

Do thời gian nghiên cứu, biên mục kho sách ký hiệu TQC của chúng tôi khá ngắn (khoảng 3 tháng) khó có thể giải đọc kỹ càng và bao quát được tất cả các tư liệu

nên bài viết này chắc chắn không thể thống kê được hết những tác phẩm/bộ sách liên quan tới chủ đề lịch sử và địa lý Việt Nam trong kho TQC. Tuy nhiên, mục đích của bài viết này ngay từ đầu chúng tôi đặt ra là “chỉ mang lại những thông tin dẫn nhập” cho giới học giả trong nước biết tới. Ngõ hầu quý vị có thể tiếp cận, khai thác những tư liệu này phục vụ công tác nghiên cứu để đạt được những kết quả khoa học mới về lịch sử, địa lý Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Châu Hải Đường (dịch và biên soạn). 2018. *An Nam truyện-Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội.
2. Lý Văn Phượng (Châu Hải Đường dịch) 2022. *Việt Kiều thư*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội.
3. Lý Văn Phượng (Đặng Hồng Sơn, Vũ Đường Luân, Nguyễn Ngọc Phúc dịch). 2022. *Việt Kiều thư*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Hồ Bạch Thảo. 2017. *Việt sử tư liệu và lời bàn*, Nxb Hồng Đức, Tp Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Duy Chính (dịch). 2016. *Khâm định An Nam kỷ lược*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
6. Cao Tự Thanh (dịch và giới thiệu). 2018. “*Việt Nam Truyện trong Thanh sử cảo*”, in trên: *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển-số 3 (146)*, Thừa Thiên-Huế.
7. Lịch Đạo Nguyên (Nguyễn Bá Mão dịch). 2007. *Thủy Kinh chú*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên-Huế.
8. Các sách kho TQC của Viện Thông tin Khoa học Xã hội ký hiệu: TQC.13905, TQC.14235, TQC.14387, TQC.14742, TQC.15015, TQC.15091, TQC.15357, TQC.24433, TQC.27433, TQC.27436, TQC.27437, TQC.27443, TQC.27516, TQC.27993, TQC.28299, TQC.28218, TQC.24748, TQC.29192.

BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT CÁC SÁCH THUỘC CHỦ ĐỀ THIÊN VĂN - LỊCH PHÁP TRONG KHO TRUNG QUỐC CỔ TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Phạm Vũ Lộc¹

Tóm tắt: Kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội (Thư viện KHXH) mới được xây dựng cơ sở dữ liệu và dần đưa vào khai thác trong thời gian gần đây. Đây là số sách Trung Quốc cổ đồ sộ nhất nước ta hiện nay và chứa đựng tiềm năng nghiên cứu rất lớn, đầy hứa hẹn. Dựa vào thư mục được cung cấp, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, chọn lọc và lập danh mục các sách thuộc chủ đề Thiên văn - Lịch pháp trong kho sách này. Đây là một trong những bước tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực tri thức thiên văn - lịch pháp cổ phương Đông nói riêng và lịch sử khoa học kỹ thuật Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Thiên văn, Lịch pháp, Toán học, Khoa học tự nhiên, Kho Trung Quốc cổ, Thư viện Khoa học xã hội

1. Dẫn nhập

Thiên văn - lịch pháp là một chủ đề khá xa lạ với truyền thống cổ học Việt Nam. Thực vậy, mặc dù sách lịch vẫn được in ấn và ban hành rộng rãi trong cả nước hằng năm, nhưng các sách về phép tính lịch nói riêng và các chủ đề xoay quanh như toán học và thiên văn học nói chung lại hầu như trở thành bí truyền hoặc được rất ít người quan tâm, tìm hiểu. Đối lập với khối lượng lớn sách Hán Nôm hiện tồn thuộc chủ đề Nho học hay văn chương, sách Hán Nôm khảo cứu về chủ đề Thiên văn - Lịch pháp còn giữ lại đến nay rất ít, chỉ khoảng vài chục tựa sách, với chiều sâu nội dung không đồng đều và toàn bộ chỉ là sách chép tay.

Tuy vậy, Thiên văn - Lịch pháp lại là một chủ đề được nghiên cứu và thảo luận rất sôi nổi ở nhiều nền văn minh, trong đó không thể không kể đến nền văn minh Trung Hoa mà nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc. Trong suốt hàng ngàn năm lịch sử

¹ ThS., Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

văn minh, Trung Hoa liên tục sản sinh ra các nhà toán học - thiên văn học ở đủ các thời đại. Trước tác của họ dù thất tán, sai lạc đi nhiều, nhưng vẫn được các thế hệ sau sưu tầm, hiệu đính và trao truyền, tạo thành một truyền thống học thuật xuyên suốt trong lịch sử. Truyền thống này được thể hiện, duy trì và tiếp nối thông qua kỹ nghệ in sách mà Trung Hoa tự hào là một trong “tứ đại phát minh” của mình. Với kỹ nghệ này, nền văn minh Trung Hoa đã chủ động khuếch trương, lưu truyền và bảo tồn được rất nhiều thư tịch, đồng thời là rất nhiều tri thức, chống lại sự tàn phá của thời gian và các biến động xã hội. Di sản văn hiến này vẫn tiếp tục được lưu giữ và phát huy giá trị trong thời đại ngày nay.

Để từng bước khảo sát, lý giải và hiểu rõ được các sách Hán Nôm về chủ đề Thiên văn - Lịch pháp hiện tồn ở Việt Nam, qua đó nhận chân được trình độ phát triển của lĩnh vực này ở nước ta trong quá khứ, không thể không bao quát và tham khảo các thư tịch thuộc chủ đề này ở Trung Hoa vào từng thời kỳ tương ứng, qua đó có thể dần làm rõ sự giao lưu, tiếp nhận và dung hoà giữa các luồng tri thức. Và không riêng gì chủ đề này, có thể nói rộng ra rằng, khó có thể thấu triệt được văn hiến của nước ta mà bỏ qua việc tìm hiểu mẫu hình văn hiến Trung Hoa.

Vào đầu thế kỷ XX, những nhà nghiên cứu Pháp ở Viện Viễn Đông Bác cổ (EFEO) đã nhìn ra điều này và đã cất công mua sắm cả một thư viện sách Trung Hoa đương thời về Hà Nội để nghiên cứu. Hiện nay, số sách trên được lưu trữ và quản lý tại Thư viện KHXH với số lượng gần 4 vạn quyển của gần 7.000 tựa sách, vừa đa dạng về chủ đề, vừa sâu sắc về nội dung, vừa phong phú về hình thức. Trải qua thời gian dài với những biến động, thăng trầm của lịch sử, dù nhiều sách trong kho hiện đã có thể truy cập trực tuyến trên các trang web của Trung Quốc, nhưng Kho Trung Quốc cổ này của Thư viện KHXH vẫn là viên ngọc ẩn sâu trong đá ở Việt Nam, đang đợi các nhà nghiên cứu khai thác và phát huy giá trị. Kho sách này có thể là tiền đề để đào tạo ra nhiều thế hệ nhà Hán học trong tương lai mà lẽ ra chúng ta nên làm sớm hơn từ trong quá khứ.

2. Chủ đề Thiên văn - Lịch pháp trong văn hiến Trung Hoa

Khái niệm “thiên văn” trong văn hiến Trung Hoa không chỉ bao gồm thiên văn học theo nghĩa hiện đại - môn khoa học quan sát những thiên thể ngoài vũ trụ, mà còn bao gồm cả khí tượng học - môn khoa học nghiên cứu các hiện tượng thời tiết trong bầu khí quyển. Trong bài viết này, thuật ngữ “thiên văn” sẽ được dùng theo nghĩa hiện đại.

Thiên văn - lịch pháp được đề cập trong văn hiến Trung Hoa từ rất sớm, trong các chữ giáp cốt đời Thương ở Ân Khư đã có rất nhiều văn tự đề cập đến can chi, nhật thực, nguyệt thực, sao, năm, tuần, tháng, ngày, bốn mùa, v.v..., phản ánh trình độ nhất định đương thời¹. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, thiên văn học kỳ thực là một chủ đề được thảo luận rất nhiều vì có mối liên hệ mật thiết từ cuộc sống thường ngày của cộng đồng đến những chủ đề hàn lâm của Nho học.

Thiên văn và lịch pháp cổ nhiên có mối liên hệ mật thiết với nhau. Người xưa sống chủ yếu bằng nông nghiệp, thông qua việc quan sát thiên tượng mà dần nắm được quy luật của thời tiết và khí hậu. Từ đó, những bộ lịch sơ khai đầu tiên ra đời để mô phỏng lại chu kỳ thời tiết dựa vào chu kỳ chuyển động của Mặt Trời và Mặt Trăng. Có thể nói, nông nghiệp đã thúc đẩy thiên văn học phát minh ra lịch và không ngừng cải tiến lịch pháp để tăng độ chính xác so với tự nhiên.

Muốn vậy, thiên văn học phải sử dụng một công cụ không thể thiếu là toán học. Chính thiên văn học đã thúc đẩy toán học tiếp tục phát triển để giải những bài toán lịch pháp ngày càng khó hơn. Vì vậy, hầu hết những nhà thiên văn học thành danh trong lịch sử bất kể ở phương Đông hay phương Tây đều đồng thời là những nhà toán học nổi tiếng.

Mặt khác, có thể nói hệ tư tưởng của Nho giáo xoay quanh một đối tượng siêu nhiên là Trời hay Mệnh Trời. Cho nên các thiên tượng đều được người xưa quan tâm lý giải. Các sách loại thư bàn về vạn vật đều xếp phần nói về Trời (gồm thiên văn và khí tượng) lên đầu tiên.

Không chỉ vậy, bầu trời luôn luôn là đối tượng gây tò mò với rất nhiều người ở bất kỳ thế hệ nào. Nhiều bút ký của các tác gia đều dành một phần nói về chủ đề này. Điều đó cho thấy rằng tri thức về thiên văn - lịch pháp không bị bó hẹp trong số ít những người hành chức như lịch quan, sử quan, mà rất phổ biến trong giới trí thức Trung Hoa xưa, được họ suy tư cũng như thảo luận rất sôi nổi.

Cuối cùng, thiên văn học kéo theo một môn phái sinh là chiêm tinh học, đáp ứng sự tò mò của con người về dự đoán tương lai. Không dừng lại ở việc quan sát thiên tượng, thậm chí mô hình hoá rồi thoát ly khỏi nó, các chiêm tinh gia đã phát triển rất nhiều môn huyền học dự đoán dựa trên nền tảng tri thức gồm các đối tượng và khái niệm của thiên văn học như các hành tinh, chòm sao, cung...

¹ Bạc Thụ Nhân 薄樹人 (chủ biên) (1993), *Trung Quốc khoa học kỹ thuật điển tịch thông vịnh* 中國科學技術典籍通彙—thiên văn quyển 1 天文卷一, Nxb. Giáo dục Hà Nam, Trung Quốc, tr.1-57.

3. Thống kê sách thuộc chủ đề Thiên văn - Lịch pháp trong Thư viện KHXH

Mục đích của khảo sát này là bước đầu xây dựng danh mục tư liệu khảo cứu về chủ đề Thiên văn - Lịch pháp trong Kho Trung Quốc cổ tại Thư viện KHXH. Tuy vậy, do khối lượng kho rất đồ sộ, tới vài vạn quyển, chúng tôi chỉ ưu tiên thống kê dựa trên các giới hạn sau:

- Ưu tiên thống kê các sách khảo cứu học thuật về chủ đề Thiên văn và Lịch pháp, tạm bỏ qua các bút ký, tản văn không chuyên chú về chủ đề này.
- Không thống kê các sách có nội dung gần nhưng không tập trung vào chủ đề này như sách về dịch lý, toán học, khí tượng học, chiêm tinh học, tôn giáo, văn chương, thông thư.
- Không thống kê các sách địa lý, kham dư, địa chí nếu chỉ đề cập đến phân dã.
- Không thống kê các phần *Thiên văn chí* hay *Luật lịch chí* trong các sách sử vì số lượng rất lớn nhưng không quá hiếm gặp.
- Không thống kê các sách khảo cứu hiện đại (sau Cách mạng Tân Hợi).

Dù đã cất công tìm kiếm kỹ lưỡng, nhưng vì thư mục còn sơ sài, nhiều chỗ nhầm lẫn, khối lượng sách lại quá lớn, nhiều quyển khó đọc, không thể tiếp cận được hết các nội dung, nên danh mục dưới đây không thể tránh khỏi thiếu sót. Hy vọng rằng sau khảo sát bước đầu này, sẽ có nhiều cơ hội hoàn thiện dần danh mục này trong tương lai.

Danh mục sách thuộc chủ đề Thiên văn - Lịch pháp tại Thư viện KHXH

1. *Sóc thực cửu phục lý sai* 朔食九服里差 và ***Dụng biểu suy nhật thực tam sai*** 表推日食三差 trong bộ sách *Vụ Dân Nghĩa Trai toán học* 務民義齋算學 (khắc in lần đầu trước năm 1872) của Từ Hữu Nhâm 徐有壬, được in làm quyển thứ 7 trong *Chỉ Tiến Trai tùng thư* 咫進齋叢書 của Diêu Cận Nguyên 姚覲元. Hai tác phẩm trình bày phương pháp tính toán các thông số liên quan đến điểm sóc và qua đó là tính toán nhật thực. Các phép toán được trình bày ngắn gọn nhưng với độ chính xác cao, ví dụ như tỉ số giữa năm và tháng âm lịch được đưa ra chính xác đến 6 số sau dấu phẩy: 1 năm = 12,368266 tháng.

Ký hiệu: TQC0014317

2. *Hải quốc đồ chí* 海國圖志 của Ngụy Nguyên 魏源(1794-1857), viết về lịch sử, địa lý, chính trị các nước trên thế giới cũng như các thành tựu khoa học kỹ thuật về hải quân các nước. Ở Thư viện KHXH, có 2 bản gồm 60 quyển (thành thư năm

1847) và 100 quyển (thành thư năm 1852)¹. Bản 100 quyển có phần nói về đối chiếu lịch Trung Quốc và phương Tây, cũng như các tri thức thiên văn của phương Tây:

- Quyển 72: Biểu đối chiếu lịch pháp Trung Quốc - Tây Dương, khảo luận về lịch pháp Thiên Trúc và Hồi Hồi.
- Quyển 73: Biểu kỷ niên Trung Quốc - Tây Dương, khảo về năm tháng giáo chủ đạo Hồi qua đời, năm Đức Phật sinh diệt.
- Quyển 95: Cách chế tạo kính viễn vọng Tây Dương.
- Quyển 96 đến 100: Luận về tri thức thiên văn và địa cầu (thất chính, nhật nguyệt thực, sao chổi, sao, Thiên Hán, khí băng, gió, sấm sét, hồ, địa chấn, núi lửa, kinh vĩ độ, hoàng xích đạo, nóng lạnh, nhật quỹ...).

Ký hiệu: TQC0030135, TQC0030137

3. Phần *Thiên văn vịnh ký* 天文彙記 ở quyển 96 của bộ sách ***Hải quốc đồ chí trung thực*** 海國圖志徵實 trích dẫn các sách đương thời đề cập đến tri thức thiên văn học phương Tây:

- Sách *Địa lý toàn chí* 地理全志 của William Muirhead (1822-1900) xuất bản năm 1854, cho biết thông tin cùng các thông số vật lý của Mặt Trời và các hành tinh, quãng đường tính bằng phút ánh sáng và giờ ánh sáng từ Mặt Trời tới các hành tinh và tới Cận Tinh.
- Sách *Trùng đính Pháp quốc chí lược* 重訂法國志略 của Vương Thao 王韜 kể chuyện chế tạo kính thiên văn cỡ lớn ở Pháp, việc các nước phương Tây cử các đoàn quan trắc hiện tượng Sao Kim thông qua Mặt Trời năm 1874.
- Sách *Xuất sứ Anh Pháp Nghĩ Bỉ tứ quốc nhật ký* 出使英法義比四國日記 của Tiết Phúc Thành 薛福成 (1838-1894) là nhật ký ghi lại chuyến đi sứ của tác giả tới các nước Tây Âu. Phần được trích dẫn ghi chép về các tri thức mà tác giả tiếp nhận được về kinh tuyến gốc của các nước đi qua các đài thiên văn, về chuyến thăm viếng đài thiên văn ở Paris (Pháp) được quan sát một số thiên thể và Mặt Trăng, về một số tri thức thiên văn phương Tây khác như hành tinh, vệ tinh, lực hấp dẫn, các hố trên Mặt Trăng, nhiệt độ các hành tinh thích hợp cho sự sống...

Ký hiệu: TQC0029393

¹ Phạm Hoàng Quân (2021), *Thuyền chiến triều Nguyễn qua mô tả trong sách Hải quốc đồ chí*, link: <https://www.diendan.org/phe-binh-nghien-cuu/thuyen-chien-trieu-nguyen-qua-mo-ta-trong-sach-hai-quoc-do-chi>

4. *Giản bình nghi thuyết* của giáo sĩ Sabatino de Ursis 熊三拔 (1575-1620) in trong *Thủ Sơn Các tùng thư* 守山閣叢書 của Tiền Hy Tộ 錢熙祚. Sách gồm 1 quyển, giới thiệu về dụng cụ thiên văn là Giản bình nghi, chế tạo dựa trên nguyên lý của tinh bàn (astrolabe), chia làm hai đĩa trên là địa bàn, dưới là thiên bàn, gắn với nhau bằng một chốt ở giữa để cùng quay được. Tác phẩm giới thiệu phương pháp sử dụng thiết bị này để quan trắc tọa độ Mặt Trời, xác định thời gian, tọa độ, v.v...

Ký hiệu: TQC0001613

5. *Hồn cái thông hiến đồ thuyết* 渾蓋通憲圖說 của Lý Chi Tảo 李之藻 (1571-1630) in trong *Thủ Sơn Các tùng thư* 守山閣叢書 của Tiền Hy Tộ 錢熙祚. Sách gồm 2 quyển, thảo luận về thuyết Hồn thiên và thuyết Cái thiên của thiên văn học cổ Trung Hoa và sự tương thích của nó với giản bình nghi.

Ký hiệu: TQC0001613

6. *Tân nghi tượng pháp yếu* 新儀象法要 của Tô Tụng 蘇頌 (1020-1101) in trong *Thủ Sơn Các tùng thư* 守山閣叢書 của Tiền Hy Tộ 錢熙祚. Sách thành thư khoảng năm 1094-1096, gồm 3 quyển. Quyển thượng giới thiệu Hồn nghi và các bộ phận cấu thành. Quyển trung giới thiệu Hồn tượng và các bộ phận cấu thành, trong đó có các tinh đồ. Quyển hạ giới thiệu Nghi tượng đài chạy bằng nước, bao gồm chế độ vận hành, thiết kế từng tầng của đài. Toàn bộ sách có 60 hình minh họa, là bản vẽ máy móc cổ nhất của Trung Quốc.

Ký hiệu: TQC0001613

7. *Hiểu am tân pháp* 曉庵新法 và ***Ngũ tinh hành độ giải*** 五星行度解 của Vương Tích Xiển 王錫闡 (1628-1682) in trong *Thủ Sơn Các tùng thư* 守山閣叢書 của Tiền Hy Tộ 錢熙祚. Sách thứ nhất thành thư năm 1664, gồm 6 quyển. Quyển 1 nói về các tri thức toán học cơ bản. Quyển 2 nói về các thông số cơ bản của thiên văn học như năm hồi quy, năm sao, năm cận điểm, tuế sai của hoàng kinh, tháng sóc vọng, tháng cận điểm, tháng giao điểm... Quyển 3 nói về lịch pháp, nhật triền, nguyệt ly, vận động của ngũ tinh... gồm cả phương pháp của Trung Quốc và Tây Dương. Quyển 4 nói về độ dài ngày đêm, ánh sáng hôm, pha của Trăng và các hành tinh vòng trong, đường kính góc Mặt Trời, Mặt Trăng, chu kỳ pha trăng... Quyển 5 thảo luận về khí sai, thị sai, định hướng phách trăng... Quyển 6 nói về phép tính nhật thực, nguyệt thực, phép tính Sao Kim lăng nhật và ngũ tinh lăng phạm... Sách thứ hai thành thư

năm 1673, gồm 1 quyển, thảo luận về chuyển động của các hành tinh, sử dụng mô hình của Tycho Brahe có biến hóa một chút, đưa ra một hệ công thức tính hành độ của ngũ tinh.

Ký hiệu: TQC0001614, TQC0001615

8. *Số học* 數學 của Giang Vĩnh 江永 (1681-1762) in trong *Thủ Sơn Các tùng thư* 守山閣叢書 của Tiền Hy Tộ 錢熙祚. Sách gồm 8 quyển và 1 quyển tục biên, đính chính sách *Lịch toán toàn thư* 歷算全書 của Mai Văn Đĩnh nên còn có tên là *Dục Mai* 翼梅. Quyển 1 tiêu đề là “*Lịch học bổ luận*”, thảo luận bổ sung 3 quyển sách *Lịch học nghi vấn* 歷學疑問 và 2 quyển phần bổ sung của Mai Văn Đĩnh, bàn về trời đất, vận hành, thiên cực, thất chính, nhật sai, thứ luân của Mặt Trăng, tri tật của Mặt Trăng, giao thực, v.v... Quyển 2 cho rằng tuế thực không có tiêu trường như Mai Văn Đĩnh nói. Quyển 3 cho rằng Đông chí đã không dùng hằng khí thì các tiết cũng phải dùng định khí thay cho hằng khí. Quyển 5 nhân việc Mai Văn Đĩnh khảo cứu các sự kiện xảy ra vào ngày Đông chí mà nhân phép đó khảo chứng lại các sai lầm của sử chí. Quyển 5 thảo luận về mô hình quân luân và tiểu luân của thất chính. Quyển 6 nói về chuyển động của Sao Kim và Sao Thủy kèm đồ hình giải thích. Quyển 7 phác thảo phép tính lịch gộp cả Trung lẫn Tây, sử dụng định khí. Quyển 8 trình bày những vấn đề toán lẻ về tam giác cầu mà tác giả muốn thảo luận thêm. Quyển tục biên gồm 34 bài toán tam giác cầu nhóm thành 11 nhóm vấn đề.

Ký hiệu: TQC0001615, TQC0001616

9. *Suy bộ pháp giải* 推步法解 của Giang Vĩnh 江永 (1681-1762) in trong *Thủ Sơn Các tùng thư* 守山閣叢書 của Tiền Hy Tộ 錢熙祚. Sách gồm 5 quyển, chú giải sách Khâm định suy bộ pháp 欽定推步法 nói về thiên ly, giao thực của Mặt Trời, Mặt Trăng, tri tật, phục kiến của ngũ tinh, chuyển động của lục diệu, nhằm làm rõ phép lập toán và suy toán.

Ký hiệu: TQC0001617

10. *Dục Mai* 翼梅 của Giang Vĩnh 江永 (1681-1762) in trong *Hải Sơn Tiên Quán tùng thư* 海山仙館叢書 của Phan Sĩ Thành 潘仕成. Bộ sách này chính là bộ sách *Số học* 數學 được in trong *Thủ Sơn Các tùng thư* 守山閣叢書 của Tiền Hy Tộ 錢熙祚 ở mục số 8.

Ký hiệu: TQC0001834

11. *Kinh thư toán học thiên văn khảo* 經書算學天文考 của Trần Mậu Linh 陳懋齡 đời Thanh, in trong *Linh lung sơn quán tùng thư* 玲瓏山館叢書 của Phó Thế Tuân 傅世珣. Sách khảo cứu các nội dung toán học và thiên văn học trong kinh điển, như việc “lịch tượng nhật nguyệt tinh thần” và trung tinh trong thiên *Nghiêu Diển* của *Kinh Thư*, “chức phương phong quốc” trong *Chu Lễ*, “vương chế khai phương” trong *Lễ Ký*, v.v...

Ký hiệu: TQC0002478

12. *Thiên văn tinh nghĩa phú* 天文精義賦 của Nhạc Hy Tái 岳熙載 đời Nguyên, in trong *Bích Lâm Lang Quán tùng thư* 碧琳瑯館叢書 của Phương Công Huệ 方功惠. Sách gồm 5 quyển: Quyển 1 luận về Mặt Trời; Quyển 2 luận về Sao Mộc, Sao Hỏa, Sao Thổ, Sao Kim, Sao Thủy...; Quyển 3 luận về Tam Viên, các xá và các tinh quan phụ; Quyển 4 luận về các chòm sao bốn phương; Quyển 5 luận về khí xa gần.

Ký hiệu: TQC0002694

13. *Lịch đại trường thuật tập yếu* 歷代長術輯要 của Uông Viêt Trinh 汪曰楨 (1813-1881) in trong *Tứ bộ bị yếu* 四部備要 của Trung Hoa thư cục. Sách gồm 10 quyển, thu lục các sóc nhuận của từng năm trong các sách sử, từ năm Canh Thân - Cộng Hòa nguyên niên đời Chu (năm 841 TCN) đến năm Canh Tuất - Khang Hy thứ 9 (1670). Ở sau còn có phần khảo về các phép tính suy bộ.

Ký hiệu: TQC0006808, TQC0006809

14. *Tinh kinh* 星經 của Cam Công 甘公 và Thạch Thân 石申 đời Chiến Quốc, in trong *Hán Ngụy tùng thư* 漢魏叢書. Sách ghi chép tọa độ của 120 sao và chuyển động của các hành tinh qua nhị thập bát tú, v.v..., có ảnh hưởng to lớn tới các nghiên cứu về sau.

Ký hiệu: TQC0013823

15. *Sự vật kỷ nguyên* 事物紀原 (10 quyển) của Cao Thừa 高承 đời Tống, in trong *Tích Âm Hiên tùng thư* 惜陰軒叢書 của Lý Tích Linh 李錫齡 vào năm 1896. Quyển 1 của sách nói về nguyên khí, trời đất, bốn phương, nhật nguyệt, tinh thần, tinh quan, tinh thứ, tú độ, tuế, chính, nhuận, nguyệt sóc, bát tiết.

Ký hiệu: TQC0013916

16. *Tăng quảng tân thuật* 增廣新術 của La Sĩ Lâm 羅士琳(1783-1853) in trong *Tích Học Trai tùng thư* 積學齋叢書 của Từ Nãi Xương. Sách gồm 2 quyển, bàn về tính toán các khoảng chính thẳng, tà thẳng và hoành thẳng của Mặt Trăng để tìm phương hướng và thời khắc của phần sáng và tối của nó tùy thời gian và địa điểm quan sát, từ đó sẽ tính được thời gian và giới hạn giao thực.

Ký hiệu: TQC0014036

17. *Tổng Liêu Kim Nguyên tứ sử sóc nhuận khảo* và ***Tam thống thuật diễn*** 三統術衍 của Tiền Đại Hân 錢大昕 (1728-1804) in trong *Tiềm Nghiên Đường toàn thư* 潛研堂全書 của ông. Sách thứ nhất gồm 3 quyển, diễn giải lịch Tam Thống của Lưu Hâm đời Tây Hán - bộ lịch hoàn chỉnh đầu tiên về số liệu và phương pháp tính trong lịch sử Trung Quốc. Sách thứ hai gồm 2 quyển, khảo về 1.444 lần sóc nhuận trong các bộ sử của bốn nhà Tống, Liêu, Kim, Nguyên, bắt đầu từ năm đầu niên hiệu Kiến Long của Tống Thái Tổ (960) và kết thúc vào năm thứ hai niên hiệu Đức Hựu của Tống Cung Đế (1276), tổng 316 năm. Sách lấy kỷ nguyên của *Tống sử* làm chuẩn, các nhà Liêu, Kim, Nguyên phụ ở sau. Nếu *Tống sử* thiếu thì căn cứ vào *Liêu sử*. Trong đó, có tham khảo các kim thạch bị khắc để đính chính.

Ký hiệu: TQC0014123, TQC0014132

18. *Nguyên tượng* 原象 (1 quyển) và ***Tục thiên văn lược*** 續天文略 (2 quyển) in trong *Đái thị di thư* của Tải Chấn 戴震 (1723-1777), Khổng Kế Hàm 孔繼涵 (1739-1784) biên tập. Sách thứ nhất gồm 8 thiên: 4 thiên đầu giải thích về các khái niệm “Tuyền Ky”, “Ngọc Hành”, “Trung tinh” trong “Ngu thư”, “thỏ khuê” trong *Chu Lễ*, “ngũ kỷ” trong thiên “Hong phạm”...; 3 thiên tiếp theo là 3 phần của sách *Câu cổ cát viên ký* mà sau được chú giải riêng ra thành một tác phẩm 3 quyển trong cùng bộ sách này; Thiên thứ 8 nói về việc dùng thước để chuẩn ngày vọng. Sách thứ hai gồm 10 mục: “Tinh phục kiến hôn đán trung”, “Liệt tú thập nhi thứ”, “Tinh tương”, “Hoàng đạo tú độ”, “Thất hành lục gian”, “Quỹ cảnh đoản trường”, “Bắc cực cao hạ”, “Nhật nguyệt ngũ bộ quy pháp”, “Nghị tượng”, “Lậu khắc”. Sách chỉ có 6 mục trước được xếp vào quyển thượng và quyển trung, còn 4 mục sau lẽ ra được xếp vào quyển hạ nhưng chưa hoàn thành.

Ký hiệu: TQC0014280, TQC0014284

19. *Tuế thời quảng ký* 歲時廣記 (40 quyển) của Trần Nguyên Tịnh 陳元靚 đời Nam Tống, in trong *Thập Vạn Quyển Lâu tùng thư* 十萬卷樓叢書 của Lục Tâm

Nguyên 陸心源. Sách có quyền thủ là phân đồ thuyết và quyền mật là phân tổng tải, các quyền sau lần lượt nói về bốn mùa, nguyên đán, lập xuân, nhân nhật, thượng nguyên, chính nguyệt hồi, trung hòa tiết, nhị xã nhật, hàn thực, thanh minh, thượng ty, phạt nhật, đoan ngũ, triều tiết, thiên hướng tiết, tam phục tiết, lập thu, thất tịch, trung nguyên, trung thu, trùng cửu, tiểu xuân, hạ nguyên, đông chí, lập nhật, giao niên tiết, tuế trừ.

Ký hiệu: TQC0014388-TQC0014390

20. Thiên văn đại tượng phú 天文大象賦 của Lý Bá 李播 (789-?) là bài phú biên văn diễn nghĩa tên các chòm sao (tinh quan) cùng các ý nghĩa chiêm tinh của chúng, trong đó có đề cập đến cả vị trí, số lượng các sao trong chòm sao. Tác phẩm nhóm hai hoặc ba tú trong nhị thập bát tú thành các khu (trừ Nữ tú là riêng một khu). So sánh với *Bộ thiên ca* thì có 32 chòm sao khác nhau.

Ký hiệu: TQC0015305

21. Kinh thiên cai 經天該 của giáo sĩ người Ý Matteo Ricci (1552-1610). Sách trình bày dưới dạng câu 7 chữ, lần lượt nói về tam viên và nhị thập bát tú, trong đó đề cập đến các sao gần Nam Cực mà Trung Quốc không thấy được.

Ký hiệu: TQC0015305

22. Kinh nghĩa thuật văn 經義述聞 của Vương Dẫn Chi 王引之 (1766-1834) khảo cứu về các kinh điển Nho gia. Trong đó, quyển 29 và 30 khảo về Thái Tuế.

Ký hiệu: TQC0016412, TQC0016411

23. Mai Thị tùng thư tập yếu 梅氏叢書輯要 là bộ sách hậu thế tập hợp và chỉnh lý 23 tác phẩm của Mai Văn Đình 梅文鼎 (1633-1721) - nhà toán học, thiên văn học nổi tiếng đời Thanh, cùng với 13 tác phẩm khác.

Ký hiệu: TQC0018650-TQC0018657

24. Cổ kinh thiên tượng khảo 古經天象考 của Lôi Học Kỳ 雷學淇 đời Thanh gồm 12 quyển và 1 quyển đồ thuyết, khảo cứu về các hiện tượng thiên văn xuất hiện trong các kinh điển Nho gia. Sách trình bày theo từng hiện tượng, bắt đầu là trích dẫn các đoạn trong kinh điển rồi đến các sách chú giải, khảo luận đời sau, cuối cùng là tác giả đưa ra ý kiến của mình.

Ký hiệu: TQC0018674, TQC0018675

25. *Hoài Nam thiên văn huấn bổ chú* 淮南天文訓注 của Tiền Đường 錢塘 (1735-1790) gồm 2 quyển, bổ chú theo từng câu trong phần “Thiên văn huấn” của sách *Hoài Nam Tử* 淮南子 của Lưu An 劉安 đời Tây Hán.

Ký hiệu: TQC0019287

26. *Thái Tuế siêu thần biểu* 太歲超辰表 của Uông Viêt Trinh 汪曰楨 (1813-1881) gồm 3 quyển, lập bảng đối chiếu vị trí của Thái Tuế và Sao Mộc cùng với Mặt Trăng để theo dõi hiện tượng “siêu thần” của Thái Tuế, tức là Sao Mộc trong thực tế vượt quá một tinh thứ so với Thái Tuế trong lịch.

Ký hiệu: TQC0019356

27. *Nguyệt lệnh túy biên* 月令粹編 của Tần Gia Mô 秦嘉謨 đời Thanh, gồm 24 quyển. Bộ sách này tập hợp các thuyết nói về nguyệt lệnh trong các sách, phân làm 8 sách, 20 môn: đồ thuyết, tuế lệnh, mỗi nguyệt lệnh, tổng luận từng mùa, nhật thứ từng tháng, nhuận nguyệt lệnh, thời khắc ngày đêm, bổ di, phụ biên.

Ký hiệu: TQC0019438, TQC0019439, TQC0019440, TQC0019441

28. *Mộng Khê bút đàm* 夢溪筆談 của Thẩm Quát 沈括 (1031-1095) in trong *Bại Hải* 稗海 của Thương Tuấn 商濬 đời Minh, thuộc hòm thứ tư. Sách gồm 26 quyển, sau bổ sung 3 quyển và tục biên 1 quyển, nội dung bao quát các thành tựu khoa học kỹ thuật và xã hội đời trước. Trong đó, quyển 7, 8 và quyển 2 ở phần bổ sung có đề cập đến các tri thức thiên văn học trong môn “tượng số”: Phép lịch Đại Diễn và lịch Phụng Nguyên, đầu kiến có tuế sai, đo cực tinh, khắc lậu, nhị thập bát tú, hình của nhật nguyệt, nhật thực nguyệt thực, lịch Sùng Thiên và lịch Minh Thiên, quỹ đạo Mặt Trăng, hành độ của ngũ tinh, tị nạn ở Thiên Văn Viện và Tư Thiêm Giám...

Ký hiệu: TQC0019986, TQC0019987, TQC0019988

29. *Tam tài lược* 三才略 của Tưởng Đức Quân 蔣德鈞 (1851-1937) in trong *Cầu Thực Trai tùng thư* 求實齋叢書 của ông. Sách gồm 3 quyển, tương ứng với ba phần: “Bộ thiên ca”, “quát địa lược”, “độc sử luận lược”. Trong đó, quyển 1 thu lục tác phẩm “Bộ thiên ca”, là trường ca 7 chữ về tinh tượng thời cổ đại. Cuối quyển là một tinh đồ gồm hai bán thiên cầu Nam và Bắc.

Ký hiệu: TQC0020662

30. *Tân trắc trung tinh đồ biểu* 新測中星圖表 (1 quyển), *Kim Hoa canh lậu trung tinh biểu* 金華更漏中星表 (3 quyển), *Kim Hoa quỹ lậu trung tinh biểu* 金華

晷漏中星表高弧細草 (2 quyển), *Tân trắc hằng tinh đồ biểu* 新測恆星圖表 (1 quyển), *Cao hồ tế thảo* 高弧細草 (1 quyển), *Giao thực tế thảo* 交食細草 (2 quyển + 1 quyển thủ) là các sách của Trương Tác Nam 張作楠 (1772-1850). Ba sách đầu là các biểu đo trung tinh vào ngày Đông chí năm Đạo Quang Quý Mùi (1823) kèm tinh đồ và các biểu tuế sai, nhật sai. Sách thứ tư là các số liệu đo hằng tinh vào cùng năm đó. Sách thứ năm đo cao độ Bắc Cực, thời khắc các tiết khí, phân độ Mặt Trời.

Ký hiệu: TQC0021264, TQC0021265, TQC0021266

31. Văn hiến thông khảo 文獻通考 của Mã Đoan Lâm 馬端臨 (1254-1323) là bộ chính thư thành thư năm 1307 đời Nguyên, gồm 348 quyển nội dung bao quát 24 môn. Trong đó, phần về thiên văn học gọi là “tượng vĩ” được trình bày từ quyển 278 đến 294, gồm các vấn đề về: tam viên, chòm sao, thời tiết, điềm báo tai ương hay cát tường, các ngày nhật thực từ đời Chu đến đời Tống, các biến dị của mặt trời, mặt trăng, trời tuyết, sự dịch chuyển của các chòm sao từ đời Tần đến đời Tống Ninh Tông, các bất thường của sao, quầng khí và cầu vòng...

Ký hiệu: TQC0021876

32. Khâm định tục văn hiến thông khảo 欽定續文獻通考 thành thư năm 1784 thời Thanh, gồm 254 quyển, tục biên sách *Văn hiến thông khảo* đời Nguyên. Trong đó, phần “tượng vĩ” nằm từ quyển 210 đến 215 ghi chép các sự kiện về: lịch pháp, lưỡng nghi, thất chính, hằng tinh, nhị thập bát tú, thập nhị thứ tú độ, châu quận triền thứ, trung tinh, thiên biến, nhật thực, nhật biến, nguyệt biến, sao chổi, lãng phạm của Mặt Trăng và ngũ tinh, tạp tinh biến, sao thấy ban ngày, sao tốt, khách tinh, khí mây.

Ký hiệu: TQC0021923, TQC0021924

33. Tây Dương tân pháp lịch thư 西洋新法曆書 của nhóm Từ Quang Khải (1562-1633), Lý Thiên Kinh (1579-1659), là bộ sách soạn đời Minh, hiệu đính và khắc in đời Thanh về lịch pháp và thiên văn, giới thiệu tương đối toàn diện và hệ thống tri thức thiên văn học phương Tây, bao quát các phương diện lý luận, quan trắc, dụng cụ, tính toán... Sách gồm 103 quyển, 10 quyển đầu gồm các tấu sớ, cáo yết về việc cải cách lịch pháp đời Sùng Trinh nhà Minh và Thuận Trị nhà Thanh. Chính văn gồm 93 quyển, bao quát 6 nội dung: Nhật triền, hằng tinh, nguyệt ly, giao thực, ngũ vĩ và ngũ tinh giao hội. Sách cũng đề cập tới năm vấn đề của lịch pháp: pháp nguyên (lý thuyết thiên văn học), pháp số (biểu thiên văn), pháp toán (phép tính thiên văn), pháp khí (dụng cụ thiên văn) và hội thông (biểu quy đổi đơn vị Trung Quốc và phương Tây).

Ký hiệu: TQC0023921-TQC0023956

- **Nguyệt ly lịch chỉ** 月離曆指 (4 quyển) của Giacomo Rho 羅雅谷 (1593-1638), Johann Adam Schall von Bell 湯若望 (1591-1666) hiệu đính: nói về chuyển động của Mặt Trăng. Ký hiệu: TQC0023924
- **Giao thực lịch chỉ** 交食曆指 (7 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho hiệu đính: nói về giao thực. Ký hiệu: TQC0023925, TQC0023926
- **Hằng tinh lịch chỉ** 恆星曆指 (3 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho hiệu đính: nói về hằng tinh. Ký hiệu: TQC0023927, TQC0023928
- **Cổ kim giao thực khảo** 古今交食考 (1 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho hiệu đính: khảo về các giao thực từ xưa đến nay. Ký hiệu: TQC0023927
- **Trắc thực** 測食 (2 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Chu Tử Ngụ 周子愚 và Trác Nhĩ Khang 卓爾康 (1570-1644) hiệu đính: nói về cách tính giao thực. Ký hiệu: TQC0023928
- **Nhật triển lịch chỉ** 日躔曆指 (1 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: nói về chuyển động của Mặt Trời. Ký hiệu: TQC0023928
- **Ngũ vĩ lịch chỉ** 五緯曆指 (9 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: nói về chuyển động của ngũ tinh. Ký hiệu: TQC0023929, TQC0023930
- **Nhật triển biểu** 日躔表 (2 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: là biểu tọa độ chuyển động của Mặt Trời. Ký hiệu: TQC0023931
- **Nguyệt ly biểu** 月離表 (2 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: là biểu tọa độ chuyển động của Mặt Trăng. Ký hiệu: TQC0023931
- **Hằng tinh kinh vĩ biểu** 恆星經緯表 (6 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho hiệu đính: là biểu tọa độ của hằng tinh. Ký hiệu: TQC0023932
- **Hằng tinh xuất một biểu** 恆星出沒表 (2 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho hiệu đính: là biểu tọa độ của hằng tinh. Ký hiệu: TQC0023932
- **Giao thực biểu** 交食表 (9 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho hiệu đính: là các biểu để tính giao thực. Ký hiệu: TQC0023933-TQC0023936

- **Ngũ vĩ chư biểu** 五緯諸表 (10 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: là các biểu của ngũ tinh. Ký hiệu: TQC0023937-TQC0023939
- **Cát viên bát tuyến biểu** 割圓八線表 (1 quyển) của Giacomo Rho, Johann Schreck (1576-1630) và Johann Adam Schall von Bell: là biểu của phép “cát viên bát tuyến” (8 đoạn thẳng định ra khi một cát tuyến cắt đường tròn xuyên tâm). Ký hiệu: TQC0023940
- **Hoàng xích đạo cự độ biểu** 黃赤道距度表 (1 quyển) của Johann Schreck: là biểu khoảng cách giữa hoàng đạo và xích đạo. Ký hiệu: TQC0023940
- **Trắc lượng toàn nghĩa** 測量全義 (10 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: nói về các phép hình học cơ bản như đo tam giác, đo độ dài, đo diện tích, đo thể tích, đo tam giác cầu, đo hình cầu... Ký hiệu: TQC0023941-TQC0023943
- **Đại trắc** 大測 (2 quyển): nói về các phép đo tam giác phẳng, tam giác cầu, đường tròn... Ký hiệu: TQC0023943
- **Trắc thiên ước thuyết** 測天約說 (2 quyển) của Johann Schreck, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: nói về các phép đo thiên văn. Ký hiệu: TQC0023944
- **Tỉ lệ quy giải** 比例規解 (1 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: nói về tỉ lệ và các phương pháp vận dụng. Ký hiệu: TQC0023944
- **Kỷ hà yếu pháp** 幾何要法 (4 quyển) của Giulio Alenio (1582-1649): nói về các phép hình học cơ bản. Ký hiệu: TQC0023944
- **Tân pháp biểu dị** 新法表異 (2 quyển) của Johann Adam Schall von Bell: nói về các khác biệt giữa biểu của tân pháp với biểu cũ. Ký hiệu: TQC0023945
- **Học lịch tiểu biện** 學曆小辯 (1 quyển) của Johann Adam Schall von Bell: là thảo luận của lịch cục với Ngụy Văn Khôi (người theo phái cự lịch). Ký hiệu: TQC0023945
- **Tân pháp lịch dẫn** 新法曆引 (1 quyển) của Johann Adam Schall von Bell: dẫn luận về thiên văn học phương Tây. Ký hiệu: TQC0023945
- **Tân pháp hiểu hoặc** 新法曉或 (1 quyển) của Johann Adam Schall von Bell: giải đáp về thiên văn học phương Tây. Ký hiệu: TQC0023945

- **Lịch pháp Tây truyền** 曆法西傳 (1 quyển) của Johann Adam Schall von Bell: lịch sử thiên văn học phương Tây từ Ptolemy đến Copernicus. Ký hiệu: TQC0023945

- **Trù toán** 籌算 (1 quyển) của Giacomo Rho, Johann Adam Schall von Bell hiệu đính: nói về phép đo của Napier. Ký hiệu: TQC0023946

- **Hồn thiên nghi thuyết** 渾天儀說 (5 quyển) của Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho hiệu đính: nói về thiết bị Hồn thiên nghi. Ký hiệu: TQC0023947, TQC0023948

- **Viễn kính thuyết** 遠鏡說 (1 quyển) của Johann Adam Schall von Bell: nói về kính viễn vọng. Ký hiệu: TQC0023947

- **Khang Hy vĩnh niên lịch pháp** 康熙永年曆法 (32 quyển) của Ferdinand Verbiest (1623-1688), Claudio Filippo Grimaldi (1638-1712) hiệu đính. Bộ sách gồm 8 phần, mỗi phần 4 quyển, lần lượt nói về Mặt Trời, Mặt Trăng, ngũ tinh và giao thực. Mỗi phần đưa ra số liệu cơ bản trước khi trình bày biểu của từng đối tượng trong 2.000 năm lịch sử. Ký hiệu: TQC0023949-TQC0023956

34. Hoàn thiên đồ thuyết 圓天圖說 (3 quyển) và **Hoàn thiên đồ thuyết tục biên** 圓天圖說續編 (2 quyển) của Lý Minh Triệt 李明徹 (1751-1832), lần lượt thành thư năm 1819 và 1821. Hai sách dẫn dụng nhiều luận thuyết của các giáo sĩ phương Tây từ thời Minh trở lại, có kèm nhiều hình vẽ minh họa phong phú. Ở Thư viện KHXH chỉ có quyển thượng sách thứ nhất và quyển hạ sách thứ hai.

Ký hiệu: TQC0027556, TQC0027559

35. Quang Tự nhị thập tứ niên ngũ nguyệt thập lục nhật Mậu Thìn vọng nguyệt thực đồ 光緒二十四年五月十六日戊辰望月食圖 là hình vẽ do Khâm Thiên Giám dự báo trước về nguyệt thực ngày 16 tháng 5 năm Quang Tự thứ 24 (1898).

Ký hiệu: TQC0028511

36. Thái bình ngự lãm 太平御覽 là bách khoa toàn thư đời Tống, biên soạn từ năm 977 đến 983, gồm 1.000 quyển, chia làm 55 môn, dưới chia nhỏ thành hơn 5.000 loại. Các tri thức thiên văn học nằm trong 7 quyển đầu tiên thuộc môn thứ nhất là “thiên bộ” gồm 15 quyển, đề cập đến các vấn đề: nguyên khí, thái dịch, thái sơ, thái thủy, thái tổ, thái cực, thiên bộ, hồn nghi, khắc lậu, nhật, nhật thực quĩ, nguyệt, nguyệt thực, tinh, thụ tinh, yêu tinh.

Ký hiệu: TQC0029913

37. Mậu Thân lập xuân khảo chứng 戊申立春考證 (1 quyển) của Hình Vân Lộ 邢雲路 (1549-?) là sách khảo chứng về ngày lập xuân của năm Mậu Thân, niên hiệu Vạn Lịch năm thứ 36 (1608). Nguyên do Khâm Thiên Giám tính ra tiết lập xuân của năm này rơi vào giờ Tý chính ngày Kỷ Mão 21 tháng 12, trong khi tác giả tính ra rơi vào giờ Hợi sơ ngày Mậu Dần 20.

Ký hiệu: TQC0024470

38. Tam thống thuật tường thuyết 三統術詳說 (4 quyển) của Trần Lễ 陳澧 (1810-1882) là sách khảo chứng về lịch Tam Thống đời Hán.

Ký hiệu: TQC0027993

39. Càn tượng thuật 乾象術 (1 quyển) của Lưu Hồng 劉洪 (130-196) và **Đường Minh Hoàng nguyệt lệnh chú giải** 唐明皇月令注解 (1 quyển) của Lý Lâm Phủ 李林甫 (683-753) in trong phần “Tử sử câu trầm” 子史鈎沈 của *Hán Học Đường tùng thư* 漢學堂叢書 của Hoàng Thích 黃奭.

Ký hiệu: TQC0002118, TQC0002127

40. Khâm định cổ kim đồ thư tập thành 欽定古今圖書集成 là bộ bách khoa toàn thư đồ sộ nhất trong lịch sử Trung Quốc do Trần Mộng Lôi 陳夢雷 (1650-1741) chủ biên, biên tập trong 28 năm từ năm 1701 đến năm 1728 thì khắc in xong. Sách gồm 10.000 quyển, riêng mục lục 40 quyển, đóng thành 5.020 sách, đưa vào 502 hòm. Nội dung bộ sách chia làm 6 vừng biên là: Lịch tượng, phương dư, minh luân, bác vật, lúy học, kinh tế. Dưới lại chia tiếp thành 32 điển, 6117 bộ, vừa đồ sộ, vừa tinh mật, bao quát hầu hết mọi tri thức đương thời. Tri thức về thiên văn học chủ yếu nằm trong phần **Lịch tượng vừng biên** 歷象彙編, bao gồm 4 điển là: Càn tượng, tuế công, lịch pháp và thứ trung, trong đó có các bộ điển hình như: thiên, thất chính, nhật nguyệt, tinh thần, Thiên Hà, nhuận nguyệt, hồi sóc huyền vọng, nghi tượng, lậu khắc, trắc lượng...

- Càn tượng điển (100 quyển) - Ký hiệu: TQC0000237-TQC0000246
- Tuế công điển (116 quyển) - Ký hiệu: TQC0000247-TQC0000258
- Lịch pháp điển (140 quyển) - Ký hiệu: TQC0000259-TQC0000275
- Thứ trung điển (188 quyển) - Ký hiệu: TQC0000276-TQC0000294

41. Hạ tiểu chính 夏小正 là lịch thư ghi chép việc nông nghiệp cổ nhất trong lịch sử Trung Quốc, được Đới Đức 戴德 đời Hán chú giải và thu lục làm một thiên trong *Đại Đới Lễ Ký* 大戴禮記, phản ánh trình độ phát triển nông nghiệp ở Trung Nguyên thời

Tiên Tần, đồng thời bảo tồn được tri thức thiên văn lịch pháp của Trung Hoa cổ đại. Sách ghi chép sự vật, khí tượng, tinh tượng cũng như chính sự theo từng tháng.

Ký hiệu: TQC0020948

Các sách chú giải sách này trong Thư viện KHXH gồm có:

- **Hạ tiểu chính Đối thị truyện** 夏小正戴氏傳 (4 quyển) của Phó Tung Khanh 傅崧卿 đời Tống và **Hạ tiểu chính kinh truyện tập giải** 夏小正經集解 (4 quyển) của Cố Phượng Tảo 顧鳳藻 đời Thanh, in trong *Sĩ Lễ Cư Hoàng thị tùng thư* 士禮居黃氏叢書 của Hoàng Phi Liệt 黃丕烈. Ký hiệu: TQC0002298

- **Hạ tiểu chính Đối thị truyện** cũng được in trong *Thông Chí Đường kinh giải* 通志堂經解 của Nạp Lan Tính Đức 納蘭性德 (1655-1685). Ký hiệu: TQC0016077

- **Hạ tiểu chính khảo chú** 夏小正考注 của Tất Nguyên 畢沅 (1730-1797) in trong *Kinh Huấn Đường tùng thư* 經訓堂叢書 của ông. Ký hiệu: TQC0001841

- **Hạ tiểu chính tiên** 夏小正箋 (2 quyển) do Lý Điều Nguyên 李調元 (1734-1803) hiệu đính, in trong tùng thư *Hàm Hải* 函海 của ông. Ký hiệu: TQC0014439

- **Minh đường âm dương Hạ tiểu chính kinh truyện khảo thích** 明堂陰陽夏小正經傳攷釋 (10 quyển) của Trang Thuật Tổ 莊述祖 (1751-1816) in năm 1809. Ký hiệu: TQC0022967, TQC0022968

- **Hạ tiểu chính đẳng lệ văn cú âm nghĩa** 夏小正等例文句音義 (6 quyển) của Trang Thuật Tổ, in trong *Trân Nghệ Di di thư* 珍藝室遺書 của ông vào năm 1830. Ký hiệu: TQC0023164, TQC0023165

42. Thiên toán 天算 (10 quyển) của Chi Bảo Nam 支寶枏 và Ngô Đình Viêm 吳頴炎 biên tập trong bộ *Sách học bị toàn* 策學備纂 của Sái Khải Thịnh 蔡啟盛 và Ngô Đình Viêm in năm 1888, gồm các chủ đề: Lịch đại lịch pháp, lịch học tổng luận, thiên văn (khảo về chế độ nghi tượng), Trung Tây pháp dị đồng đặc thất khảo, lịch toán thư mục, hóa học, lời học, thiên văn chiêm nghiệm.

Ký hiệu: TQC0002430

43. Cách tượng tân thư 革象新書 (5 quyển) của Triệu Hữu Khâm 趙友欽 (1271-1335) và **Thất chính suy bộ** 七政推步 (7 quyển) của Bối Lâm 貝琳 (1429-1482) in trong bộ *Ảnh ấn Tứ khố toàn thư trân bản sơ tập* 四庫全書珍本初集, vào

năm 1934-1935, là bản ảnh ấn của bộ *Tứ khố toàn thư* được lưu giữ tại Văn Uyên các. Sách gồm 32 thiên, nói về thiên văn học, toán học và quang học.

Ký hiệu: TQC0007909, TQC0007910, TQC0007911

44. Phần *Thiên bộ* (5 quyển) và *Tuế thời bộ* (6 quyển) trong ***Đường loại hàm*** 唐類函 (200 quyển) của Du An Kỳ 俞安期 đời Minh biên tập, tập hợp nội dung từ 4 bộ sách đời Đường. Nội dung thiên văn học nói về trời, Mặt Trời, Mặt Trăng, Thiên Hà, sao. Nội dung lịch pháp nói về luật lịch, âm dương ngũ hành, nhuận...

Ký hiệu: TQC0012900

45. Phần *Thiên văn* (6 quyển) và *Thời lệnh* (8 quyển) trong ***Sơn Đường tứ khảo*** 山堂肆考 (240 quyển) của Bành Đại Dực 彭大翼 (1552-1643) thuộc tập Cung trong 5 tập tên là Cung 宮, Thương 商, Giác 角, Chủy 徵, Vũ 羽. Nội dung thiên văn học nói về trời, Thiên Hà, Mặt Trời, nhật thực, Mặt Trăng, sao. Nội dung lịch pháp nói về tuế, nguyệt, nhật, thời, sóc hối, huyền vọng, nhuận... Sách có 2 bản tại Thư viện KHXH.

Ký hiệu: TQC0012930, TQC0020431-TQC0020432

46. Phần *Thiên đạo* (3 quyển) và *Thời tự* (1 quyển) trong ***Quảng bác vật chí*** 廣博物志 (50 quyển) của Đồng Tư Trương 董斯張 (1586-1628). Nội dung thiên văn học nói về trời, Mặt Trời, Mặt Trăng, sao. Nội dung lịch pháp nói về tuế thời, bốn mùa, lịch.

Ký hiệu: TQC0012963

47. Phần *Huyền tượng* (3 quyển) và *Tuế thời* (2 quyển) trong ***Tiềm Xác Cư loại thư*** 潛確居類書 (120 quyển) của Trần Nhân Tích 陳仁錫 (1581-1636). Nội dung thiên văn học nói về hình khí, Mặt Trời, Mặt Trăng, sao, Thiên Hà. Nội dung lịch pháp nói về lịch số, bốn mùa, các tháng.

Ký hiệu: TQC0012975

48. Phần *Thiên văn* (5 quyển) và *Luật lịch* (8 quyển) trong ***Ngọc Hải*** 玉海 (204 quyển) của Vương Ứng Lâm 陳仁錫 (1223-1296). Nội dung thiên văn học nói về thiên văn đồ, thiên văn thư, nghi tượng, khuê cảnh. Nội dung lịch pháp nói về luật lễ, độ, lượng hành, lịch pháp, lậu khắc, thời lệnh, nghinh khí, độc thời lệnh, cải nguyên.

Ký hiệu: TQC0013001-TQC0013003

49. Phần *Thiên văn* (4 quyển) và *Thời lệnh* (4 quyển) trong ***Tam tài đồ hội*** 三才圖會 (204 quyển) xuất bản năm 1609 của Vương Kỳ 王圻 (1530-1615). Nội dung thiên văn học gồm các hình minh họa: toàn bầu trời, tam viên, nhị thập bát tú, trung tinh trong

thiên “Nghieu điền”, trung tinh nguyệt lệnh 12 tháng, trung tinh tuế hội đồ, trung tinh bốn mùa, kinh tinh hôn minh diệt kiến đồ, Ngọc Hành tùy vô chi kiến đồ, Chiêu Diêu trục nguyệt suy di đồ, “Đại Đông” tổng tinh đồ, thất nguyệt lưu đại đồ, nhật nguyệt chu thiên đồ, ngũ tinh chu thiên đồ, phân dã đồ, chư lịch hoàng đạo tứ độ đồ, hoàng đạo cung thứ đồ, ngũ thần đồ, thiên địa nghi đồ, ngũ hà đồ, nhật nguyệt hạ đông cửu đạo đồ, nhật nguyệt thứ xã giao hội đồ, thái dương trung đạo đồ, nhị cực đồ, bắc cực đồ, nhật thực đồ, nguyệt thực đồ, thượng huyền đồ, hạ huyền đồ, nguyệt sóc đồ, nguyệt hồi đồ, nguyệt vọng đồ, minh bách hồi sóc huyền vọng tuyệt đồ, đông hạ phong vũ đồ, doanh hư nạp giáp đồ, nhật nguyệt phong vân khí sắc đồ. Nội dung lịch pháp gồm các hình minh họa: thiên địa thủy chung tiêu tức đồ, lịch tượng thụ thời đồ, Ngu thư nhật vĩnh nhật đoản đồ, nhuận nguyệt thành tuế đồ, chương tuế tích nhuận dư phân đồ, nhật xuất nhật một vĩnh đoản đồ, nguyệt sinh nguyệt tận doanh khuy đồ, nguyệt lệnh chủ thuộc đại toàn đồ, Giáp Tý đẳng lục thập niên thần phương vị chi đồ, thập nhị nguyệt phương vị chi đồ...

Ký hiệu: TQC0013034, TQC0013044

50. Phần *Thiên bộ* (4 quyển) và *Tuế thời* (4 quyển) trong ***Bắc đường thư sao*** 北堂書鈔 (160 quyển) của Ngu Thế Nam 虞世南 (558-638). Nội dung thiên văn học nói về trời, Mặt Trời, quỹ, Mặt Trăng, sao, Hán. Nội dung lịch pháp nói về luật, lịch, ngũ hành, tuế, nhuận, bốn mùa, các ngày trong năm.

Ký hiệu: TQC0013203, TQC0013204

51. ***Học lịch thuyết*** 學曆說 (1 quyển) của Mai Văn Đỉnh 梅文鼎 (1633-1721) và ***Thiên văn thuyết*** 天文說 (1 quyển) của Đồng Dĩ Ninh 董以寧 (1629-1669) thuộc Mậu tập 戊集 trong ***Chiêu đại tông thư*** 昭代叢書 của Trương Triều 張潮. Sách thứ nhất nói về việc học lịch pháp. Sách thứ hai luận về việc đo tuế sai, giải thích về xích đạo, hoàng đạo, cửu đạo, thuyết đo trời, thuyết về hồi sóc huyền vọng bạc thực của Mặt Trăng, thuyết đo hồn thiên bao địa, biện luận về thất chính hữu tuyến.

Ký hiệu: TQC0013323, TQC0013348

52. Phần ***Thiên văn loại*** 天文類 (2 quyển) thuộc Tử biên 子編 trong ***Ngọc Hàm Sơn Phòng tập dật thư*** 玉函山房輯佚書 (739 quyển) của Mã Quốc Hàn 馬國翰 (1794-1857), thu lục các sách: ***Thái giai lục phù kinh*** (1 quyển) của Hoàng Đế, ***Ngũ tàn tạp biến tinh thư*** (1 quyển), ***Linh hiến*** (1 quyển) và ***Hồn nghi*** (1 quyển) của Trương Hành, ***Hân thiên luận*** (1 quyển) của Diêu Tín, ***An thiên luận*** (1 quyển) của Ngu Hỷ, ***Khung thiên luận*** (1 quyển) của Ngu Túng, ***Vị ương thuật*** (1 quyển).

Ký hiệu: TQC0013631

53. *Cổ kinh thiên tượng khảo* của Lôi Học Kỳ (xem mục 23), ***Tuế tinh biểu*** 歲星表 (1 quyển) của Chu Tuấn Thanh 朱駿聲 (1788-1858) in trong *Tụ Học Hiên tùng thư* 補聚學軒叢書 của Lưu Thế Hành 劉世珩 (1874-1926). Sách thứ hai là biểu di chuyển của Tuế tinh (Sao Mộc) từ năm đầu Càn Long (1736).

Ký hiệu: TQC0014197-TQC0014199, TQC0014203

54. *Cách trí kính nguyên* 格致鏡原 (100 quyển) của Trần Nguyên Long 陳元龍 (1652-1736) có 2 quyển đầu nói về thiên văn học: trời, hồn nghi, lậu khắc, Mặt Trời, biểu nhật thực, Mặt Trăng, sao, Thiên Hà.

Ký hiệu: TQC0026965

55. *Thiên trung ký* 天中記 (60 quyển) là bách khoa toàn thư của Trần Diệu Văn 陳耀文 (1524?-1605?), có 2 quyển đầu nói về thiên văn học: trời, Mặt Trời, nhật thực, Mặt Trăng, nguyệt thực, sao, Thiên Hà; 3 quyển 4, 5, 6 nói về bốn mùa và các tiết trong năm.

Ký hiệu: TQC0012866-TQC0012867

56. *Tứ dân nguyệt lệnh* 四民月令 (1 quyển) của Thôi Thực 崔寔 (?-170) in trong *Hán Ngụy di thư sao* 漢魏遺書鈔 của Vương Mô 王謨 là sách trình bày thiên “Nguyệt lệnh” trong *Kinh Lễ* để cho tứ dân (sĩ, nông, công, thương) theo đó mà lao động theo lịch 12 tháng.

Ký hiệu: TQC0019895

57. *Chính sóc khảo* 正朔考 (1 quyển) của Ngụy Liễu Ông 魏了翁 (1178-1237) in trong *Quảng bí kíp* 廣秘笈 của Trần Kế Nho 陳繼儒 là sách khảo về tháng giêng trong các lịch: Bắt đầu từ bài “Thất nguyệt” trong *Kinh Thi*, rồi đến các tháng được ghi trong lục kinh hoặc các sách vở khác thời Tiên Tần.

Ký hiệu: TQC0024451

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hoàng Quân (2021), *Thuyền chiến triều Nguyễn qua mô tả trong sách Hải quốc đồ chí*, link: <https://www.diendan.org/phe-binh-nghien-cuu/thuyen-chien-trieu-nguyen-qua-mo-ta-trong-sach-hai-quoc-do-chi>
2. Bạc Thụ Nhân 薄樹人 (chủ biên) (1993), *Trung Quốc khoa học kỹ thuật điển tịch thông vừng* 中國科學技術典籍通彙- thiên văn quyển 1 天文卷一, Nxb. Giáo dục Hà Nam, Trung Quốc.

CƠ SỞ DỮ LIỆU KHO TRUNG QUỐC CỔ TẠI VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Hội¹

Tóm tắt: Với gần 40 nghìn cuốn sách, Kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội (Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) là một kho tài liệu cổ quý hiếm chủ yếu được xuất bản từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX. Đây là kho tài liệu có giá trị lớn về phương diện lịch sử và văn học chiếm hơn một nửa tổng số tài liệu trong kho (22.213 cuốn trong tổng số 38.069 cuốn). Các tài liệu về lịch sử liên quan đến 27 triều đại phong kiến Trung Quốc. Đặc biệt là về Nhà Thanh với 5.890 tài liệu, Nhà Tống 2.742 tài liệu, Nhà Minh 2.323 và Nhà Đường 1.765 tài liệu. Về Tôn giáo, đây là một kho tư liệu cổ rất phong phú với 3.776 tài liệu (chiếm gần 10% tổng số tài liệu trong kho), trong đó có các tài liệu liên quan đến 44 bộ Kinh Phật.

Đáng chú ý là trong Kho Trung Quốc cổ có 416 tài liệu liên quan đến bản đồ trong đó có hơn một nửa số tài liệu này được cho là xuất bản từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX.

Từ khóa: Kho Trung Quốc cổ, Cơ sở dữ liệu, Trung Quốc cổ, *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Kinh Phật*, Thư viện Khoa học xã hội

1. Đôi nét về Kho sách Trung Quốc cổ

Cho đến nay Kho Trung Quốc cổ là toàn bộ tài liệu kho tiếng Trung Quốc do EFEO để lại và được tổ chức lại theo Ký hiệu kho mới TQC... Nếu chỉ tính kho này là Kho Trung Quốc cổ thì có 37.485 tài liệu, tài liệu cổ nhất là tài liệu soạn năm *Tuyên Đức thứ nhất (1429)*, gồm các long mạch vùng Tân Cương (Ký hiệu kho TQC0025269) và Tập chép tiếp sách Tân cương sơn mạch đồ chí 3 quyển, từ 4 đến 6, gồm các sơ đồ long mạch của Nam sơn và Bắc sơn (Ký hiệu kho TQC0025270)... Trong số gần 40 nghìn tài liệu tại kho này có 11.754 tài liệu soạn từ trước thế kỷ XIX.

¹ Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Trên thực tế, trong kho tài liệu cổ của Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội còn có những tài liệu tiếng Trung Quốc nằm trong *kho EFEO* chủ yếu là các tài liệu xuất bản đa ngôn ngữ trong đó có tiếng Hán cổ (125 tài liệu), bản cổ nhất là được xuất bản năm 1861 tại Amsterdam (QTO0001886). *Kho Hương ước Hán Nôm* với 1.223 bản (01 bản HU), trong đó bản cổ nhất được viết từ năm 1796 “*Văn Khế: xã Bằng Sở, phủ Thường Tín, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông*” (5 trang, HUN0000357), các bản mới nhất là năm 1942. Theo dữ liệu thư mục hiện tại có 117 bản *Thần tích*, *Thần sắc* có viết bằng chữ Hán. Ngoài ra còn có các bản kê *Thần sắc Hán Nôm* (hơn 3.000 bản) và khoảng 300 bản sắc phong.

Như vậy, nếu tính tất cả các loại hình tài liệu viết bằng chữ Hán cổ trong kho tài liệu của Viện Thông tin Khoa học xã hội sẽ là trên 40 nghìn tài liệu với đủ các loại hình từ sách, tạp chí, bản đồ cho đến các bản viết tay.

Trên cơ sở các biểu ghi thư mục thì tất cả các tài liệu kho Trung Quốc cổ là sách. Nhưng khi nghiên cứu nội dung tài liệu thì có 65 tài liệu là báo (xuất bản từ năm 1904-1956), 524 tài liệu là tạp chí (xuất bản từ năm 1904-1956), 1.383 tài liệu là các loại từ điển. Nếu xét theo ký hiệu kho thì chỉ có 01 tấm bản đồ. Nhưng khi nghiên cứu kỹ hơn nội dung các tài liệu thì có 416 tài liệu là sách thuộc loại hình bản đồ, địa phương chí hoặc là các tài liệu khác nhưng có bản đồ.

Với đặc thù tài liệu của Kho Trung Quốc cổ là sách bộ, trong kho này có 04 bộ sách lớn đáng lưu ý có hơn 1.000 cuốn: 1.207 cuốn *Đại Thanh lịch triều thực lục* (TQC0030214-TQC0031431), 1.238 cuốn *Tứ bộ tùng san* (TQC0003314-TQC0004258, TQC0008854-TQC0009035), 1.499 cuốn *Tục Tạng Kinh* (Nhật Bản xuất bản năm 1912, TQC0017675-TQC0018422, TQC0025736-TQC0026486) và 1.745 cuốn *Chính Thống Đạo tạng*, (TQC0004618-TQC0005140, TQC0023491) chủ yếu được xuất bản vào đầu thế kỷ XX.

Đáng chú ý là trong kho này có bộ sách chỉ có 28 cuốn nhưng có thời gian trường tồn trong 5 thế kỷ đó là Bộ *Đào lư tùng khắc* có tài liệu được soạn từ năm 1429 (Tập này là sách *Tân Cương sơn mạch đồ chí* 6 quyển, soạn năm Tuyên Đức thứ nhất (1429), gồm các long mạch vùng Tân Cương. Tập này 3 quyển, từ 1 đến 3, có mục lục, gồm các sơ đồ long mạch của Thiên sơn, Nam sơn và Bắc sơn - TQC0025269, TQC0025270) cho đến cuốn có bài tựa vào năm 1917.

Về ngôn ngữ thì Kho Trung Quốc cổ không chỉ đơn thuần là các tài liệu tiếng Trung Quốc, bên cạnh các loại từ điển các ngôn ngữ trên thế giới còn có các sách

chép tay chuyển ngữ sang ngôn ngữ các dân tộc thiểu số như *tiếng Chăm* (TQC0027013), *tiếng Hời*, *Tiếng Mãn Thích Gia* (TQC0027015), *Tiếng Ryukyu* (TQC0027011), *tiếng Tây Phiên*, *tiếng Ủy Ngột Nhi* (TQC0027014), *tiếng Thái*, *tiếng Thát Thản* (TQC0027013).

Trong số 216 cuốn liên quan đến tiếng Mãn thì tài liệu cổ nhất là Bộ *Từ điển Mãn Hán*, gồm 54 cuốn, chủ yếu được biên soạn vào thời Nhà Thanh và 12 tập từ điển 3 ngôn ngữ Mãn Hán Mông (đóng thành 6 cuốn), 1780 (TQC0028422-TQC0028428). Tập sách dựa trên sách Ngự Chế Thanh Văn Giám bổ sung thêm 12 loại, 4700 mục từ mới và 1636 từ hiếm gặp (禦製增訂清文鑒, [出版地不詳]: [出版者不詳]) 1630 (TQC0028380-TQC0028396), 1722 (TQC0028397-TQC0028406). Cuốn mới nhất trong số sách tiếng Mãn thuộc bộ Thư mục sách chữ Mãn xuất bản năm 1923. Đa số sách tiếng Mãn là từ điển, một số sách song ngữ, tam ngữ (Mãn Hán Mông) và có 02 cuốn sách giáo khoa Mãn Hán Mông.

2. Chủ đề Kho Trung Quốc cổ

Kho Trung Quốc cổ bao hàm 24 chủ đề khác nhau về tất cả các lĩnh vực Khoa học xã hội trong đó có 05 chủ đề chính là Lịch sử, Văn học, Triết học, Tôn giáo và Ngôn ngữ học có trên 2.000 cuốn. Tổng số tài liệu của 5 chủ đề này chiếm 87% kho Trung Quốc cổ. Trong khi đó có những chủ đề chỉ có một vài cuốn như Mĩ học (1), Tâm lí học (1), Chủ nghĩa Marx-Lenin (2).

Chủ đề	Tổng số cuốn
Lịch sử	14.764
Ngôn ngữ học	2.104
Tôn giáo	3.776
Triết học	4.730
Văn học	7.449

Chủ đề chính trong kho này là Lịch sử 14.764 tài liệu (chiếm 39% tổng số tài liệu), tiếp theo là sách Văn học có 7.449 tài liệu (chiếm 20% tổng số tài liệu), Triết học 4.730 tài liệu (chiếm 12%), Tôn giáo 3.776 tài liệu (chiếm 10%). Một điểm khá thú vị về chủ đề Nhà nước và Pháp luật tuy chỉ có 158 cuốn nhưng có điều mà các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này cần quan tâm là có 11 tài liệu (từ tổng số 158 tài liệu) liên quan đến Ấn lệ.

Trong số 14.764 tài liệu có chủ đề Lịch sử có nhiều tài liệu liên quan đến các triều đại phong kiến nhất là Nhà Thanh 5.890 tài liệu, Nhà Tống 2.700 tài liệu, Nhà Minh 2.323 tài liệu, và Nhà Đường 1.765 tài liệu.

Số lượng tài liệu viết về các triều đại phong kiến phương Bắc trong Kho Trung Quốc cổ không đồng đều mà tập trung chủ yếu vào Nhà Thanh với 5.890 cuốn, Nhà Tống 2.742, Nhà Minh 2.323, Nhà Đường 1.765, Nhà Hán 985 và Nhà Nguyên 757 cuốn. Các triều đại khác số lượng tài liệu ít hơn rất nhiều thậm chí chỉ có vài ba cuốn.

Tài liệu lịch sử cổ nhất là cuốn *Sử biên niên phòng* theo thể lệ lỗi Cương mục. Thành sách vào giai đoạn nhà Minh. Nội dung ghi chép về một số sự kiện diễn ra thời Minh Thái Tổ, 1542 (TQC0023541). Tài liệu về lịch sử mới nhất nghi xuất bản năm 1984 “*Tri Bất Túc trai từng thư*” (TQC0002147).

Không chỉ là một kho sách sử phong phú, Kho Trung Quốc cổ còn là một kho tàng văn học quý giá với 5.368 tác phẩm văn học. Đáng lưu ý là trong các tư liệu về Văn học có 24 tác phẩm *Bình chú về thơ văn của Đỗ Phủ trong hơn 3 thế kỷ từ 1501-1704*. Đặc biệt có 8 cuốn “*Độc Đỗ Thi Ngụ Đắc*” (TQC0023265-TQC0023272), Bản khắc thời Minh, ra đời năm 1501 bình chú về 18 tập thơ của Đỗ Phủ. “*Đỗ Thiếu Lăng Toàn Tập Tường Chú*”, có 02 bộ, mỗi bộ có 8 cuốn (đủ 25 tập), số tập trong mỗi cuốn khác nhau đều ghi hoàn thành năm Khang Hy thứ 32, khắc in năm Khang Hy thứ 43 (1704) (TQC0023257-TQC0023264), (TQC0025036-TQC0025043).

Có thể nói rằng Kho Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội là kho tài liệu về Triết học suốt 4 thế kỷ từ thế kỷ XVII (1639) đến thế kỷ XX (1980). Tài liệu cổ nhất về Triết học là cuốn *Thập Tam Kinh Cổ Chú* (1639). Một số cuốn trong bộ sách này chú thích các tư tưởng của Dịch học (TQC0023345), Mạnh Tử (TQC0023372), Hiếu kinh, Luận ngữ (TQC0023373).

Mặc dù là chủ đề lớn thứ tư trong số 5 chủ đề lớn, nhưng các tài liệu về Tôn giáo trong kho này thực sự là một kho tài liệu cổ quý hiếm trường tồn suốt 4 thế kỷ từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX (1936, TQC0006826). Những tài liệu cổ nhất trong chủ đề này có thể nói phần nhiều không rõ năm ra đời. Nhiều cuốn nghi là từ năm 1595 (TQC0018576). Bộ tài liệu cổ nhất trong chủ đề này xác định rõ năm là bộ “*Tông Kính Lục*” gồm 12 cuốn (TQC0018485-TQC0018496), đủ 100 tập từ tập 1-100, xuất bản năm 1733. Cũng có thể nói rằng các tài liệu về tôn giáo trong kho này kéo dài suốt 4 thế kỷ từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX (1936, TQC0006826).

Trong chủ đề này, Kinh Phật chiếm đa số với 45 loại kinh khác nhau. Đáng lưu ý chỉ có vài cuốn liên quan đến Mật tông chủ yếu do Nhật Bản biên tập và in ấn trong

hai bộ kinh đồ số nhất trong kho này. “*Đại Tạng kinh*”, với 686 cuốn được xuất bản từ năm 1885 (TQC0017075)-1932 (TQC0026605), Bộ thứ hai là “*Tục Tạng kinh*” với 1.499 cuốn xuất bản năm 1912 (TQC0017675-TQC0018422, (TQC0025736-TQC0026486).

Bên cạnh những chủ đề lớn, có hai vấn đề khá thú vị trong đời sống thường ngày của người dân đó là “Bói toán” và “Y học dân tộc”. Tài liệu cổ nhất liên quan đến Y học cổ truyền dân tộc là bộ “*Đường loại hàm*” (1603?) và “*Tế âm cương mục*” (1663?). Cuốn cổ nhất xác định rõ năm ra đời là “*Tô trầm lương phương*”, 1776 (TQC0018709) với nội dung viết về các bài thuốc trị bệnh trong y học, với những liệu pháp đơn giản thuộc các chuyên khoa như nội khoa, ngoại khoa, nhãn khoa, phụ khoa... và cuốn mới nhất nghi được xuất bản năm 1936 “*Kim quỹ ngọc hàm yếu lược phương luận*” (TQC0006807) thuộc bộ “*Tứ bộ bị yếu*” của Trương Trọng Cảnh thời Hán biên soạn, ghi chép những bài thuốc cổ truyền trong Trung y truyền thống Trung Quốc.

Các tài liệu nghiên cứu về bói toán có 181 cuốn, cuốn cổ nhất có khả năng ra đời vào năm 1630 đó là bộ “*Tân đệ bí thư*” do Mao Tân đời Minh biên soạn với nội dung nghiên cứu thuật bói toán và bộ sách mới nhất liên quan đến bói toán là bộ “*Ảnh ấn Tứ khố toàn thư trân bản sơ tập*” (TQC0007914- TQC0007931), xuất bản năm 1935.

Số lượng tài liệu có chủ đề về Kinh tế là khá khiêm tốn với 133 cuốn. Tài liệu cổ nhất liên quan đến kinh tế ghi chép về các loại tiền được sử dụng trong lịch sử Trung Quốc “*Tiền chí tân biên*”, xuất bản năm 1830 (TQC0019402) và cuốn mới nhất là “*Phong Thu*”, viết về sản xuất nông nghiệp ở Trần Gia Trang (Trung Quốc), 1954 (TQC0009625).

3. Một vài tài liệu về Biên giới lãnh thổ

Các tài liệu có liên quan đến Biên giới nằm trong 38 bộ sách với bộ cổ nhất là *Đường loại hàm* có năm ra đời nghi là 1603 gồm 30 cuốn (TQC0012900-TQC0012929), đủ bộ 200 tập, trong số đó cuốn từ tập 115-120, TQC0012917 có nội dung là phần *Biên tái bộ ghi chép về vùng biên cương*.

Một trong những tài liệu cổ thể loại Địa phương chí là bộ “*Quảng Đông thông chí*” có 71 cuốn (TQC0029606-TQC0029676) với 334 tập (từ tập 3-9 có 02 bản). Trong bộ này có 03 cuốn liên quan đến địa danh, ranh giới hành chính (TQC0029606-TQC0029607, [1822?], TQC0029659, không rõ năm); 02 cuốn (TQC0029620-TQC0029621, [1822?]) với nội dung phần Dư địa - ghi chép bản đồ cương vực, khí

hậu, dân số; 01 cuốn (TQC0029627, [1822?]) liên quan đến phần Quan ải và Hải phòng - ghi chép về canh phòng vùng biên giới và biển; 02 cuốn soạn năm Ung Chính thứ 9 (TQC0029658, TQC0029661, 1731), ghi chép địa chí tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, gồm phần biểu, phần lệ, mục lục, danh sách người soạn sách, phần phương vị theo thiên văn, bản đồ địa lí, phòng thủ ven biển.

Tài liệu cổ nhất liên quan đến biên giới và Việt Nam là bộ “*Lĩnh nam di thư*”, 73 cuốn nhưng nếu theo tập thì chỉ có 30 tập (TQC0013456-TQC0013491, theo số liệu thư mục thì các tập trùng nhau khá nhiều) do Ngũ Sùng Diệu đời Thanh biên tập. Nội dung là sách *Bình định Giao Nam lục* của Khâu Tuấn đời Minh, ghi chép sự kiện lịch sử ở khu vực biên giới Trung Quốc và Việt Nam thời Minh (嶺南遺書：平定交南錄 / 丘濬 輯：伍崇曜, [出版地不詳] : [出版者不詳], 1831, [22] 頁, TQC0013461 - mã kho này có 07 cuốn).

Đặc biệt là cuốn *Đại Thanh đại pháp đồng Việt Nam hồ đính các hạng điều khoản chương trình* (大清大法同越南互訂各項條款章程, TQC0030192). Sách tóm lược một số điều ước, hòa ước, thông ước,... giữa nhà Thanh với Pháp từ năm 1884-1895 và những cuộc họp bàn về các vấn đề ngoại giao, buôn bán, bảo vệ biên giới như đã kí kết với nhau từ Điều ước Thiên Tân 1884 về sau. Nhưng khi thử tìm kiếm cuốn này trên Google bằng tiếng Trung Quốc và tiếng Việt đều không thấy.

Bộ “*Tiệm học lục tùng thư*” 17 cuốn (TQC0014235- TQC0014237, 1897, theo số liệu thư mục trùng nhiều) do Hồ Tường Vinh biên soạn, tuyển chọn *các tác phẩm về biên cương, lịch sử, địa lý đời Thanh*. Trong đó, “*Trung Việt đông tây định nghị toàn giới ước văn*” gồm 5 bản giao ước về biên giới lãnh thổ trên đất liền của Trung Quốc và Việt Nam.

Bộ “*Ước chương phân loại tập yếu*”, 13 cuốn (TQC0029218- TQC0029230, không rõ năm). Theo số liệu thư mục trong kho có 36 tập nhưng chỉ có 13 cuốn, các tập còn thiếu là 4-5, 7-8, 10, 12-16, 19, 21-25, 27-28, 30, 32, 34-35, 37-38. Nhưng khi thử tìm kiếm trên Google bằng tiếng Trung Quốc thì bộ này có 38 tập, trong đó các tập còn thiếu (1-30) có thể tìm thấy bản số hóa tại Thư viện Đại học Bắc Kinh, các tập 35, 37, 38 là bản số hóa có trên trang web <https://commons.wikimedia.org/wiki>. Riêng tập 34 không tìm thấy. Đại học Columbia có từ tập 1-6, in lại năm 1901, số hóa năm 2017. Đại học California có từ tập 10-20 (1900). Bộ sách này ghi chép về những điều ước giữa Trung Quốc (triều Thanh) với các nước như: Nga, Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Hà Lan, Bồ Đào Nha,... trên các lĩnh vực như giao thông,

thương mại, du lịch, phân định biên giới, truyền giáo, v.v..., trong đó có những điều ước ký kết giữa Trung Quốc và Pháp có liên quan tới Việt Nam.

Trong kho cũng có bộ sách “*Lịch sử “Đông tam tỉnh chính lược”*”, 22 cuốn (TQC0023849-TQC0023864, không rõ năm) được biên soạn vào đời Thanh từ *Quang Tự thứ 3 (1907) đến năm Tuyên Thống thứ nhất (1909)*. Nội dung ghi chép về các vấn đề biên giới, đàm phán, quân sự, hệ thống chính thức, dân sự, tài chính, cò, học vụ, tư pháp, công nghiệp và đề xuất của Hội đồng Tư vấn của vùng Đông Bắc nhà Thanh.

Trong Kho sách Trung Quốc cổ của Thư viện Khoa học xã hội có duy nhất 01 tạp chí “*Sử liệu tuần san*”, xuất bản năm 1930. Nội dung tạp chí có đề cập đến Ung Chính hỏi việc biên giới An Nam, (史料旬刊：第1期 - 第4期 / 故宮博物院文獻館. [出版地不詳]：京華印書局, 1930. [287] 頁 27 cm. TQC0027433).

Tổng số bộ sách trong Kho Trung Quốc cổ liên quan đến địa giới hành chính, biên giới lãnh thổ là 38 bộ, đặc biệt có 04 bộ “*Lĩnh nam di thư*”, 1831 (73 cuốn, TQC0013456-TQC0013491), trong đó cuốn TQC0013461 do Ngũ Sùng Diệu đời Thanh biên tập. Nội dung là sách *Bình định Giao Nam lục* của Khâu Tuấn đời Minh, ghi chép sự kiện lịch sử ở khu vực biên giới Trung Quốc và Việt Nam thời Minh, “*Tiêm học lư tùng thư*”, 1897 (17 cuốn, TQC0014235-TQC0014237), do Hồ Tường Vinh biên soạn, tuyển chọn các tác phẩm về biên cương, lịch sử, địa lý đời Thanh. “Trung Việt đông tây định nghị toàn giới ước văn” gồm 5 bản giao ước về biên giới lãnh thổ trên đất liền của Trung Quốc và Việt Nam (TQC0014235). “*Ước chương phân loại tập yếu*”, (không rõ năm xuất bản) (38 tập, 13 cuốn, TQC0029218-TQC0029230), là bộ sách ghi chép về những điều ước giữa Trung Quốc (triều Thanh) với các nước như: Nga, Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Hà Lan, Bồ Đào Nha,... trên các lĩnh vực như giao thông, thương mại, du lịch, phân định biên giới, truyền giáo, v.v... Trong đó có những điều ước ký kết giữa Trung Quốc và Pháp có liên quan tới Việt Nam. “*Việt kiều thư*” (không rõ năm xuất bản) (20 tập, 7 cuốn, TQC0029985-TQC0029991), sách do Lý Văn Phụng thời Minh biên tập, ghi chép về những lần đi sứ tới Việt Nam, mô tả địa lý, chính trị, văn học, dân tục... Nội dung gồm Bài tựa, mục lục, các mô tả chung về biên giới, hình thế sông núi, quản lý biên giới, sản vật địa phương, các danh lam cổ tích, phong tục, liệt kê các thư, chiếu chỉ, chế, sắc phong (TQC0029985), biên niên các giai đoạn lịch sử Việt Nam từ thời Đường Ngu đến nhà Tống (TQC0029986). “*Đại Thanh đại pháp đồng Việt Nam hồ đính các hạng điều khoản chương trình*” (không rõ năm xuất bản) (TQC0030192), sách tóm lược một số điều ước, hòa ước, thông ước,... giữa nhà Thanh với Pháp từ năm 1884-1895 và

những cuộc họp bàn về các vấn đề ngoại giao, buôn bán, bảo vệ biên giới như đã ký kết với nhau từ Điều ước Thiên Tân 1884 về sau.

Căn cứ vào nội dung do các nhà nghiên cứu cung cấp thì có 416 cuốn liên quan hoặc có bản đồ, 154 cuốn có liên quan đến biên giới (xem phụ lục).

4. Bàn luận

Kho sách Trung Quốc cổ của Thư viện Khoa học xã hội thực sự là kho tài liệu quý hiếm về khoa học xã hội và nhân văn cần được quan tâm thích đáng trong thời gian tới. Trên thực tế, kho này khá đa dạng về loại hình tài liệu, từ các bản chép tay đến các ấn phẩm in. Rất có thể trong kho có những cuốn là độc bản. Tuy nhiên, trong kho này cũng có lẫn một số sách hiện đại (Tứ thư điển cố biên chính, TQC0002748, 1980) vì thế nên chẳng cần nghiên cứu, lựa chọn những cuốn thực sự quý hiếm để đưa vào chế độ bảo quản đặc biệt và số hóa ngay.

Kho sách Trung Quốc cổ là một trong các kho sách được xử lý hết sức bài bản từ việc nghiên cứu sơ lược nội dung (do các nhà nghiên cứu thực hiện thể hiện qua phần tóm tắt nội dung) sau đó được các cán bộ thư viện biên mục theo nguyên ngữ và bổ sung chủ đề, từ khóa tìm kiếm. Tuy nhiên, do được thực hiện trong thời gian ngắn với sự tham gia của đông đảo các nhà nghiên cứu nên không tránh khỏi sự thiếu thống nhất trong một số vấn đề, nhất là trong việc tóm tắt nội dung, vì vậy để kho tài liệu cổ quý hiếm này có thể phục vụ người dùng tin trong nước và quốc tế cần hiệu đính dữ liệu cho thống nhất trong phần tóm tắt nội dung tài liệu tránh trường hợp cùng một bộ sách được nhập theo nhiều cách khác nhau.

Bổ sung, hiệu đính chủ đề, từ khóa tìm kiếm cho đầy đủ, thống nhất đảm bảo việc tìm kiếm thông tin từ cơ sở dữ liệu được chính xác hơn.

Một điểm đáng lưu ý là kho sách có nhiều cuốn trong tình trạng hư hỏng về mặt vật lý, vì vậy cần nhanh chóng số hóa kho tài liệu này, đồng thời xác định các tài liệu hư hỏng để tiến hành bồi vá.

Phụ lục

Kinh Phật

- 1 Kinh A Di Đà
- 2 Kinh A Hàm
- 3 Kinh An Lạc Bản Nghiệp
- 4 Kinh Ba La Mật

- 5 Kinh Bát Nhã
- 6 Kinh Bát Nhã Tâm
- 7 Kinh Đà La Ni
- 8 Kinh Đại Bảo Tích
- 9 Kinh Đại Bát Nhã
- 10 Kinh Đại bát Niết bàn
- 11 Kinh Đại Chí Bộ Luận
- 12 Kinh Đại Nhật
- 13 Kinh Đại Phẩm
- 14 Kinh Đại Tập
- 15 Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán
- 16 Kinh Di Lặc
- 17 Kinh Địa Tạng
- 18 Kinh Du Già
- 19 Kinh Dược Sư
- 20 Kinh Duy Ma
- 21 Kinh Giải Thâm Mật
- 22 Kinh Hoa Nghiêm
- 23 Kinh Kim Cương
- 24 Kinh Kim Quang Minh
- 25 Kinh Lăng Già
- 26 Kinh Lăng Nghiêm
- 27 Kinh Ma Ha
- 28 Kinh Ma Ha Di Đà
- 29 Kinh Mật Kinh
- 30 Kinh Nhân Vương
- 31 Kinh Nhất Thiết
- 32 Kinh Niết Bàn
- 33 Kinh Phạm Cương
- 34 Kinh Pháp Hoa
- 35 Kinh Quan Âm
- 36 Kinh Quán Vô Lượng Thọ

37	Kinh Tam tạng
38	Kinh Tạp A Hàm
39	Kinh Thắng Man
40	Kinh Tôn Thắng
41	Kinh Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn
42	Kinh Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn
43	Kinh Viên Giác
44	Kinh Vô Lượng Thọ
45	Kinh Vu Lan

Chủ đề

1	Chính trị	258
2	Chủ nghĩa Mác Lênin	2
3	Dân tộc học	72
4	Đạo đức học	53
5	Giáo dục	230
6	Khảo cổ học	49
7	Khoa học	7
8	Khoa học kỹ thuật	694
9	Khoa học tự nhiên	709
10	Khoa học xã hội	860
11	Kinh tế	133
12	Lịch sử	14.764
13	Mĩ học	1
14	Nghệ thuật	916
15	Ngôn ngữ học	2.104
16	Nhà nước và pháp luật	158
17	Quân sự	231
18	Tài liệu có nội dung tổng hợp	7
19	Tâm lý học	1
20	Tôn giáo	3.776
21	Triết học	4.730
22	Văn hóa	640
23	Văn học	7.449
24	Xã hội học	14

GIỚI THIỆU BỘ THANH NGHỊ BÁO TOÀN BIÊN TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI, VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Văn Thịnh¹

Nguyễn Thu Trang²

Tóm tắt: “Thanh nghị báo” (清議報 - Qingyi bao) là tờ báo cổ vũ cho công cuộc cải cách chính trị ở Trung Quốc giai đoạn cuối triều Thanh. Thanh Nghị báo do Lương Khải Siêu làm chủ bút, xuất bản số đầu tiên vào năm 1898 tại Yokohama, Nhật Bản. Năm 1901, do văn phòng làm việc bị hỏa hoạn, Thanh Nghị báo phải dừng xuất bản. Sau đó, trên cơ sở tư liệu Thanh Nghị báo, Yokohama Tân Dân Xã đã tổ chức biên soạn lại, thực hiện nhiều thay đổi, gồm cả bổ sung và lược bớt và in thành bộ “Thanh Nghị báo toàn biên” (清議報全編 - Qingyibao quanbian). “Thanh Nghị báo” và sau đó là “Thanh Nghị báo toàn biên” được coi là những ấn phẩm đóng vai trò tiên phong trong việc giới thiệu học thuyết chính trị, tư tưởng dân chủ phương Tây vào Trung Quốc; chỉ trích phe bảo thủ trong triều đình nhà Thanh và ủng hộ Hoàng đế Quang Tự cùng việc cải cách triều chính. Hai ấn phẩm đã tạo nên những ảnh hưởng nhất định đến đời sống chính trị-xã hội ở Trung Quốc thời bấy giờ.

1. Bối cảnh ra đời

Từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX là giai đoạn diễn ra những biến động lớn, đánh dấu sự suy tàn và chấm dứt của nhà Thanh - triều đại phong kiến cuối cùng ở Trung Quốc.

Thất bại trong cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ nhất (1840-1843) và lần thứ hai (1856-1860) trước đế quốc Anh đã bộc lộ sự yếu kém và lạc hậu của Trung Quốc với thế giới. Sự thất bại đó một mặt đã gây nên những cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình, mặt khác đã buộc triều đình phải thực hiện cải cách để củng cố sức mạnh.

¹ ThS., Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

² ThS., Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Tuy nhiên, thất bại trong cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894-1895) đã khiến phong trào đòi cải cách ở Trung Quốc diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Thất bại trước một Nhật Bản nhỏ bé đã khiến nhiều kẻ sĩ Trung Quốc thức tỉnh. Họ nhận ra rằng cần phải thay đổi chế độ và duy tân mọi mặt mới chấn hưng được nước nhà. Trong số ấy, có Khang Hữu Vi (1858-1927) - lãnh tụ phái duy tân và Lương Khải Siêu (1873 - 1929) - người tôn Khang Hữu Vi làm thầy - là những người hăng hái nhất.

Chỗ dựa quyền lực duy nhất của những người theo đường lối duy tân lúc này là Hoàng đế Quang Tự - vốn chỉ tồn tại trên danh nghĩa, còn quyền lực thực sự nằm trong tay Từ Hi Thái Hậu. Chính vì vậy, họ chủ trương truyền bá rộng rãi đường lối cải cách để tranh thủ sự ủng hộ và tham gia của dân chúng. Do vậy, những nhà lãnh đạo của phái duy tân rất coi trọng lập ra các học hội và sử dụng báo chí làm công cụ.

Sau thất bại của cuộc chính biến năm Mậu Tuất 1898 (lịch sử còn gọi là Bách nhật duy tân), cơ quan ngôn luận của phái duy tân gần như đã bị triều đình Mãn Thanh xóa sổ hoàn toàn. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu phải trốn sang Nhật Bản tị nạn. Tương lai của phái duy tân rơi vào bế tắc. Đồng thời, đất nước Trung Hoa cũng rơi vào khủng hoảng và đối mặt với họa mất nước.

Trong nước, Từ Hi Thái Hậu mưu đồ phế truất Hoàng đế Quang Tự và lập người kế vị mới. Trong hơn 200 năm tồn tại, triều Thanh chưa từng phải đối mặt với họa chính biến lớn như vậy.

Lương Khải Siêu cho rằng lúc này càng cần phải tăng cường sử dụng báo chí để tuyên truyền và thức tỉnh dân chúng, phục vụ tuyên truyền đường lối cải cách của phái duy tân. Theo đó, năm 1898, Lương Khải Siêu đã lập ra *Thanh Nghị báo* tại Yokohama, Nhật Bản.

2. Sự ra đời của *Thanh Nghị báo* và “*Thanh Nghị báo toàn biên*” trên đất Nhật Bản

Trong 100 ngày cải cách (Bách nhật duy tân), Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đã chiêu nạp được nhiều phần tử tiến bộ. Sau khi phong trào duy tân bị thất bại, trong nước đã không còn ai dám ủng hộ cho cải cách biến pháp. Trong bối cảnh phong trào bị thoái trào như vậy, cần thiết phải lập một tờ báo để vực dậy tinh thần những người ủng hộ và dân chúng. Chính vì vậy, Lương Khải Siêu đặt kỳ vọng ở việc dựng lại nền móng khi ở Nhật Bản, tranh thủ sự ủng hộ của các

kiêu dân và lưu học sinh. Việc làm báo chính là một biện pháp tối ưu để thực hiện tuyên truyền rộng rãi.

Tuy nhiên, việc Lương Khải Siêu lập một tờ báo trên đất Nhật Bản trong tình cảnh tị nạn vào thời điểm đó cũng có những điều đáng chú ý. Ngoài việc Trung - Nhật có vị trí địa lý cạnh nhau, giao thương gần gũi, bối cảnh nhiều tương đồng, thì còn có lý do liên quan đến chính trị Nhật Bản.

Trước khi Cải cách Minh Trị diễn ra, nước Nhật ở trong tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng về mọi mặt từ kinh tế, xã hội đến chính trị. Sau cuộc cải cách, chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản phát triển nhanh chóng. Chính phủ Nhật coi báo chí là công cụ quan trọng để khai sáng nên đặc biệt ủng hộ báo chí. Nền báo chí thời cận đại của Nhật Bản phát triển mạnh mẽ. Sự tiến bộ về tư tưởng và quan điểm cởi mở đó ở Nhật Bản đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển báo chí của Trung Quốc. Phong trào làm báo nở rộ trong lưu học sinh Trung Quốc cùng với những tư tưởng làm báo cách tân của Nhật Bản càng thúc đẩy chủ trương lập báo của Lương Khải Siêu.

Sau cuộc chính biến Mậu Tuất, mặc dù các cơ quan ngôn luận xã hội đã bị phế bỏ, tuy nhiên, trải qua những tác động của cuộc vận động cải cách, giới trí thức tiến bộ vẫn giữ ý đồ lật đổ hiện trạng. Đây chính là yếu tố giúp tính chính luận của tờ báo thu hút được độc giả và tạo nên dư luận.

Thanh Nghị báo và sau này là “*Thanh Nghị báo toàn biên*” đúc kết những bài học từ thất bại của cuộc cải cách. Ông cũng coi việc làm báo chính là một hướng đi then chốt để thu phục nhân tâm, giành được sự ủng hộ của dân chúng và cổ vũ cho phong trào duy tân trong nước.

3. Tôn chỉ, bốn điểm đặc sắc lớn (tứ đại đặc sắc), nội dung tuyên truyền và ảnh hưởng xã hội của *Thanh Nghị báo*

3.1. Tôn chỉ của *Thanh nghị báo*

Thanh nghị báo xuất bản số đầu tiên vào ngày 23/12/1898 tại Yokohama, Nhật Bản. Báo được phát hàng 3 số mỗi tháng. Mỗi số gồm 40 trang, với hơn 3 vạn chữ. Giá bán lẻ là 1,5 xu, nếu đặt mua cả năm là 4 tệ. Từ số đầu tiên đến khi đình bản ngày 21/12/1901, *Thanh nghị báo* xuất bản được 100 số.

Để đề phòng việc triều đình Mãn Thanh can thiệp thông qua tác động tới Chính phủ Nhật Bản, trên danh nghĩa, tên người in được lấy tên người Nhật là Linh Mộc

Hạc Thái Lang (鈴木鶴太郎), người biên tập kiêm phát hành là Phùng Kính Như (冯镜如), có chú thêm “Người Anh” trước họ tên. Trên thực tế, Chủ biên là Lương Khải Siêu. Ông lấy nhiều tên, bút danh khác nhau như: RenGong (任公), AiShiGe (哀时客)...

Thời *Thanh Nghị báo*, Trung Quốc đang lâm vào cảnh loạn trong giặc ngoài. Trong phần Tự lệ (叙例), Lương Khải Siêu đã nêu tôn chỉ của *Thanh Nghị báo* là duy trì tiếng nói của công luận; nâng cao dân trí cho Trung Quốc; Kết nối liên lạc hai nước Trung Quốc và Nhật Bản; học thuật Đông Á và bảo tồn tinh hoa Á Châu;...

3.2. Bốn đặc sắc lớn

Chào mừng số xuất bản thứ 100 của *Thanh Nghị báo*, Lương Khải Siêu đã tổng kết 4 đặc sắc lớn của báo, gồm:

Một là khởi xướng dân quyền: luôn coi đây là nguyên tắc duy độc nhất. Mặc dù có nhiều phương pháp, nhiều lối đi khác nhau nhưng không xa rời tôn chỉ mục đích đó. Dù đá mòn biển cạn, tôn chỉ này không thể không phổ biến rộng khắp trong đảng, trong nước.

Hai là phát huy triết lý: đọc sách của các bậc thầy ở phương Đông và phương Tây, nỗ lực phát triển những học thuyết ấy và du nhập vào Trung Quốc. Tuy không dám tự nhận là có thể đạt được điều gì đó, nhưng biết được phần nào thì cống hiến phần ấy.

Ba là công khai tình hình chính trị: về cuộc chính biến năm Mậu Tuất; Kỷ Hợi lập tự; quốc nạn Canh Tý; 病国殃民 âm mưu dùng thủ đoạn thâm độc để hại dân hại nước. Tờ báo này sẽ nói lên sự thật và vạch trần gian thần và những kẻ phản bội.

Bốn là chấn chỉnh quốc sĩ: làm cho người dân nhận thức được vị thế của đất nước trên thế giới; hiểu rõ chính sách của các nước phương Đông, phương Tây với nước nhà; soi tỏ quá khứ, hiểu rõ thực tại, mưu cầu tương lai. Trong hiểu nước mình, ngoài hiểu ngoại bang, thấu rõ quy luật đấu tranh mạnh được yếu thua của tự nhiên. Cất lên lời kêu gọi, mong đồng dân thức tỉnh.

Nhìn chung, mục đích của *Thanh Nghị báo* là mở rộng kiến thức và truyền cảm hứng cho tinh thần mọi người.

3.3. Nội dung tuyên truyền

Nội dung tuyên truyền của *Thanh Nghị báo*:

Thứ nhất, liên tục đăng các bài viết công kích phái bảo thủ trong triều đình nhà Thanh do Từ Hi Thái Hậu đứng đầu, phơi bày những sự thật đen tối và thối nát của triều đình, cổ súy xây dựng chính thể quân chủ lập hiến.

Thứ hai, xuất bản nhiều bài viết đấu tranh yêu nước nhằm đề cao dân quyền, phá bỏ xiềng xích của truyền thống phong kiến, khơi dậy sự thức tỉnh dân tộc, động viên nhân dân lao động cần cù.

Thứ ba, tuyên truyền một cách toàn diện và sâu rộng những học thuyết tiến bộ của phương Tây thời bấy giờ. Mức độ ảnh hưởng trong xã hội của tờ báo đã vượt trội so với những tờ báo khác.

Thứ tư, chấp nhận một lý thuyết rất phổ biến lúc bấy giờ rằng Trung Quốc và Nhật Bản có cùng nền văn hóa, chủng tộc và giữ quan điểm thiện cảm với Nhật Bản.

Mặc dù *Thanh Nghị báo* được xuất bản trong thời gian Lương Khải Siêu đang trong tình cảnh phải ẩn mình để tránh sự truy bắt của triều đình nhà Thanh, song ấn phẩm này đã tiêu thụ được khoảng 3.000-4.000 bản, đây là số lượng rất lớn thời bấy giờ. Thông qua *Thanh Nghị báo*, Lương Khải Siêu đã mở rộng sự truyền bá tư tưởng mới mẻ, tiến bộ, đặc biệt là của phương Tây đến với dân chúng, giúp mở mang dân trí, làm cho dân chúng trong nước thấy được trình độ phát triển của thế giới bên ngoài và tạo nên sự thúc đẩy cả trực tiếp và gián tiếp đối với sự phát triển của xã hội Trung Quốc.

4. Hiện trạng “Thanh nghị báo toàn biên” trong Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội

Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội (Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý) hiện nay đang lưu giữ 7 cuốn “Thanh Nghị báo toàn biên”, được dán ký hiệu kho từ TQC0018925 đến TQC0018931. Đối chiếu với 1 bộ “Thanh nghị báo toàn biên” đầy đủ thì hiện trạng bộ “Thanh nghị báo toàn biên” đang lưu giữ tại Thư viện tình trạng cụ thể như sau:

STT	Tập	Quyển	Tên quyển	Hiện trạng tại thư viện	Ký hiệu kho
1	Tập 1: Bản quán luận thuyết (本館論說)	Quyển 1	Thông luận (thượng) 通論 (上)	Khuyết	
		Quyển 2	Thông luận (hạ) 通論 (下)	Khuyết	

		Quyển 3	Chuyên luận (thượng) 專論(上)	Có	TQC0018925
		Quyển 4	Chuyên luận (hạ) 專論(下)	Có	
2	Tập 2: Danh gia trứ thuật 名 家著述	Quyển 5	Nhân học 仁學; Nho học chân luận 儒學真論	Có	TQC0018926
		Quyển 6	Ấm băng thất tự do thư 飲冰室自由書	Có	
		Quyển 7	- Trung Quốc cận thập niên sử luận 中國近十年史論; - Diệt quốc tân pháp luận 滅國新法論; - Qua phân nguy ngôn 瓜分危言; - Vong dương lục 亡羊錄; - Quốc văn đoản bình 國聞短評; - Hàn mạn lục 汗漫錄	Có	
		Quyển 8	- Học giới tạp toán 學界雜纂; - Khang Nam hải truyện 康南海傳; - Học hiệu khoá quyển 學校課卷; - Doanh hải tổng đàm 瀛海綜談; - Vĩ nhân giai thoại 偉人佳話	Có	
3	Tập 3: Tân thư dịch tùng 新書 譯叢	Quyển 9	- Quốc gia luận 國家論; - Các quốc hiến pháp dị đồng luận 各國憲法異同論; - Đế quốc chủ nghĩa luận 帝國主義論; - Xã hội tiến hoá luận 社會進化論; - Chính trị học án 政治學案;	Có	TQC0018927
		Quyển 10	- Ai Cập cận thế sử 埃及近世史; - Minh Trị chính đảng tiểu sử 明治 政黨小史;	Có	
		Quyển 11	China hiện thế luận 支那現勢論;	Có	
		Quyển 12	- Trung Quốc tài chính nhất ban 中 國財政一斑; - Dương Tử giang 揚子江; - Trung Quốc địa lý văn minh luận 中國地理文明論; - China thượng cổ tôn giáo khảo 支 那上古宗教考	Có	

		Quyển 13	Giai nhân kỳ ngộ 佳人奇遇	Khuyết	
		Quyển 14	Kinh quốc mỹ đàm 經國美談	Khuyết	
4	Tập 4: Văn uyển 文苑	Quyển 15	Lai cảo vị tồn 來稿彙存	Có	TQC0018928
		Quyển 16	Thi giới triều âm tập 詩界潮音集	Có	
5	Tập 5: Ngoại luận vị dịch 外論彙譯	Quyển 17	Luận Trung Quốc (Thượng) 論中國 (上)	Có	TQC0018929
		Quyển 18	Luận Trung Quốc (Hạ) 論中國 (下)	Có	
		Quyển 19	Luận ngoại quốc 論外國	Có	
		Quyển 20	Thông luận 通論	Có	
6	Tập 6: Kỷ sự 紀事	Quyển 21	- Mậu Tuất chính biến kỷ sự bản mạt 戊戌政變紀事本末; - Kỷ Hợi kiến trừ kỷ sự bản mạt 己亥建儲紀事本末; - Mãnh tỉnh lục 猛省錄; - Tạp sự phụ tồn 雜事附存	Có	TQC0018930
		Quyển 22	Canh Tý quốc nan kỷ sự bản mạt (thượng) 庚子國難紀事本末 (上)	Có	
		Quyển 23	Canh Tý quốc nan kỷ sự bản mạt (hạ) 庚子國難紀事本末 (下)	Có	
		Quyển 24	- Ngoại quốc đại sự ký 外國大事記; - Địa cầu đại thế 地球大勢; - Trung ngoại toả ký 中外瑣記	Có	
	Phụ lục 1: Quần báo hiệt hoa 羣報擷華	Quyển 25	Quần báo hiệt hoa thông luận 羣報擷華通論	Có	TQC0018931
		Quyển 26	Quần báo hiệt hoa chuyên luận 羣報擷華專論	Có	

Như vậy, bộ “Thanh Nghị báo toàn biên” được Thư viện Khoa học xã hội lưu giữ khá đầy đủ (16/26 quyển), chỉ thiếu 4 trong tổng số 26 quyển. Trong đó, đáng chú ý là thiếu bản dịch của 2 tiểu thuyết chính trị nổi tiếng của Nhật Bản là *Giai nhân kỳ ngộ* (佳人奇遇) của Tôkai Sanshi (1852-1922) và *Kinh quốc mỹ đàm* (經國美談) của Ryukei Yano (1850-1931).

Ký hiệu kho cũ dán bên ngoài gáy sách được đánh số liên tục là từ cuốn số 1181/1, 1181/2..., liên tục đến cuốn 1181/7 cho thấy, nhiều khả năng những quyển bị khuyết có thể do không sưu tập được ngay từ đầu, hoặc đã bị thất lạc từ lâu.

5. Kết luận

Với việc ra đời vào một thời kỳ lịch sử đầy biến động của đất nước Trung Quốc, truyền tải những nội dung mới mẻ, tiến bộ, có sự ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội Trung Quốc thời bấy giờ, bộ “Thanh Nghị báo toàn biên” là một trong những tư liệu quý đối với các nhà nghiên cứu về chính trị, tư tưởng, lịch sử,... Trung Quốc thời cận đại.

Kho sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội nói chung và bộ “Thanh Nghị báo toàn biên” nói riêng là nguồn tư liệu quý giá đối với công tác nghiên cứu. Thư viện Khoa học xã hội nên tiếp tục tăng cường hợp tác với các tổ chức, đơn vị để bảo quản, quảng bá và khai thác hiệu quả tiềm năng của kho sách này.

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU KHO TÀI LIỆU TRUNG QUỐC CỔ ÁP DỤNG CÁC CHUẨN NGHIỆP VỤ QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Thúy Nga¹

1. Vài nét về Kho tài liệu Trung Quốc cổ đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội

Kho tài liệu Trung Quốc cổ (Fonds Chinois) tại Thư viện Khoa học xã hội (Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý) là một trong những di sản được kế thừa từ Học Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO). Kho tài liệu này được gọi là Kho sách Trung Quốc cổ vì hai lý do: thứ nhất, phần lớn sách được công bố từ thời Cách mạng Tân Hợi năm 1911, chủ yếu từ thời Càn Long nhà Thanh trở về trước; thứ hai, về mặt ngôn ngữ, các tài liệu trong kho nói chung đều được viết bằng chữ Hán cổ. Phần lớn tài liệu của kho Trung Quốc cổ được thu thập từ các chuyến công tác của các thành viên thuộc EFEO trước đây, số ít còn lại được bổ sung từ các nguồn khác. Năm 1957 Thư viện EFEO được bàn giao lại cho Thư viện Khoa học Trung ương thì kho sách cũng tạm dừng bổ sung.

Thời kỳ đầu khi Kho tài liệu Trung Quốc cổ mới được bàn giao cho Thư viện KHXH, các tài liệu này được đăng ký, bảo quản tại kho sách của Thư viện Khoa học xã hội với 7 loại ký hiệu:

- Loại chỉ có chữ số, không có chữ cái đi kèm (sách khổ vừa)
- Loại có chữ số đi kèm theo chữ P (sách khổ nhỏ)
- Loại có chữ số đi kèm theo chữ G (sách khổ to)
- Loại có chữ số đi kèm theo chữ Ma (sách viết bằng tiếng Mãn Châu)
- Loại có chữ số đi kèm theo chữ Mo (sách viết bằng tiếng Mông Cổ)
- Loại có chữ số đi kèm theo chữ Poly (sách viết bằng tiếng Hán và Mãn)
- Loại có chữ số đi kèm theo chữ Polo

¹ ThS., Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Năm 2017, toàn bộ tài liệu Trung Quốc cổ trong kho đã được dán Barcode.

Tổng số sách đăng ký theo mã mới là 31.436: từ mã TQC0000001 đến TQC0031436.

2. Thuận lợi và khó khăn trong quá trình xử lý tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) Kho tài liệu Trung Quốc cổ

2.1. Thuận lợi:

- Cán bộ thư viện được tạo điều kiện hết mức để tiếp cận kho sách.
- Cán bộ thư viện được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động để tiếp xúc với sách độc hại.
- Kho sách đã được dán Barcode nên việc xác định vị trí, nhập cơ sở dữ liệu có nhiều thuận lợi.
- CSDL được xây dựng trên phần mềm Nền tảng thư viện điện tử Sierra nên việc sử dụng font chữ Trung Quốc hết sức thuận tiện và dễ dàng.

2.2. Khó khăn:

- Nhiều sách còn chứa chất DDT phục vụ công tác bảo quản. Đây là một loại hóa chất độc hại, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tiến độ công việc của người thực hiện các công việc tiếp xúc với sách.
- Lực lượng tham gia khâu nghiên cứu nội dung tài liệu quá mỏng so với độ khó của tài liệu và thời gian thực hiện công việc; ngôn ngữ Hán cổ rất cần những chuyên gia có trình độ cao, giỏi ngôn ngữ để nghiên cứu nội dung nên việc hoàn thành CSDL tài liệu Trung Quốc cổ là một nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ tham gia nhiệm vụ.
- Chữ Trung Quốc cổ khá khó, cần tra cứu nhiều; cần chuyên gia ngôn ngữ tham gia trong nhiều khâu công việc: đọc chữ Trung Quốc cổ tại sách trên kho, giải thích các thuật ngữ đã phiên âm tiếng Việt giúp cán bộ xử lý nội dung hiểu để làm việc,...
- Sách Trung Quốc ở kho đa phần không đánh số trang liên tục từ đầu đến cuối mà số trang đánh theo tập, một cuốn sách lại có rất nhiều tập (có cuốn có đến hàng vài chục tập nhỏ) nên tổng số trang của cả cuốn sách phải sử dụng phương pháp thủ công là đếm bằng tay.
- Tài liệu Trung Quốc cổ ở kho này cũng không in sẵn khổ cỡ, nên cán bộ thư viện cũng phải dùng thước để đo thủ công.

- Nhiều cuốn sách đã cũ, rách, nhàu nát, không còn nhìn rõ, do đó ngoài việc nhìn trên sách, nhóm làm CSDL đều phải tra cứu, tìm hiểu thêm về cuốn sách đó qua Internet, mất thêm nhiều công sức và thời gian.

- Điều kiện vật chất còn hạn chế.

3. Công tác xử lý tài liệu và xây dựng CSDL Kho tài liệu Trung Quốc cổ

Năm 2018, Kho tài liệu Trung Quốc cổ đã được xây dựng CSDL lần hai trên các chuẩn nghiệp vụ thư viện tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay. Số lượng biểu ghi trong CSDL kho Trung Quốc cổ là 37.782. Kho tài liệu Trung Quốc cổ là kho đặc thù, vì vậy các phương pháp áp dụng, quy trình thực hiện khi xử lý tài liệu và xây dựng CSDL đều phải thảo luận kỹ trên ba khía cạnh: (1) quy tắc, tiêu chuẩn thư viện, (2) phần mềm thư viện điện tử, (3) các tiêu chí đặc trưng của tài liệu cổ.

Bộ CSDL sách Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội đã được xây dựng thành công trên phần mềm thư viện điện tử Sierra, áp dụng các bộ quy tắc nghiệp vụ thư viện tiên tiến nhất hiện nay trên thế giới và các quy định nghiệp vụ do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam xuất bản, do đó CSDL này có thể tiếp cận, tra cứu, trao đổi với các thư viện trên toàn thế giới khi Viện Thông tin Khoa học xã hội có chủ trương quảng bá, phục vụ người dùng tin, trao đổi thông tin với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3.1. Xử lý tài liệu Trung Quốc cổ

3.1.1. Xử lý hình thức

Kho tài liệu Trung Quốc cổ đã được đăng ký lại mã barcode theo đúng quy định thư viện, thể hiện được sự phân kho và các dãy số chạy theo dòng nước chảy thay vì xếp theo bộ, tập, khổ sách và ngôn ngữ như trước kia.

Viện Thông tin Khoa học xã hội đang áp dụng Quy tắc biên mục Anh - Mỹ AACR2 trong công tác biên mục nói chung và cũng áp dụng bộ quy tắc này trong việc biên mục mô tả các yếu tố hình thức của Kho tài liệu Trung Quốc cổ.

3.1.2. Xử lý nội dung

- *Giới thiệu nội dung*: chuyên gia chữ Hán cổ đảm nhận công việc nghiên cứu nội dung tài liệu, giới thiệu sơ bộ nội dung tài liệu để cán bộ thư viện thực hiện các nghiệp vụ xử lý nội dung tài liệu.

- *Phân loại tài liệu*: Tài liệu Trung Quốc cổ được phân loại theo Khung phân loại Thập phân Dewey - Ấn bản 23, version mới nhất của hệ thống phân loại Dewey

được dịch sang tiếng Việt. Hiện tại, Khung phân loại DDC là hệ thống phân loại được sử dụng rộng rãi nhất trong các thư viện trên thế giới, cụ thể là ở 138 nước. Khung phân loại này đã được dịch sang 30 thứ tiếng. Chỉ số phân loại DDC được sử dụng trong thư mục quốc gia của 60 nước. Rất nhiều thư viện thuộc mọi loại hình đang áp dụng chỉ số phân loại Dewey và chia sẻ những chỉ số này thông qua rất nhiều phương tiện (bao gồm cả WorldCat). Khung phân loại DDC được xuất bản dưới dạng in và điện tử; phiên bản điện tử được cập nhật thường xuyên và có thêm những mục từ chỉ mục và từ vựng đối chiếu bổ sung (website: <http://www.oclc.org/dewey>). OCLC giữ toàn bộ bản quyền đối với Khung Phân loại phân loại DDC và cấp giấy phép sử dụng hệ thống này vào những mục đích khác nhau.

- *Định chủ đề tài liệu*: Chủ đề tài liệu trong CSDL Kho tài liệu Trung Quốc cổ theo bảng Danh mục chủ đề của Viện Thông tin Khoa học xã hội. Các tài liệu kho Trung Quốc cổ phần lớn có chủ đề về Lịch sử, Văn học, Triết học; ngoài ra là các chủ đề về Chính trị, Dân tộc học, Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật...

- *Định từ khóa tài liệu*: Công tác định từ khóa được thực hiện theo Bộ Từ khóa khoa học xã hội và nhân văn (do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam xuất bản năm 2018). Đây là bộ từ khóa có kiểm soát gồm khoảng 50.000 từ được chia thành hai phần: phần 1 gồm hệ thống từ khóa về các ngành khoa học xã hội và nhân văn; phần 2 là hệ thống các bảng tra từ khóa về địa danh, nhân vật, giai đoạn lịch sử, tổ chức quốc tế, các mốc thời gian.

3.2. Xây dựng CSDL Kho tài liệu Trung Quốc cổ

3.2.1. Xây dựng CSDL tài liệu Trung Quốc cổ sử dụng phần mềm Nền tảng dịch vụ thư viện điện tử Sierra (Library Service Platform)

Sierra là phần mềm nền tảng dịch vụ thư viện có các phân hệ được hợp nhất trong giao diện duy nhất làm cho tiến trình làm việc không bị gián đoạn bởi các thao tác di chuyển lặp đi lặp lại. Cùng với đó, Sierra cung cấp khả năng tùy chỉnh quy trình theo vai trò của từng cá nhân, giúp xóa nhòa ranh giới giữa các phân hệ và tạo ra phân hệ riêng cho chính mình. Hơn nữa, Sierra hỗ trợ đầy đủ các tiêu chuẩn về nghiệp vụ thư viện cũng như các chuẩn về trao đổi dữ liệu với các thư viện trên thế giới như: Z39.50, MARC21/ USMARC, ISBD, AACR2, RDA,...

3.2.2. Khổ mẫu biên mục đọc máy MARC21

Khổ mẫu MARC 21 là khổ mẫu nổi tiếng và được cộng đồng thông tin - thư viện trên thế giới sử dụng rộng rãi. Đến nay đã có một khối lượng khổng lồ các biểu

ghi theo MARC 21 hiện đang được lưu trữ trong các mục lục liên hợp của Mỹ (gần 1.000.000 biểu ghi), cơ sở dữ liệu toàn cầu WorlCat Discovery của OCLC (trên 50.000.000 biểu ghi),... Mặc dù đã có một số nước và thậm chí một vài hệ thống thư viện đã xây dựng cho riêng mình các phiên bản khác nhau của MARC, nhưng các phiên bản đó vẫn chưa trở thành một tiêu chuẩn quốc tế. Vì vậy, các nước trên thế giới đều hướng tới áp dụng chuẩn MARC 21 cho công tác xây dựng CSDL. Như đã nêu trên, phần mềm Sierra sử dụng khổ mẫu biên mục đọc máy MARC21 cho việc xây dựng CSDL, điều này đem lại sự thuận tiện và phù hợp với việc xây dựng CSDL kho tài liệu Trung Quốc cổ ở Thư viện Khoa học xã hội hiện nay.

3.2.3. Biểu mẫu nhập dữ liệu và format nhập dữ liệu trên phần mềm Sierra

Biểu mẫu nhập dữ liệu, format nhập dữ liệu tài liệu Trung Quốc cổ được các cán bộ tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng CSDL Kho tài liệu Trung Quốc cổ thảo luận kỹ và xây dựng trên format cơ bản dành cho sách, tuy nhiên phải bổ sung thêm nhiều yếu tố, nhiều trường đặc trưng của tài liệu: tên sách phiên âm, tên sách song song, chú thích chung, chú thích thư mục, chú thích liên quan tới tài liệu gốc, người nghiên cứu tài liệu, người xử lý nội dung tài liệu, người nhập, mã kho cũ,...

Một số hình ảnh minh họa CSDL Kho tài liệu Trung Quốc cổ

Hình 1: Biểu mẫu nhập dữ liệu sách Trung Quốc cổ

[illegible]

Hình 2: Format nhập dữ liệu sách Trung Quốc cổ trên phần mềm Sierra

The screenshot shows the Sierra software interface with the following data:

MARC Leader: ##### 2 2 ##### a 4 5 0 0

Language	chi Chinese	Cat. Date	03.12.2018	BB Code 3	n Suppress
Skip	0	BB Level	c Collection	Country	cc China
Location	00 Institute of Social Sciences Information	Material Type	12 Sách		

MARC Fields:

003	00100001
008	181203 cc 0 chi d
040	00100001 chi VNSS
041	chi
044	cc
082	1 4
100	1
245	1 0
260	
300	
520	
650	4
653	
653	
653	
653	
653	
653	
653	
653	
653	
651	4
700	1
852	
880	
901	
902	
903	
906	

Hình 3: Tìm kiếm tài liệu Trung Quốc cổ trong phần mềm Sierra

The screenshot shows the Sierra software interface with the following data:

Search Results:

Type	Description	Location	Status/Message
1 Sách	[TQC0000001] 二十四史: 史記. 卷 1 - 卷 10 1898	Institute of Social Sciences Information	Lib Use Only

Footer: 122138134 Suppressed Selected 0 of 1 Attached Item Records

Hình 4: Biểu ghi item tài liệu Trung Quốc cổ

i22138134

File Edit View Go Tools Window Help

Browse Insert Save View Edit PPro Verify Export Print Close

b2506616x

Author 司馬遷
Title 二十四史: 史記. 卷 1 - 卷 10 / 司馬遷
Call No. 016.951
Locations 00

Summary **Record**

Record i22138134

Item-Level Holds 0
Bib-Level Holds 0

Not checked out and Lib Use Only
i22138134 Last Updated: 30-11-2018 Created: 30-11-2018 Revisions: 1

Copy No.	1	Last Checkin	- -	Location	00 Institute of Social Sciences Information
Item Code 1	0	Checkin Location	0	Loanrule	0
Item Code 2		No. of Renewals	0	Status	o Lib Use Only
Item Type	0 Monograph	No. of Overdues	0	Internal Use	0
Price	UVND	Overdue Date	- -	Copy Use	0
Checkout Date	- -	Item Use 3	0	Item Message	
Checkout Location	0	Recall Date	- -	OPAC Message	
Due Date	- -	Total Checkouts	0	Year-to-Date Circ	0
Patron No.	0	Total Renewals	0	Last Year Circ	0

i22138134 Not checked out and Lib Use Only Edit Mode (INS)

Hình 5: Biểu ghi thư mục tài liệu Trung Quốc cổ

b2506616x

File Edit View Go Tools Reports Window Help

Browse Insert Save View PPro Summary Verify Export Print Close

b2506616x Last Updated: 18-05-2021 Created: 30-11-2018 Revisions: 5

Language **chi** Chinese Cat. Date 30-11-2018 Bib Code 3 n Suppress
Skip 0 Bib Level c Collection Country cc China
Location 00 Institute of Social Sciences Information Material Type 12 Sách

MARC Leader ##### 2 2 ##### a 4 5 0 0

Misc. 003 00VKHXH
Misc. 008 181130 cc 0 | chi d
Misc. 040 00VKHXH chi@VNS Siga
Misc. 041 chi
Misc. 044 cc
Call No. 082 1 4 016.951
Author 100 1 司馬遷
Title 245 1 0 6880 二十四史: 史記. 卷 1 - 卷 10 司馬遷
Publication Info. 260 上海 上海圖書館藏印書館 1898
Description 300 20 cm.
Note 520 本書“NHị thập tứ sử” là tên gọi chung của bộ sách 24 bộ sử do các triều đại phong kiến Trung Quốc từ thời Hán đến thời Thanh biên soạn và được coi là chính sử. Bộ “NHị Thập Tứ sử” ghi chép về một số nhân vật từ Hoàng Đế trong truyền thuyết cổ đại cho đến triều đại cuối cùng của nhà Minh là vua Sùng Trinh (1644). Toàn bộ có 3.213 quyển, khoảng 40 triệu chữ, được biên soạn theo phương thức ký - truyền cổ đại. Bộ Tổng thư được tổng tập và biên soạn, in lần đầu vào năm Cảnh Long thứ 4 (1739). Đây là bản tái bản lần một, vào năm Quang Tự 28 (1898). Trong quyển 1 có bài “Ngự chế” (vua viết) giới thiệu về bộ sách, bài tựa, bài biểu dâng sách, danh mục những người biên tập bộ sách; Sau đó là bộ sử đầu tiên là “Sử kí” của Tư Mã Thiên thời Hán, có bài tựa về “Sử ký”, mục lục, và các khảo cứu. Bản Sử kí này được Bùi Nhân (thời Tống) chú giải, Tư Mã Chính chỉnh lý và thống nhất văn bản và được đưa vào Tổng tập sử vào thời Thanh.
Subject 650 4 Lịch sử

b2506616x Edit Mode (OVR)

4. Kiến nghị

Kho tài liệu Trung Quốc cổ là một kho dữ liệu quan trọng, quý báu, với nhiều tư liệu hiếm, thậm chí ngay cả chính độc giả Trung Quốc cũng khó thấy. Kho có rất nhiều tài liệu quý hiếm như: các bộ sử; các bộ kinh đạo Phật; các bộ lý luận triết học, tác phẩm kinh điển của Nho gia, Đạo gia; các bộ kinh điển về y học Trung Quốc; các bộ sách giáo khoa đầu thế kỷ XX của chính phủ Dân Quốc; các sách về khoa học tự nhiên, toán học, về các bảo tàng, hội họa, thư pháp, đạo Cơ đốc, học thuyết chính trị cận đại, các sách thư mục... Do đó, để khai thác các tài liệu trong Kho tài liệu Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội, cần xây dựng các bản thư mục chuyên đề để quảng bá, phục vụ người dùng tin, trao đổi thông tin với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Xuân Hiến (2011), "Kho sách Trung Quốc cổ", tr.115-118, trong: Hồ Sĩ Quý, Vương Toàn (chủ biên, 2011), *Thư viện Khoa học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.115-118.
2. Lois Mai Chan, Joan S. Mitchell (2013), *Khung phân lo, Joan S. Mitchell (2013), nhân có nhu cầu*, Kiều Văn Hốt, Lê Thanh Hà, Chu Tuyết Lan, Nguyễn Lan Hương dịch, Thư viện Quốc gia Việt Nam, XVI, 232tr.
3. Cao Minh Kiểm (chủ biên), Nguyễn Xuân Bình, Nguyễn Thị Hạnh (biên soạn) (2005), *MARC 21 rút gọn cho dữ liệu thư mục*, Hà Nội, 334 tr.
4. Lê Hải Đăng, Nguyễn Thị Thúy Nga (Đồng chủ biên, 2018), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 787 tr.
5. <https://dlcorp.com.vn/phan-mem-nen-tang-dich-vu-thu-vien-sierra/>
6. CSDL sách Trung Quốc cổ trên phần mềm thư viện điện tử Sierra.

建立中国古文献数据库 应用国际专业标准

阮氏翠娥¹

1. 社会科学信息研究所社会科学图书馆的中国古代文献书库的一些信息

社会科学信息研究所的中国古代文献书库（Fonds Chinois）是法国远东学院（EFEO）继承的遗产之一。这个档案馆被称为中国古代文献书库有着两个原因：一是大部分书籍是 1911 年辛亥革命以来出版的，主要是清朝乾隆时期及之前的；其次，从语言上看，仓库中的文件一般都是用古汉字书写的。中国古代文学书库的文献大部分是从前 EFEO 成员出差时收集的，其余少量是从其他来源补充的。1957 年，EFEO 图书馆移交给科学中央图书馆，书库也就停止补货。

中国古代文献书库移交社会科学图书馆初期，这些文献在社会科学图书馆书库登记保存，有 7 种符号：

- 仅包含数字、无字母的类型（中型书籍）
- 数字后跟字母 P 的类型（小型书籍）
- 数字后跟字母 G 的类型（大幅面书籍）
- 数字后加字母 Ma 的类型（满文书写的书籍）
- 数字后加字母 Mo 的类型（蒙古文书写的书籍）
- 数字后加单词 Poly 的类型（用中文和满文写的书籍）
- 数字后加单词 Polo 的类型

¹ 硕士., 社會科學信息所.

2017 年，中国古代文献书库内所有古籍文献均加贴条码。新编码下登记的图书总数为 31,436 册：编码 TQC0000001 至 TQC0031436。

2. 文献处理和中国古代文献书库数据库建设过程中的顺利和困难

2.1. 顺利

- 为图书馆工作人员提供最好的条件进入图书仓库。
- 图书馆工作人员配备了完全可以接触有毒书籍的劳动防护装备。
- 图书仓库已打上条码，因此定位和进入数据库很方便。
- 数据库建立在 Sierra 电子图书馆软件上，因此使用中文字体非常方便和容易。

2.2. 困难

- 许多书籍还包含用于保存目的的滴血。这是一种有毒化学物质，会影响与书籍接触的工作人员的健康和工作进度。
- 与文献难度和工作时间相比，参与文献研究的劳动力太少；古文需要高素质、擅长语言的专家来研究内容，所以完成古文数据库是全体参与人员的心愿。
- 古汉字比较难，需要多查；许多阶段的工作都需要语言专家参与：阅读仓库图书中的古汉字、解释越南语音译术语以帮助内容处理人员理解工作、...
- 仓库中的大多数中文文献都不是从头到尾连续编号的页数，而是按册编号。一本书有很多册（有的书有几十册小册），所以整本书的总页数必须采用人工计数的方法。
- 这个仓库里的中国古代文献不是按照预先印好的尺寸印刷的，所以图书馆员必须用尺子手工测量。
- 很多书都旧了，撕破了，皱巴巴的，已经看不清了，所以数据库团队除了看书之外，还要通过网络查找去了解那本书，这需要花费大量的精力和时间。
- 物质条件是有限的。

3. 古代文献库的文献处理与数据库建设

2018 年，中国古代文献书库按照当今世界最先进的图书馆专业标准建设了第二个数据库。中国古代仓库数据库的记录数为 37782 条。中国古代文献书库是一种特殊的仓库，因此在处理文献和建立数据库时所采用的方法和程序必须从三个方面仔细讨论:(1)图书馆规则和标准,(2)电子图书馆软件,(3)古代文献的特征标准。

社会科学图书馆的中国古代文献书库是在 Sierra 电子图书馆软件上成功建立的，应用了越南社会科学院出版的当今世界上最先进的图书馆专业规则和现行法规。社会科学信息所有促进、服务用户并与有需要的组织和个人交换信息政策的时候，该数据库可以与世界各地的图书馆访问、搜索和交换。

3.1. 中国古代文献的处理过程

3.1.1. 形式处理

中国古代文献书库按照图书馆规定重新登记了条形码，显示仓库的划分和顺序排列的编号，而不是像以前那样按套数、卷数、册数和语言排列。

社会科学信息研究所在一般编目工作中采用英美编目规则 AACR2，在中国古文献书库的形编目式要素描述中也采用这套规则。

3.1.2. 内容处理

- *介绍内容*：古汉字专家承担研究文献内容的工作，简要介绍文献内容，以便图书馆员进行文献内容处理操作。

- *文献分类*：中国古代文献按照杜威十进图书分类法（DDC）-第 23 版进行分类，这是 DDC 系统翻译成越南语的最新版本。目前，DDC 是世界各地图书馆使用最广泛的分类系统，特别是在 138 个国家/地区。该分类框架已被翻译成 30 种语言。DDC 分类索引被用于 60 个国家的国家名录。许多各种类型的图书馆正在采用 DDC 分类法并通过各种媒体（包括 WorldCat）共享它。DDC 以印刷版和电子版形式出版；电子版本定期更新，包括附加索引和参考词汇条目。

（网站：<http://www.oclc.org/dewey>）

- *设置文献主题*：根据社科信息研究所主题表，确定古文献库数据库中的文献主题。大多数中国古代文献都涉及历史、文学和哲学主题；此外，还有政治、民族学、自然科学、技术科学等主题.....

- *设置文档关键词*：根据社会科学和人文学科关键词集（越南社会科学院 2018 年发布）进行关键词确定。这是一个 5 万字的受控关键词集，分为两部分：第一部分包括社会科学和人文学科的关键词系统；第 2 部分是关于地点、人物、历史时期、国际组织和时间线的关键字查找表系统。

3.2. 建立中国古代文献数据库

3.2.1. 使用 *Sierra* 电子图书馆服务平台软件建立中国古代文献数据库

Sierra 是一个软件图书馆服务平台，其模块统一为单一界面，使工作流程不会因重复操作而中断。除此之外，*Sierra* 还提供了根据每个人的角色定制流程的能力，有助于消除模块之间的界限并创建您自己的模块。此外，*Sierra* 完全支持图书馆专业标准以及与世界各地图书馆的数据交换标准，例如：Z39.50、MARC21/ USMARC、ISBD、AACR2、RDA...

3.2.2. *MARC 21* 书目格式

MARC21 书目格式是一种著名的格式，被世界各地的信息和图书馆界广泛使用。目前在美国联合目录（近 1,000,000 条记录）、OCLC 的 WorldCat Discovery 全球数据库（超过 50,000 .000 条记录）中存储了大量的 MARC 21 记录，尽管一些国家甚至一些图书馆系统已经开发了自己的版本 MARC 的标准，尚未成为国际标准。因此，世界各国都致力于应用 MARC 21 标准进行数据库建设。前文提到，*Sierra* 软件采用 MARC21 书目格式进行数据库建设，带来了便利，适合当今社会社科图书馆建立中文古文献数据库。

3.2.3. *Sierra* 软件上的数据录入表格和数据录入格式

古文献的数据录入形式和数据录入格式是参与古文献库数据库建设任务的工作人员在图书基本格式的基础上仔细讨论和建立的，必须增加文献特征的多元素、多领域：音译书名、平行书名、一般注释、书目注释、与原始文档相关的注释、文档研究员、文档内容处理程序、进口商、旧仓库代码、...

中国古文献数据库的一些图解

图 1：古籍数据录入表

[illegible]

图 2：Sierra 软件导入古籍数据格式

b25159902

File Edit View Go Tools Reports Window Help

Export Save View Print Summary Verify Export Print Close

b25159902 Last Updated: 03-12-2018 Created: 03-12-2018 Revisions: 1

Language	chi Chinese	Cat. Date	03.12.2018	Bib Code 3	n Suppress
Skip	0	Bib Level	c Collection	Country	cc China
Location	00 Institute of Social Sciences Information	Material Type	12 Sach		

MARC Leader ##### 2 2 ##### * 4 5 0 0

Misc.	003	00V000H			
Misc.	008	1#12#3	CC	0	chi d
Misc.	040	00V000H	cc	0	chi d
Misc.	041	chi			
Misc.	044	cc			
Call No.	082	1 4			
Author	100	1			
Title	245	1 0			
Publication Info.	260	0			
Description	300	0			
Note	520				
Subject	650	4			
Subject	653				
Subject	653				
Subject	653				
Subject	653				
Subject	653				
Subject	653				
Subject	653				
Subject	653				
Added Author	700	1			
Misc.	852				
Misc.	880				
Misc.	901				
Misc.	902				
Misc.	903				
Misc.	906				

[Edit Mode (RIS)]

图 3：在 Sierra 软件中搜索中国古代文献

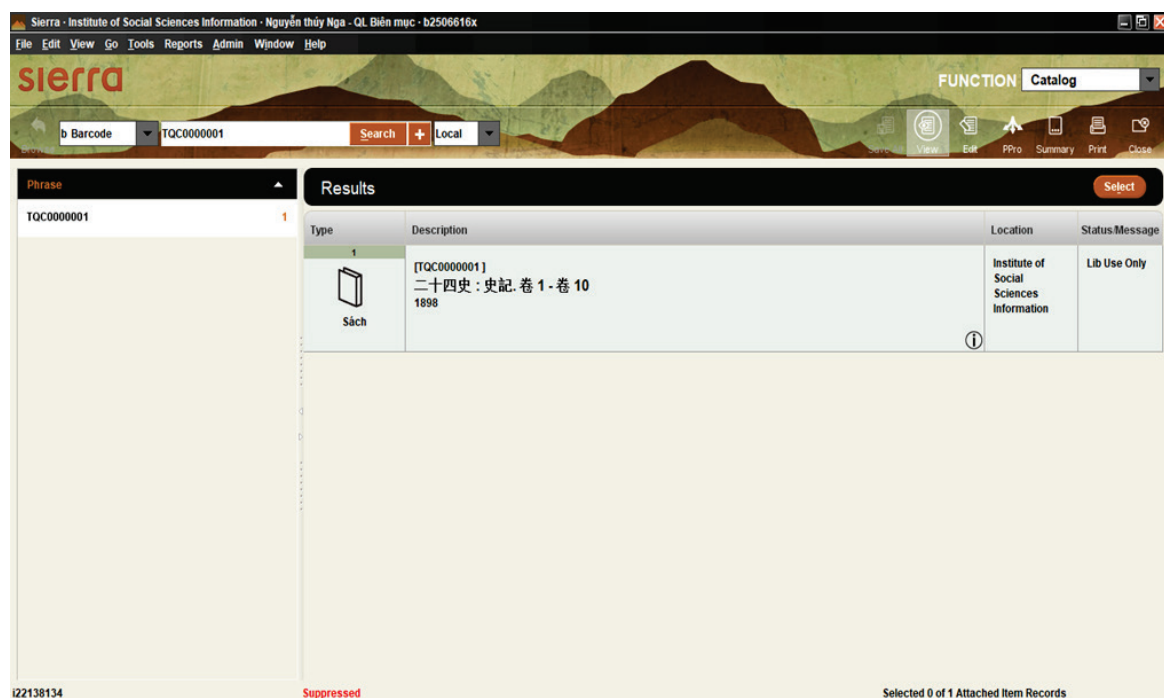


图 4：中国古代文献的项目记录

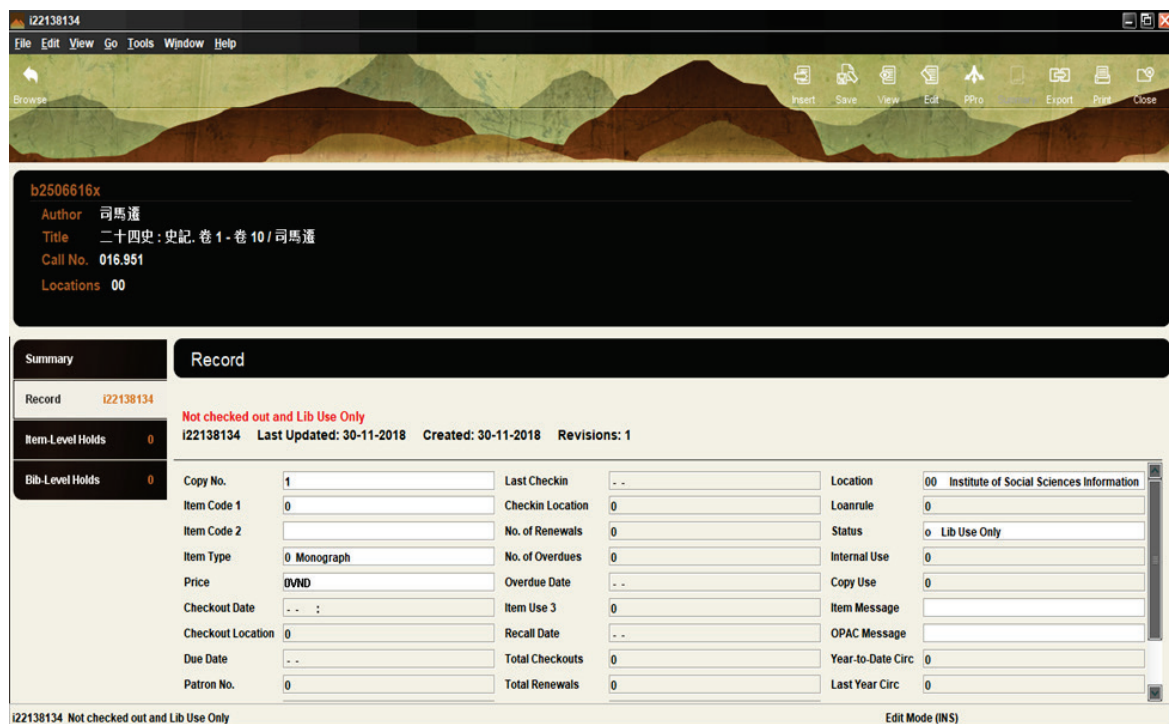


图 5：中国古代文献的书目记录

b2506616x Last Updated: 18-05-2021 Created: 30-11-2018 Revisions: 5

Language Cat. Date Bib Code Bib Level Country

Skip Location Material Type

MARC Leader ##### 2 2 ##### a 4 5 0 0

Misc. 003 Misc. 008 cc | chi d

Misc. 040 chi Misc. 041 Misc. 044

Call No. 082 4

Author 100 Title 245 0 二十四史 史记 卷 1-卷 10 司马迁

Publication Info. 260 0

Description 300 0 Note 520 0

Subject 650 4

b2506616x Edit Mode (OVR)

4. 建议

中国古代文献书库是一个重要而珍贵的资料仓库，其中有许多连中国读者都难以见到的珍稀文献。仓库内藏有许多珍贵文献，如：历史卷册，佛教经典，儒家、道家的哲学理论和经典著作，中医经典，20世纪初国民政府教科书，自然科学类、数学类、博物馆类、绘画类、书法类、基督教类、近代政治理论类、书目类书籍… 因此，要开发社科图书馆馆藏古文献，就必须建设专题书目宣传、服务信息使用者，与有需要的组织和个人交换信息。

参考材料

1. 陈春贤（2011），《中国古代书库》，第115-118页，见：何思贵、王全（主编，2011），《社会科学图书馆》，社会科学出版社，河内，第115-118页。
2. Louis Mai Chan, Joan S. Mitchell (2013), 《分类表格》

3. 高明剑（编辑）、阮春平、阮氏幸（编辑）（2005 年），《MARC 21 缩短为书目数据》，河内，334 页。
4. 黎海灯、阮氏翠娥（同主编，2018），社会科学出版社，河内，787 页。
5. <https://dlcorp.com.vn/phan-mem-nen-tang-dich-vu-thu-vien-sierra/>
6. Sierra 电子图书馆软件上的中文古籍数据库。

CÔNG TÁC BẢO QUẢN TÀI LIỆU KHO TRUNG QUỐC CỔ TẠI VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Thu Phương¹

Nguyễn Thu Trang²

Tóm tắt: Thư viện Khoa học xã hội do Viện Thông tin Khoa học xã hội quản lý (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) là một trong những thư viện có truyền thống lâu đời nhất Việt Nam, là thư viện đầu ngành về lĩnh vực khoa học xã hội, có uy tín với nhiều thế hệ bạn đọc, học giả trong và ngoài nước. Tính đến thời điểm hiện tại, Thư viện đang lưu trữ khoảng 1.500.000 đơn vị tài liệu, trong số đó có gần 200.000 tài liệu quý hiếm, có giá trị cao, có tài liệu được xuất bản từ những thế kỷ trước, được bảo quản trong kho tư liệu truyền thống. Công tác bảo quản tài liệu, nhất là tài liệu cổ quý hiếm luôn được Viện Thông tin Khoa học xã hội hết sức coi trọng. Bài viết giới thiệu hiện trạng Kho tài liệu Trung Quốc cổ và công tác bảo quản tài liệu đang và sẽ được thực hiện tại các kho tài liệu thuộc Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội nói chung và Kho tài liệu Trung Quốc cổ nói riêng.

Từ khóa: Bảo quản, Bảo quản tài liệu, Công tác bảo quản, Kho tài liệu Trung Quốc cổ, Tài liệu quý hiếm

1. Bảo quản tài liệu

1.1. Khái niệm

“Bảo quản tài liệu thư viện” là một thuật ngữ được ngành thư viện thế giới đưa ra từ năm 1980. Bảo quản tài liệu thư viện là một quá trình liên tục, thống nhất bắt đầu từ khi tài liệu nhập về thư viện và tiếp tục được thực hiện trong thời gian sử dụng và bảo quản tài liệu.

¹ Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

² ThS., Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Theo Liên hiệp hội Thư viện quốc tế (IFLA), bảo quản là những chính sách và hoạt động thực tiễn đặc thù nhằm bảo vệ các tài liệu thư viện và lưu trữ khỏi bị hư hỏng (hoặc gây thiệt hại hoặc hủy hoại), bao gồm phương pháp và kỹ thuật do đội ngũ chuyên môn đề ra. Bảo quản bao gồm cả công việc về tài chính như quản lý cung cấp phòng kho, trình độ nhân viên, chính sách, kỹ thuật và các phương pháp liên quan tới bảo quản thư viện và lưu trữ tài liệu, các thông tin tài liệu đăng tải. Bảo tồn bao gồm cả những chính sách cụ thể và các thông lệ liên quan tới việc bảo vệ thư viện và tài liệu lưu trữ khỏi bị phá hỏng, hư hại và phân hủy, bao gồm các phương thức và kỹ thuật do nhân viên kỹ thuật phát minh. Các kỹ thuật can thiệp được áp dụng nhằm ngăn ngừa và làm chậm lại sự hư hỏng tài liệu.

Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ (ALA) cho rằng, bảo quản là những hành động liên hệ đến việc bảo trì tài liệu thư viện hoặc tài liệu thuộc văn khố để sử dụng dưới hình nguyên thủy của nó hoặc dưới một hình thức khác có thể dùng được.

Một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam đưa ra khái niệm bảo quản tài liệu trong thư viện như sau:

PGS.TS. Lê Văn Việt (2001) cho rằng, bảo quản tài liệu là những biện pháp đảm bảo sự toàn vẹn và hiện trạng vật lý bình thường của tài liệu có trong kho¹.

Theo Nguyễn Tiến Hiên, Kiều Văn Hót (2011), bảo quản tài liệu là những hoạt động với mục đích lưu giữ, duy trì tài liệu của thư viện, phục vụ cho việc sử dụng trước mắt và lâu dài, nhằm ngăn chặn hoặc trì hoãn sự hư hỏng của tài liệu, kéo dài tuổi thọ, đảm bảo nội dung thông tin trong tài liệu không bị mất đi. Công tác bảo quản được thực hiện thông qua các công tác bảo vệ, duy tu, phục chế, chuyển dạng tài liệu và đặc biệt là loại trừ các yếu tố gây tổn hại đến tài liệu như yếu tố con người, các yếu tố hóa học, sinh học và các yếu tố khác².

Bản chất của tài liệu là thông tin chứa trong nó, hình thức tài liệu là dạng vật lý có chứa thông tin của tài liệu. Như vậy có thể hiểu bảo quản tài liệu là tìm cách duy trì dạng vật lý có chứa thông tin của tài liệu. Nói cách khác, bảo quản hướng tới cả hình thức và nội dung của tài liệu.

¹ Lê Văn Việt (2001), *Cẩm nang nghề thư viện*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 361.

² Nguyễn Tiến Hiên, Kiều Văn Hót (2011), *Tổ chức và bảo quản tài liệu*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội, tr. 21.

Tóm lại, bảo quản tài liệu trong thư viện là việc sử dụng một hệ thống các phương pháp khoa học kỹ thuật nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, không làm mất nội dung thông tin của tài liệu nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu của người dùng tin thư viện.

Bảo quản tài liệu trong thư viện không chỉ đơn thuần là những công việc sửa chữa, tu bổ tài liệu mà còn gồm những công việc nhằm đảm bảo việc tiếp cận liên tục với nguồn tài liệu thư viện. Công tác bảo quản bao gồm cả kế hoạch phòng, chống thảm họa, an ninh, số hóa, bảo quản số, nhân sự và hướng dẫn người sử dụng, thanh lọc, thanh lý tài liệu, hợp tác thư viện, sự tương tác giữa chính sách bổ sung và chính sách cung cấp tài liệu cho độc giả.

1.2. Phương pháp kỹ thuật bảo quản tài liệu giấy

Bảo quản tài liệu giấy trong thư viện được chú trọng ở hai khía cạnh là bảo quản dự phòng và bảo quản phục chế:

- *Bảo quản dự phòng* nhằm ngăn chặn sự xuống cấp của toàn bộ các tư liệu nói chung trong quá trình sử dụng và phục vụ, tránh đến mức thấp nhất có thể những yếu tố thiên tai (nếu có)¹.

Đối với tài liệu giấy, bảo quản dự phòng bao gồm các kỹ thuật và biện pháp phòng ngừa sau:

- + Lắp đặt trang thiết bị, hệ thống kho tàng và lưu giữ tài liệu.
- + Kiểm soát môi trường: kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm tương đối, kiểm soát ánh sáng, đảm bảo chất lượng không khí để đảm bảo môi trường tốt nhất.
- + Ngăn chặn vi sinh vật, côn trùng, động vật gặm nhấm (bọ cánh cứng, con nhện...).
- + Ngăn ngừa hư hỏng do tác động của con người.
- + Phòng ngừa thiên tai, hỏa hoạn.

¹ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Kỹ năng tổ chức kho và bảo quản tài liệu*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 56.

- *Bảo quản phục chế* nhằm sửa chữa, phục hồi lại tình trạng xuống cấp về mặt lý tính hoặc hóa tính của tài liệu¹. Phương thức bảo quản này yêu cầu chuyên gia có chuyên môn cao, do đó bảo quản phục chế hết sức tốn kém và thường chỉ giới hạn trong phạm vi chọn lọc toàn bộ các hiện vật tư liệu sưu tập.

Các biện pháp kỹ thuật trong bảo quản phục chế tài liệu giấy gồm:

+ Vệ sinh tài liệu: nhằm làm sạch tài liệu, đảm bảo tài liệu không còn nguồn lây nhiễm, nguồn bệnh có thể phát triển làm hư hại tài liệu.

+ Tẩy vết ố trên tài liệu: nhằm làm sạch tài liệu, làm cho thông tin, đường nét trên tài liệu bị ố trở nên rõ ràng hơn.

+ Khử axit: nhằm trung hòa độ axit, tăng tuổi thọ của tài liệu.

+ Khử nấm mốc: nhằm làm sạch hoặc làm mờ các dấu vết nấm mốc, vết bẩn mới và hạn chế sự nhiễm lại của nấm mốc trên tài liệu.

+ Tu bổ tài liệu: gồm nhiều phương pháp như vá, dán, viền biên tài liệu, bồi nền, tôn nền tài liệu. Mỗi tình trạng hư hỏng cụ thể của tài liệu sẽ có phương pháp và kỹ thuật tu bổ phù hợp như vá, dán, viền biên tài liệu nhằm làm phẳng các mép và làm kín các vết rách hay tôn nền tài liệu tạo một lớp nâng đỡ, nâng cao tuổi thọ tài liệu.

+ Số hóa tài liệu: chuyển đổi thông tin trên tài liệu sang dạng số để lưu trữ, quản lý và phục vụ trên một tệp tin trong máy tính.

2. Công tác bảo quản Kho tài liệu Trung Quốc cổ hiện nay

2.1. Hiện trạng Kho tài liệu Trung Quốc cổ

Kho tài liệu Trung Quốc cổ tại Thư viện Khoa học xã hội được xây dựng từ thời Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO, 1900-1957). Tài liệu kho này đa phần được công bố từ thời cách mạng Tân Hợi (1911), chủ yếu được in khắc thời nhà Thanh - Trung Quốc và được viết bằng chữ Hán cổ. Năm 1957, khi EFEO bàn giao toàn bộ kho tài liệu này cho Thư viện Khoa học trung ương thì kho tài liệu được đóng lại, không bổ sung tiếp. Vì vậy, bên cạnh các sách Hán cổ (chữ phồn thể), trong kho còn

¹ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Kỹ năng tổ chức kho và bảo quản tài liệu*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 56.

có một số sách viết bằng chữ Hán hiện đại (chữ giản thể) và một số tạp chí được xuất bản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX¹.

Dưới thời EFEO, tài liệu Trung Quốc cổ gồm 7 loại ký hiệu, phân theo khổ cỡ (kỹ hiệu kho cũ): Loại có chữ P kèm theo số là sách khổ nhỏ (P1 - P1438); Loại chỉ có chữ số là tài liệu khổ vừa (1 - 3013); Loại có chữ G kèm theo chữ số là tài liệu khổ to (G1 - G189); Loại có chữ Ma kèm theo số là tài liệu viết bằng chữ Mãn Châu (Ma1 - Ma43); Loại có chữ Mo kèm theo số là tài liệu viết bằng chữ Mông Cổ (Mo1 - Mo6); Loại có chữ Poly kèm theo số là tài liệu viết bằng 2 thứ tiếng Hán và Mãn (Poly1 - Poly2); Loại có chữ Polo kèm theo số (Polo1). Năm 2017, Viện Thông tin Khoa học xã hội thực hiện dán nhãn Barcode cho kho tư liệu này, quy định chữ TQC với ký hiệu số đủ 10 ký tự (TQC0000001 - TQC0031438). Tổng số sách Trung Quốc cổ theo Barcode mới là 31.438 cuốn.

Kho tài liệu Trung Quốc cổ có tuổi đời hàng trăm năm, do trải qua thời kỳ chiến tranh nên tài liệu phải đưa đi sơ tán đến vùng ATK - Thái Nguyên và để trong hang đá ẩm thấp một thời gian khá dài. Sau đó, tài liệu được đưa về kho cũ do EFEO xây dựng tại 26 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Kho này xây dựng từ lâu, có dấu hiệu xuống cấp, ẩm mốc, do đó năm 2012, toàn bộ kho tài liệu tại Lý Thường Kiệt được chuyển đến trụ sở mới tại số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Mặc dù trụ sở mới rộng rãi, khang trang, điều kiện bảo quản tài liệu tốt hơn nhiều so với trước đây nhưng với tuổi thọ lên đến hàng trăm năm, nhiều sách Trung Quốc cổ (khoảng 50%) hiện đang bị xuống cấp, mối mọt, rách nát; bìa sách bị giòn vỡ, long ra khỏi phần nội dung của sách; chỉ khâu gáy sách bị mủn; giấy bị axit hóa, ố vàng, rách nát, mất trang. Hiện nay, sách Trung Quốc cổ đang được lưu trữ cùng với các tài liệu OCTO, QTO, sách Nhật Bản cổ, sách Hán Nôm tại kho 703 (tầng 7), Tòa nhà số 1B Liễu Giai. Điều kiện bảo quản về nhiệt độ ở kho 703 chưa được ổn định do hệ thống điều hòa không được chạy liên tục ngày và đêm, hệ thống máy hút ẩm hiện tại bị hỏng nên ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng tài liệu.

Đối với việc bảo quản sách Trung Quốc cổ của Thư viện Khoa học xã hội hiện nay, vấn đề lớn nhất chính là giấy và vết bẩn. Giấy của sách Trung Quốc cổ thường bị ố vàng và giòn do bị axit hóa; vết bẩn có thể chia thành vết mốc, vết dầu, dấu vân tay, vết mối mọt, côn trùng phá hoại, vết bột DDT (hóa chất diệt côn trùng được

¹ Hồ Sĩ Quý, Vương Toàn (Chủ biên, 2011), *Thư viện Khoa học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 115.

dùng cho bảo quản sách trong giai đoạn trước),... Vết bẩn ảnh hưởng đến hình thức nguyên bản của sách cổ, đồng thời chúng chịu mức độ ảnh hưởng khuếch tán khác nhau của môi trường nhiệt độ và độ ẩm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo tồn sách. Theo thống kê, nếu giá trị pH của giấy cao hơn 6.2 (pH 7 là trung tính, giá trị này càng nhỏ, tính axit càng cao) thì giấy sẽ hỏng từ từ, còn thấp hơn 6.2 sẽ hỏng rất nhanh. Tài liệu sẽ xuống cấp nhanh chóng nếu nó thấp hơn 5.0. Hậu quả là giấy trở nên vàng vụn.

Trong các đợt kiểm kê tài liệu, toàn bộ Kho tài liệu Trung Quốc cổ đã được làm vệ sinh từng trang tài liệu, kiểm kê; tổ chức sắp xếp lại, môi trường kho được cải thiện một phần. Tài liệu được đặc biệt chú ý trong việc vệ sinh bột DDT. Tuy nhiên, hiện nay một số cuốn sách vẫn còn sót lại bột DDT, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của tài liệu cũng sức khỏe của cán bộ làm công tác bảo quản. Năm 2012, tài liệu kho Trung Quốc cổ đã được thực hiện số hóa 3 trang, tạo điều kiện cho độc giả dễ dàng tiếp cận với tài liệu hơn. Đến năm 2018-2019, Viện Thông tin Khoa học xã hội đã mời một số chuyên gia chữ Hán cổ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Nghiên cứu Trung Quốc (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội) phối hợp với cán bộ Viện Thông tin Khoa học xã hội bước đầu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu thư mục về Kho tài liệu Trung Quốc cổ. Từ năm 2022 đến nay, phòng Bảo quản - Viện Thông tin Khoa học xã hội đã thực hiện bồi vá những trang tài liệu giòn vỡ, rách nát, bị côn trùng phá hoại bằng phương pháp thủ công. Tuy nhiên, do kinh phí và nhân lực có hạn nên công tác này mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ yêu cầu mà công tác bảo quản kho Trung Quốc cổ cần thực hiện.

2.2. Quy trình phục chế Kho tài liệu Trung Quốc cổ

Việc phục chế Kho tài liệu Trung Quốc cổ là hết sức cần thiết hiện nay và cần được thực hiện theo quy trình sau:

(1) Kiểm tra và lựa chọn tài liệu cần phục chế

Tài liệu lựa chọn để phục chế là những tài liệu có giá trị thông tin cao và tình trạng vật lý đã bị hư hỏng hoặc có nguy cơ hư hỏng.

(2) Giao nhận tài liệu giữa cán bộ quản lý kho và cán bộ thực hiện tu bổ

Tài liệu đưa đi phục chế cần được giao nhận theo phiếu yêu cầu phục chế tài liệu đã được duyệt; lập và dán nhãn thông tin về địa chỉ tài liệu trên góc phải của tài

liệu hoặc ghi thông tin bằng bút chì ở mặt sau tài liệu; có sổ giao nhận giữa cán bộ quản lý kho và cán bộ thực hiện tu bổ.

(3) Kiểm tra xác định thực trạng ban đầu của tài liệu và quyết định biện pháp tu bổ

Việc kiểm tra xác định thực trạng của tài liệu bao gồm: Đo kích thước của tài liệu (đơn vị tính cm), xác định vật mang tin, chất liệu ghi tin, phương pháp ghi tin, độ pH, độ hòa tan của mực và chất màu, nấm mốc, tình trạng hư hỏng của tài liệu.

(4) Làm ẩm và làm phẳng tài liệu

Đối với việc làm ẩm tài liệu, có thể áp dụng hai phương pháp sau:

- Đưa tài liệu vào phòng kín và tăng độ ẩm lên 100% trong 8 giờ.
- Làm ẩm bằng hồ tinh bột.

Đối với việc là phẳng tài liệu, có thể sử dụng bàn là chuyên dụng và tuân thủ theo các quy định khi làm phẳng tài liệu.

(5) Tẩy các vết ố bẩn trên tài liệu

Để tẩy các vết ố bẩn trên tài liệu cần sử dụng các cách tẩy tùy theo các vết ố bẩn như tẩy bằng bột cao su, cồn 96% hoặc dung dịch thuốc tím.

(6) Khử nấm mốc

Có thể áp dụng các phương pháp khử nấm mốc sau:

- Khử nấm mốc bằng formanlin (formaldehyt + methanol).
- Khử nấm mốc bằng formaldehyt.

(7) Khử axit

Để khử axit cho tài liệu, có thể áp dụng hai phương pháp sau:

- Khử axit khử khô: Dụng cụ và hóa chất cần dùng như dung dịch Magnesium Oxide (MgO), Máy kiểm tra độ pH, Giá đỡ tài liệu, Lưới nylon, Giá phơi tài liệu, Bình phun hóa chất, Găng tay, Khẩu trang.

- Khử axit khử ướt: áp dụng cho những tài liệu có độ pH < 5, mực không tan trong nước. Dụng cụ và hóa chất cần dùng như bình đong hóa chất, cân phân tích, thiết bị kiểm tra độ pH, bồn /khay khử, bồn rửa, lưới đỡ tài liệu, giá phơi.

Cần phải cân nhắc việc khử axit cho Kho tài liệu Trung Quốc cổ. Với những tài liệu được làm từ chất liệu giấy dó hoặc giấy có cấu trúc tương tự, không bị nhiễm axit hoặc nhiễm axit ít thì không cần phải khử axit.

(8) Vệ sinh tài liệu

Để vệ sinh tài liệu, cán bộ bảo quản cần dùng bàn chải mềm quét, chải hoặc dùng vải mềm thấm dung dịch nước cất pha 2% formaldehyt lau sạch cả hai mặt của tờ tài liệu.

(9) Tu bổ tài liệu

- Phương pháp vá, dán, viền biên tài liệu: áp dụng cho tài liệu nhăn, quần, rách mép, rách do côn trùng xâm hại. Sử dụng các nguyên liệu và dụng cụ như panh gấp, bút lông nước, thước kẻ, chổi quét hồ, chổi làm phẳng, giấy chống dính, bát đựng hồ, hồ CMC, giấy dó Nhật.

- Phương pháp tôn nền tài liệu: áp dụng cho những tài liệu mủn nát và có hiện tượng mủn. Sử dụng các nguyên liệu và dụng cụ như chổi quét hồ, chổi làm phẳng, giấy chống dính, bình phun làm ẩm, bát đựng hồ, hồ CMC, giấy dó Nhật mỏng.

(10) Kiểm tra nghiệm thu

Sau khi thực hiện phương pháp tu bổ tài liệu, cần kiểm tra nghiệm thu số lượng, chất lượng tài liệu trên cơ sở phiếu theo dõi phục chế và thực tế tài liệu.

(11) Số hóa tài liệu

Tài liệu nên được tiến hành số hóa sau khi đã được thực hiện các bước bảo quản phục chế như trên để đảm bảo chất lượng hình ảnh số.

Cần lựa chọn máy móc, trang thiết bị số hóa, quy định phương pháp số hóa tài liệu phù hợp.

(12) Bàn giao, vận chuyển và sắp xếp tài liệu vào kho

Bàn giao, vận chuyển và sắp xếp tài liệu đã được phục chế về đúng vị trí trong kho lưu giữ.

3. Một số kiến nghị

Kho Trung Quốc cổ là kho tài liệu đặc biệt quan trọng của Thư viện Khoa học xã hội. Để độc giả có thể tiếp cận được kho tài liệu này, trước hết Viện Thông tin Khoa học xã hội cần thực hiện những công việc sau:

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu Kho tài liệu Trung Quốc cổ để bạn đọc có thể dễ dàng tra cứu, nắm bắt được nội dung tài liệu.

- Số hóa toàn văn tài liệu kho Trung Quốc cổ.

- Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu giá trị kho tài liệu Trung Quốc cổ tới đông đảo các nhà nghiên cứu, các tổ chức khoa học nhằm phát huy giá trị các kho tài liệu.

- Đi sâu tìm hiểu về công tác bảo quản tài liệu cổ ở Việt Nam và trên thế giới, từ đó đề xuất các phương pháp bảo quản phù hợp với kho tài liệu này.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các tổ chức, đơn vị trong lĩnh vực bảo quản tài liệu để nâng cao hiệu quả công tác bảo quản các kho tài liệu cổ. Cử cán bộ làm công tác bảo quản tham gia các lớp tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

- Thành lập bộ phận tu bổ, phục chế tài liệu tại Viện Thông tin Khoa học xã hội. Ưu tiên đầu tư kinh phí cho công tác bảo quản kho tài liệu cổ: Tu bổ, bồi vá, đóng bìa những tài liệu rách, nát, gãy, giòn; bổ sung hộp đựng tài liệu; Thiết kế lại không gian bảo quản phù hợp với tiêu chuẩn: chạy điều hòa 24/24 giờ cho kho tài liệu, lắp đặt hệ thống lọc bụi toàn kho; Đầu tư trang thiết bị bảo quản như máy hút bụi có bộ lọc HEPA, khẩu trang có bộ lọc HEPA, máy khử axit cho tài liệu...

- Thực hiện phòng, chống côn trùng, mối mọt, chuột bọ và các động vật khác gây nguy hại cho tài nguyên thông tin. Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thúy Bình, Nguyễn Thị Thúy Nga (2019), *Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ dành cho hệ thống thư viện thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Kỹ năng tổ chức kho và bảo quản tài liệu*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Nguyễn Tiến Hiền, Kiều Văn Hót (2011), *Tổ chức và bảo quản tài liệu*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
4. Hồ Sĩ Quý, Vương Toàn (Chủ biên, 2011), *Thư viện Khoa học xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Lê Văn Viết (2001), *Cẩm nang nghề thư viện*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
6. <https://luutruvn.com/index.php/2016/08/31/su-can-thiet-cua-cong-tac-bao-quan-trong-mot-the-gioi-so/>
7. <https://luutruvn.com/index.php/2016/05/15/lua-chon-vat-lieu-bao-quan-sach-va-do-tao-tac-tren-giay-co-chat-luong-phu-hop/>
8. <https://zhuanlan.zhihu.com/p/433652667#:~:text=1%E3%80%81%E9%80%89%E6%8B%A9%E5%B0%81%E9%97%AD%E6%80%A7%E8%BE%83,50%25%2D60%25%E4%B9%8B%E9%97%B4%E3%80%82>